



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2 0 1 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



PHÁT TRIỂN TỪ NỘI LỰC

MỤC LỤC



06 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

28 MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- 30 Kinh tế Việt Nam 2016
- 38 Triển vọng kinh tế 2017



01.

12 TỔNG QUAN

- 14 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 15 Thông tin doanh nghiệp
- 16 Lịch sử phát triển
- 20 Ngành nghề kinh doanh
- 22 Giải thưởng tiêu biểu 2016
- 24 Cơ cấu Công ty & Nhân sự chủ chốt



03.

44 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2016

- 46 Đánh giá chung của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động
- 54 Lĩnh vực kinh doanh
- 82 Yếu tố thúc đẩy thành công



04.

110 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2017

- 112 Định hướng chiến lược
- 116 Kế hoạch hành động năm 2017



06.

218 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 220 Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản trị về Phát triển Bền vững
- 224 Định hướng Phát triển Bền vững
- 230 Tổng quan về Báo cáo
- 234 Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu Phát triển Bền vững
- 242 Xác định lĩnh vực trọng yếu
- 247 Hoạt động Phát triển Bền vững năm 2016
- 282 Tham chiếu chỉ số GRI



05.

130 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 132 Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị
- 146 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát
- 152 Thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát
- 156 Hoạt động Quản trị Rủi ro
- 182 Thông tin cổ phiếu và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư
- 188 Phân tích Quản trị Công ty dựa trên Thẻ điểm quản trị khu vực ASEAN



07.

288 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 296 Báo cáo tài chính hợp nhất
- 390 Nhận xét của Kiểm toán nội bộ



392 THÔNG TIN KHÁC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông,

Chúng ta vừa xuất sắc về đích năm tài chính 2016 vượt mức các chỉ tiêu được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công ty thông qua. Trong bối cảnh tình hình thế giới có những biến động khó lường, hậu quả của những bất ổn chính trị ở Ukraina, Syria đẩy quan hệ Nga và phương Tây do Mỹ đứng đầu vào tình trạng căng thẳng, cấm vận trừng phạt lẫn nhau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế của cả Châu Âu nói chung và Nga nói riêng. Trung Quốc với tham vọng Biển Đông đã gây bất ổn và chia rẽ trong khu vực, sự đoàn kết nhất trí trong cộng đồng ASEAN bị ảnh hưởng do mỗi quốc gia thành viên ngoài mục tiêu chung của cả khối đều có những mục tiêu kinh tế chính trị riêng trong quan hệ với Trung Quốc. Theo nhận định của các chuyên gia, nền kinh tế của Trung Quốc cũng luôn đặt trong tình trạng báo động có thể xảy ra khủng hoảng, đó là hậu quả của việc phát triển nóng thiếu bền vững trong một thời gian dài. Hiện tượng Brexit và việc Donald Trump trúng cử Tổng thống Mỹ trái ngược hoàn toàn với những dự đoán trước đó của hầu hết giới cầm quyền các nước trên thế giới đã làm thay đổi chiến lược phát triển theo hướng hội nhập của các quốc gia.

Kinh tế Việt Nam không đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,7% mà Quốc Hội đặt ra một mặt do Ngành Nông nghiệp tăng trưởng thấp, Ngành Công nghiệp khai khoáng không đạt kỳ vọng do giá dầu và giá khoáng sản giảm, mặt khác do hậu quả việc đầu tư kém hiệu quả từ nhiệm kỳ trước để lại, lạm phát 4,74%, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt trên 176,63 tỷ USD, tăng 9%, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 174,11 tỷ USD, tăng 5,2% so với năm ngoái. FDI giải ngân 15,8 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ.

Thị trường chứng khoán (TTCK) đóng cửa phiên cuối cùng của năm với 664,87 điểm, tăng 15% so với đầu năm 2016. Đây là một kết quả tích cực so với hiện trạng nền kinh tế. Tuy nhiên sự tăng trưởng của VNIndex không tương ứng với kết quả kinh doanh của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán, mà một phần do ảnh hưởng tăng giá cổ phiếu của một số công ty có vốn hoá lớn nhưng không đi kèm với tăng trưởng kết quả kinh doanh, làm tăng P/E chung của thị trường, bóp méo các chỉ số, gây ít nhiều khó khăn cho các quỹ chỉ số và làm giảm lòng tin với thị trường.

Trong tình hình chung khó khăn như vậy, tiếp tục mục tiêu phát triển bền vững, lấy hiệu quả là nguyên tắc trong kinh doanh, lấy sự minh bạch và an toàn, “Chúng ta cùng thành công” làm phương châm hành động, chúng ta đã đạt được vượt mức kế hoạch đề ra. Dịch vụ Chứng khoán tiếp tục giữ vị trí số 1, thị phần đạt 13,69% tại HOSE và 11,03% tại HNX, tiếp tục gia tăng cách biệt với công ty đứng sau so với năm trước. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư lấy lại vị trí dẫn đầu bằng hàng loạt các thương vụ thành công, với trị giá hàng trăm triệu USD, như tư vấn chào bán 78,38 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE), tư vấn bán cổ phần Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE); tư vấn chào bán riêng lẻ theo hình thức dựng sổ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL – HOSE) - là địa chỉ tin cậy của khách hàng trong và ngoài nước. Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM) đã tăng tổng tài sản quản lý quỹ và danh mục lên 350 triệu USD, là Công ty Việt Nam duy nhất huy động thành công Quỹ ở thị trường nước ngoài, mở ra một hướng đi mới hiệu quả trong việc huy động vốn cho nền kinh tế.



Bộ phận Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tổng tài sản của SSI đạt 13.228 tỷ VNĐ, trong đó 7.152,5 tỷ VNĐ vốn chủ sở hữu, quản lý an toàn và hiệu quả nguồn vốn của Công ty và tiền của nhà đầu tư. Việc phát hành thành công trái phiếu công ty với lãi suất tương đương với lãi suất của các ngân hàng thương mại huy động trong cùng thời kỳ đã khẳng định định mức tín nhiệm cao của Công ty trên thị trường tài chính. Để các Bộ phận Kinh doanh có thể yên tâm đạt thành tích như vậy phải kể đến sự đóng góp của các Bộ phận Hỗ trợ. Bộ phận Nhân sự đã tham gia tuyển chọn, đào tạo, và đề xuất Công ty ban hành chính sách đảm bảo quyền lợi cho trên 700 cán bộ nhân viên, đảm bảo môi trường làm việc hấp dẫn, cạnh tranh lành mạnh để tiếp tục thu hút nhân tài tham gia đội ngũ. Bộ phận Công nghệ Thông tin một mặt dành nhiều nỗ lực để đảm bảo yêu cầu vận hành cho các hoạt động kinh doanh, mặt khác đưa vào sử dụng các giải pháp mới giúp Công ty đối mặt với những thách thức mới trên thị trường. Bộ phận Truyền thông đã làm tốt cầu nối Công ty với giới truyền thông cũng như với nhà đầu tư để mọi hoạt động của Công ty được phản ánh trung thực với công chúng. Trong năm 2016, SSI đã nhận được nhiều các giải thưởng từ các tổ chức uy tín như “Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam” do Asiamoney trao tặng, “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam” do FinanceAsia trao tặng, Bằng khen của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính v.v...

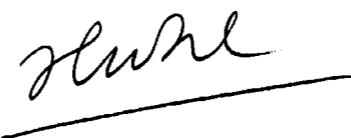
Năm 2017, sẽ một năm đầy khó khăn thách thức với kinh tế trong nước, Chính phủ đòi hỏi phải cải tổ toàn diện không chỉ để đối mặt với những khó khăn hiện hữu như tình hình nợ công, hiệu quả đầu tư, lạm phát, bội chi ngân sách, giải quyết nợ xấu ngân hàng, tỷ giá v.v... mà còn phải thích nghi với tình hình thế giới, chủ trương toàn cầu hoá gặp khó khăn do các Quốc gia dẫn đầu đang có xu hướng mang các doanh nghiệp của họ đầu tư về trong nước thông qua các chính sách ưu đãi nội địa. Chúng ta tin tưởng cam kết của Thủ tướng về một chính phủ kiến tạo, chúng ta nhìn thấy khả năng phát triển dựa vào nội lực khi nhà nước tập trung vào làm chính sách để phân bổ nguồn lực, các thành phần kinh tế sẽ đóng vai trò huy động nguồn lực để phát triển như trong đề án phát triển kinh tế 5 năm mà chính phủ vừa trình Quốc hội. Chúng ta hy vọng những gì Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán phát biểu gần đây về việc triển khai kiểm soát TTCK để thị trường minh bạch và lấy lại niềm tin cho nhà đầu tư sẽ được triển khai kiên quyết mạnh mẽ.

Khi ấy chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức năm 2017, làm tiền đề phát triển bền vững cho những năm tiếp theo. Với SSI, năm 2017 sẽ lại là một năm đi tìm thành công trong gian khó của nền kinh tế, nhưng sẽ là một năm có nhiều cơ hội để khẳng định vị trí tiên phong của một định chế tài chính hàng đầu. SSI sẽ tiếp tục đồng hành với các Doanh nghiệp phát triển bền vững, tìm kiếm các nguồn vốn trong và ngoài nước để dẫn vốn đến các Doanh nghiệp. Chúng tôi luôn thấu hiểu rằng chỉ khi số lượng các Doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả và phát triển bền vững tăng lên thì Nhà đầu tư mới có nhiều lựa chọn an toàn, nội lực của nền kinh tế sẽ mạnh hơn và TTCK mới có thể phát triển mạnh mẽ và mới thực sự là kênh huy động vốn quan trọng nhất cho nền kinh tế.

Xin cảm ơn các Quý Cổ đông luôn đồng hành với cá nhân tôi và Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) trong suốt thời gian qua, mọi đề xuất của HĐQT đều được quý vị ủng hộ và phê chuẩn. Xin cảm ơn các Thành viên HĐQT đã cùng tìm ra các giải pháp để thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, cảm ơn Ban Điều hành và Giám đốc các Bộ phận đã tổ chức triển khai hoàn thành kế hoạch, cảm ơn tất cả Cán bộ Nhân viên trong Công ty, các bạn là những tế bào năng động của cơ thể sống SSI hôm nay. Chúng tôi mang ơn Khách hàng đã sử dụng dịch vụ của SSI, chúng tôi luôn tâm niệm rằng phải làm tốt nhất để Khách hàng - ân nhân của chúng tôi được hài lòng.

Xin kính chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2017



**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Nguyễn Duy Hưng**



NHỮNG CON SỐ TIÊU BIỂU 2016

TỔNG SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG

100.845



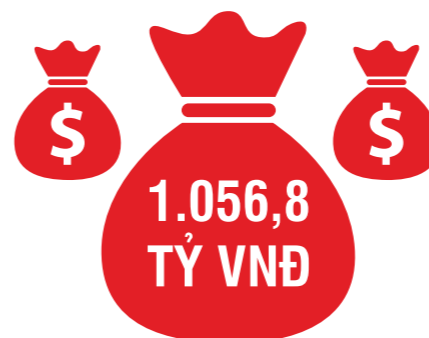
TĂNG TRƯỞNG

25%*

DOANH THU **28%***

2.312 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ



VƯỢT **11,24%**
KẾ HOẠCH NĂM



CÁC GIẢI THƯỞNG
TIÊU BIỂU 2016

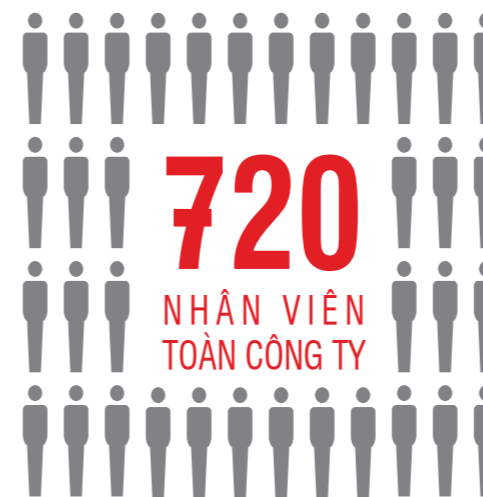


TĂNG XẤP XỈ
9%*

13.228

TỶ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN



720

NHÂN VIÊN
TOÀN CÔNG TY

10

ĐIỂM CHI NHÁNH
PHÒNG GIAO DỊCH



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG
10 CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH
TRẢI ĐỀU TẠI CÁC THÀNH PHỐ LỚN TRÊN CẢ NƯỚC

* so với với năm 2015



01.

TỔNG QUAN

Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
Thông tin doanh nghiệp
Lịch sử phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Giải thưởng tiêu biểu
Cơ cấu Công ty & Nhân sự chủ chốt

TÂM NHÌN

Chúng ta cùng thành công

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”.

Điều cốt lõi ở các sản phẩm và dịch vụ của SSI là nỗ lực đem lại thành công cho khách hàng, cộng sự và các đối tác. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng.

SỨ MỆNH

Kết nối vốn và cơ hội đầu tư

SSI được thành lập với mục đích gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính.

Sứ mệnh này luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sẵn sàng giải pháp

Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Sâu sát chuyên môn

Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kỹ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kỳ vọng ở SSI.

In dấu sáng tạo

Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tự do sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI – HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999, là Công ty tư nhân đầu tiên, duy nhất và nhỏ nhất trên thị trường lúc đó. Sau 16 năm vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty đã phát triển trở thành một định chế tài chính lớn nhất trên thị trường, có tốc độ phát triển nhanh nhất với mức vốn điều lệ tăng hơn 800 lần. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang, Vũng Tàu.

Tên doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Tên tiếng Anh

Saigon Securities Inc. (SSI)

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày thành lập

30/12/1999

Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2016)

4.900.636.840.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2016)

7.152.567.156.682 VNĐ

Trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Website

<http://www.ssi.com.vn/>

Điện thoại

+84 8 38242897

Fax

+84 8 38242997

Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2016)

720 nhân viên trong đó có 391 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1 **1999** **30/12/1999** SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ

2 **2001** **02/2001** SSI tăng vốn điều lệ lên 9.000.000.000 VNĐ

07/2001 SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán

3 **2002** **07/2002** Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc

4 **2004** **04/2004** SSI tăng vốn điều lệ lên 23.000.000.000 VNĐ

5 **2005** **02/2005** SSI tăng vốn điều lệ lên 26.000.000.000 VNĐ, và mở rộng hoạt động với 5 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán và Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán

06/2005 SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ, trong đó nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành Chứng khoán là nghiệp vụ được bổ sung

6 **2006** **02/2006** SSI tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 VNĐ

05/2006 SSI tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VNĐ

09/2006 SSI tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 VNĐ

11/2006 Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường

12/2006 Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

7 **2007** **07/2007** ANZ trở thành cổ đông chiến lược của SSI

SSI tăng vốn điều lệ lên 799.999.170.000 VNĐ

08/2007 Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập

10/2007 SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)

11/2007 Thành lập Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên nội địa với quy mô 1.700.000.000.000 VNĐ - quỹ đầu tư nội địa có quy mô lớn nhất và thuộc top 10 quỹ đầu tư có giá trị lớn nhất trên thị trường

8 **2008** **03/2008** SSI tăng vốn điều lệ lên 1.199.998.710.000 VNĐ

04/2008 SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ

06/2008 Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI

9 **2009** **01/2009** SSI tăng vốn điều lệ lên 1.533.334.710.000 VNĐ

07/2009 SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài

09/2009 SSI chính thức thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu với Tâm nhìn mới - Diện mạo mới

11/2009 Hội thảo “Gateway to Vietnam” lần đầu do SSI và Euromoney đồng tổ chức gây tiếng vang lớn thu hút hàng trăm nhà đầu tư trong nước và quốc tế tham dự, đã giới thiệu một cách thuyết phục các cơ hội đầu tư tiềm năng tại Việt Nam

SSIAM và Daiwa SMBC Capital ký thỏa thuận thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư DSCAP-SSIAM Vietnam Growth Investment Fund LLC – quỹ duy nhất tại Việt Nam có giấy phép đầu tư tại nước ngoài đến thời điểm này

10 **2010** **03/2010** SSI tăng vốn điều lệ lên 1.755.558.710.000 VNĐ

05/2010 SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ

11/2010 Hội thảo “Gateway to Vietnam” lần thứ 2 được tổ chức, thu hút sự tham gia của hơn 600 nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế, mang đến cái nhìn tổng thể về tiềm năng của Thị trường Việt Nam và Khối Doanh nghiệp Tư nhân



2011

05/2011 Cùng với Credit Suisse, SSI đã tư vấn phát hành thành công trái phiếu quốc tế lãi suất cao đầu tiên trên thị trường của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG) với tổng giá trị huy động là 90 triệu USD. Đây là lần đầu tiên một doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tham gia huy động thành công vốn trên thị trường vốn quốc tế



2012

01/2012 SSI tăng vốn điều lệ lên 3.526.117.420.000 VNĐ

11/2012 Quỹ Tâm Nhìn SSI (SSIVF) hết thời hạn hoạt động sau 5 năm. SSIVF đã hoàn lại hơn 90% tiền mặt cho các nhà đầu tư (bao gồm cả cổ tức đã trả) chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán



2013

03/2013 SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ



2014

09/2014 ANZ thoái vốn và không còn là cổ đông chiến lược của SSI

Tổ chức thành công hội thảo đầu tư Gateway to Vietnam - Tìm kiếm cơ hội đầu tư mới tại Việt Nam với sự tham dự của 400 Quỹ đầu tư trong và ngoài nước, 30 công ty và 18 diễn giả. Hội thảo đã giới thiệu đến nhà đầu tư những xu thế mới về đầu tư như Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Quỹ hoán đổi danh mục, v.v...

12/2014 Quỹ ETF SSIAM-HNX30 chính thức được cấp phép và đi vào hoạt động. Đây là quỹ ETF nội địa đầu tiên mô phỏng chỉ số HNX30



2017

01/2017 SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ



2016

04/2016 Phòng giao dịch Trần Bình Trọng được đổi tên thành Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo, với địa điểm mới tại Tầng 10, Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thành lập Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh, có địa điểm tại tầng 08, Tòa Nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

07/2016 Hệ thống giao dịch trực tuyến SSI gồm Web Trading, Mobile Trading, Pro Trading được nâng cấp cho phép đặt lệnh giao dịch ngược chiều phiên liên tục và cập nhật thêm tính năng mới: chuyển chứng khoán trực tuyến

08/2016 SSI phát hành riêng lẻ thành công 200 tỷ VNĐ trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo có tên SSIBOND012016



2015

02/2015 SSI tăng vốn điều lệ lên 3.561.117.420.000 VNĐ

03/2015 SSI ra mắt tính năng đặt lệnh sàn UPCOM trên cả 3 kênh Web Trading, Pro Trading và Mobile Trading hỗ trợ khách hàng đặt lệnh, tra cứu lệnh, xem lịch sử đặt lệnh và theo dõi thông tin UPCOM INDEX và các mã chứng khoán sàn UPCOM một cách thuận tiện, nhanh chóng

04/2015 SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 1/2015 với tổng giá trị 500.000.000.000 VNĐ và đợt 2 vào tháng 4/2015 với tổng giá trị là 300.000.000.000 VNĐ

05/2015 SSI tăng vốn điều lệ lên 4.273.327.990.000 VNĐ

09/2016 Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam DAIWA-SSIAM II kết thúc giai đoạn huy động vốn, quy mô vốn cam kết gần 40 triệu USD

11/2016 Quỹ mở SSIAM UCITS – Vietnam Value Income and Growth Fund (VVIGF) chính thức được đưa vào hoạt động. Quỹ mở VVIGF được đăng ký tại Luxembourg với vốn huy động từ các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức ở Châu Âu

12/2016 SSI ra mắt tính năng mới “Xác nhận lệnh trực tuyến” trên Web Trading, giúp khách hàng dễ dàng xác nhận các lệnh đặt của Môi giới, chủ động kiểm tra và quản lý các lệnh đặt trên tài khoản của mình mà không cần ký phiếu lệnh trực tiếp

07/2015 Huy động thành công Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam DAIWA – SSI AM II với quy mô hoạt động giai đoạn một là 32 triệu USD

09/2015 SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ

10/2015 Thanh toán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam DSCAP-SSIAM với tỷ lệ hoàn vốn nội bộ trước phí (IRR) 38%

12/2015 SSI tăng vốn điều lệ lên 4.800.636.840.000 VNĐ. Huy động thành công Quỹ Andbanc Investments SIF – Vietnam Value and Income Portfolio với quy mô 13,9 triệu USD tính đến tháng 12/2015



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết như Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Bán chứng chỉ quỹ mở; Bán chứng chỉ ETF; Bán chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp;

Sản phẩm Dịch vụ Tài chính: Giao dịch cho vay ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;

Sản phẩm Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, Mobile Trading, Smart Trading, Contact Center và SMS;

Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;

Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;

Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);

Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;

Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu;

Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc v.v... để đáp ứng các nhu cầu Công ty và Khách hàng.

Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;

Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;

Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU 2016



Huân chương Lao động Hạng Ba cho những thành tích xuất sắc trong xây dựng & phát triển TTCK giai đoạn 2000 – 2010

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Bằng khen của Chủ tịch Nước vì những đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội, giúp đỡ đồng bào nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng biên giới, vùng sâu, căn cứ cách mạng, kháng chiến

Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì những đóng góp cho lĩnh vực tài chính

Bằng khen của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính cho Công ty có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội

Liên tục giành nhiều giải thưởng tại các cuộc Bình chọn Asiamoney Brokers Poll năm 2013-2014-2015-2016. Cụ thể năm 2016, SSI đạt 28 giải thưởng chia làm 4 nhóm chính:

Giải thưởng cho SSI:

- “Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam”
- “Công ty Chứng khoán có sự tiên bộ vượt bậc tại Việt Nam trong 12 tháng qua”

Giải thưởng cho Bộ phận Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI:

- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và Nghiên cứu thị trường”
- “Công ty Chứng khoán có Bộ phận phân tích độc lập tốt nhất Việt Nam” năm 2016
- Nhiều hạng mục giải thưởng cho các chuyên gia phân tích các ngành khác nhau cho tập thể đội ngũ Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI (16/19 hạng mục)

Giải thưởng cho Bộ phận Phát triển Khách hàng Tổ chức SSI:

- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư và Gặp gỡ doanh nghiệp”
- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ Môi giới”
- “Công ty tốt nhất Việt Nam về tổ chức Hội thảo và/hoặc Sự kiện” năm 2016

Giải thưởng cho Bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức SSI:

- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Thực hiện Giao dịch”
- “Môi giới tốt nhất Việt Nam” 2016 cho ông Bành Chấn Oai - Phó phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức, đứng thứ hai là bà Ngô Thu Nga - Trưởng phòng cao cấp Môi giới Khách hàng Tổ chức và đứng thứ ba là ông Dương Quốc Thịnh - Phó phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức
- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Môi giới Giao dịch”

Giải thưởng tại cuộc bình chọn của Tạp chí Asia Asset Management

- “Nhà quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2016
- “Tổng Giám đốc của năm” cho bà Lê Lệ Hằng - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI trong 5 năm liên tiếp 2012 - 2013 - 2014 - 2015 - 2016
- “Giám đốc Đầu tư của năm” cho ông Nguyễn Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI trong 3 năm liên tiếp 2013 - 2014 - 2015

Giải thưởng do The Asset trao tặng

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012 - 2014 - 2015 - 2016

Giải thưởng “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam 2016” do Asian Investor trao tặng

Giải thưởng do FinanceAsia trao tặng

- “Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam” trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2011 - 2014 - 2015 - 2016
- “Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam” trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2012 - 2014 - 2015 - 2016
- “Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam” năm 2016

Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng

- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2014-2015-2016
- Top 40 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016

Giải thưởng Báo cáo Thường niên tốt nhất trong nhiều năm do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước & Bộ Tài chính trao tặng

Top 15 Công ty Chứng khoán tiêu biểu tại HNX

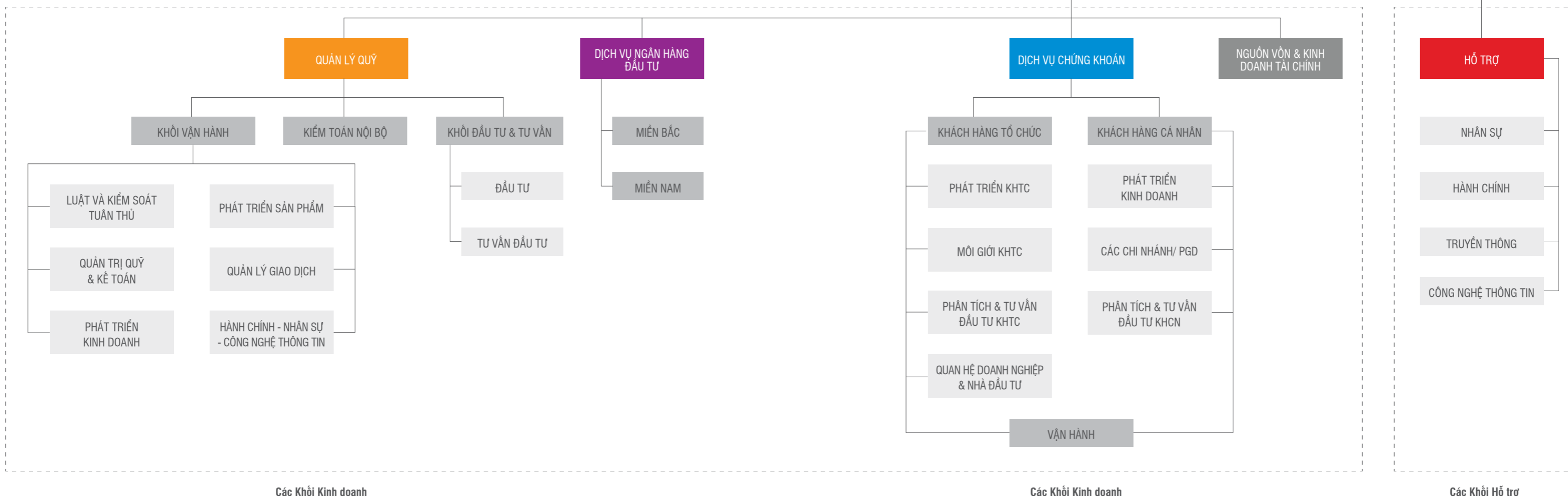
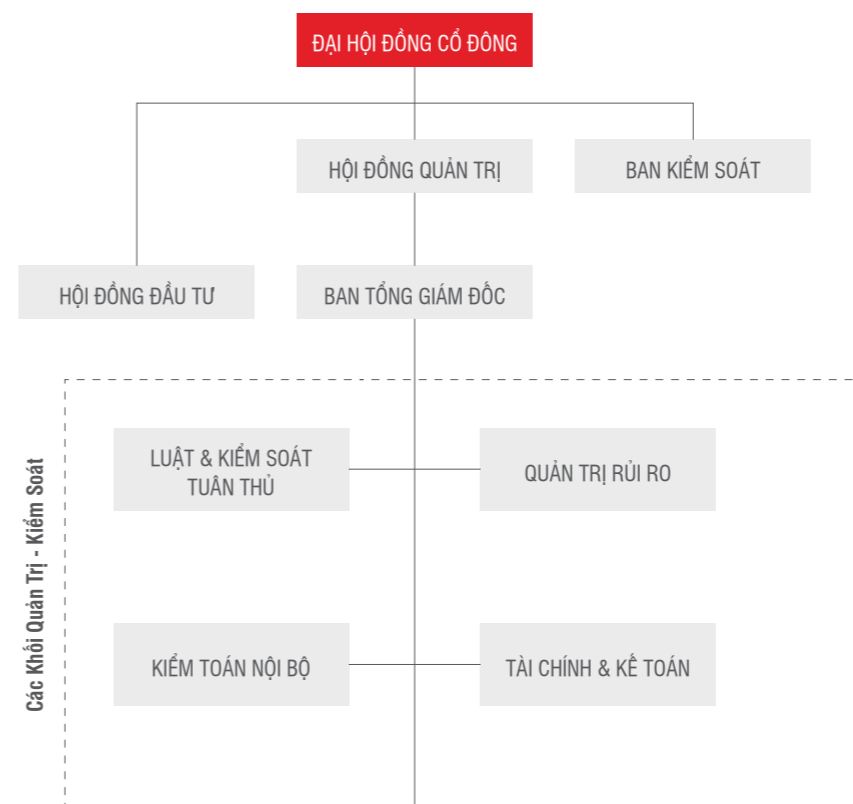
Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016 do VCCI trao tặng

Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) trong 7 năm liên tiếp

Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) cho năm 2015-2016

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 6 năm liên tiếp

CƠ CẤU CÔNG TY



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám Đốc

CÁC KHỐI QUẢN TRỊ - KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật & Kiểm soát Nội bộ



Ông Trần Dương Anh Việt
Giám đốc Kiểm toán Nội bộ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán trưởng



Ông Đặng Mạnh Cường
Giám đốc Quản trị Rủi ro

CÁC KHỐI KINH DOANH

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Lê Lệ Hằng
Tổng Giám Đốc



Bà Tô Thuý Linh
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Phan Dũng
Phó Tổng Giám Đốc

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Thị Hương Giang
Giám đốc Khu vực Phía Nam



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc Khu vực Phía Bắc

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



Ông Bùi Thế Tân
Giám Đốc Khối



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Phó Giám Đốc Khối phụ trách
Môi giới KHTC



Ông Nguyễn Duy Linh
Phó Giám Đốc Khối phụ trách
Môi giới KHCN

NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH



Bà Nguyễn Vũ Thuý Hương
Giám Đốc Khối

CÁC KHỐI HỖ TRỢ



Bà Đoàn Ngọc Ly Ly
Giám đốc Vận hành &
kiểm Giám đốc Nhân sự



Ông Yam Wai On (Steve Yam)
Giám Đốc hệ thống CNTT



Bà Lương Lan My
Giám Đốc Truyền thông



Ông Đào Quang Hưng
Trưởng phòng Hành chính



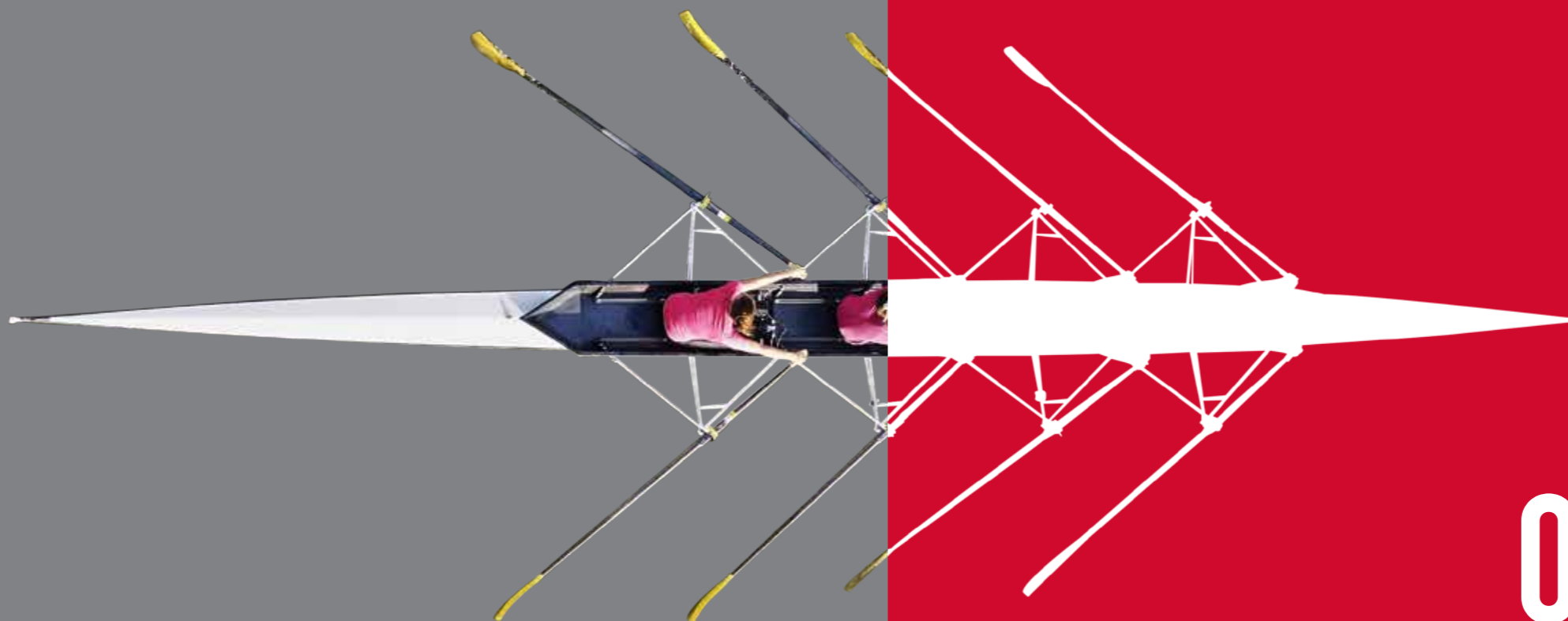
Bà Hoàng Việt Phương
Giám đốc Phân tích &
TVĐT KHTC



Bà Cao Thị Ngọc Quỳnh
Giám đốc Phát triển KHTC kiêm
Giám đốc Quan hệ Doanh nghiệp
& Nhà đầu tư



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám đốc Phân tích &
TVĐT KHCN



02.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Kinh tế Việt Nam 2016
Triển vọng kinh tế 2017

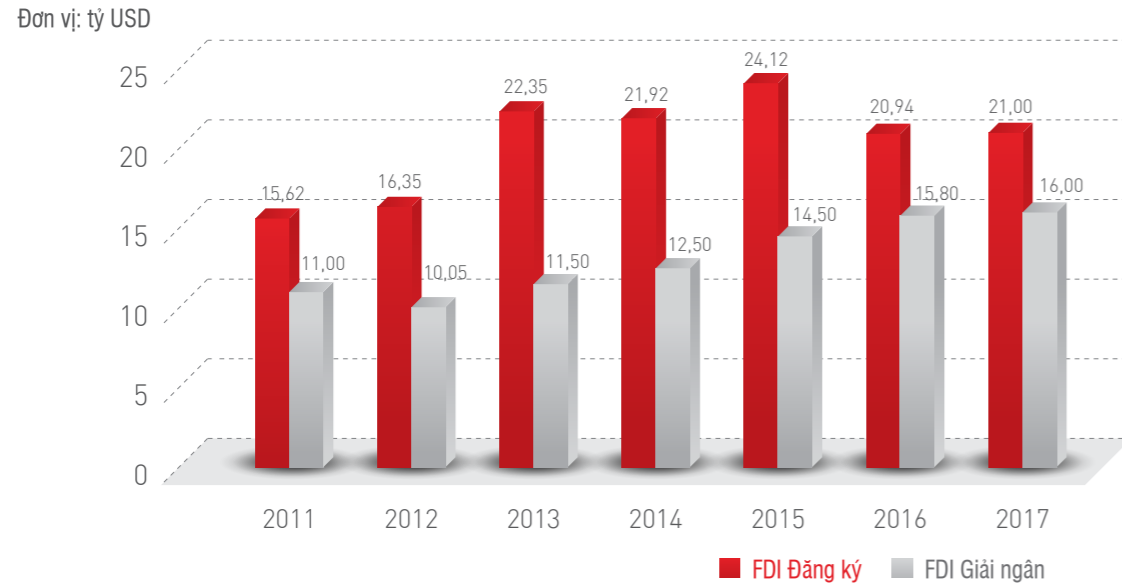


KINH TẾ VIỆT NAM 2016

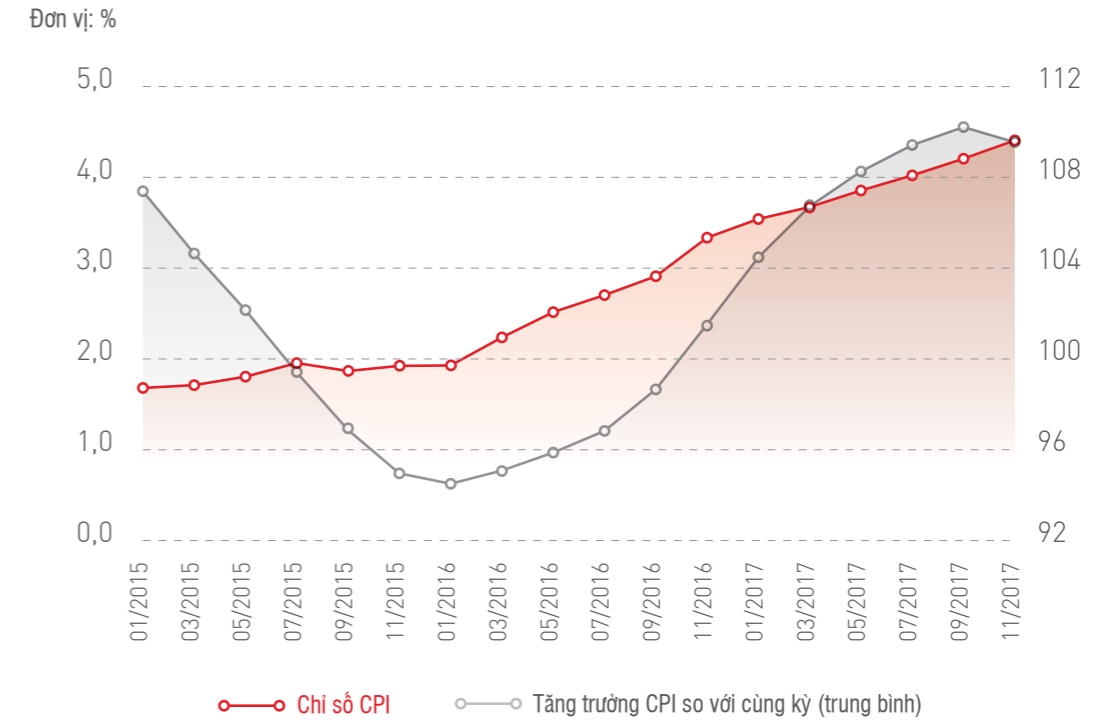
Kinh tế Việt Nam 2016 đã chứng kiến nhiều biến động trong năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm 2016-2020, sau khi Việt Nam chính thức có chính phủ mới trong năm 2016. Các tác động từ bên ngoài bao gồm việc Anh rời Liên minh châu Âu (Brexit), đồng Nhân dân tệ mất giá, Cục dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất hay những diễn biến bất ngờ từ cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ; cùng các yếu tố nội tại như hiện tượng El Nino, sự cố môi trường Formosa, hay việc Samsung phải tiến hành thu hồi Galaxy Note 7 đều có những ảnh hưởng tiêu cực dưới từng góc độ khác nhau. Đó là các nguyên nhân chính dẫn đến việc tăng trưởng chung của nền kinh tế chỉ đạt 6,21% so với cùng kỳ, thấp hơn mức kế hoạch đặt ra từ đầu năm (6,7%). Tuy nhiên, điểm sáng trong năm 2016 nằm ở việc Chính phủ mới đã nhanh chóng xây dựng được niềm tin, có những bước đi cụ thể và rõ ràng trong việc ổn định kinh tế vĩ mô và giúp tăng trưởng dần dần hồi phục trong nửa cuối năm 2016. Cụ thể, các biện pháp của Chính Phủ được đưa ra bao gồm:

- i. Ổn định và tiên tới giảm lãi suất (cả lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay) trong nửa cuối năm 2016 (đặc biệt từ quý 4/2016);
- ii. Đẩy mạnh quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, rút ngắn quá trình niêm yết và đẩy mạnh việc thoái vốn khỏi các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp lớn và làm ăn có lãi;
- iii. Thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ hơn để đưa Việt Nam tiến gần hơn với các nước trong nhóm ASEAN-4.

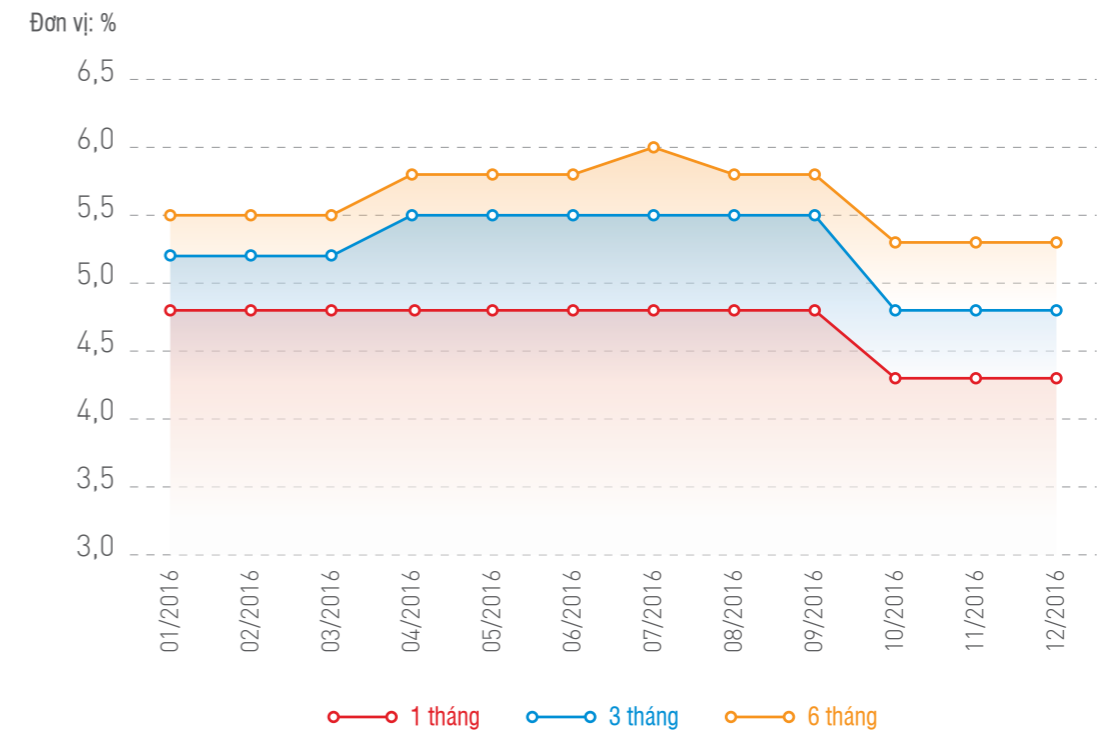
Nhìn chung trong năm 2016, **nhiều yếu tố tích cực đã diễn ra đúng như kỳ vọng**, bao gồm i) Ngành sản xuất chế tạo có mức tăng trưởng ấn tượng (11,9% so với cùng kỳ), ii) Giải ngân FDI cũng có mức tăng trưởng tốt, và iii) Lạm phát được kiểm soát tốt (chỉ tăng trung bình 2,66% so với cùng kỳ, trong đó lạm phát cơ bản vẫn giữ ở dưới 2%).



Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam 2011 - 2017
 Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI



Chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam 2015 - 2017
 Nguồn: Tổng cục thống kê, Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

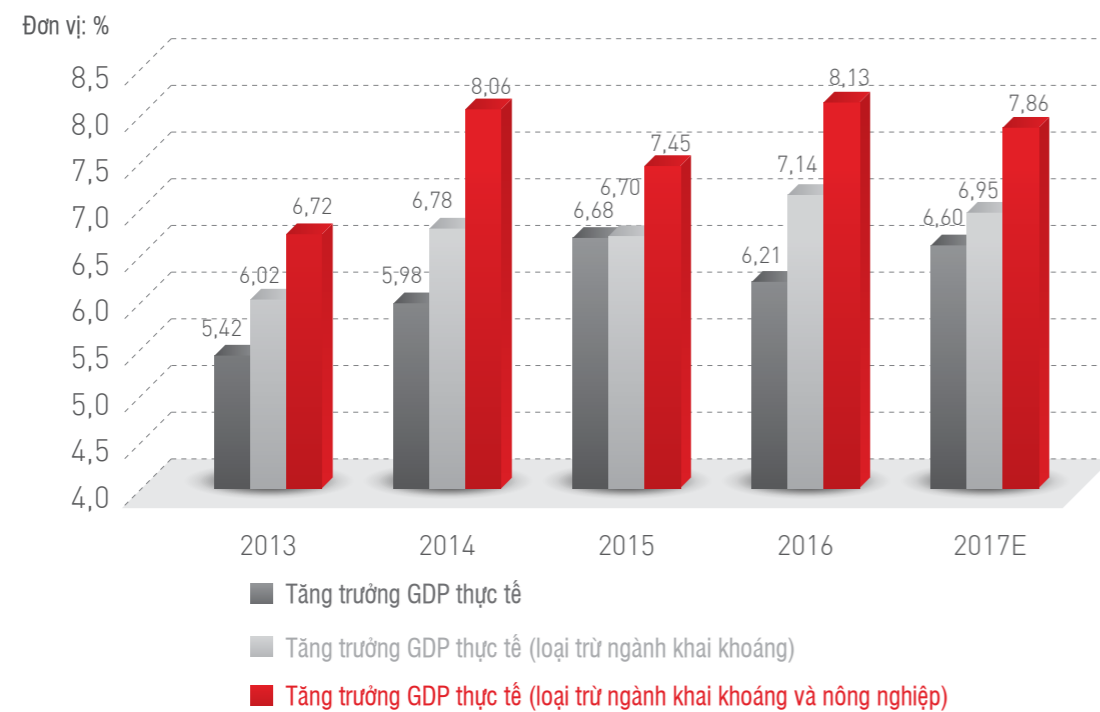


Lãi suất huy động năm 2016
 Nguồn: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Tuy nhiên vẫn còn **khá nhiều các yếu tố tiêu cực nằm ngoài dự đoán**. Đó là **sự suy giảm của ngành khai khoáng cũng như tốc độ phát triển chậm của ngành nông nghiệp** đã kéo mặt bằng tăng trưởng xuống khá thấp. Nếu loại trừ ngành khai khoáng, tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế đạt mức 7,14% và cao hơn nhiều so với mức 6,7% của năm 2015. Tuy nhiên, có thể thấy trong bối cảnh giá hàng hóa cơ bản giảm, việc suy giảm của ngành khai khoáng không phải là một vấn đề quá nặng nề.

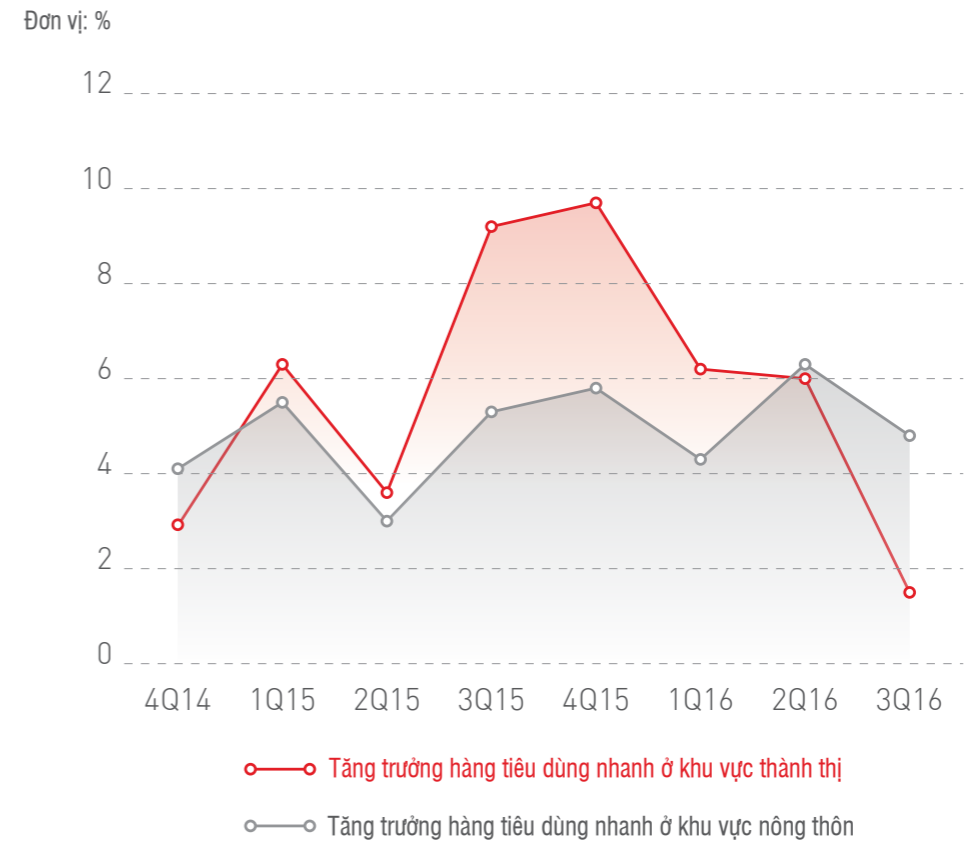
Tiếp theo, **tiêu dùng đã có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng**, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Tiêu dùng cuối cùng chỉ tăng 7,32% so với cùng kỳ (số liệu năm 2015 là 9,12%) và tổng mức bán lẻ hàng hóa cũng chỉ tăng 7,8% (số liệu năm 2015 là 8,5%) đã loại trừ yếu tố lạm phát.

Ngoài ra, hoạt động tái cấu trúc hệ thống ngân hàng còn chậm với kỳ vọng của giới đầu tư. Trên thực tế hầu hết các trọng tâm của quá trình tái cấu trúc đều không có tiến triển. Cụ thể là việc tăng vốn cho các ngân hàng, thực hiện Basel II, kế hoạch tái cấu trúc 5 năm 2016 - 2020, việc bán nợ của VAMC, xử lý các ngân hàng 0 đồng, tìm kiếm đối tác chiến lược cũng như tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tất cả đều không có diễn biến mới trong năm 2016. Đó có thể là nguyên nhân khiến nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng có mức tăng trưởng kém nhất trên TTCK trong năm 2016.



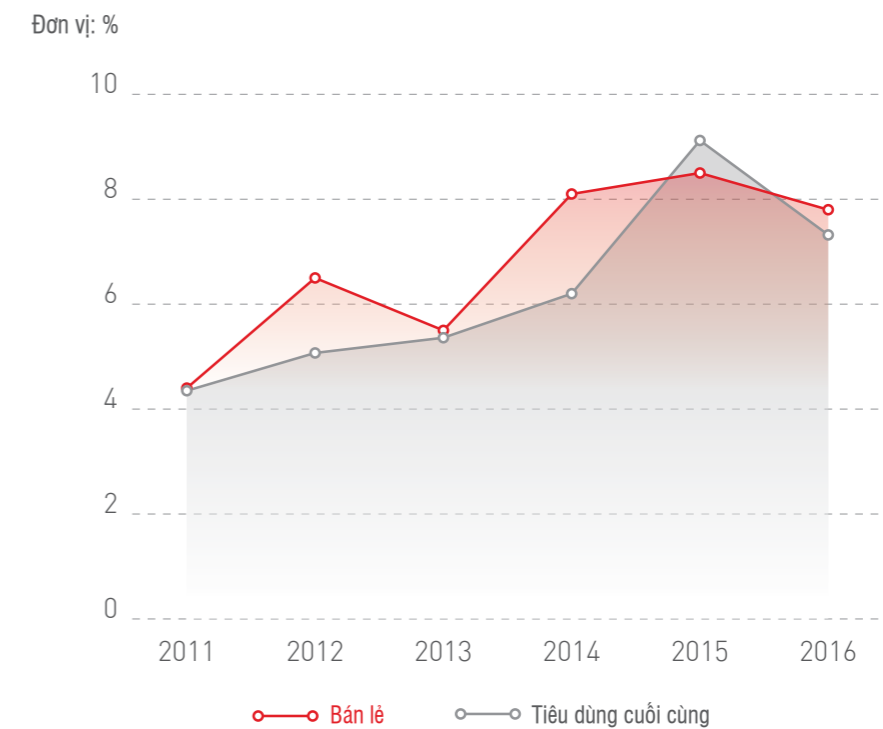
Tăng trưởng GDP

Nguồn: Tổng cục thống kê, Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI



Tăng trưởng hàng tiêu dùng nhanh

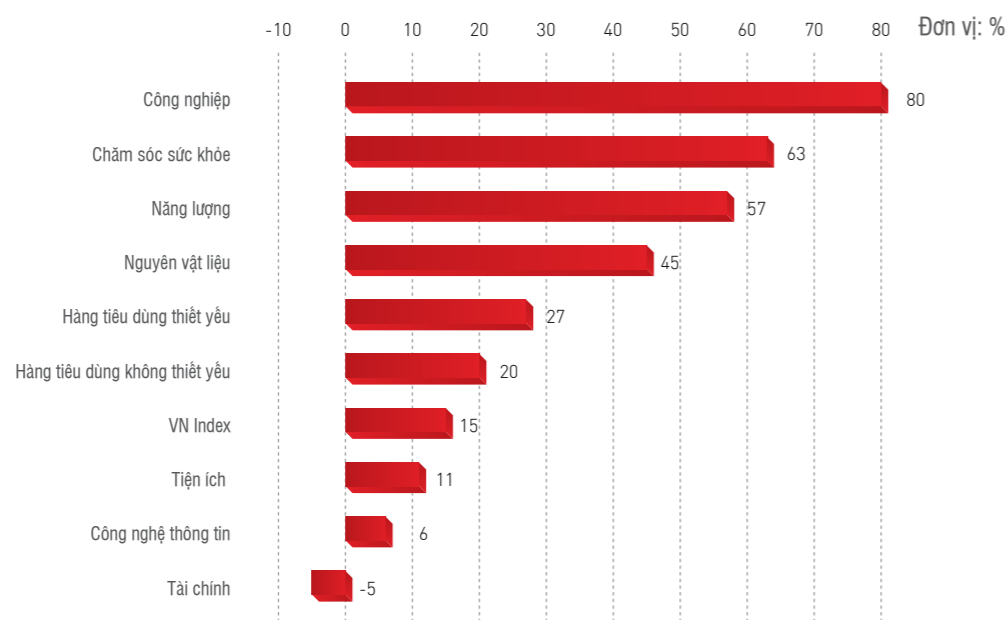
Nguồn: Tổng cục thống kê, Nielsen



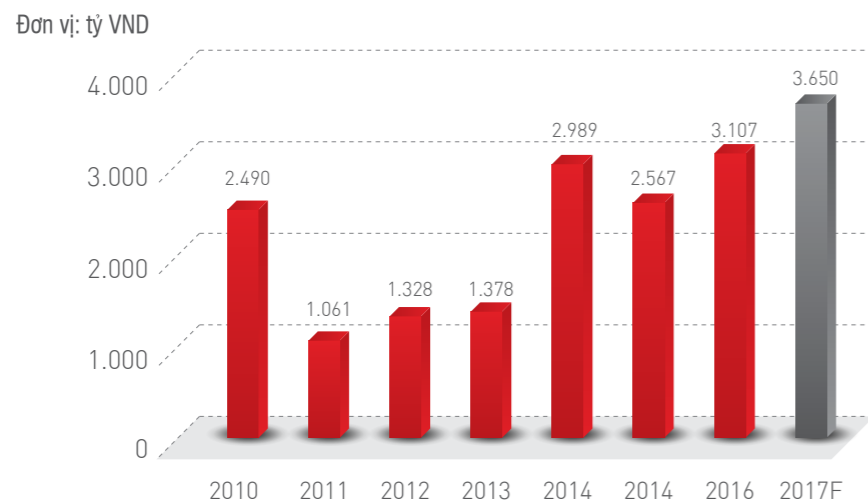
Tăng trưởng Tiêu dùng cuối cùng & Bán lẻ 2011 - 2016

Nguồn: Tổng cục thống kê, Nielsen

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2016



Tăng trưởng ngành năm 2016
 Nguồn: Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI



Giá trị giao dịch trung bình
 Nguồn: Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

Chỉ số VNIndex đạt mức cao nhất trong vòng 8 năm trở lại đây vào quý 4/2016, ở mức 688,89 và kết thúc năm tăng 15% so với cuối năm 2015, ở mức 664,87. Năm 2016 được đánh dấu với sự kiện hàng loạt các cổ phiếu lớn được niêm yết. Tuy số lượng cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chỉ tăng 14 cổ phiếu, nhưng mức độ vốn hóa lại tăng tới 30% so với cùng kỳ. Đáng chú ý là chỉ riêng 2 cổ phiếu SAB và ROS đã đóng góp 48 trong tổng số 85 điểm tăng thêm của VNIndex trong năm 2016. Nếu không tính ROS và SAB, trong năm 2016, VNIndex chỉ tăng 6%.

Giá trị giao dịch trung bình hồi phục trở lại trong năm 2016 (năm 2015 giảm 14%), tăng 21% so với cùng kỳ, đạt mức 3.100 tỷ VNĐ một phiên. Mức tăng này có được là do i) Chỉ số VNIndex tăng trưởng mạnh (15,33% trong năm 2016, cao hơn mức 6,35% trong năm 2015) khi kinh tế tăng trưởng ổn định và kết quả kinh doanh của nhiều doanh nghiệp được cải thiện rõ rệt (2016: tăng trưởng lợi nhuận 11,49%, trong khi 2015 chỉ tăng 1,79%). ii) Tăng sở hữu nước ngoài tại một số doanh nghiệp niêm yết và, (iii) Tăng trưởng giao dịch ký quỹ khá cao trong điều kiện lãi suất giảm, đạt 19% so với cùng kỳ.

Trong một năm có nhiều biến động trên thị trường thế giới, các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục chuyển hướng quan tâm đến thị trường Việt Nam. Tỷ trọng của Việt Nam trong chỉ số thị trường cận biên của MSCI tăng từ 3,69% vào tháng 5/2016 lên đến mức 7,42% vào tháng 1/2017 cùng với việc nới tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE). Mặc dù số liệu từ hai Sở giao dịch cho thấy khối ngoại đã bán ròng 0,3 tỷ USD trong năm 2016, nhưng trên thực tế số liệu này không phản ánh chính xác được các giao dịch liên quan đến trái phiếu chuyển đổi cũng như các đợt phát hành cổ phiếu. Theo tính toán của chúng tôi trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), trong năm 2016 sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tăng thêm 3 tỷ USD về giá trị tuyệt đối, đạt USD 16,1 tỷ USD, nghĩa là tăng 22,9% và mức tăng này cao hơn nhiều so với mức tăng của VNIndex.

HOSE + HNX	2015	2016
Sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (tỷ USD)	13,1	16,1
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (% giá trị vốn hóa toàn thị trường)	22,8%	22,3%
Giá trị vốn hóa toàn thị trường (tỷ USD)	57,4	72,3



TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2017



Mục tiêu của Chính phủ đặt ra cho năm 2017 là khá tham vọng, bao gồm tăng trưởng nhanh hơn (6,7%), kiềm chế lạm phát (4%) và thâm hụt ngân sách ở mức thấp hơn (3,5% GDP). Trong các mục tiêu này, có lẽ **mục tiêu tăng trưởng cao hơn** là khả thi nhất, do có các động lực tăng trưởng rõ rệt, bao gồm:

Nhu cầu tiêu dùng trong nước tiếp tục có mức tăng trưởng mạnh mẽ, nhờ vào môi trường lãi suất được duy trì ổn định và xu hướng gia tăng của tầng lớp trung lưu. Đây có thể nói là yếu tố nội lực cơ bản nhất của tăng trưởng, trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động với sự lên ngôi của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch.

Đầu tư phát triển, trong đó chủ yếu là đầu tư vào cơ sở hạ tầng, sẽ quay lại đà tăng trưởng sau khi một năm tăng trưởng chậm trong năm 2016. Đối với đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, Chính phủ dự kiến sẽ tăng khoảng 36% trong năm 2017 so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra giải ngân vốn ODA cũng có thể sẽ tăng trở lại sau khi giảm 20% vào năm 2016, do áp lực giải ngân gia tăng để có thể tận dụng tối đa các khoản vay ưu đãi trước khi Việt Nam sẽ chính thức trở thành nước có thu nhập trung bình vào cuối năm 2017.

Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, việc vốn đăng ký giảm trong năm 2016 có thể sẽ không có tác động nhiều đến giải ngân trong năm 2017, do có nhiều dự án có thể sẽ được cấp phép và giải ngân trong năm, bao gồm các dự án nhiệt điện lớn (Vũng Áng 2, Nghi Sơn 2).

Các ngành có mức tăng trưởng chậm trong năm 2016, như nông nghiệp, khai khoáng có khả năng hồi phục trở lại do tình hình thời tiết bớt khó khăn hơn (nông nghiệp) và giá hàng hóa cơ bản đang trong xu hướng tăng (khai khoáng).

Mục tiêu kiềm chế lạm phát có lẽ là thách thức khá lớn cho năm 2017. Với cách tính chỉ số CPI mới (theo mức trung bình), lạm phát 2017 sẽ ở mức vượt mục tiêu ngay từ tháng đầu tiên của năm 2017, tạo ra thách thức lớn cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Điều này trái ngược với năm 2016, khi lạm phát đầu năm ở mức rất thấp tạo ra nhiều dư địa cho chính sách tiền tệ cũng như việc điều hành giá. Đối với chính sách tiền tệ, ngoài áp lực từ lạm phát gia tăng, việc thiếu vốn của các ngân hàng thương mại cũng làm ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng tăng trưởng tín dụng cao để hỗ trợ tăng trưởng. Cụ thể:

- **Tăng trưởng tín dụng ở mức 17 - 18%** trong các năm vừa qua đã đẩy chỉ số tổng dư nợ tín dụng/GDP ở mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây, tạo ra các rủi ro cho hệ thống ngân hàng.
- **Sức ép tăng vốn đối với các ngân hàng thương mại gia tăng** khi hệ số an toàn vốn (CAR) giảm từ mức trung bình 14% trong năm 2014 xuống khoảng 12,7% trong năm 2016. Hệ số này tại các ngân hàng thương mại Nhà nước còn thấp hơn, và không tăng vốn thì khả năng tăng trưởng tín dụng sẽ rất hạn chế.

Tăng trưởng tín dụng trong các năm vừa qua phần nhiều đến từ cho vay cá nhân (trong đó hơn một nửa là các khoản vay mua nhà). Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước vẫn xác định rõ tính rủi ro của hoạt động cho vay bất động sản và ngành bất động sản cũng khó có mức tăng trưởng mạnh từ năm 2017, nên tăng trưởng đến từ nguồn cho vay bất động sản có thể đã đạt đỉnh và chậm lại trong các năm tới.

Đối với chính sách tiền tệ, tỷ giá cũng là mối quan tâm lớn của các thành viên thị trường. Tăng trưởng xuất khẩu có thể khó khăn hơn khi mà các hàng rào thuế quan có thể sẽ được dựng lên ngày càng nhiều, trong khi nhập khẩu sẽ tăng mạnh cùng với đà hồi phục của tăng trưởng kinh tế, sẽ có thể làm cán cân thương mại quay trở lại mức thâm hụt. Nguồn kiều hối có thể cũng chịu nhiều áp lực khi Cục dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất, trong khi lãi suất tiền gửi ở Việt Nam đối với USD vẫn duy trì ở mức 0%. Tất cả những điều này có thể gây ảnh hưởng tiêu cực tới cán cân thanh toán. Tuy vậy, ở chiều ngược lại hoạt động đầu tư gián tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài được kỳ vọng sẽ gia tăng trong năm 2017, khi tốc độ thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp lớn gia tăng, và điều này sẽ cân bằng được các áp lực lên tỷ giá và giúp Ngân hàng Nhà nước

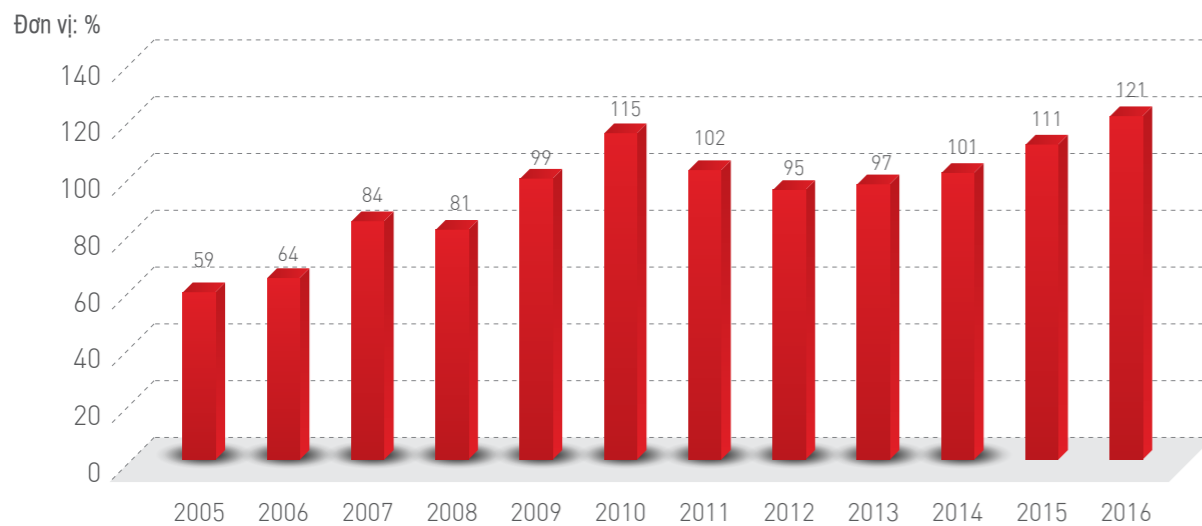
tiếp tục có sự chủ động trong điều hành tỷ giá. Về lãi suất, việc gia tăng lạm phát sẽ gây áp lực lên lãi suất tiền gửi, trong khi lãi suất cho vay có thể vẫn được giữ ổn định nhằm thúc đẩy tăng trưởng.

Đối với **mục tiêu thâm hụt ngân sách ở mức thấp hơn**, tuy có rất nhiều kỳ vọng vào sự đổi mới trong cách quản lý chi tiêu ngân sách cho năm 2017, nhưng việc giảm mạnh thâm hụt ngân sách xuống mức 3,5% GDP cũng sẽ là một thách thức và thâm hụt ngân sách tiếp tục hạn chế khả năng sử dụng chính sách tài khóa phục vụ mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng.

Năm 2017, Luật Ngân sách Nhà nước mới sẽ được đưa vào áp dụng, trong đó thay đổi cách tính bội chi ngân sách (chủ yếu bỏ phần chi trả nợ gốc khỏi chi ngân sách). Để dễ so sánh, mức bội chi ngân sách 2016 ước tính ở mức 5,64% GDP theo cách tính cũ (mục tiêu 2016: 4,95% GDP), quy đổi ra cách tính mới sẽ ở mức khoảng 4,33% GDP. Điều này đồng nghĩa với việc ngay cả theo cách tính mới, thì việc đưa bội chi ngân sách về mức 3,5% GDP không hẳn chỉ là việc thay đổi cách tính toán, mà còn bao gồm các nỗ lực cân bằng thu chi mạnh mẽ hơn trong bối cảnh nợ công đã đạt (và có thể đã vượt) ngưỡng 65% GDP.

Cụ thể, về phía chi ngân sách, mục tiêu của chính phủ là giảm chi thường xuyên khoảng 5% trong năm 2017. Với việc chi thường xuyên chiếm trên 70% chi ngân sách hàng năm, việc giảm này sẽ tạo điều kiện để tăng đầu tư phát triển. Trong khi đó, đối với chi ngân sách, nhiều khoản thu liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, dầu thô và từ các doanh nghiệp nhà nước đang có xu hướng giảm (do thực hiện các Hiệp định Thương mại tự do, giá dầu giảm, và việc thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước).

Nhìn một cách tổng thể, việc chú trọng vào việc tái cấu trúc ngành nông nghiệp (thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng, khuyến khích nông nghiệp công nghệ cao, cho phép tích tụ ruộng đất...) và ngành dịch vụ (đặc biệt là du lịch) sẽ tạo ra các động lực mới cho hoạt động tăng trưởng. Trong bối cảnh xu hướng bảo hộ mậu dịch gia tăng, việc tập trung phát triển nội lực, chú trọng vào tiêu dùng nội địa, tận dụng cơ hội của chính bản thân của một quốc gia có dân số trẻ, tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng là các định hướng lớn để Việt Nam có thể tăng trưởng bền vững.



Tỷ lệ Tín dụng/ GDP

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước, Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2017

Theo nhận định của Bộ phận Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI, các xu hướng chính của TTCK Việt Nam trong năm 2017 bao gồm:

HOẠT ĐỘNG CỔ PHẦN HÓA VÀ THOẠI VỐN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TIẾP TỤC ĐIỂN RA MẠNH MẼ

Đây tiếp tục sẽ tạo ra các cơ hội đầu tư cũng như làm thay đổi diện mạo của TTCK Việt Nam. Riêng trong năm 2017, chúng tôi ước tính nhóm 30 cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhất thị trường sẽ có sự thay đổi rõ rệt, với một nửa được thay thế bằng các cổ phiếu mới niêm yết. Các ngành tiêu dùng, công nghiệp và năng lượng sẽ có mức vốn hóa gia tăng và chỉ số VN30 sẽ mang tính đại diện cao hơn. Với việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 58/2016 trong đó nêu rõ chi tiết danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020, trong đó nhiều doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước không cần chi phối, sẽ tạo ra nhiều cơ hội đầu tư trong các năm tiếp theo.

QUÁ TRÌNH TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

Hoạt động tái cấu trúc hệ thống ngân hàng được kỳ vọng sẽ khởi sắc hơn trong năm 2017. Tuy nhiên, các ngân hàng vẫn tiếp tục phải đối diện với nhiều rủi ro, và chỉ khi có các diễn biến tích cực từ hoạt động mua bán sáp nhập, tăng vốn hoặc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài mới có thể tạo được tâm lý tích cực đối với nhà đầu tư.

Tăng trưởng doanh thu (%)			Tăng trưởng lợi nhuận (%)			Tỷ lệ cổ tức (%)		
2015	2016E	2017E	2015	2016E	2017E	2015	2016E	2017E
8,7%	10,9%	16,4%	1,79%	11,49%	11,45%	6,8%	4,6%	4,3%

Ước tính tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức của các Doanh nghiệp niêm yết 2015 - 2017

Nguồn: Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI

ẢNH HƯỞNG TỪ CÁC YẾU TỐ TỪ BÊN NGOÀI

Bên cạnh việc FED tăng lãi suất, sự lên ngôi của chủ nghĩa bảo hộ, sự yếu đi của đồng CNY (Nhân Dân Tệ), chúng tôi cho rằng Việt Nam vẫn tiếp tục là một thị trường cận biên đầy hứa hẹn, với những tiên tri đáng ghi nhận trong việc tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và quy mô thị trường. Nhiều khả năng vào giữa năm 2017 tỷ trọng của Việt Nam trong chỉ số MSCI Frontier sẽ tiếp tục gia tăng sau khi 3 nước có tỷ trọng lớn rời khỏi chỉ số (Argentina, Pakistan: nâng hạng; Nigeria: bị loại) và đây sẽ là một yếu tố tích cực cho thị trường nói chung.

TRIỂN VỌNG GIÁ CỦA CÁC HÀNG HÓA CƠ BẢN

Chúng tôi cho rằng xu hướng tăng giá của các hàng hóa cơ bản (dầu thô, than đá...) sẽ là yếu tố hỗ trợ cho chính sách tài khóa và nhóm ngành năng lượng và hàng hóa cơ bản. Ở chiều ngược lại, giá đầu vào tăng sẽ có ảnh hưởng xấu tới triển vọng của ngành tiêu dùng và công nghiệp, do biên lợi nhuận bị thu hẹp.

03.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2016

Đánh giá chung của Ban giám đốc về tình hình hoạt động
Lĩnh vực kinh doanh
Yếu tố thúc đẩy thành công





ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

KẾT QUẢ KINH DOANH 2016

Năm 2016, doanh thu hợp nhất của SSI vượt 60% kế hoạch kinh doanh về doanh thu, đạt 2.312 tỷ VNĐ, tăng trưởng 28% so với cùng kỳ. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2016 đạt 1.056,8 tỷ VNĐ – vượt 11,24% kế hoạch năm.

Trong đó, các lĩnh vực kinh doanh đều ghi nhận kết quả tích cực.

Doanh thu từ Dịch vụ Chứng khoán đóng góp 37,5% vào tổng doanh thu, đạt xấp xỉ 868 tỷ VNĐ, tăng 42,3% so với năm 2015. Kết quả này chủ yếu đến từ sự tăng trưởng mạnh phí môi giới và doanh thu từ các sản phẩm tài chính. Tỷ trọng của hai nhóm này chiếm trên 90% tổng doanh thu khối Dịch vụ Chứng khoán năm 2016. Năm 2016, SSI tiếp tục giữ vững vị trí số 1 tại cả hai sàn HOSE và HNX, với thị phần môi giới tương ứng đạt 13,69% và 11,03%, tiếp tục gia tăng cách biệt với công ty đứng sau so với năm 2015. Đó là kết quả của sự đầu tư nghiêm túc vào việc tăng chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đa dạng hóa các báo cáo phân tích - khuyến nghị cơ hội đầu tư, cùng sự phát triển đội ngũ môi giới có trình độ chuyên môn cao và đạo đức nghề nghiệp tốt. Dịch vụ cho vay ký quỹ cũng phát triển mạnh với dư nợ ký quỹ của SSI luôn duy trì ở mức cao nhất trên thị trường, với mức trung bình trên 3.890 tỷ VNĐ trong năm 2016, cùng danh mục được cập nhật, phù hợp với tình hình. Tính đến cuối năm 2016, SSI quản lý hơn 100.000 tài khoản khách hàng.

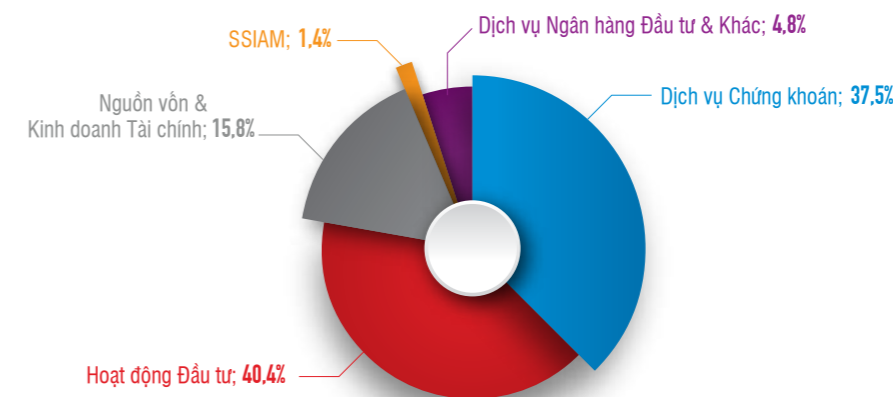
Hoạt động Đầu tư ghi nhận 934 tỷ VNĐ doanh thu hợp nhất năm 2016, chiếm tỷ trọng 40,4% doanh thu toàn Công ty, và tăng trưởng 8,4% so với năm 2015. Với tổng giá trị đầu tư năm 2016 lên tới trên 4.176 tỷ VNĐ (tính theo giá trị thị trường ngày 31/12/2016), kết thúc năm 2016, SSI tiếp tục duy trì một cách hiệu quả chiến lược đầu tư giá trị, đồng hành phát triển cùng doanh nghiệp. Tại thời điểm cuối năm, SSI có 3 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN - HOSE), Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN - HOSE), Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (VFG - HOSE) - cả 3 Công ty này đều có những kết quả kinh doanh khả quan năm vừa qua.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đã lấy lại vị trí dẫn đầu bằng hàng loạt thương vụ thành công trong năm 2016 với tổng trị giá hàng trăm triệu USD như tư vấn chào bán 78,38 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE), tư vấn bán cổ phần Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE), tư vấn chào bán riêng lẻ theo hình thức dựng sổ cho Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (NVL – HOSE). Doanh thu từ mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư ở mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, đạt 106,6 tỷ VNĐ, tăng 145% so với năm 2015.

Năm 2016 tiếp tục là một năm thành công của **Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)** trong việc huy động vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài, nâng tổng tài sản quản lý lên 7.913 tỷ VNĐ, tăng 27,4% so với năm trước. Mặt khác, các Quỹ Đầu tư do SSIAM quản lý đều ghi nhận tỷ suất lợi nhuận vượt trội so với chỉ số tham chiếu VNIndex. Doanh thu SSIAM năm 2016 đã tăng trưởng 137% so với năm 2015, đạt 32,5 tỷ VNĐ.

Doanh thu từ **Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính** hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm 2016, nâng tổng tài sản lên trên 13.200 tỷ VNĐ, tăng 9% so với năm 2015, đảm bảo tuyệt đối thanh khoản của Khách hàng và hỗ trợ hiệu quả nhu cầu về vốn của các Bộ phận Kinh doanh khác, phát hành thành công trái phiếu công ty với lãi suất tương đương lãi suất các ngân hàng thương mại huy động trong cùng thời kỳ, góp phần xây dựng hình ảnh và danh tiếng SSI là một trong những định chế tài chính trung gian có uy tín nhất trên TTCK nói riêng và Thị trường Tài chính nói chung. Doanh thu của Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính năm 2016 ghi nhận 366 tỷ VNĐ, đóng góp gần 16% vào tổng doanh thu toàn Công ty và tăng trưởng 37,3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi tiết hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực sẽ được trình bày chi tiết ở các phần sau của báo cáo.



Cơ cấu Doanh thu năm 2016
Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Đơn vị: tỷ VNĐ



DOANH THU THUẦN

Đơn vị: tỷ VNĐ



TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: tỷ VNĐ



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: tỷ VNĐ



VỐN ĐIỀU LỆ

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2016

Năm 2016, tổng tài sản hợp nhất của SSI đạt gần 13.228 tỷ VNĐ, tăng 9% so với năm 2015, và mức vốn chủ sở hữu là 7.152,6 tỷ VNĐ. Tổng tài sản tăng nhờ tăng nguồn vốn vay ngân hàng bổ sung cho hoạt động kinh doanh cho vay ký quỹ, kinh doanh trái phiếu và các hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Kết quả kinh doanh	2012	2013	2014	2015*	2016
Doanh thu thuần (VNĐ)	849.294.221.184	726.943.829.636	1.564.510.137.885	1.802.941.289.604	2.311.968.320.548
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	376.778.240.068	328.444.936.244	859.922.881.979	1.048.759.561.585	1.054.323.861.119
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	487.258.631.205	505.834.184.178	927.840.400.057	1.053.797.641.057	1.056.825.860.115
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (VNĐ)	464.299.378.161	418.044.800.068	744.830.193.840	841.566.556.381	877.035.858.056

(*) Số liệu 2015 được trình bày lại (có thay đổi) cho phù hợp với Hướng dẫn kế toán mới áp dụng đối với CTCK trong năm 2016 theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC
Chi tiết tham khảo thêm tại Thuyết minh số 4.1 và 4.7 trong Báo cáo Tài chính hợp nhất 2016

Bảng cân đối tài sản	2012	2013	2014	2015*	2016
Tổng tài sản (VNĐ)	7.980.875.901.875	7.705.073.825.594	8.914.435.465.737	12.153.431.597.528	13.227.969.251.704
Vốn điều lệ (VNĐ)	3.526.117.420.000	3.537.949.420.000	3.537.949.420.000	4.800.636.840.000	4.900.636.840.000
Tổng số lượng cp bình quân gia quyền	349.577.749	350.654.030	464.358.318	471.713.404	489.825.250
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	5.275.272.217.294	5.325.172.426.892	5.773.805.744.525	6.727.609.014.290	7.152.567.156.682

Các chỉ tiêu khác	2012	2013	2014	2015*	2016
Cơ cấu tài sản					
TS ngắn hạn/ Tổng tài sản	60,6%	58,0%	71,9%	90,3%	89,8%
TS dài hạn/ Tổng tài sản	39,4%	42,0%	28,1%	9,7%	10,2%
Cơ cấu nguồn vốn					
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	33,9%	30,9%	35,2%	44,6%	45,9%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	66,1%	69,1%	64,8%	55,4%	54,1%

Tỷ suất lợi nhuận	2012	2013	2014	2015*	2016
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5,8%	5,4%	8,4%	6,9%	6,6%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	9,0%	8,0%	13,1%	12,6%	12,4%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	13,2%	11,8%	21,1%	17,5%	17,9%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	54,7%	57,5%	47,6%	46,6%	37,8%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	1.328	1.192	1.492	1.658	1.698



LĨNH VỰC KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

ĐIỂM NHẤN 2016

SSI tiếp tục khẳng định vị trí số 1 tại cả hai Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), với thị phần môi giới cổ phiếu & chứng chỉ quỹ lần lượt đạt 13,69% - tăng 4,7% so với năm 2015, và 11,03% - tăng 15,3% so với năm 2015.

Số lượng tài khoản cá nhân mở mới tăng 98% so với năm 2015, kết thúc năm 2016 đạt tổng số lượng trên 100.000 tài khoản.

100.845 TÀI KHOẢN

Tổng số lượng tài khoản khách hàng

Số lượng Nhân viên Môi giới Khách hàng Cá nhân tiếp tục tăng trưởng về cả số lượng và chất lượng. Năm 2016, đội ngũ Môi giới SSI có 353 nhân sự chính thức làm việc tại 11 Chi nhánh và Phòng giao dịch trên cả nước, tăng gần 30% so với năm 2015.

13,69%

Thị phần môi giới cổ phiếu/CCQ tại HOSE

Dịch vụ cho vay ký quỹ phát triển mạnh, dư nợ ký quỹ của SSI luôn duy trì ở mức cao nhất trên thị trường (đạt trung bình hơn 3.890 tỷ VNĐ trong năm 2016) với danh mục cổ phiếu cho vay ký quỹ được cập nhật phù hợp với tình hình thị trường.

11,03%

Thị phần môi giới cổ phiếu/CCQ tại HNX

Sản phẩm Phân tích và Tư vấn Đầu tư Khách hàng Tổ chức được phát hành với số lượng lớn tới các Nhà Đầu tư trong và ngoài nước, nhận được nhiều phản hồi tích cực trong bối cảnh thị trường Việt Nam có khả năng được nâng hạng thành Thị trường mới nổi (MSCI Emerging Market).

Dịch vụ Direct Market Access (DMA) đã được triển khai thành công, cung cấp công cụ đặt lệnh trực tiếp cho các Khách hàng Tổ chức. Ngoài ra, trong năm vừa qua, SSI đã tổ chức thành công hàng trăm buổi tiếp cận - tìm hiểu doanh nghiệp, trao đổi giới thiệu cơ hội đầu tư với các tổ chức trong và ngoài nước và được bình chọn là “Công ty tốt nhất Việt Nam về Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư và Gặp gỡ doanh nghiệp” bởi Asiamoney.

Khởi Dịch vụ Chứng khoán SSI tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng danh giá từ các tổ chức uy tín trong khu vực như: “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam” do Finance Asia bình chọn, “Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam” do Asiamoney bình chọn, và nhiều giải thưởng dành cho những cá nhân xuất sắc từ các Bộ phận Phân tích và Tư vấn Đầu tư, Phát triển khách hàng Tổ chức và Môi giới Khách hàng Tổ chức.

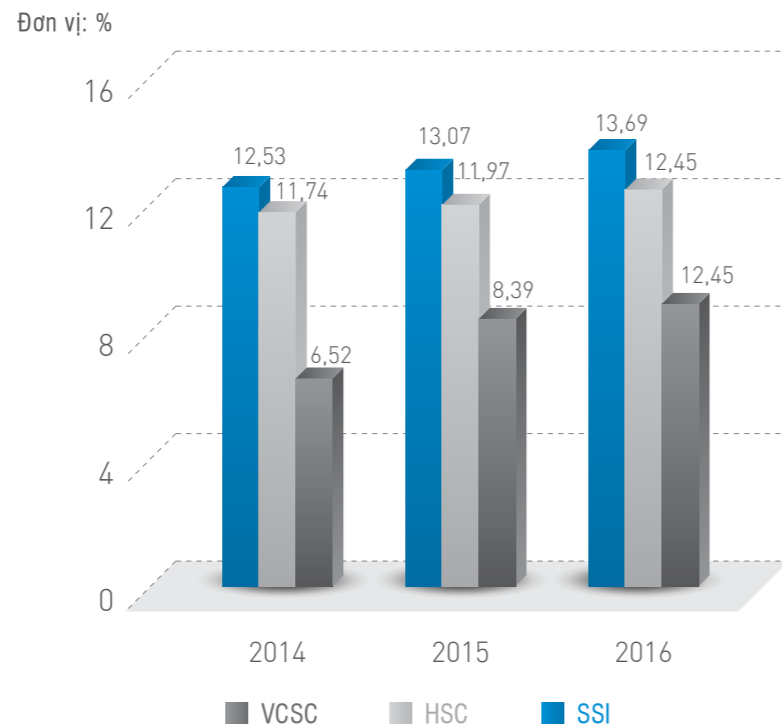
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016, thị trường chịu tác động khá nhiều các thông tin từ các sự kiện quốc tế như sự sụt giảm của giá dầu thô hay việc Anh rời khỏi EU (Brexit) ngày 24/06, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ ngày 09/11. Ở trong nước với hàng loạt các quy định được ban hành như: Thông tư số 115/2016/TT-BTC đã góp phần tăng tính công khai, minh bạch của các doanh nghiệp khi cổ phần hóa, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư; Quyết định của HOSE về đơn vị giao dịch, loại lệnh áp dụng tại HOSE đã cung cấp thêm tiện ích cho nhà đầu tư, góp phần tăng thanh khoản thị trường. Việc mở giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài (“room”) được thực hiện trên diện rộng, các hoạt động thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp lớn như Tổng Công ty Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) và niêm yết tham gia thị trường của các doanh nghiệp có vốn hóa trên 1 tỷ USD trở nên tích cực hơn. Quy mô thị trường được mở rộng, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có thêm nhiều sự lựa chọn hơn hẳn so với trước kia, đặc biệt là các tổ chức nước ngoài có thêm cơ hội đầu tư vào những cổ phiếu mà họ yêu thích trước đây đã hết “room”. Hệ thống ngân hàng dư thừa thanh khoản khiến lãi suất ở mức thấp. Huy động vốn cho đầu tư chứng khoán dễ dàng đã đẩy dòng tiền trong nước lên cao, bù đắp được toàn bộ phần hụt đi từ dòng tiền nước ngoài. Nguồn thu từ cho vay ký quỹ trở thành một động lực tăng trưởng mới nhờ huy động được nguồn vốn cho vay ký quỹ với lãi suất thấp và nhu cầu cho vay ký quỹ trên thị trường tăng. Khối lượng công việc liên quan đến xử lý yêu cầu cho vay ký quỹ và quản trị rủi ro vì vậy cũng tăng đột biến. Nhà đầu tư theo thời gian đã trở nên chuyên nghiệp hơn, chuyển hướng quan tâm nhiều hơn đến các phân tích cơ bản và cần nhiều hơn thông tin từ phía các công ty chứng khoán, dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các công ty chứng khoán trong việc cung cấp các báo cáo phân tích khuyến nghị cơ hội đầu tư, các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư gặp gỡ doanh nghiệp, các sản phẩm tài chính hỗ trợ cho nhà đầu tư.

Năm 2016, Khởi Dịch vụ Chứng khoán tiếp tục thành công trong việc mở rộng, phát triển số lượng khách hàng; phát triển đội ngũ môi giới khách hàng cá nhân; tăng trưởng thị phần môi giới; đa dạng hóa các báo cáo phân tích khuyến nghị cơ hội đầu tư; mở rộng danh mục cổ phiếu cho vay ký quỹ và tăng dư nợ cho vay ký quỹ; các hoạt động hỗ trợ các khách hàng tổ chức gặp gỡ tìm hiểu cơ hội đầu tư tại các doanh nghiệp niêm yết và các giải thưởng xuất sắc về môi giới, phân tích đầu tư từ các tổ chức có uy tín trong khu vực như FinanceAsia, Asiamoney. Tuy nhiên, hoạt động về khách hàng tổ chức đã có phần giảm sút trước sự cạnh tranh giành giật thị phần bằng cách giảm phí từ các công ty chứng khoán và đội ngũ nhân sự phát triển khách hàng tổ chức còn quá mỏng dẫn đến việc chăm sóc khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng mới còn nhiều hạn chế.

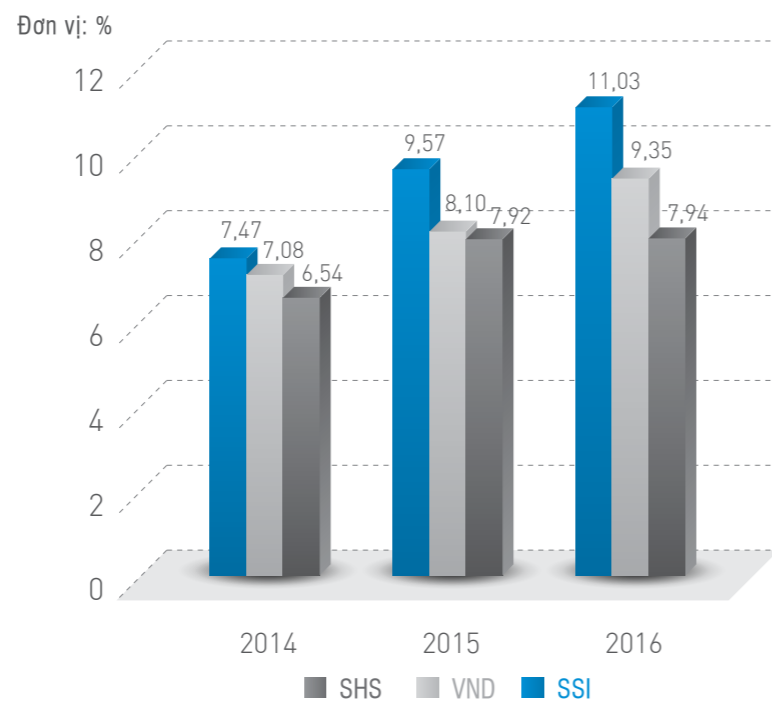
Tăng trưởng về thị phần

Thị phần môi giới tiếp tục giữ vững vị trí cao nhất tại cả hai Sở Giao dịch Chứng khoán (GDCK) đạt 13,22% - tăng 7,4% so với năm 2015, trong đó thị phần tại HOSE đạt 13,69%, tăng 4,7% so với năm 2015 và thị phần tại HNX đạt 11,03% tăng 15,3% so với năm 2015. Việc tăng trưởng thị phần là kết quả của việc mở rộng và phát triển khách hàng mới, tăng dư nợ các sản phẩm tài chính, đẩy mạnh chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng các sản phẩm báo cáo phân tích khuyến nghị cơ hội đầu tư.



Top 3 thị phần Cổ phiếu/CCQ trên HOSE

Nguồn: HOSE, SSI tổng hợp

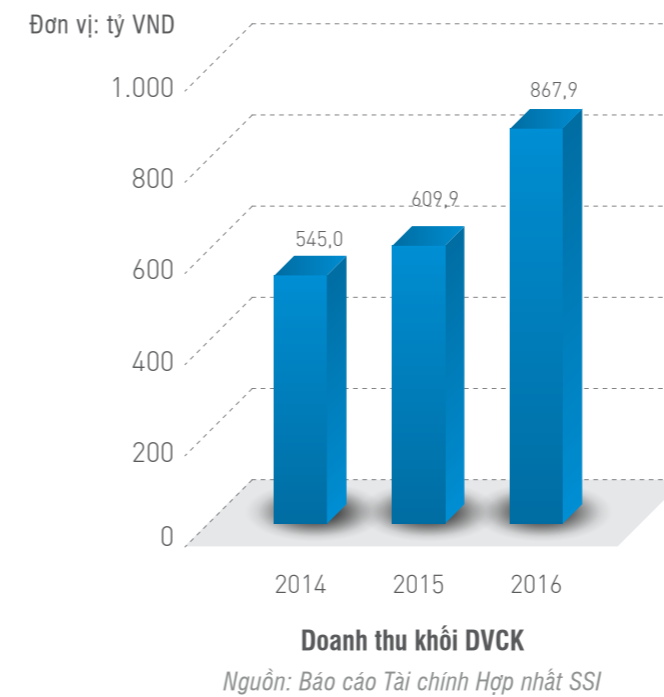


Top 3 thị phần Cổ phiếu/CCQ trên HNX

Nguồn: HNX, SSI tổng hợp

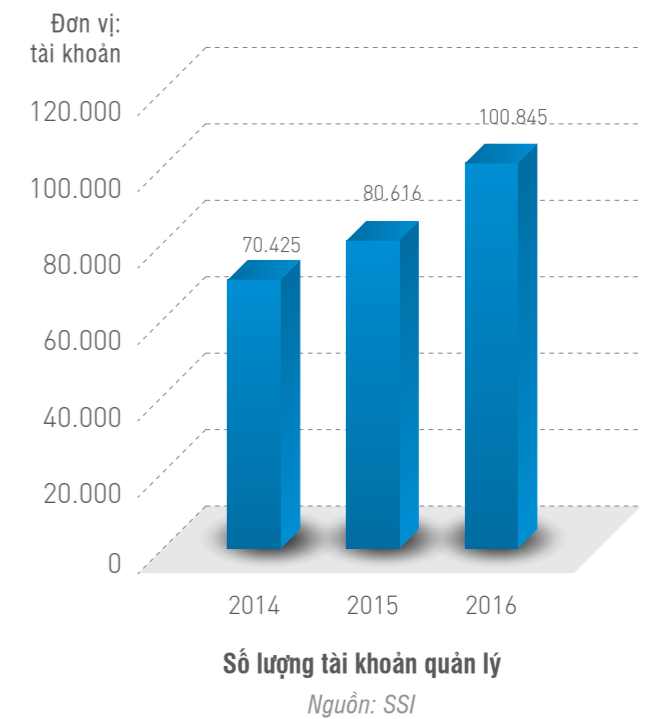
Tăng trưởng về doanh thu

Doanh thu năm 2016 của Khối Dịch vụ Chứng khoán đạt xấp xỉ 868 tỷ VNĐ, tăng 42,3% so với năm 2015, nhờ sự tăng trưởng mạnh từ doanh thu phí môi giới và doanh thu từ các sản phẩm tài chính. Tỷ trọng của hai nhóm doanh thu này chiếm 90% trên tổng doanh thu.



Tăng trưởng về khách hàng

Tính đến cuối năm 2016, SSI quản lý hơn 100.000 tài khoản, chiếm 5,9% số lượng tài khoản nhà đầu tư toàn thị trường, trong đó có 156 tài khoản tổ chức nước ngoài mở mới chủ yếu đến từ Mỹ, Hongkong, Singapore và Châu Âu. Sự tăng trưởng mạnh về số lượng tài khoản khách hàng là kết quả của sự đầu tư nghiêm túc vào các sản phẩm dịch vụ tư vấn đầu tư, sản phẩm tài chính cùng với sự phát triển mạnh đội ngũ môi giới chuyên nghiệp được đào tạo bài bản.

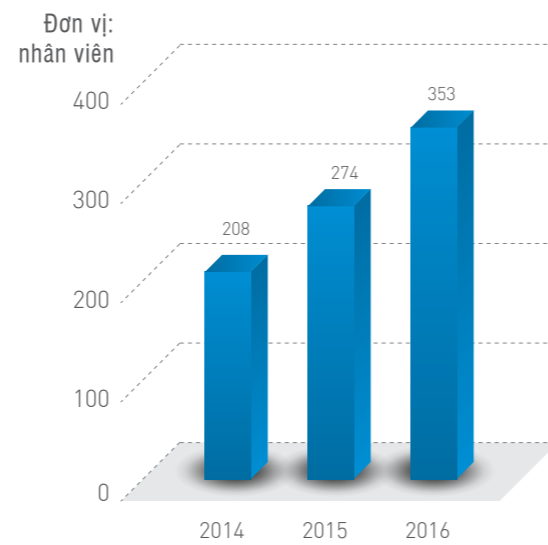




Tăng trưởng về đội ngũ Môi giới Khách hàng Cá nhân

Với mục tiêu tăng trưởng thị phần và mở rộng quy mô hoạt động, SSI tiếp tục triển khai nhiều chương trình, chính sách tuyển dụng nhân viên môi giới có chất lượng đầu vào tốt, và phù hợp với môi trường, văn hóa làm việc tại Công ty. Không chỉ gia tăng về số lượng, SSI còn chú trọng đến các công tác đào tạo nhân sự môi giới trở thành tư vấn tài chính chuyên nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn và kĩ năng chăm sóc khách hàng ân cần, chu đáo.

Kết thúc năm 2016, số lượng Môi giới Khách hàng Cá nhân đạt 353 nhân sự chính thức, làm việc tại 11 Chi nhánh và Phòng giao dịch trên cả nước, có phí net bình quân trên 60 triệu VNĐ/ người/ tháng.



Số lượng nhân viên môi giới

Nguồn: SSI

Nâng cao chất lượng Sản phẩm, Dịch vụ & Phát triển Sản phẩm mới

Với nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ, năm 2016, Khối Dịch vụ Chứng khoán SSI đã triển khai thành công các sản phẩm mới, gia tăng tiện ích các sản phẩm hiện tại, đáp ứng nhu cầu ngày một nâng cao của khách hàng.

Sản phẩm tư vấn và khuyến nghị đầu tư cho Khách hàng Cá nhân luôn bám sát thị trường, kết hợp giữa phân tích cơ bản và phân tích kĩ thuật để đưa ra khuyến nghị phù hợp cho từng đối tượng, nhằm đem lại hiệu quả đầu tư và hạn chế rủi ro. Năm 2016, Bộ phận Phân tích và Tư vấn Đầu tư Khách hàng Cá nhân đã cho ra mắt 2 sản phẩm mới có tính đột phá, là Báo cáo Ví mô hàng tháng “Vietnam Chartbook” và Báo cáo Chiến lược Bán niên “Câu chuyện 2016”. Bên cạnh đó, Báo cáo tiếng Nhật được phát triển thành một mảng chuyên biệt với 3 loại báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin và khuyến nghị đầu tư tới khách hàng Nhật Bản.

Các sản phẩm tư vấn và khuyến nghị đầu tư dành cho Khách hàng Tổ chức luôn là thế mạnh của SSI trong nhiều năm gần đây và luôn nhận được sự đánh giá cao về mức độ tin cậy của khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại, SSI đang cung cấp những báo cáo với góc nhìn chuyên sâu cho 29 ngành và hơn 70 công ty niêm yết, chiếm đến 90% tổng giá trị vốn hóa của thị trường.

Sản phẩm giao dịch điện tử cũng được cải tiến nhiều tính năng, gia tăng tiện ích cho khách hàng như chuyển chứng khoán trực tuyến giúp khách hàng giao dịch và quản lý danh mục dễ dàng hơn, xác nhận lệnh trực tuyến giúp khách hàng chủ động kiểm tra và quản lý các lệnh đặt trên tài khoản của mình mà không cần ký phiếu lệnh trực tiếp.

Bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức phối hợp với bộ phận Công nghệ Thông tin đã triển khai thành công dịch vụ Direct Market Access (DMA) cho khách hàng tổ chức trong nước và nước ngoài. Cùng với đó, Bộ phận Phát triển Khách hàng Tổ chức đã cho ra mắt sản phẩm Good Morning Vietnam được khách hàng đánh giá rất cao.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

ĐIỂM NHẤN 2016

Tăng trưởng vượt bậc về doanh thu (tăng 37,28% so với năm 2015), và tổng tài sản (tăng xấp xỉ 9% so với mức đầu năm 2016)

Đảm bảo tuyệt đối thanh khoản của Khách hàng và hỗ trợ hiệu quả các nhu cầu cao về nguồn vốn từ các Khối Kinh doanh khác trong Công ty, góp phần xây dựng hình ảnh và danh tiếng của SSI trở thành một trong những định chế tài chính trung gian có uy tín nhất trên TTCK nói riêng và Thị trường Tài chính nói chung..

Tiếp tục tạo ra các sản phẩm cấu trúc an toàn hiệu quả hướng tới các nhóm đối tượng khách hàng tiềm năng.

37,28%

Doanh thu tăng 37,28% so với năm 2015

9%

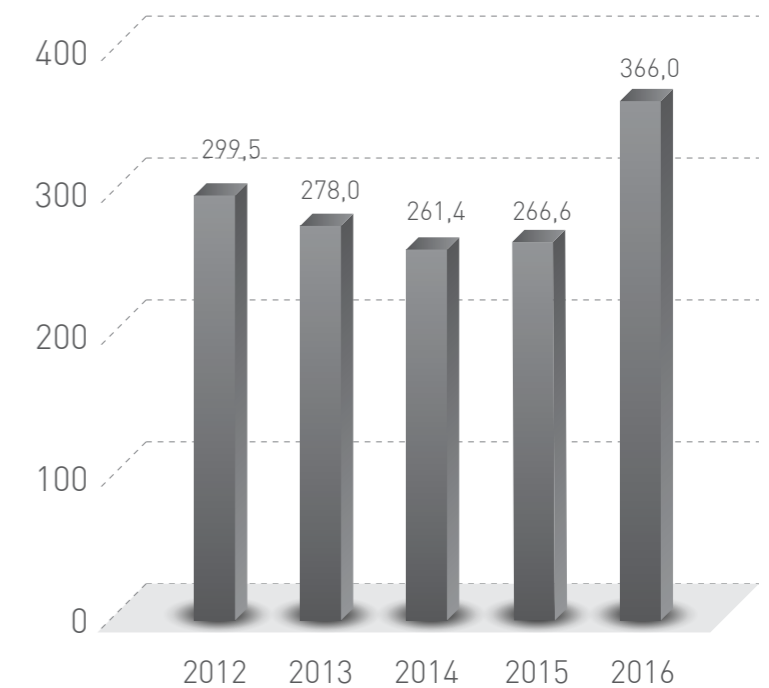
Tổng tài sản tăng xấp xỉ 9% so với mức đầu năm 2016



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính SSI đã có một năm 2016 hoạt động hiệu quả vượt bậc với tổng tài sản tăng xấp xỉ 9%, doanh thu tăng 37,28% và lợi nhuận cũng tăng tương ứng so với năm 2015. Không chỉ đạt kết quả cao về chỉ tiêu tài chính, các chỉ tiêu hoạt động khác của Khối như Phát triển sản phẩm, Mở rộng thị trường, đối tác, khách hàng cũng như việc Phát triển đội ngũ Nhân sự cũng có những thành tựu đáng kể.

Đơn vị: tỷ VND



Doanh thu Khối Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI



Tăng trưởng cao từ mảng kinh doanh cốt lõi

Với mục tiêu tăng trưởng vững mạnh quy mô tổng tài sản đảm bảo vị thế số 1 của SSI so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường, năm 2016, quy mô tổng tài sản của SSI đã tăng xấp xỉ 9% đạt giá trị hơn 13.000 tỷ VNĐ. Đây là ưu thế cạnh tranh lớn của SSI khi tham gia vào các giao dịch có cấu trúc phức tạp và quy mô lớn.

Mặc dù mặt bằng lãi suất trên thị trường vẫn được duy trì ở mức thấp do cung cầu thị trường cũng như định hướng duy trì chính sách lãi suất ổn định của Ngân hàng Nhà nước, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính vẫn tiếp tục tăng trưởng, gia tăng mạnh doanh thu và lợi nhuận trong mảng kinh doanh tiền tệ với danh mục chủ yếu là các khoản tiền gửi có kì hạn dài.

Bên cạnh đó, trong năm qua SSI có sự ghi nhận kết quả khả quan rất lớn từ lợi nhuận của mảng tự doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh nhờ chủ động nắm bắt được cơ hội thông qua việc biến động lãi suất trên thị trường. Song song với hoạt động tự doanh trái phiếu Chính phủ, hoạt động đầu tư, repo trái phiếu doanh nghiệp đạt được mức lợi nhuận tốt dựa trên mức rủi ro hợp lý cũng là một điểm sáng của năm 2016.

Ghi nhận lợi nhuận từ mảng sản phẩm cấu trúc

Cùng với sự phát triển của thị trường tài chính, nhu cầu đối với mảng Sản phẩm Cấu trúc và Phái sinh ngày càng gia tăng, đòi hỏi sản phẩm phải được thiết kế phù hợp với đặc tính của từng nhóm nhà đầu tư và thông lệ thị trường. Các hoạt động đầu tư, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới từ năm 2015 đã tạo tiền đề cho hoạt động hiệu quả của Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính năm 2016, không chỉ ở việc tăng doanh thu mà còn phát triển được những mảng kinh doanh mới cũng như đối tượng khách hàng mới, tạo đà phát triển cho nhóm sản phẩm này năm tiếp theo.

Đảm bảo thanh khoản tuyệt đối cho Công ty cũng như Nhà đầu tư

Bên cạnh mảng kinh doanh nguồn vốn, một nhiệm vụ cũng vô cùng quan trọng của Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính trong năm 2016 là tiếp tục đảm bảo an toàn thanh khoản của Công ty cũng như nhà đầu tư trong mọi trường hợp. Trước nhu cầu vốn lớn từ các Khối kinh doanh khác, đặc biệt là nhu cầu tăng dư nợ ký quỹ của khách hàng khối Dịch vụ chứng khoán, có những thời điểm vượt trên 4.200 tỷ VNĐ, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính luôn phải đảm bảo đáp ứng kịp thời. Khối cam kết hỗ trợ và cung cấp nguồn vốn thông qua việc phát hành hàng loạt các công cụ nợ khác nhau với các mức lãi suất thấp kì lục góp phần xây dựng hình ảnh và danh tiếng của SSI trở thành một trong những định chế tài chính trung gian có uy tín nhất trên TTCK nói riêng và Thị trường Tài chính nói chung.

Mở rộng và thắt chặt quan hệ với các định chế tài chính trên thị trường

Năm 2016 cũng là năm đánh dấu việc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính cùng cố, bồi đắp và xây dựng các quan hệ hợp tác kinh doanh bền vững và chặt chẽ với hàng loạt các định chế tài chính lớn trên thị trường như: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AgriBank) cùng với việc mở rộng hợp tác hơn nữa với các ngân hàng TMCP như: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Ngân hàng Quân đội (MBB), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGB) v.v... Bên cạnh đó SSI cũng mở rộng quan hệ với các tổ chức kinh tế khác như các tập đoàn, công ty niêm yết với hàng loạt các giao dịch đem lại tiềm năng lớn trong năm sau.

QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỂM NHẤN 2016

Huy động thành công Quỹ SSIAM UCITS – Vietnam Value Income and Growth Fund từ các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân ở Châu Âu. Quỹ thành lập theo mô hình quỹ UCITS, dạng mở, đăng ký tại Luxembourg, trong đó SSIAM là Công ty quản lý danh mục đầu tư của quỹ.

Tăng trưởng quy mô quỹ Andbanc Investments SIF – Vietnam Value and Income Portfolio (quỹ thành lập T12/2015) hơn 3 lần, đạt 52,2 triệu USD

Chính thức kết thúc giai đoạn huy động vốn Quỹ Daiwa - SSIAM Vietnam Growth Fund II LP với tổng vốn cam kết 39,4 triệu USD từ các nhà đầu tư Châu Á. Quỹ đầu tư vào các doanh nghiệp tư nhân (private equity) do Daiwa Corporate Investment và SSIAM đồng quản lý.

Tăng trưởng mạnh quy mô: tổng tài sản quản lý đạt 7.913 tỷ VNĐ, tăng 27,4% so với 2015. Tăng trưởng tài sản quản lý đến từ cả nguồn vốn huy động mới và từ hiệu quả đầu tư SSIAM mang lại cho khách hàng.

Đạt tỷ suất lợi nhuận cao cho các quỹ và danh mục quản lý.

Giải thưởng danh giá năm 2016

- “Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam” lần thứ 3 do Asia Asset Management bình chọn;
- “Tổng Giám Đốc của Năm” trong lĩnh vực quản lý quỹ tại Việt Nam cho bà Lê Thị Lệ Hằng, lần thứ 5 liên tiếp, do Asia Asset Management bình chọn.

7.913 TỶ VNĐ

Tổng tài sản quản lý năm 2016, tăng 27,4% so với 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Môi trường kinh doanh

Ngành quản lý quỹ Việt Nam đã ghi nhận nhiều bước tiến trong năm 2016. Theo số liệu của UBCKNN, tổng tài sản quản lý của ngành quản lý quỹ đạt 146.000 tỷ VNĐ cuối năm 2016, tăng 17% so với năm 2015. Tính đến cuối năm 2016, thị trường đón nhận thêm một quỹ mở mới ra đời, nâng tổng số quỹ đang hoạt động trên thị trường lên 30 quỹ đầu tư, trong đó bao gồm 17 quỹ mở với quy mô tài sản đạt 3.400 tỷ VNĐ. Nhà đầu tư cá nhân trong nước đã bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến sản phẩm của các công ty quản lý quỹ. Tính đến cuối năm 2016, theo ước tính của chúng tôi, tổng số nhà đầu tư tham gia vào quỹ mở đạt hơn 10.600 nhà đầu tư, tăng 65% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là những dấu hiệu tích cực cho thị trường và là động lực cho các công ty quản lý quỹ đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của nhà đầu tư trong thời gian tới.

Nhiều quỹ mở có hiệu quả đầu tư ấn tượng

Trên thị trường hiện nay có 13 quỹ mở cổ phiếu và cân bằng, và 5 quỹ mở trái phiếu đang hoạt động. Nhiều quỹ cổ phiếu trong năm 2016 tiếp tục có hiệu quả hoạt động cao hơn so với thị trường, góp phần xây dựng thêm niềm tin cho nhà đầu tư vào quỹ mở. Đặc biệt, một số quỹ có tỷ suất lợi nhuận từ 16-24%, vượt trội so với tăng trưởng của VNIndex là 14,8%. Đối với quỹ mở trái phiếu, tăng trưởng của các quỹ bị ảnh hưởng bởi xu hướng lãi suất thấp và ít biến động, tuy nhiên, hầu hết các quỹ đều có kết quả hoạt động khá tốt với tỷ suất lợi nhuận từ 7%-9%.

Quy mô quỹ mở tăng mạnh

Tính đến cuối năm 2016, tổng tài sản của quỹ mở nội địa trong nước đạt trên 3.400 tỷ VNĐ, tăng 70% so với cùng kỳ năm trước. Nhân tố chính giúp cải thiện tăng trưởng quy mô là hiệu quả hoạt động vượt trội của nhiều quỹ mở trong những năm gần đây, cũng như việc các công ty quản lý quỹ tích cực đưa thông tin về quỹ mở đến với công chúng đầu tư. Thêm vào đó, năm 2016, nhiều công ty quản lý quỹ tích cực mở rộng kênh phân phối chứng chỉ quỹ mở thông qua hệ thống ngân hàng. Việc tận dụng nguồn nhân lực và tập khách hàng của ngân hàng giúp sản phẩm quỹ mở tiếp cận tới nhiều nhà đầu tư cá nhân hơn.

Quy mô quỹ tăng đóng góp đáng kể vào giao dịch sôi động của chứng chỉ quỹ năm 2016. Theo thống kê của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tại thời điểm cuối tháng 10 năm 2016, qua 818 phiên giao dịch định kỳ, đã có hơn 1.100 tỷ chứng chỉ quỹ được giao dịch, với tổng giá trị giao dịch trên 1.667 tỷ VNĐ (tăng 76,29% về số phiên và 76,12% về giá trị giao dịch so với năm 2015). Trong đó, lệnh mua chứng chỉ quỹ tăng đột biến lên 5.231 lệnh với giá trị trên 1.000 tỷ VNĐ, tăng 258,24% về giá trị so với năm 2015.

Nguồn hàng cho quỹ đa dạng hơn với nhiều cổ phiếu chất lượng lên niêm yết

Quy mô quỹ tăng đòi hỏi nguồn hàng trên thị trường phải đa dạng hơn, yêu cầu nhiều cổ phiếu niêm yết đáp ứng tiêu chí thanh khoản cao và có giá trị vốn hóa lớn. TTCK năm 2016 đã chứng kiến nhiều cổ phiếu lên niêm yết là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước như Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (SAB – HOSE), Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội (BHN – HOSE), Tập đoàn Dệt may Việt Nam (VGT – UPCOM), Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV – UPCOM). Đây là thành quả của Chính phủ trong việc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa và niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung.

Văn bản pháp lý tạo điều kiện cho phát triển sản phẩm mới

Trong năm 2016, một số văn bản quy phạm pháp luật ra đời nhằm tạo hành lang pháp lý cho ngành quản lý quỹ phát triển sản phẩm mới.

Tháng 07/2016, Nghị định 88/2016/NĐ-CP quy định việc thành lập và hoạt động của Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện chính thức được ban hành. Đây là sản phẩm rất hấp dẫn khi cho phép người lao động chuẩn bị tài chính cho giai đoạn nghỉ hưu cũng như cung cấp thêm cho các doanh nghiệp một công cụ để giữ chân người tài. Việc hình thành quỹ hưu trí tự nguyện giúp danh mục sản phẩm của các công ty quản lý quỹ trở nên đa dạng hơn.

Về các sản phẩm trên TTCK phái sinh, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 11/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 42/2015/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh, và Thông tư 107/2016/TT-BTC về hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm. Các sản phẩm mới này dự kiến sẽ ra mắt trong năm 2017. Việc ra đời của các sản phẩm Hợp đồng tương lai và Chứng quyền giúp các công ty quản lý quỹ có thêm công cụ để phòng ngừa rủi ro cho các quỹ và danh mục đầu tư.

SSI AM khẳng định vị thế Công ty Quản lý Quỹ hàng đầu

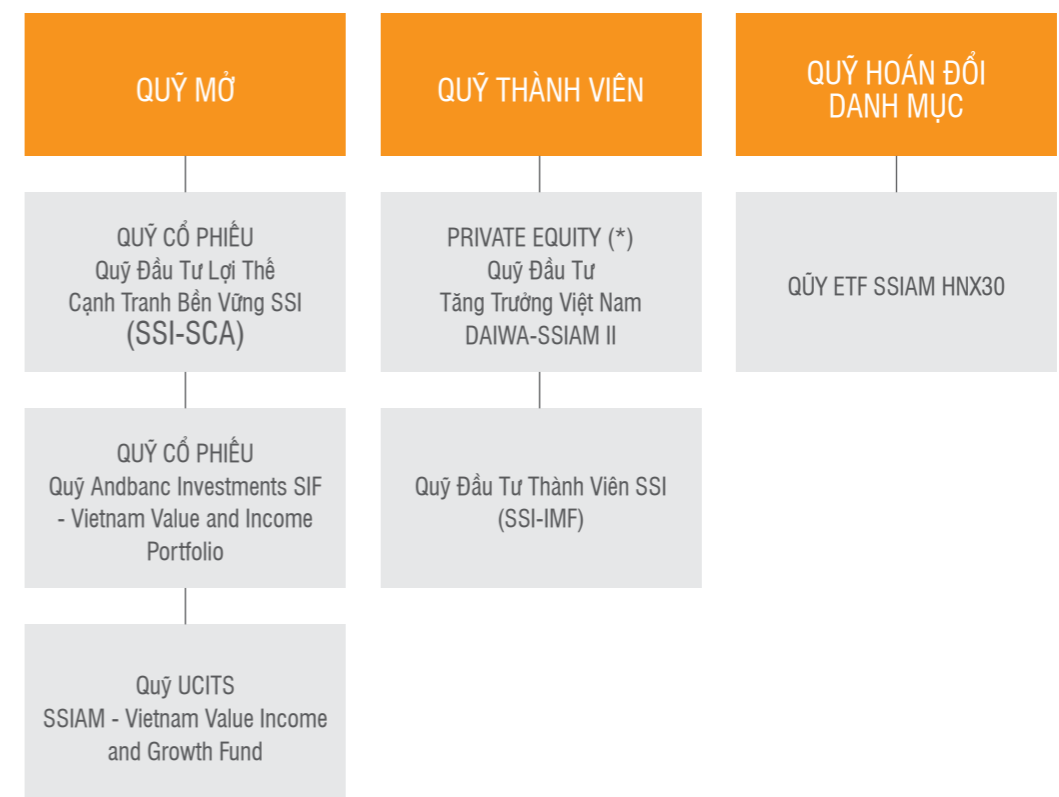
Huy Động Vốn

Năm 2016 tiếp tục là năm huy động vốn thành công của SSIAM từ các nhà đầu tư nước ngoài. Sau khi cho ra đời Quỹ Andbanc Investments SIF – Vietnam Value and Income Portfolio vào cuối năm 2015 với vốn góp từ các nhà đầu tư tổ chức Châu Âu, SSIAM đã tiếp tục huy động thành công Quỹ SSIAM UCITS - Vietnam Value Income and Growth Fund từ các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức Châu Âu vào tháng 11 năm 2016. Tổng giá trị tài sản quản lý của Quỹ SIF tăng trưởng hơn ba lần, từ 13,9 triệu USD cuối năm 2015 lên 52,2 triệu USD cuối năm 2016. Quỹ SSIAM UCITS đạt 15 triệu USD sau hơn 1 tháng thành lập. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các công ty quản lý quỹ, SSIAM vẫn là đối tác tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành quản lý quỹ Việt Nam.

Trong năm, SSIAM tiếp tục mở rộng khai thác nghiệp vụ quản lý danh mục cho các khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn. Tổng giá trị tài sản quản lý trong mảng này cuối năm 2016 đạt hơn 107 tỷ VNĐ, tăng 78,9% so với giá trị năm 2015. Đây là mảng kinh doanh nhiều tiềm năng nhưng cũng nhiều thách thức.

Để thực hiện kế hoạch huy động vốn đề ra, SSIAM đã nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao chất lượng quản lý nguồn vốn ủy thác. Quy trình đầu tư, quản trị rủi ro, quy trình kiểm soát nội bộ được vận hành bài bản và chuyên nghiệp, không chỉ đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật mà còn đảm bảo giảm thiểu xung đột lợi ích ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư. Với phương châm phát triển bền vững, SSIAM luôn hướng tới mục tiêu xây dựng niềm tin, sự minh bạch và tăng trưởng giá trị tài sản lâu dài cho nhà đầu tư.

Các quỹ đầu tư SSIAM đang quản lý



(*) Quỹ đầu tư vào các Công ty tư nhân

Hoạt Động Đầu Tư

Trong năm 2016, các quỹ đầu tư do SSIAM quản lý đều có tỷ suất lợi nhuận vượt trội so với chỉ số tham chiếu VN-Index. Trong khi đó quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng chỉ số HNX30 luôn bám sát mức biến động của chỉ số này.

• **Quỹ Đầu Tư Lợi Thê Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA)** có tỷ suất lợi nhuận đứng đầu thị trường quý mở nội địa, đạt 24,1%, vượt trội so với 14,8% của chỉ số VN-Index.

• **Quỹ ETF SSIAM HNX30** đạt được mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát hiệu quả hoạt động của chỉ số HNX30, với sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error) thấp, luôn duy trì dưới 1,05%.

• **Quỹ Đầu Tư Andbanc Investments SIF - Vietnam Value And Income Portfolio** là quỹ đầu tư đặc biệt (Special Investment Fund) đăng ký tại Luxembourg, do SSIAM quản lý danh mục đầu tư. Năm 2016, tỷ suất lợi nhuận của Quỹ (tính bằng USD) vượt xa tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng (hurdle rate) của quỹ là 10%.

	Tỷ suất lợi nhuận (%)			
	2014	2015	2016	Từ khi thành lập*
SSI-SCA	-1,8%	17,7%	24,1%	43,4%
VN-Index	-9,8%	6,1%	14,8%	9,9%

Kết quả hoạt động quỹ SSI-SCA * Ngày thành lập: 26/09/2014
Nguồn: SSIAM

	Tỷ suất lợi nhuận (%)			
	2014	2015	2016	Từ khi thành lập*
NAV/CCQ	-13,1%	-11,0%	3,6%	-19,8%
HNX30	-13,1%	-12,2%	1,7%	-22,5%

Kết quả hoạt động quỹ ETF SSIAM HNX30 * Ngày thành lập: 10/12/2014
Nguồn: SSIAM

Loại chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ (đơn vị)	Tỷ suất lợi nhuận (%) - tính bằng USD	
		2016	Từ khi thành lập*
A1 (USD)	119,46	19,72 %	19,46%
A1D (USD)	119,46	19,71%	19,46%
B1 (GBP)	140,55	39,35%	40,55%
B1D (GBP)	140,52	39,32%	40,52%
C1 (EUR)**	123,29	23,29%	23,29%
C1D (EUR)****	101,81	1,81%	1,81%
D1 (USD)***	103,72	3,72%	3,72%
VN-Index		13,39%	15,80%

Kết quả hoạt động Quỹ Đầu Tư Andbanc Investments SIF - Vietnam Value And Income Portfolio

Nguồn: Bloomberg, Adepta. Biến động Quỹ được tính sau khi đã trừ tất cả chi phí.

*Ngày thành lập 18/12/2015, **Loại C1 (EUR) được tính từ ngày bắt đầu 08/01/2016,

Loại D1 (USD) được tính từ ngày bắt đầu 15/07/2016; *Loại C1D (EUR) được tính từ ngày bắt đầu 11/11/2016

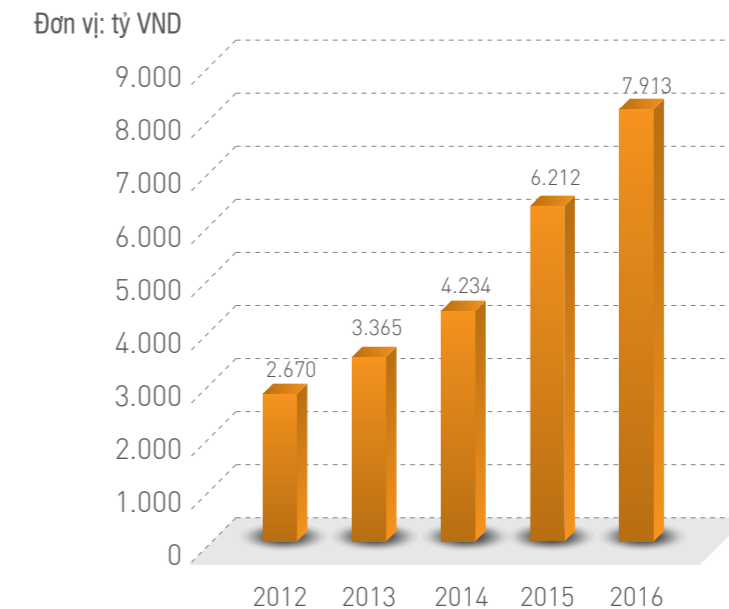
Nâng Cao Chất Lượng Nguồn Nhân Lực

Trong mảng quản lý danh mục ủy thác đầu tư cho khách hàng tổ chức, SSIAM cũng đạt hiệu quả đầu tư cao. Danh Mục Cổ Tức, danh mục khách hàng tổ chức lớn nhất với quy mô khoảng 1.287 tỷ VNĐ, đạt tỷ suất lợi nhuận năm 2016 là 48,4%.

Mảng quản lý danh mục đầu tư toàn bộ cho khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn cũng đạt được hiệu quả đầu tư tốt khi tỷ suất lợi nhuận trung bình các danh mục đạt 30% năm 2016.

Với việc huy động thành công nhiều nguồn vốn mới và hiệu quả đầu tư cao trên các mảng hoạt động, SSIAM tiếp tục có tăng trưởng tổng tài sản quản lý cao. Tính đến cuối năm 2016, SSIAM đang quản lý hơn 7.913 tỷ VNĐ, tăng 27,4% so với năm 2015.

Nguồn nhân lực mạnh là yếu tố chính cho sự thành công của Công ty. SSIAM luôn chú trọng xây dựng và cải thiện chính sách tuyển dụng và đào tạo nhân sự. Việc tuyển dụng tại Công ty được tổ chức công khai, minh bạch nhằm thu hút nhân sự có trình độ và kinh nghiệm. Mỗi nhân viên đều có cơ hội phát triển thông qua chính sách hỗ trợ kinh phí cho nhân viên tham gia khóa đào tạo và thi chứng chỉ trong nước cũng như quốc tế. Đồng thời, Công ty tạo điều kiện cho nhân viên tham dự các buổi đào tạo kỹ năng chuyên sâu từ Cơ Quan Quản Lý Nhà Nước hoặc các buổi đào tạo nội bộ của Công ty. Với chính sách thu nhập cạnh tranh và phù hợp với năng lực từng nhân viên, SSIAM thực hiện mục tiêu xây dựng môi trường làm việc tốt với đội ngũ làm việc có độ gắn kết cao, hướng tới sự ổn định về nhân sự. Trên quan điểm văn hóa doanh nghiệp mở và sáng tạo, chúng tôi luôn biết cách tiếp thu ý kiến từ đội ngũ nhân viên và thay đổi một cách phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.



Tổng tài sản quản lý

Nguồn: SSIAM

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

ĐIỂM NHẤN 2016

Doanh thu mảng Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI năm 2016 ở mức cao nhất trong nhiều năm gần đây, đạt 106,6 tỷ VNĐ, tăng 145% so với năm 2015.

Tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tại Việt Nam, tư vấn thành công nhiều giao dịch có quy mô lớn như Tư vấn chào bán 78,38 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) trị giá 11.286 tỷ VNĐ cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC); Tư vấn thoái cho các cổ đông tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE) cho Nhà đầu tư Taisho (Nhật Bản) với giá trị giao dịch gần 120 triệu USD; Tư vấn chào bán riêng lẻ theo hình thức dựng sổ cho Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL – HOSE) với giá trị giao dịch trên 100 triệu USD.

Nhận giải thưởng “Ngân hàng Đầu tư nội địa tốt nhất năm 2016” và “Nhà tư vấn nội địa tốt nhất năm 2016” do FinanceAsia trao tặng.

106,6 TỶ VNĐ

Doanh thu từ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tăng 145% so với năm 2015



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2016

Giá trị Mua bán – Sáp nhập (M&A) tại Việt Nam trong năm 2016 tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng và giá trị giao dịch. Theo thống kê của Viện Mua bán, Sáp nhập và Liên kết (IMAA), quy mô M&A tại Việt Nam trong năm 2016 đạt mức 5,6 tỷ USD với 640 giao dịch, phá kỷ lục của năm 2015 là 5,2 tỷ USD. Một số giao dịch lớn và nổi trội của năm 2016 có thể kể đến là Tập đoàn sản xuất đồ uống Singapore Fraser & Neave (F&N) của tỷ phú Thái Lan Charoen Sirivadhanabhakdi mua 78,38 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) trị giá 11.286 tỷ VNĐ; Central Group mua lại Big C Việt Nam, Singa trở thành đối tác chiến lược của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN – HOSE), Tập đoàn Vingroup (VIC – HOSE) mua lại hệ thống siêu thị Maximark, Taisho Nhật trở thành đối tác chiến lược của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE) v.v... Nếu như trong những năm trước đây, các giao dịch M&A phần lớn được tư vấn bởi các Ngân hàng đầu tư quốc tế thì trong năm 2016, Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI cũng đã tham gia tư vấn cho một số giao dịch M&A quy mô lớn.

Bên cạnh đó, sự kiện các cổ phiếu lớn lên sàn niêm yết trong năm 2016 như Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (BHN - HOSE), Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB - HOSE), Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL - HOSE), Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam (PLX), Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV - UPCOM), Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (QNS - UPCOM) đã thúc đẩy sự gia tăng mạnh mẽ quy mô vốn hóa của TTCK Việt Nam và tạo thêm nhiều cơ hội đầu tư, thu hút dòng vốn không chỉ ở trong nước mà còn từ nước ngoài vào Việt Nam.

Doanh thu mảng Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI trong năm 2016 đạt 106,6 tỷ VNĐ, tăng 145% so với năm 2015. Đây cũng là mức doanh số cao nhất của Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư SSI trong nhiều năm gần đây. Đạt được kết quả kinh doanh khả quan như vậy là do Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đã nỗ lực trong việc tiếp cận khách hàng và tư vấn thành công nhiều hợp đồng có giá trị giao dịch lớn trong năm 2016 như sau:

Tư vấn chào bán thành công 78,38 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) trị giá 11.286 tỷ VNĐ cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC). Đây là thương vụ có giá trị giao dịch cao nhất toàn Đông Nam Á trong năm 2016, cũng được xem là thương vụ thể hiện quyết tâm thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có quy mô lớn và có tầm ảnh hưởng đến TTCK Việt Nam. Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đã tham gia vào thương vụ này với vai trò là đơn vị tư vấn cho SCIC, cùng với hai đơn vị khác trong liên danh tư vấn bao gồm Morgan Stanley Asia (Singapore) Pte. và Công ty TNHH Vinacapital Corporate Finance Việt Nam.

Tư vấn thoái vốn cho các cổ đông tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE) cho Nhà đầu tư Taisho (Nhật Bản) – công ty được hàng đầu Nhật Bản với tổng giá trị giao dịch hơn 100 triệu USD Đây là một trong những thương vụ mua bán sáp nhập lớn nhất Việt Nam trong năm 2016 với sự tham gia của 34 bên bán là các nhà đầu tư tổ chức uy tín trong và ngoài nước.

Tư vấn chào bán toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan (PAN - HOSE) tại 2 Công ty con hoạt động trong mảng vệ sinh cho đối tác chiến lược Nhật là Nihon Housing Company Limited.

Tư vấn Huy động vốn thông qua chào bán riêng lẻ theo hình thức dựng sổ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL - HOSE) với tổng giá trị huy động thành công trên 120 triệu USD. Đây là đợt chào bán cổ phần quy mô lớn đầu tiên của một doanh nghiệp tư nhân theo hình thức dựng sổ với khoảng 85% nhà đầu tư tham gia mua cổ phần là các định chế tài chính nước ngoài lớn và uy tín, đến từ Hong Kong và Singapore.

Tư vấn nắm quyền chi phối cho Cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (DMC - HOSE) với tổng giá trị giao dịch 240 tỷ VNĐ.

Tư vấn phát hành trái phiếu và Đại lý phát hành Trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân và Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (KDC – HOSE), Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền (HAR – HOSE), Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2, Công ty Cổ phần Transimex (TMS – HOSE) với tổng giá trị huy động thành công hơn 2.394 tỷ VNĐ.

Tư vấn và làm đại lý phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi cho một số doanh nghiệp cho vay tiêu dùng như Cty TNHH Một thành viên Tài Chính Tiêu Dùng Home Credit Việt Nam, Công ty Tài chính TNHH HD Saison, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Phương Đông với tổng giá trị huy động thành công là 2.231 tỷ VNĐ.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

ĐIỂM NHẤN 2016

4.176 TỶ VNĐ

Tổng giá trị đầu tư tính theo giá trị thị trường tại ngày 31/12/2016

35,4%

Tỷ suất lợi nhuận danh mục đầu tư chủ động

32,8%

Tỷ suất lợi nhuận danh mục đầu tư thụ động



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2016

Đối với hoạt động đầu tư, SSI ủy thác toàn bộ cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) quản lý.

Chiến lược đầu tư của SSI là đầu tư giá trị. SSI tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các doanh nghiệp trong những ngành hưởng lợi nhất từ nền kinh tế như Nông nghiệp, Thủy sản, Tiệp vận (logistic) v.v..., nắm giữ tỷ lệ sở hữu lớn để có thể quản lý các khoản đầu tư này một cách chủ động. Theo đó, SSI tham gia vào Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và/hoặc Ban Kiểm Soát tại các doanh nghiệp này và làm việc sâu sát cùng Ban Điều Hành doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực để gia tăng giá trị doanh nghiệp, hướng đến phát triển bền vững cho doanh nghiệp trong dài hạn. Bằng cách này, doanh nghiệp cũng có lợi và SSI cũng tăng giá trị của khoản đầu tư.

Quan điểm sàng lọc các Công ty đầu tư của SSI luôn dựa trên yếu tố cơ bản của doanh nghiệp kết hợp với định giá hấp dẫn của cổ phiếu so với tiềm năng tăng trưởng của công ty, đồng thời không bỏ qua yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp. SSI cũng tập trung nhiều hơn vào các công ty có giá trị vốn hóa trung bình, do các công ty này có tiềm năng tăng trưởng tốt hơn các công ty có vốn hóa lớn.

Thực hiện chiến lược đầu tư này trong nhiều năm qua, trong năm 2016, SSI đã thực hiện thoái vốn thành công ở một số khoản đầu tư đã đạt kỳ vọng lợi nhuận. SSI đang tiếp tục bắt đầu lại chu trình đầu tư này lại bằng việc tìm kiếm và đầu tư vào các doanh nghiệp tiềm năng khác, dần dần tăng sở hữu để tham gia vào HĐQT và từ đó tăng giá trị công ty. Kết quả là danh mục đầu tư áp dụng chiến lược này của SSI tăng 35,4% năm 2016 (vượt trội so với tăng trưởng của chỉ số thị trường VNIndex là 15%).

Đối với các khoản đầu tư có chiến lược đầu tư thụ động, theo đó SSI không tham gia HĐQT công ty, mà sử dụng chiến lược phân bổ tài sản hợp lý, tăng tỷ trọng đầu tư vào những ngành được hưởng lợi từ các biến động của kinh tế thế giới và trong nước, bao gồm các ngành được hưởng lợi từ nguyên liệu đầu vào thấp (do giá cả hàng hóa giảm), và các nhóm ngành hưởng lợi từ hiệp định thương mại tự do v.v... Tỷ suất lợi nhuận các khoản đầu tư này đạt mức 32,8% năm 2016.

CÔNG TY LIÊN KẾT

CHIẾN LƯỢC “ĐỒNG HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÙNG CÔNG TY LIÊN KẾT”

Tính đến cuối năm 2016, SSI có 3 Công ty liên kết. Đây là những công ty dẫn đầu ngành, có doanh thu, lợi nhuận ổn định, mức chi trả cổ tức cao, và có sản phẩm chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Cả 3 Công ty liên kết của SSI nằm trong chuỗi giá trị Nông nghiệp - Thực phẩm, Vận tải và Kho bãi.

Trong năm 2016, SSI đã tiếp tục cùng các Công ty liên kết tái cơ cấu chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp. Hầu hết tỷ suất lợi nhuận ở các Công ty này trong năm 2016 ở mức cao hơn so với năm trước. Các Công ty cũng đẩy mạnh việc tìm đối tác để xây dựng chuỗi giá trị và nâng cao giá trị của mình. Một trong 3 công ty liên kết của SSI, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE), đã được bình chọn đứng thứ 6 trong top 50 Doanh Nghiệp có tăng trưởng mạnh trong năm 2016.




SSI xác định cốt lõi của nền kinh tế Việt Nam từ trước đến nay vẫn là ngành Nông nghiệp. Mặc dù tỉ trọng Nông nghiệp của Việt Nam đã giảm trong cơ cấu kinh tế quốc dân, nhưng vẫn đóng góp 18% tổng giá trị xuất khẩu trong năm 2016 (tương đương 31,2 tỷ USD). Hơn thế nữa tổng giá trị nông nghiệp đã tăng gấp 3 lần từ 11,8 tỷ USD vào năm 2006 lên 38,6 tỷ USD trong năm 2016. Đứng trước sự hội nhập của nền kinh tế như hiện nay, SSI đánh giá là những cơ hội cho Nông nghiệp Việt Nam với nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm tích lũy và quỹ đất màu mỡ, nhiều vùng có khí hậu thuận lợi. Tuy nhiên cũng như những ngành khác, ngành Nông nghiệp cũng sẽ gặp những thách thức đối với năng lực cạnh tranh.



Những năm qua, ngành Tiếp vận nước ta có tốc độ phát triển từ 10% - 15%/năm và chiếm 20% GDP của Việt Nam. Hiện cả nước có khoảng 1.200 doanh nghiệp làm ngành này và chỉ số năng lực quốc gia về Tiếp vận (LPI) của Việt Nam đã tăng tính cạnh tranh nhờ vào những cải thiện thể chế pháp lý của Nhà nước và nỗ lực của các doanh nghiệp tiếp vận. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2014, chỉ số LPI của Việt Nam còn thấp so với Thái Lan (35), Trung Quốc (28), Malaysia (25) v.v... Các Doanh nghiệp trong nước chiếm thị phần nhỏ và chỉ tập trung vào các Dịch vụ Vận tải và Vận hành các tài sản liên quan như Cảng và Dịch vụ bốc dỡ, Thủ tục thông quan. Nguyên nhân chính là do các doanh nghiệp trong nước bị phân tán bởi các yếu tố hạ tầng, quy mô hoạt động nhỏ lẻ. Ngoài ra, khoảng 85% doanh nghiệp chỉ nằm trong giai đoạn đầu của chuỗi giá trị ngành, tức là chủ yếu hoạt động ở mô hình Dịch vụ tiếp vận kho bãi (1PL) và Dịch vụ giấy phép xuất khẩu kho bãi và thuê ngoài (2PL). Các Dịch vụ 4PL (cung cấp dịch vụ tiếp vận thứ tư hay tiếp vận chuỗi phân phối) chưa được phát triển do cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện và nhu cầu sử dụng tiếp vận trong các ngành hàng cũng chưa thực sự phát triển. Hiện nay, cầu phần lớn nhất trong chi phí tiếp vận là chi phí vận tải và chủ yếu tập trung vào hàng tiêu dùng.

Trong quá trình hỗ trợ các Công ty liên kết tái cơ cấu chi phí, SSI nhận thấy rằng ngành Tiếp vận là một ngành tiềm năng và nếu xâu chuỗi được vào trong chuỗi giá trị của ngành Hàng tiêu dùng và Nông Lâm Ngư nghiệp thì tốc độ tăng trưởng sẽ rất cao. Những chuỗi giá trị như vận hành các hệ thống kho bãi, đặc biệt là kho chuyên dụng như kho lạnh với nhiều tiêu chí kỹ thuật cao đang là nhu cầu của các doanh nghiệp trong ngành Hàng tiêu dùng, Nông Lâm Ngư nghiệp cũng chưa được các Doanh nghiệp Tiếp vận trong nước đầu tư phát triển.

SSI và sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội trong ngành Nông nghiệp và Tiếp vận trong những năm tới.

Tên, Địa chỉ và Logo công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết (*)	Kết quả kinh doanh 2016	Thành viên trong HĐQT/BKS
<p>1 CTCP Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) Số 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM</p>  <p>THE PAN GROUP</p>	<p>Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ sau thu hoạch Kinh doanh bất động sản Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính) Dịch vụ tư vấn quản lý Dịch vụ nghiên cứu thị trường Dịch vụ vệ sinh nhà cửa.</p>	1.023.424.970.000	20,10%	<p>Doanh thu đạt 2.752 tỷ VNĐ, tương đương 83% kế hoạch và tăng 103% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ VNĐ, tăng 119% so với kết quả năm 2015. Kết quả đạt được là do: (i) Có sự đóng góp của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương (NSC – HOSE); (ii) Kết quả kinh doanh tốt đến từ các công ty con khác như Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN, Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF – HOSE), Công ty Cổ phần Bibica (BBC – HOSE). Công ty đang duy trì trả cổ tức 10% hàng năm.</p>	2 thành viên HĐQT 1 thành viên BKS
<p>2 CTCP Cảng Đồng Nai (PDN - HOSE) Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai</p> 	<p>Kinh doanh khai thác cầu cảng kho bãi Xếp dỡ và vận tải hàng hoá trong và ngoài cảng Dịch vụ sửa chữa phương tiện xếp dỡ và vận tải Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải Cung cấp nhiên liệu cho tàu xe (xăng dầu, dầu nhớt,...) Dịch vụ vận chuyển taxi Mua bán vật liệu xây dựng: đất đá, cát, sỏi Tổ chức dịch vụ giải trí cho thuyền viên: cửa hàng miễn thuế, câu lạc bộ thủy thủ Khảo sát thiết kế, thi công các công trình giao thông Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất Mua bán nhập khẩu gỗ tròn, sắt thép các loại, hàng nông sản (trừ bông vải, hạt điều) Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật</p>	123.479.870.000	20,01%	<p>Doanh thu đạt 422 tỷ VNĐ, tương đương 120% kế hoạch, tăng trưởng 131% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 66 tỷ VNĐ, tương đương 132% kế hoạch, tăng 29% so với năm 2015. Công ty đang duy trì trả cổ tức khoảng 17 - 20% hàng năm.</p>	1 thành viên HĐQT 1 thành viên BKS
<p>3 CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG - HOSE) 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh</p>  <p>VFC Chất lượng đích thực</p>	<p>Sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng Cung cấp dịch vụ khử trùng Sản xuất và kinh doanh giống cây trồng</p>	176.854.360.000	20,01%	<p>Doanh thu đạt 2.283 tỷ VNĐ, đạt 98% kế hoạch và tăng 13% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 146 tỷ VNĐ, bằng 100% kế hoạch và tăng 5% so với năm 2015.</p>	1 thành viên HĐQT 1 thành viên BKS

(*) Số liệu tính theo tỷ lệ biểu quyết



YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2016 là năm bận rộn của Bộ phận Công nghệ Thông tin (CNTT) SSI. Một mặt, SSI tiếp tục duy trì một môi trường công nghệ đảm bảo cho việc vận hành trơn tru và nhanh chóng của các hoạt động kinh doanh. Mặt khác, Công ty cũng dành nhiều công sức đưa vào sử dụng các giải pháp cho phép doanh nghiệp đối mặt các thách thức mới trên thị trường.

VẬN HÀNH HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Với sự tăng cường về hệ thống dự phòng và thực hiện sản phẩm phần mềm tuân theo vòng đời phát triển (SDLC), sự cô kỹ thuật đã được giảm thiểu tối đa và thời gian hồi phục hệ thống cũng giảm đáng kể. Cụ thể, trong năm 2016, Bộ phận CNTT SSI đã xử lý đạt trung bình 96% trên tổng số hơn 12.000 yêu cầu dịch vụ nằm trong cam kết dịch vụ SLA.

SSI tiếp tục tăng cường đội ngũ Chuyên viên phân tích nghiệp vụ (Business Analyst) bằng cách tuyển dụng những nhân sự có nền tảng kinh nghiệm vững chắc về nghiệp vụ chứng khoán. Đội ngũ này giúp cải thiện đáng kể thời gian xử lý yêu cầu nghiệp vụ mới, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Điều này cho phép Bộ phận CNTT đặt hầu hết nỗ lực vào việc triển khai công nghệ cùng giải pháp nghiệp vụ mới.



TÍNH SẴN SÀNG VÀ ỔN ĐỊNH

Môi trường ổn định cho hoạt động kinh doanh luôn là ưu tiên hàng đầu trong việc vận hành công nghệ. Chính vì vậy, SSI đã dành nhiều thời gian nâng cấp và/ hoặc duy trì sự ổn định của hệ thống.

Trong năm 2016, Bộ phận CNTT SSI đã tiên hành nâng cấp trung tâm dữ liệu lên theo tiêu chuẩn Tier 3, với khả năng đảm bảo dự phòng phù hợp cho hệ thống máy chủ và hệ thống lưu trữ, thiết bị lưu điện (UPS) kép, đường truyền dữ liệu kép, điều hòa dự phòng (tiêu chuẩn dành cho cơ sở dữ liệu) và máy phát điện kép. Bộ phận tiếp tục duy trì và đảm bảo giải pháp không để xảy ra lỗi gây tắc nghẽn hệ thống, và có công suất thích hợp cho tất cả trường hợp có hoặc không dự tính trước trong quá trình vận hành nghiệp vụ. Các quy trình về sao lưu/ phục hồi bảo vệ tránh trường hợp thất thoát dữ liệu cũng được tập trung phát triển.

Kế hoạch phục hồi thảm họa (Disaster Recovery Plan – DRP) được xem xét lại hàng quý. Năm nay, SSI bổ sung thêm 5 trường hợp DRP theo cách phục hồi tự động, với tổng số là 44/48 trường hợp. Đối với 4 kịch bản còn lại, SSI đã thêm vào trong hệ thống mới sẽ được đưa vào sử dụng sớm trong năm 2017, và sẽ được thực hiện diễn tập định kỳ vào tháng 11.



BẢO MẬT THÔNG TIN

Bảo mật thông tin cũng là 1 lĩnh vực được Bộ phận CNTT đặt ở vị trí trọng tâm. SSI nhận thức đầy đủ rằng 1 cuộc tấn công đơn giản có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh. Công ty cũng hiểu môi đe dọa an ninh công nghệ có thể tăng rất nhanh. Chính vì vậy, SSI có các chuyên gia trong lĩnh vực này phụ trách các vấn đề về an ninh công nghệ.

SSI thực hiện công nghệ bảo mật dưới 3 hình thức khác nhau: các thiết bị của người dùng cuối, hạ tầng công nghệ của trung tâm dữ liệu, và môi trường bên ngoài. Đối với từng hình thức, chúng tôi có các phương pháp bảo vệ phù hợp, như phần mềm diệt virus và chống thất thoát dữ liệu cho người dùng cuối; tường lửa, diệt virus ở tầng máy chủ, chống thư rác trên các phương tiện email để bảo vệ trung tâm dữ liệu; phòng chống các cuộc tấn công mạng, dò quét các điểm yếu, lỗ hổng của hệ thống để chủ động ngăn chặn và bảo vệ tránh sự xâm nhập và tấn công từ bên ngoài.

Ngoài ra, SSI cũng có những chính sách và quy trình quản lý hoạt động vận hành công nghệ thông tin một cách thích hợp, đảm bảo tính bảo mật. SSI cũng tiếp tục tinh chế, cải thiện và duy trì hệ thống bảo mật để đối phó với những mối đe dọa an ninh có thể xảy ra trong tương lai.

SỰ SÁNG TẠO

“Đi trước để sẵn sàng cho thách thức” là khẩu hiệu của Bộ phận CNTT SSI.

Năm 2016, Bộ phận CNTT SSI thực hiện quy trình chuyên sâu để lựa chọn ra giải pháp thay thế hệ thống core cho TTCK cơ sở và triển khai giải pháp cho TTCK phái sinh. Hai nhà cung cấp được lựa chọn đều là những đơn vị có uy tín trong lĩnh vực này. Các giải pháp cung cấp được cấu hình phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ, đối phó với những thách thức mới trong ngành chứng khoán. Với các giải pháp này, hệ thống giao dịch của SSI đã đủ đáp ứng các giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tương lai chỉ số và trái phiếu, chứng quyền và các công cụ phái sinh khác sẽ được giới thiệu trên thị trường Việt Nam trong tương lai.

Giải pháp khai thác dữ liệu (Business Intelligence) là một trong những cải tiến công nghệ chủ chốt của SSI. Năm 2016, Bộ phận CNTT đã tiến hành phân tích chuyên sâu các yêu cầu cho lĩnh vực này, và hoạch định được kế hoạch thực hiện. Đồng thời, quá trình phân tích thông tin cũng được hoàn thiện. Năm 2017, chúng tôi sẽ triển khai theo kế hoạch.

Về mặt cải tiến công nghệ và quy trình, phương thức phát triển phần mềm (mô hình Agile) đã được ứng dụng trong một số lĩnh vực, và sẽ tiếp tục áp dụng phương pháp này tới toàn bộ Bộ phận cũng như các phòng ban khác.

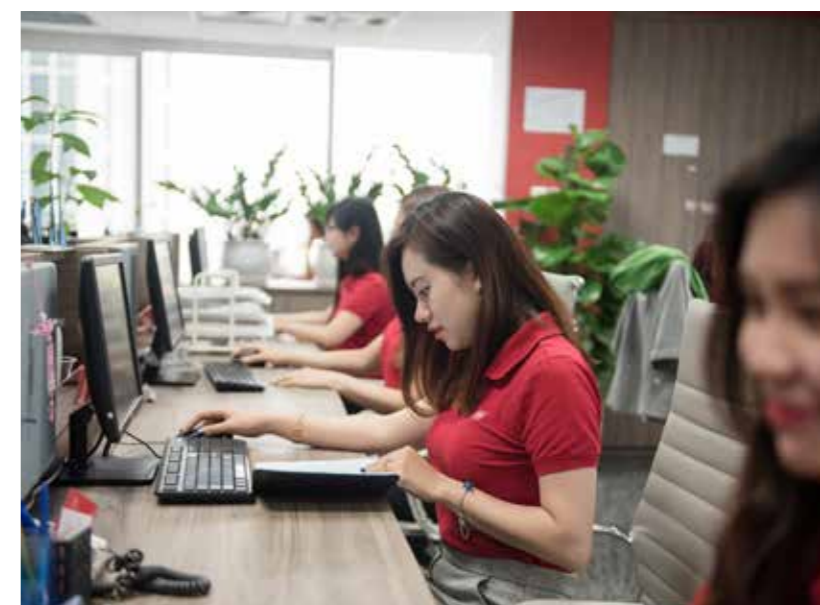
Năm 2017, SSI cũng sẽ tập trung đưa vào sử dụng 2 nền tảng giao dịch mới cũng như tăng tính tự động hóa trong nghiệp vụ. Giải pháp cung cấp cho khách hàng thân thiết cũng là 1 trong những trọng tâm hoạt động trong năm tới.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

SSI luôn tin rằng, bằng cách tối đa hóa động lực của mỗi nhân viên, SSI có thể tăng mức độ hài lòng của khách hàng và liên tục nâng cao giá trị mang lại cho cổ đông. SSI đã thực hiện nhiều biện pháp để có thể đảm bảo rằng mọi thành viên trong Công ty đều cảm thấy hài lòng với công việc và nuôi trong mình động lực tiếp tục phát triển hơn nữa cùng Công ty. Trong suốt 17 năm hoạt động, SSI đã xây dựng được và đang tiếp tục nuôi dưỡng Văn hóa SSI – một tinh thần đặc trưng của SSI – tinh thần đề cao sự đoàn kết, tinh hợp tác và sức sáng tạo để chinh phục mọi khó khăn, thử thách.

Xây dựng được một nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao và đủ khả năng thích ứng với những biến đổi liên tục của môi trường cạnh tranh khốc liệt. Mỗi cá nhân trong Công ty được bồi dưỡng, tạo cơ hội để được thử sức và phát huy tài năng trong một môi trường đoàn kết, gắn bó cùng chung một mục tiêu. Đặc biệt, tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực then chốt, kết hợp giữa những kiến thức được trang bị ở quốc tế với kinh nghiệm lâu năm tại Việt Nam. SSI luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc trung thực, cởi mở và là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới, chế độ đãi ngộ tương xứng và truyền tải sự tự hào và quyền sở hữu trong Công ty.



HOẠT ĐỘNG TUYỂN CHỌN VÀ NUÔI DƯỠNG NHÂN TÀI

SSI luôn hướng tới nuôi dưỡng nguồn động lực cho nhân viên từ những bước đầu tiên của quá trình tuyển dụng để thúc đẩy sự gắn bó lâu dài của các thành viên với SSI. Quy trình tuyển dụng luôn được nghiêm túc tuân thủ, đảm bảo sự minh bạch và công bằng trong công tác tuyển chọn nhân lực, nhằm mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên và tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Chúng tôi coi trọng việc tuyển dụng những nhân sự phù hợp, ở tất cả mọi chủng tộc, quốc tịch, giới tính, tuổi tác. Cơ hội tuyển dụng được mở rộng cho tất cả những ứng viên từ mọi miền trên đất nước Việt Nam và từ các quốc gia khác. SSI luôn chào đón những ứng viên năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những cơ hội và thử thách đến từ công việc và môi trường kinh doanh của SSI.

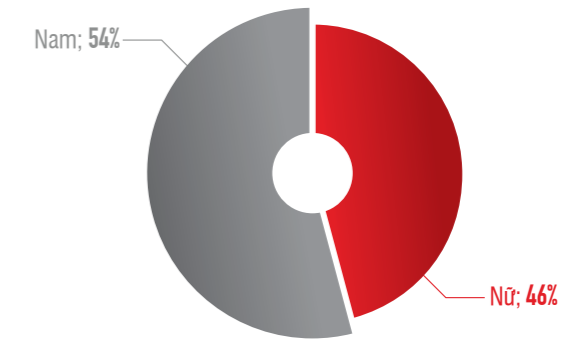
Năm 2016, đã có 206 thành viên mới trên toàn hệ thống tham gia vào đội quân SSI để tăng cường lực lượng cũng như thay thế nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty, tăng 15% so với năm 2015. Trong đó, độ tuổi chủ yếu ở khoảng dưới 30 tuổi, có trình độ, được đào tạo bài bản với tỷ lệ 90% đại học và 10% sau đại học, năng động, nhiệt huyết và giàu tính sáng tạo.

Trong tình hình cạnh tranh ngày càng cao, SSI tiếp tục phát triển các kênh tuyển dụng có độ tương tác cao với ứng viên để nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin tuyển dụng cũng như tối đa hóa hiệu quả tuyển dụng. Thông qua các kênh thông tin này, SSI mong muốn kết nối và trao đổi thông tin hai chiều, thường xuyên hơn với ứng viên trong quá trình ứng viên tham gia tuyển dụng. Tăng cường thông tin trao đổi cũng sẽ tăng nhận thức về thương hiệu nhân sự SSI, để hỗ trợ việc tuyển chọn nguồn lực phù hợp với nhu cầu của mình. Năm 2016 SSI đã phát triển các kênh tuyển dụng qua mạng xã hội tuyển dụng Linked In một cách chuyên nghiệp, mở rộng mạng lưới ứng viên một cách chủ động và hiệu quả, tăng cường kết nối để đáp ứng nhu cầu mở rộng nguồn nhân lực của Công ty. SSI tiếp tục khai thác các kênh truyền thông đa dạng để mở rộng quảng bá cơ hội làm việc và môi trường làm việc tại SSI.

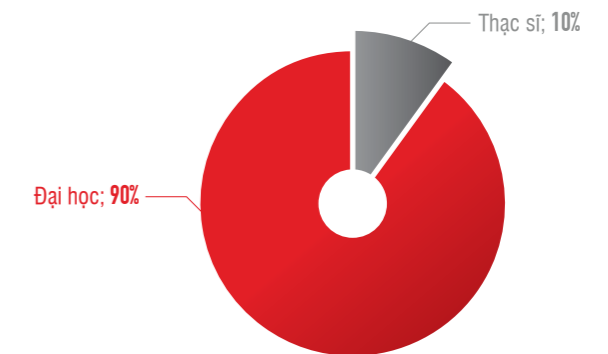
Ngoài các loại hình nhân viên truyền thống, chúng tôi xác định mình là một cái nôi nuôi dưỡng, đào tạo nhân lực trẻ và mới trong ngành chứng khoán để họ có cơ hội cọ xát, tìm hiểu môi trường làm việc chuyên nghiệp, góp phần hỗ trợ họ xác định định hướng nghề nghiệp của mình, cũng như kết nối nguồn nhân lực trẻ với nhu cầu của SSI thông qua các chương trình Thực tập sinh SSI và Nhân viên Môi giới học việc. Chương trình Thực tập sinh SSI đã được thực hiện 3 năm liên tiếp, qua các khâu tuyển chọn và chương trình thực tập nghiêm túc, bài bản đã phần nào giúp các em sinh viên mới ra trường có nhận thức sát thực tế hơn về công việc tại SSI, và cũng đã giúp SSI tuyển chọn được những ứng viên phù hợp với các vị trí chính thức tại Công ty. Chương trình Môi giới học việc được triển khai năm 2016 dành cho các đối tượng là sinh viên mới ra trường với chuyên ngành Kinh tế/ Tài chính/ Ngân hàng, hoặc các ứng viên chưa có kinh nghiệm trong ngành chứng khoán có đam mê và muốn thử sức ở lĩnh vực Môi giới. Mục đích của Chương trình là để tạo nguồn lực trẻ, chất lượng, nhiệt huyết, có định hướng gắn bó lâu dài với ngành và Công ty. Với Chương trình này, ứng viên sẽ được đào tạo, hướng dẫn từ những bước cơ bản nhất để trở thành Nhân viên Môi giới tại SSI thông qua thực tế làm việc và các buổi đào tạo được thiết kế riêng. Với cách làm này, SSI mong muốn giúp ứng viên có cái nhìn thực tiễn về một môi trường làm việc tại công ty chứng khoán, và cũng đóng góp vào sự phát triển nguồn lực lâu dài và bền vững tại SSI.

SSI tin rằng nguồn lực nội bộ của SSI chính là những người có cam kết cao nhất, hiểu yêu cầu công việc tại SSI nhất, vì vậy chúng tôi dành cơ hội tuyển dụng nội bộ, hay nói cách khác là luôn dành cơ hội điều chuyển đến các vị trí đang mở và phù hợp tại Công ty để nhân viên có cơ hội thử sức, phát triển cho phù hợp hơn với khả năng bản thân và nhu cầu của Công ty. Tuyển dụng nội bộ cũng được thực hiện với quy trình rõ ràng, chuyên nghiệp và minh bạch để đảm bảo sự công bằng trong các cơ hội tuyển dụng tại SSI.

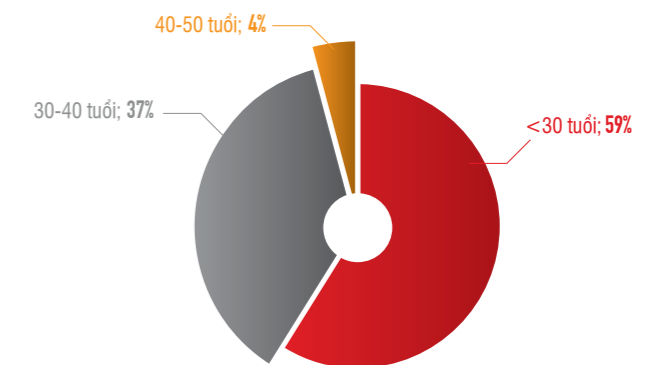
Để tiếp tục duy trì nguồn lực có chất lượng và mang đậm tinh thần SSI, chúng tôi luôn chú trọng việc tạo ra một môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân được khám phá và phát huy mọi năng lực tiềm tàng của mình để đóng góp một cách tốt nhất cho Công ty. Chúng tôi tạo điều kiện cho sự sáng tạo, khuyến khích cách nghĩ và cách làm mới, sẵn sàng mang lại cơ hội thử nghiệm và phát triển cho tất cả thành viên SSI. Đó cũng là cách giữ gìn và bồi dưỡng nguồn nhân lực đạt tiêu chuẩn cao và linh hoạt đáp ứng yêu cầu thị trường không chỉ trong nước mà còn hướng tới các thị trường quốc tế.



Thông kê tỷ lệ giới tính nhân sự mới tuyển dụng năm 2016



Thông kê trình độ học vấn nhân sự mới tuyển dụng năm 2016



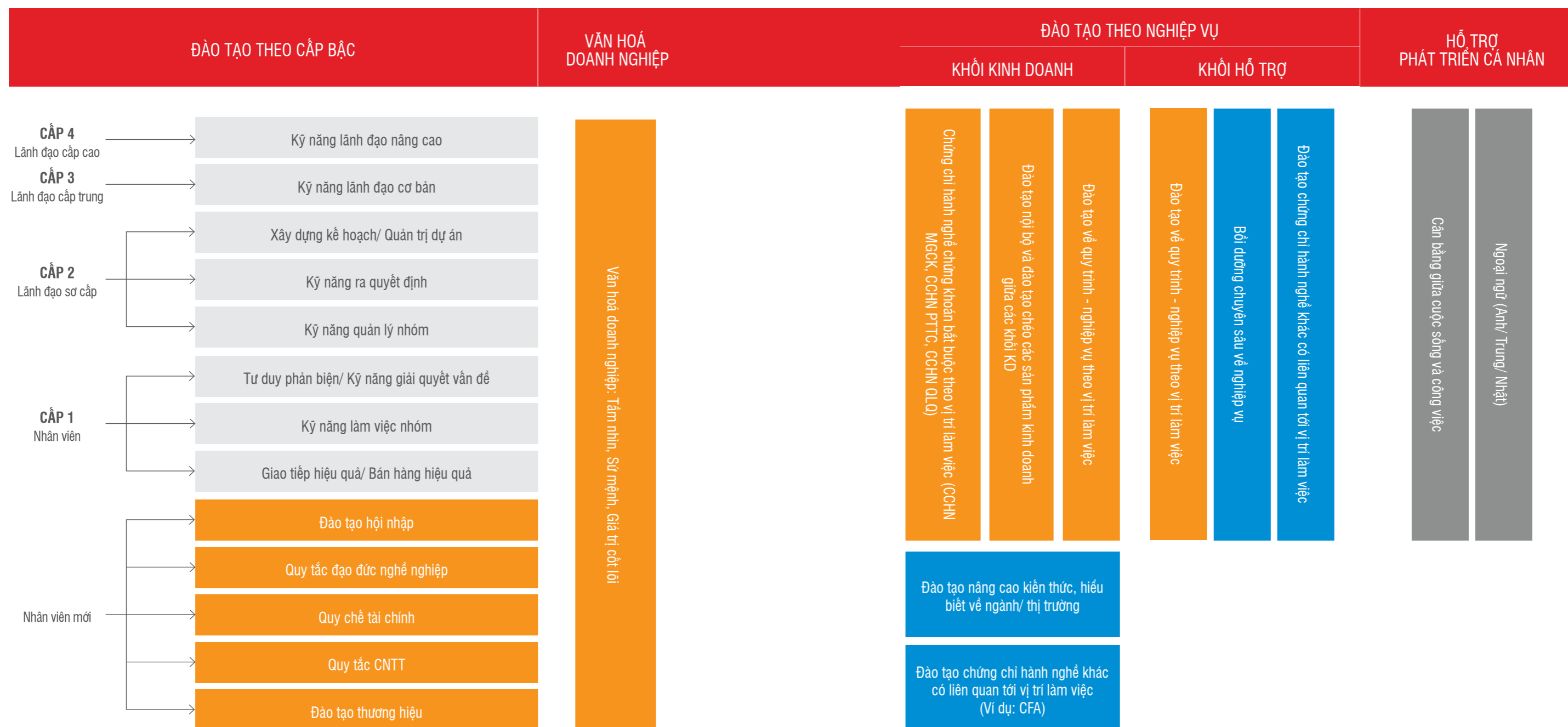
Thông kê độ tuổi nhân sự mới tuyển dụng năm 2016

Nguồn: SSI

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, LIÊN TỤC CÓ NHỮNG TIẾN BỘ VỀ MẶT CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VÀ KỸ NĂNG

Trong lĩnh vực hoạt động, SSI luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ, sự biến động của kinh tế vĩ mô cũng như những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Xác định rõ nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh cho SSI, chúng tôi tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường. Ngoài việc tuyển chọn kỹ càng từ đầu vào, SSI luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty:

- Đào tạo nội bộ bắt buộc
- Đào tạo bên ngoài theo đề xuất của cá nhân/ bộ phận
- Đào tạo bên ngoài theo cấp bậc dựa vào đề xuất của BP Nhân sự & QĐ của Ban lãnh đạo
- Khóa học tự chọn (không bắt buộc)



SSI đã xây dựng hàng loạt các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên ở tất cả các cấp bậc phù hợp với yêu cầu tại vị trí, nhằm đảm bảo cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ hiện tại của họ, cũng như khuyến khích họ tiếp tục trau dồi và phát triển sự nghiệp tại SSI. Hướng tới một tổ chức luôn sẵn sàng học hỏi “learning organization”, đào tạo vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tập thể. Năm 2016, Công ty đã lên kế hoạch chi tiết và dành ngân sách 5 tỷ VNĐ cho các hoạt động đào tạo chính thức và không chính thức thông qua các lớp học trực tiếp, lớp học từ xa, và thông qua việc đào tạo trực tiếp trong công việc.

Ngay từ khi mới gia nhập, mọi nhân viên SSI đều tham gia khóa Đào tạo định hướng (Orientation training), và trong suốt quá trình làm việc nhân viên liên tục được đào tạo tại chỗ (on the job training) để đảm bảo yêu cầu công việc. Với quy chế khuyến khích việc tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, cũng như nghiêm túc thực hiện quy định về đào tạo bắt buộc của Ủy Ban Chứng Khoán, đội ngũ SSI không ngừng tăng tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ hành nghề, cũng như các Chứng chỉ chuyên môn khác như CFA, ACCA...

Năm 2016, Công ty đã tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và cử nhân viên tham gia đào tạo các khóa đào tạo bắt buộc theo quy định với tổng thời lượng xấp xỉ 18.000 giờ đào tạo (đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ) và 13.586 giờ đào tạo bắt buộc. Công tác đào tạo nội bộ tiếp tục được đẩy mạnh trong các Khối nghiệp vụ trên toàn hệ thống qua những buổi đào tạo, hội thảo nội bộ, buổi trao đổi ý kiến... được tích cực đón nhận. Chính sách riêng đối với giảng viên nội bộ để khuyến khích các cá nhân tự trau dồi và tăng cường chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong tổ chức tiếp tục phát huy hiệu quả, đội ngũ giảng viên nội bộ từng bước nâng cao năng lực đào tạo và đã tổ chức được những khóa học hữu ích, sát thực tế. Với những giảng viên nội bộ giàu kinh nghiệm, luôn chủ động cập nhật kiến thức và nhiệt tình, các chương trình đào tạo nội bộ được tổ chức liên tục vào các cuối tuần đã nhận được sự ủng hộ và có tác động tích cực trong đội ngũ.

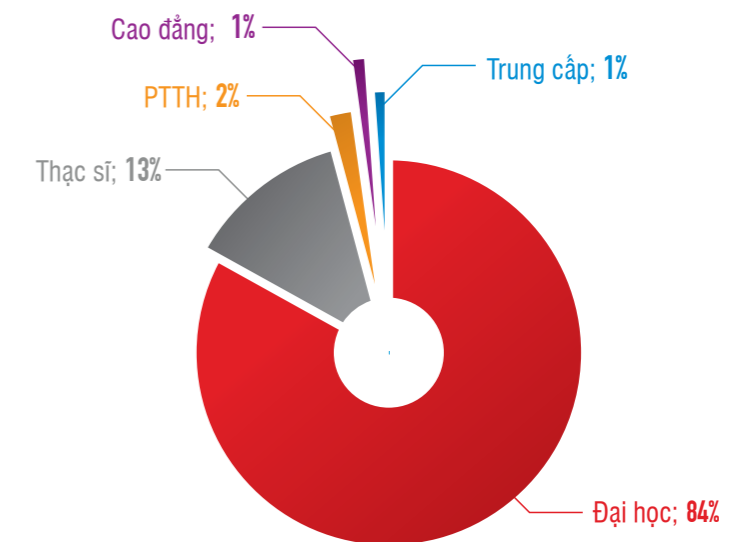
Căn cứ vào Chương trình đào tạo theo cấp bậc, hay có thể hiểu đây là một Bản đồ Đào tạo của Công ty, chúng tôi tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng cho từng phân khúc đối tượng nhân viên chuyên biệt, những Chuỗi Đào tạo Kỹ năng Lãnh Đạo, Kỹ năng Trình bày tạo ảnh hưởng cao hay Kỹ năng Bán Hàng Đạt Lợi Thế cũng đã góp phần truyền cảm hứng, tăng động lực, cung cấp thêm công cụ để nâng cao hiệu quả công việc. Các khóa đào tạo này mang tính nền tảng, giúp nhân viên có cách nhìn nhận, thái độ với công việc nói riêng và cuộc sống nói chung một cách tích cực, khoa học, phát triển thêm những kỹ năng trong giao tiếp và các xử lý tình huống hiệu quả, chuyên nghiệp. Thêm vào đó, việc tham gia các lớp đào tạo này cũng gắn kết đội ngũ và tăng cường chia sẻ những trải nghiệm thực tế trong công việc để từng thành viên hiểu nhau hơn.

Các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cũng luôn được quan tâm không chỉ ở các Khối kinh doanh, mà còn được chú trọng các Khối Quản trị và Hỗ trợ. Các khóa đào tạo về Quản trị Công ty, Quản trị Dự án (PMP), nâng cao chuyên môn Kế toán; Phân tích Tài chính Doanh nghiệp, các khóa học về Marketing, nâng cao và cập nhật chuyên môn quản lý Nhân sự được tổ chức phối hợp bởi các đối tác đào tạo chuyên nghiệp và uy tín đã góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng công việc trong cả Công ty.

SSI tin rằng nhân viên SSI cần có một sự hiểu biết vững chắc về những giá trị cốt lõi và các tuân thủ quy tắc đạo đức của tổ chức để SSI có thể tiếp tục phát triển một cách bền vững, vượt qua được các thử thách cũng như hạn chế được những rủi ro. Vì vậy hàng năm SSI đều tổ chức các kỳ đào tạo về Quy tắc Đạo Đức do Bộ phận Luật & Kiểm soát tuân thủ chủ trì với sự tham gia của toàn thể nhân viên. Tại những buổi đào tạo này, nhân viên không những được phổ biến, cập nhật thông tin mà còn là nơi chia sẻ, thảo luận về các trường hợp thực tế gặp phải để giảm thiểu rủi ro có thể có cho cá nhân mỗi nhân viên và cho Công ty.

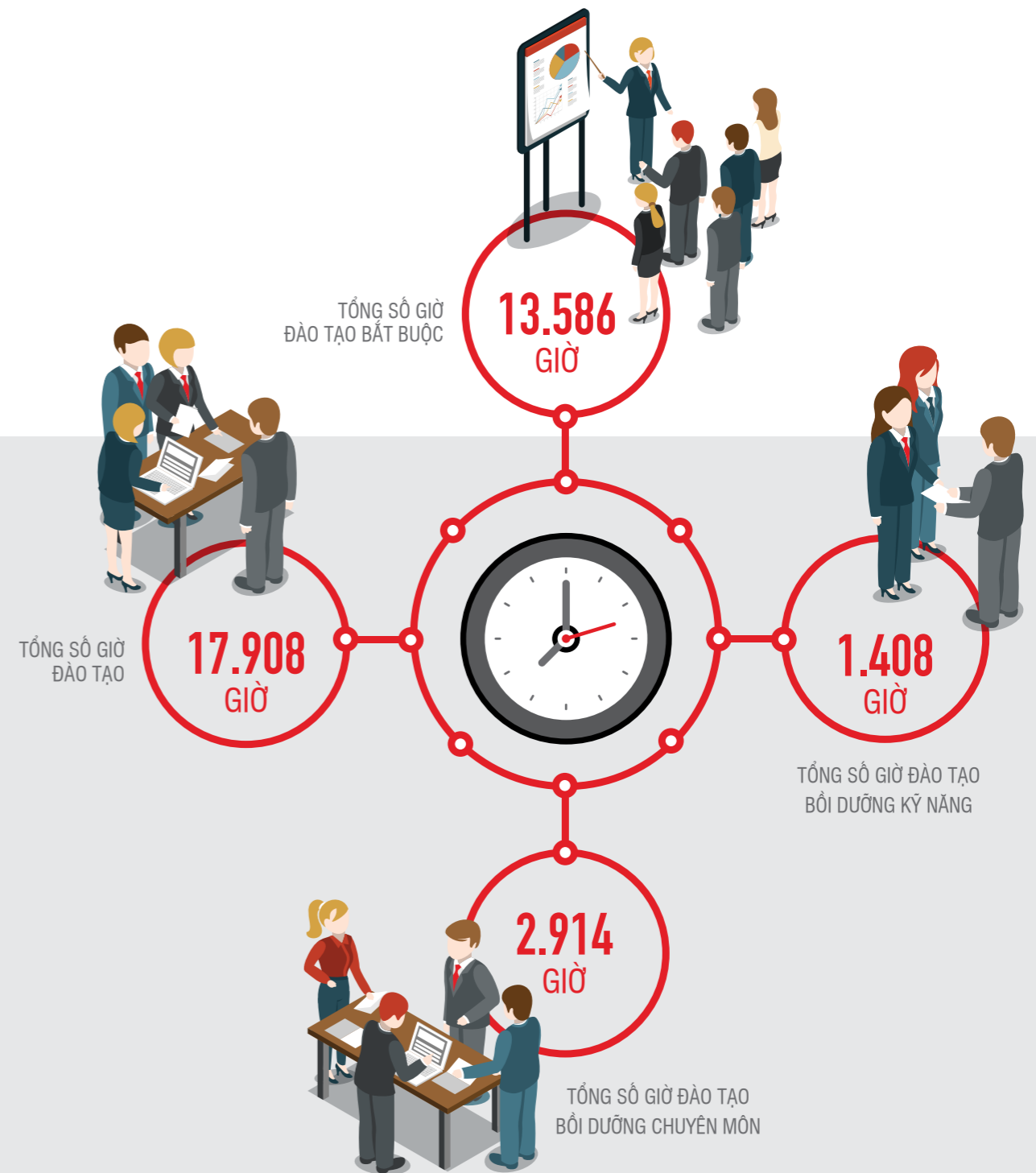
Không chỉ chú trọng đến các hình thức đào tạo truyền thống, các chương trình đào tạo nội bộ với nhiều dạng thức mới mẻ như Chương trình Tổng kết năm (Gala 2016), Chương trình Tổng kết của các Khối Kinh doanh, và một số hoạt động nội bộ khác cũng là những hình thức nhằm tăng cường cập nhật thông tin, nhấn mạnh văn hóa doanh nghiệp, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc tốt, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của công ty cũng như sự phát triển bản thân.

Tất cả các yếu tố đó, từ chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm, quy tắc đạo đức hay văn hóa doanh nghiệp sẽ tập hợp lại và được phản ánh đầy đủ qua suy nghĩ và hành vi của nhân viên. Đó cũng chính là thành tố tạo nên thương hiệu nhân sự SSI - một hình ảnh SSI năng động, vững chuyên môn, thâm nhuần văn hóa công ty, không ngừng phát triển và tuân thủ chuẩn mực. SSI không ngừng trau dồi đội ngũ để gìn giữ và ngày một phát triển thương hiệu nhân sự một cách tích cực hơn và chuyên nghiệp hơn.



Thông kê nhân sự theo trình độ học vấn

Nguồn: SSI



ĐÀO TẠO NHÂN TÀI VÀ BỒI DƯỠNG THỂ HỆ KẾ CẬN

Trong năm 2016, số lượng quản lý cấp trung (các vị trí Trưởng phòng trở lên) của Công ty là 123/720 người, chiếm tỷ lệ 17% tổng số lượng cán bộ nhân viên SSI. Để tạo nguồn lực sẵn sàng bổ sung vào các vị trí chủ chốt khi cần thiết, các cấp lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác tìm kiếm, xây dựng và phát triển đội ngũ thể hệ kế cận thông qua việc quy hoạch nguồn lực, bố trí công việc và các chương trình bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng quản lý.

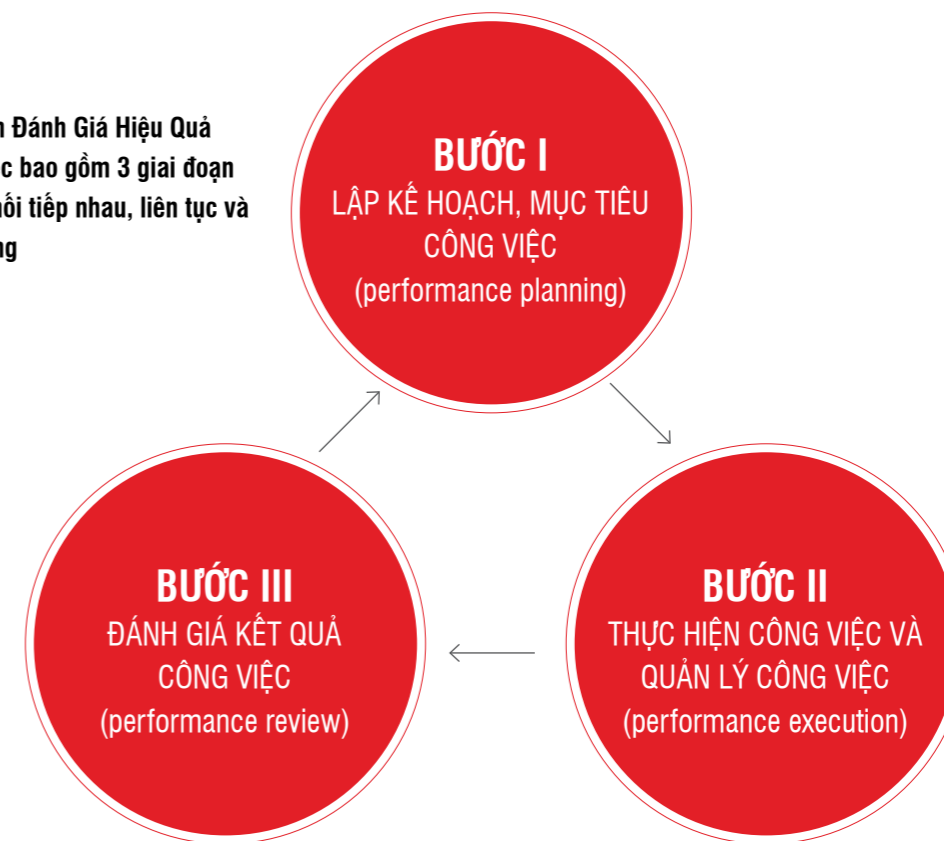
Năm 2016 Công ty đã bổ nhiệm mới 44 cán bộ quản lý cấp trung trở lên và các nhân sự mới được bổ nhiệm được tham gia các lớp đào tạo kỹ năng cần thiết nhằm bổ sung kiến thức, công cụ hỗ trợ cho công việc, bao gồm các lớp kỹ năng lãnh đạo, quản trị doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh và cập nhật chuyên môn... Đồng thời, việc hỗ trợ và đào tạo trực tiếp qua công việc cũng được thực hiện thường xuyên nhằm giúp các cán bộ được bổ nhiệm có điều kiện thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cũng như tiếp tục phát triển.

SSI tiếp tục phát triển hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (PMS) đảm bảo sự công bằng và để tiếp cận cho nhân viên ở tất cả các vị trí. Hệ thống đánh giá được xây dựng nhằm nâng cao tính chính xác trong việc đánh giá xếp loại nhân viên dựa trên hoạt động thực tế trong năm, gắn liền kết quả đánh giá với chế độ khen thưởng cá nhân; và quan trọng hơn nữa là định hướng, cải thiện và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kĩ năng cho từng nhân viên thông qua việc xác lập mục tiêu cho kỳ đánh giá tới tiếp theo. Quy trình đánh giá kết quả công việc trực tuyến, có sự tương tác vào trao đổi hai chiều người đánh giá và người được đánh giá tạo điều kiện cho nhân viên hiểu rõ được sự kỳ vọng của người quản lý, cũng như người quản lý nắm được các vấn đề trong quá trình thực hiện công việc của nhân viên. Điều này tăng cường các kỹ năng quản lý công việc, quản lý đội nhóm, quản lý thời gian và mục tiêu của mỗi cá nhân và cũng nâng cao hiệu quả chung của cả tổ chức. Với hệ thống đánh giá toàn diện và tính tương tác cao này, Công ty cũng hướng tới thúc đẩy động viên nhân viên, cho dù đó là nhân viên mới gia nhập tổ chức, nhân viên đã có thâm niên lâu năm hay các cấp quản lý, để mỗi người tự đo lường được hiệu quả công việc và tiếp tục phấn đấu chinh phục các mục tiêu cao hơn trong sự nghiệp.

Việc giữ vững tăng trưởng và ổn định về mặt kinh tế của Công ty đã giúp đảm bảo lợi ích của người lao động thông qua các chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh trên thị trường, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC CÔNG BẰNG, CHÍNH SÁCH CHI TRẢ THU NHẬP GẮN VỚI GIÁ TRỊ CÔNG VIỆC MANG LẠI

Chu trình Đánh Giá Hiệu Quả Công việc bao gồm 3 giai đoạn diễn ra nối tiếp nhau, liên tục và quay vòng



Mục đích của Chương trình Đánh giá Hiệu quả Công việc

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ

- Xác định những vị trí được thăng tiến
- Xác định chế độ đãi ngộ
- Khích lệ nhân viên có kết quả công việc xuất sắc

PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC

- Hướng dẫn nhân viên có kết quả công việc chưa tốt
- Xác định mục tiêu và kết quả hoàn thành mục tiêu đề ra
- Xác định nhu cầu đào tạo của nhân viên và của công ty
- Nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn công ty

Nhất quán trong quan điểm quản trị nhân sự, SSI tiếp tục phát triển trên nền tảng chính sách chi trả thu nhập theo mô hình 3P (Position, Person và Performance) nhằm gắn liền thu nhập với sự đóng góp và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân cũng như đảm bảo sự công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường, và nuôi dưỡng động lực cho nhân viên. Kể từ năm 2010, tính đến 2016 là năm thứ 6 liên tiếp SSI tham gia Khảo sát lương uy tín nhất Việt Nam do Mercer thực hiện, kết nối và trao đổi thường xuyên với những nhà tư vấn tên tuổi để có những đề xuất, chính sách tối đa hóa hiệu quả của chi phí nhân sự. Trên cơ sở kết quả khảo sát lương toàn thị trường và trong ngành Tài chính phi ngân hàng, trong năm, Công ty đã tiến hành điều chỉnh khung lương nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Công ty tiếp tục chương trình bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung cho nhân viên để nhân viên yên tâm công tác, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính trong trường hợp nhân viên gặp những rủi ro về sức khỏe.

Ngoài chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty, năm 2015 và 2016 là hai năm mà tập thể SSI cùng chia sẻ với 4 ca bệnh hiểm nghèo. Trong những tình huống khó khăn đó của nhân viên, Ban Lãnh Đạo cũng đã cùng chung tay với sự đóng góp từ các thành viên trong Công ty để phần nào chia sẻ gánh nặng chi phí, cũng như tạo điều kiện cho nhân viên an tâm điều trị.

Trong năm, SSI đã phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu theo Chương trình Lựa chọn cho người lao động (ESOP), nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty thông qua: (i) tạo thêm quyền lợi khác cho những cán bộ nhân viên này ngoài tiền lương và tiền thưởng, (ii) Gắn kết hiệu quả lao động của cán bộ nhân viên với lợi ích chung và sự phát triển của toàn công ty,

và (iii) cùng chia sẻ lợi ích với công ty khi công ty đạt được những thành công trong tương lai. Ngoài ra, Chương trình cũng huy động thêm vốn lưu động cho Công ty.

Ngoài ra, chế độ đãi ngộ tổng thể của Công ty còn lưu ý tới các phụ cấp cho các đối tượng như phụ cấp công tác; phụ cấp xăng xe; phụ cấp điện thoại... nhằm hỗ trợ tối đa để nhân viên hoàn thành công việc. Thêm vào đó, vào các kỳ lễ trong năm, Công ty luôn có các chương trình phúc lợi phù hợp để chúc mừng và khuyến khích động viên nhân viên, góp phần tăng cao sự hài lòng của nhân viên trong Công ty, tăng tinh thần gắn kết trong đội ngũ.

Trong năm 2016, SSI đã chi gần **260 tỷ VNĐ** chi trả lương, các khoản bảo hiểm và phúc lợi khác, thưởng hiệu quả công việc sau đánh giá cuối năm; trong đó khoản thưởng hiệu quả công việc chiếm tỷ lệ tương đối cao cho thấy xu hướng đãi ngộ theo hiệu quả công việc rõ rệt trong Công ty.

SSI tiếp tục dành nhiều sự quan tâm đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Ngoài việc nâng cao nhận thức về y tế, tình hình dịch bệnh cho nhân viên, các hoạt động nội bộ cũng hướng tới việc xây dựng một lối sống lành mạnh để bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho nhân viên và gia đình. Định kỳ hàng quý, Công ty tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sĩ dành cho nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Các bản tin sức khỏe nhằm cảnh báo tình hình bệnh, dịch theo thời kỳ, các lưu ý khi sử dụng thuốc được chuẩn bị với nguồn tin uy tín, kịp thời nhằm giúp cán bộ nhân viên bảo vệ sức khỏe cho gia đình và người thân. Trung bình mỗi quý, Công ty tổ chức 1 buổi hội thảo Chăm sóc sức khỏe luân phiên tại Hà Nội và Sài Gòn với các chủ đề dành được nhiều sự quan tâm: Bệnh ung thư; Các cách Sơ cứu khẩn cấp; Các bệnh về gan và cách phòng tránh; Các chọn thực phẩm và chế độ ăn lành mạnh trong gia đình v.v...

Các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban Lãnh Đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, thông qua việc tài trợ và tổ chức các câu lạc bộ như yoga, zumba, các giải nội bộ và giao hữu, thi đấu bóng đá, bóng bàn v.v... Các hoạt động này được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, thư giãn tái tạo năng lượng và gắn kết hơn với tập thể

Công ty đã phối hợp với các nhà cung cấp thực phẩm sạch để cung cấp và trợ giá một phần cho nhân viên nguồn thực phẩm an toàn, chất lượng như gạo Ban Mai, rau sạch của trang trại Ba Vì và Hadico, tiếp tục thương thảo mở rộng đơn vị cung cấp thực phẩm an toàn trên toàn hệ thống v.v... nhằm đảm bảo dinh dưỡng và sức khỏe cho nhân viên. Đây là mô hình được nhân viên rất hoan nghênh và tin tưởng, và sẽ tiếp tục phát triển mạnh hơn trong những năm tới.

Các chương trình khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc, với sự lựa chọn kỹ càng các cơ sở y tế uy tín và chất lượng nhằm theo dõi sức khỏe của cán bộ nhân viên và phát hiện kịp thời các vấn đề về sức khỏe để sớm có phương án xử lý. Thông tin khám sức khỏe được theo dõi qua các năm và sử dụng như dữ liệu đầu vào để thiết kế chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung một cách hiệu quả, giúp nhân viên yên tâm trong công tác.



Tổng chi phí trực tiếp cho nhân sự năm 2016	
Lương (VNĐ)	125.779.387.024
Bảo hiểm xã hội - Bảo hiểm y tế - Bảo hiểm thất nghiệp (VNĐ)	14.323.694.755
Phúc lợi khác (VNĐ)	34.387.492.099
Thưởng Đánh giá Hiệu Quả Công việc - Hoa hồng doanh số (VNĐ)	85.175.994.741



HƯỚNG TỚI SỰ CÂN BẰNG GIỮA CUỘC SỐNG VÀ CÔNG VIỆC (WORK – LIFE BALANCE)

Tiếp tục Chiến dịch Nơi làm việc tuyệt vời (The Great Workplace), Ban Lãnh Đạo SSI tiếp tục dành nhiều sự quan tâm đến việc tạo ra một sự cân bằng giữa công việc và đời sống nhân viên ở các cấp. SSI tạo điều kiện và luôn khuyến khích các thành viên đổi mới cách làm việc để đảm bảo được yêu cầu công việc nhưng vẫn cân bằng được đời sống riêng tư. Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách để khuyến khích nhân viên sử dụng ngày phép của mình để đảm bảo tái tạo năng lượng và tinh thần sau những đợt làm việc căng thẳng, một mặt cũng là để kiểm thử cơ chế dự phòng nhân sự tại mỗi bộ phận. Về mặt hệ thống quản lý, chúng tôi nỗ lực cải tiến mạnh mẽ để có thể giảm thiểu thời gian làm thêm giờ của nhân viên, giúp nhân viên có nhiều thời gian cho gia đình hơn ngoài giờ làm việc mà vẫn đạt được kết quả đặt ra.

Công ty cũng luôn cố gắng tạo môi trường làm việc và cơ hội phát triển công bằng giữa nam và nữ. Tỷ lệ nam nữ hiện nay tại SSI vẫn tiếp tục duy trì ở mức ngang bằng. Với nhân viên nữ, công ty luôn tuân thủ mọi quy định về lao động nữ và tạo điều kiện thuận lợi cho nữ nhân viên quay trở lại làm việc sau kỳ thai sản. Thấu hiểu và chia sẻ những trách nhiệm gia đình của nhân viên, SSI tin rằng chỉ khi nhân viên yên tâm về gia đình của mình thì công việc mới có thể đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc chia sẻ công việc, dự phòng nhân sự trong các trường hợp nhân viên nghỉ ốm đau, thai sản, chăm người thân bị bệnh đều được các cấp lãnh đạo và nhân viên thực hiện một cách nghiêm túc.

Ngày Hội Gia Đình SSI đã trở thành một sự kiện thường niên được tất cả thành viên mong đợi, nơi gia đình của nhân viên có thể đến chung vui, chia sẻ và kết nối. Những sự kiện như vậy giúp tăng cường tình cảm gia đình của nhân viên, và cũng để môi liên kết giữa gia đình và Công ty bền chặt hơn nữa. Phần nào, thông qua các sự kiện, mỗi thành viên “mở rộng” của SSI cũng thêm thấu hiểu, sẻ chia, và tự hào về SSI, cũng như tiếp tục đóng vai trò “hậu phương vững chắc” cho mỗi thành viên chính thức của SSI công hiến tốt hơn.

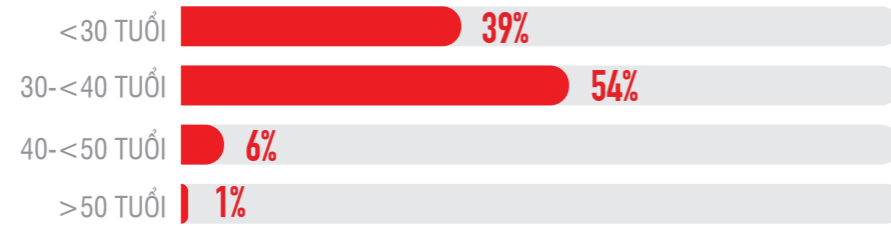


Các hoạt động đội ngũ của SSI như duy trì sinh hoạt đội bóng đá 2 miền, câu lạc bộ nhiếp ảnh, câu lạc bộ yoga hay zumba được khuyến khích từ Ban Giám Đốc và nhận được sự quan tâm của đông đảo nhân viên. Với những hoạt động này, mỗi người SSI có thể theo đuổi sở thích cá nhân của mình để thư giãn sau giờ làm việc căng thẳng. Các sự kiện nội bộ như Gala hàng năm cũng là nơi thể hiện được năng khiếu, sở trường và sức mạnh tập thể SSI, là dịp mang lại nhiều tiếng cười, nhiều niềm vui cho toàn thể nhân viên.

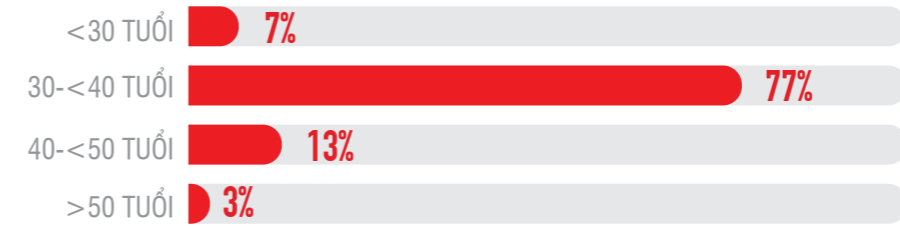
Năm 2016 là năm thứ 2 SSI tham gia Khảo sát “Nguồn nhân lực hạnh phúc” do Anphabe tổ chức. Kết quả của cuộc khảo sát cũng là một thông tin đầu vào tham khảo để SSI lắng nghe những ý kiến đánh giá từ nhân viên để Công ty ngày một hoàn thiện, để cùng gắn bó lâu dài cũng như củng cố vị thế môi trường làm việc hấp dẫn trong ngành.

Ngoài ra, sự quan tâm của Ban Lãnh Đạo Công ty tới việc xây dựng một môi trường cân bằng cho nhân viên còn được thể hiện ở những chế độ như: nhân viên có thêm 2 ngày nghỉ ốm trong năm, quà tặng sinh nhật nhân viên và các dịp như Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Chương trình Quà tặng Trung thu và Tết Thiếu Nhi cho con em cán bộ nhân viên... Hình thức quà tặng được thường xuyên thay đổi, cập nhật phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của nhân viên, mang lại niềm vui, sự tự hào và thêm gắn kết cho mỗi thành viên SSI.

Chúng tôi hướng tới một sự phát triển bền vững cho mỗi cá nhân và toàn thể công ty. Và đạt được sự bền vững đó, SSI cam kết nỗ lực hết sức mình cho việc tạo dựng một môi trường làm việc cân bằng với cuộc sống bằng nhiều cách và sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai những chính sách, hoạt động để đạt được sự cân bằng này.



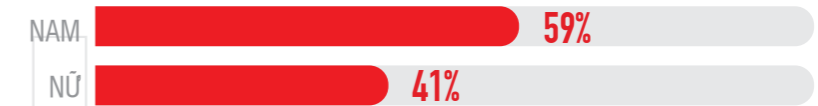
Thông kê nhân sự theo độ tuổi



Thông kê số lượng lãnh đạo theo độ tuổi



Thông kê nhân sự theo giới tính



Thông kê số lượng lãnh đạo theo giới tính



Thông kê nhân sự theo Khởi nghiệp vụ

THỐNG KÊ NHÂN SỰ CƠ BẢN

Nguồn: SSI

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trong suốt chặng đường 17 năm hoạt động, bên cạnh những thành tựu đã ghi nhận từ các Báo cáo, Thống kê và Giải thưởng thì văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc SSI chính là một trong những niềm tự hào lớn nhất của Công ty, là giá trị cốt lõi mang tính quyết định tới sự hình thành và phát triển của Công ty. Chính những nét riêng trong văn hóa của SSI là cầu nối gắn kết các tài năng, là niềm tự hào, cũng là nhân tố giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn, thử thách, góp phần tạo nên “Đại gia đình SSI” vững mạnh như ngày hôm nay. Những nét văn hóa khác biệt, mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện không chỉ ở 9 tôn chỉ kinh doanh, mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, nguồn nhân lực hạt nhân và sự đoàn kết, chung tâm nhìn sứ mệnh của từng cá nhân trong nội bộ SSI.

Những tôn chỉ kinh doanh là cơ sở xây dựng định hướng hoạt động và giá trị bền vững của SSI. Nhận thức được giá trị cốt lõi là yếu tố quan trọng nhất của một doanh nghiệp, 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ, cũng như luôn được nhắc nhở tới từng người SSI mọi thế hệ.

Các tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được đặt tại những vị trí trang trọng, dễ thấy trong các phòng làm việc của người SSI. Đây chính là di sản và là động lực thúc đẩy từng nhân viên luôn giữ gìn những nét riêng làm nên con người SSI và làm nên chính Công ty.

09 TÔN CHỈ KINH DOANH CỦA SSI

9 tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được khắc ghi trong từng hoạt động của Công ty, là dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI

Là người SSI thì luôn khắc ghi 9 tôn chỉ kinh doanh, cũng là giá trị cốt lõi của Công ty, và là kim chỉ nam cho mỗi quyết định của tất cả nhân viên SSI, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp.

1. Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của khách hàng
2. Chúng tôi chú trọng tới đến thành quả đem lại cho khách hàng, và luôn tự hào về điều đó
3. Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào công ty của các cổ đông và cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng
4. Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính
5. Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các cộng sự
6. Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện
7. Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hóa công ty
8. Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính tại Việt Nam
9. Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng

THỐNG NHẤT TRONG TRUYỀN TẢI THÔNG TIN NỘI BỘ LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG SỰ THÀNH CÔNG CỦA VIỆC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CỦA SSI

Với quy mô ngày một mở rộng, việc truyền tải thông tin một cách thống nhất, thông suốt toàn hệ thống doanh nghiệp là một điều thiết yếu trong mọi hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, các kênh truyền tải thông tin nội bộ của SSI được đặc biệt chú trọng, duy trì hoạt động hiệu quả và thường xuyên cải tiến để ngày càng hoàn thiện, để tiếp cận, và thể hiện được vai trò gắn kết các thành viên.

Truyền thông Nội bộ là tiếng nói chung trong toàn SSI, là kênh truyền tải thông tin hiệu quả từ lãnh đạo tới các thành viên trong Công ty và ngược lại, đóng vai trò quan trọng đối với sự đoàn kết trong nội bộ.

Hiểu được tính chất quan trọng của việc chia sẻ thông tin nội bộ, mọi thông tin từ Ban lãnh đạo, sự kiện và hoạt động của Công ty đều được gửi tới từng người SSI. Bản tin Nội bộ truyền tải thông điệp, các hoạt động và sự kiện của SSI được gửi tới từng nhân viên 2 lần/ tháng với nội dung ngày càng phong phú, đa dạng trên hình ảnh được thiết kế công phu, ấn tượng và sinh động. Qua đó, mỗi cá nhân trong tập thể SSI đều thực sự trở thành một phần không thể thiếu đối với Công ty, cùng chung một tầm nhìn và cùng nhau tham gia vào các hoạt động xã hội và các hoạt động gắn kết thành viên.

Không chỉ vậy, nhận thấy nhu cầu chia sẻ của từng cá nhân trong nội bộ SSI, Diễn đàn Nội bộ SSI Insider - nơi để các thành viên sẻ chia không chỉ thông tin, sự kiện mà còn những kinh nghiệm trong công việc, trải nghiệm trong cuộc sống, những niềm vui và tiếng cười, và cả những nỗi buồn. Cùng sự phát triển của Công nghệ và các mạng xã hội, thông tin gửi tới người SSI trên các kênh nội bộ cũng được cải tiến, bắt kịp xu thế để truyền tải hiệu quả và cập nhật hơn tới cá nhân người SSI.

Đặc biệt, việc tương tác, chia sẻ thông tin hai chiều trong nội bộ SSI ngày càng được nâng cao và thu được hiệu quả đáng kể. Ban Lãnh đạo SSI luôn nắm rõ tình hình kinh doanh và những chính sách mới để chủ động, nhanh chóng cập nhật thông tin tới từng cán bộ nhân viên, là tiếng nói thống nhất trong nội bộ Công ty nhằm định hướng thông tin chính xác. Không chỉ vậy, việc đánh giá chất lượng môi trường làm việc và ý kiến đóng góp từ phía nhân viên được Ban Lãnh đạo đặc biệt chú trọng và lắng nghe. Thông qua các dự án khảo sát nơi làm việc, gửi thư điện tử, các cuộc trưng cầu ý kiến, bình chọn trực tuyến hoặc góp ý trực tiếp trên các kênh truyền thông Nội bộ, nhân viên các cấp có thể bày tỏ quan điểm, đánh giá và mong muốn của mình để giúp SSI ngày một hoàn thiện và góp phần xây dựng nên một SSI vững mạnh hơn, bền vững hơn và phát triển hơn.

Bên cạnh đó, các giải thưởng, chương trình tài trợ/ từ thiện, thành tựu của SSI được thường xuyên cập nhật và kịp thời trên các kênh truyền thông đại chúng để nuôi dưỡng niềm tự hào trong nội bộ Công ty.

NUÔI DƯỠNG VÀ PHÁT TRIỂN TINH THẦN VĂN HÓA MANG TÍNH RẤT RIÊNG CỦA SSI

Người SSI không chỉ là những nhân tài trong giới tài chính với sự chuyên nghiệp và kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng mà còn mang tinh thần làm hết sức, chơi hết mình - một nét văn hóa được chú trọng phát triển trong nội bộ Công ty.

Chương trình GALA - Gặp gỡ thường niên của SSI được duy trì mỗi cuối năm tài chính (tháng 4) để người SSI tại khắp mọi miền có dịp được tụ hội, gặp gỡ, giao lưu và tham gia các hoạt động gắn kết, vinh danh. Đây là dịp để người SSI được cùng nhau thư giãn và tận hưởng những giây phút vui vẻ, sáng khoái với những hoạt động tập thể mang tính chất gắn kết tinh thần đồng đội của từng thành viên. Không chỉ vậy, người SSI sẽ được cùng nhau nhìn lại chặng đường đã đi qua, suy ngẫm về những điều đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động của năm trước, để từ đó được tiếp thêm động lực, cùng nhau quyết tâm, đồng lòng hướng tới mục tiêu của năm tới.

Đặc biệt, với giải thưởng Người SSI tiêu biểu – giải thưởng được đề cử và bình chọn trong toàn Công ty, giải thưởng đã tôn vinh các cá nhân ở SSI tại mọi vị trí, những người đã, đang và sẽ tiếp tục có những đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển chung của toàn Công ty. Sự vinh danh này đã giúp nhấn mạnh những giá trị cốt lõi của SSI trong mỗi người và khuyến khích sự phấn đấu hơn nữa của mỗi con người trong tập thể SSI.

Trong năm 2016 vừa qua, người SSI đã có những hoạt động tập thể ngoài giờ sôi nổi để giúp giải tỏa căng thẳng sau giờ làm việc và tăng tính gắn kết đồng đội. Các Câu lạc bộ như Bóng đá, Yoga, Zumba, Nhiếp ảnh v.v... vẫn duy trì hoạt động đều đặn. Bên cạnh đó, người SSI còn nhiệt tình tham gia các giải đấu giao hữu bóng đá, bóng bàn, tennis v.v... cũng như nhiều hoạt động nghệ thuật với các Đơn vị ban ngành Nhà nước, các Công ty Chứng khoán, Ngân hàng và đem về những thành tích cao nhất. Ngoài ra, người SSI còn nhiệt tình tham gia các cuộc thi được thiết kế dành riêng cho mục đích thúc đẩy tinh thần đồng đội và cùng nhau đoàn kết, vượt qua khó khăn “về đích”.

Không chỉ vậy, SSI thường xuyên tổ chức các cuộc thi và các chương trình chào mừng ngày lễ lớn như Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, và đặc biệt là Ngày hội Gia đình SSI - một chương trình cuối năm được thiết kế công phu để tri ân người SSI đã hết mình trong một năm qua, và tri ân các gia đình đã là nguồn năng lượng, động lực cho những cố gắng của người SSI. Những hoạt động trên thường được mở rộng tới các thành viên trong gia đình SSI, đi cùng những phúc lợi và chính sách quan tâm và cải thiện đời sống của từng nhân viên, để SSI thực sự trở thành nơi sum vầy, hội ngộ của những gia đình hạt nhân, để SSI thực sự là một “Đại Gia Đình”.



SỰ ĐOÀN KẾT CHUNG TỪNG CÁ TÍNH, SÁNG TẠO, SỰ CHUYÊN NGHIỆP, NHIỆT TÌNH VỚI CÔNG VIỆC RIÊNG CỦA MỖI NGƯỜI SSI ĐÃ TẠO NÊN SỰ HÒA HỢP, THỐNG NHẤT VÀ TINH THẦN ĐỒNG ĐỘI MANG ĐẬM BẢN SẮC SSI

Người SSI với tinh thần nỗ lực học hỏi, trau dồi kiến thức luôn cố gắng chủ động, linh hoạt trong công việc để ngày càng chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả công việc. Tuy nhiên, từng cá nhân giỏi thôi thì chưa đủ để làm nên một doanh nghiệp phát triển bền vững. Chính vì vậy, SSI luôn đề cao sự thống nhất trong toàn Công ty, tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội, làm việc nhóm một cách đồng bộ, được thể hiện trong chính 9 tôn chỉ kinh doanh, sự đầu tư vào các kênh truyền tải thông tin nội bộ và các hoạt động nội bộ của Công ty.

Mỗi cá nhân là một mắt xích không thể thiếu để “bộ máy” SSI được vận hành trơn tru và hiệu quả. Các thành viên SSI bổ khuyết cho nhau để cùng nhau thể hiện ý tưởng, thảo luận, cùng nhau tìm ra tiếng nói chung trong sáng kiến công việc, giải pháp và cách thực hiện để đạt được kết quả tốt nhất.

SSI hiểu rõ, một doanh nghiệp phát triển bền vững thì phải chú trọng vào nội lực Công ty - chú trọng tới sự phát triển của từng cá nhân, nhưng cũng không được bỏ qua nhân tố dung hòa trong nội bộ, để nhân viên phát huy mạnh mẽ ưu điểm của mình và hạn chế khuyết điểm, cũng như đồng lòng đôi với tầm nhìn sứ mệnh của Công ty. Đội ngũ nhân viên không chỉ chuyên nghiệp, nhiệt huyết với công việc với niềm khát khao trở thành một nhân tố tích cực đóng góp cho sự phát triển của Công ty, mà còn đoàn kết, hợp tác, cùng sẻ chia định hướng phát triển, bổ sung cho nhau chính là niềm tự hào lớn nhất của SSI.



04.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2017

Định hướng chiến lược
Kế hoạch hành động năm 2017

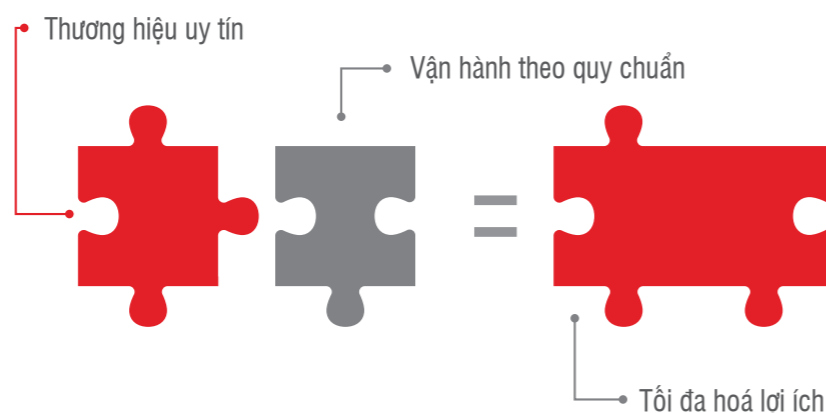


ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC



Với mục tiêu giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam và nỗ lực vươn ra thị trường quốc tế, SSI sẽ tiếp tục không ngừng đổi mới trong cách vận hành cũng như đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Trong thời gian tới, SSI sẽ triển khai thêm sản phẩm phái sinh và dịch vụ quỹ hưu trí tự nguyện để đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư. Khách hàng luôn là trọng tâm của Công ty với cam kết gắn bó lâu dài và hợp tác cùng phát triển. Nhiều giải pháp công nghệ được ứng dụng để gia tăng tiện ích cho khách hàng cũng như nhà đầu tư. SSI cũng sẽ tiếp tục tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường, tạo ra một môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân được khám phá và phát huy mọi năng lực của mình để đóng góp một cách tốt nhất cho Công ty. SSI sẽ tiếp tục kiểm soát chi phí chặt chẽ cũng như quản trị rủi ro để nâng cao hiệu quả tài chính.

SSI tin rằng việc kết hợp giữa xây dựng một thương hiệu uy tín và vận hành theo quy chuẩn sẽ giúp tối đa hóa lợi ích cổ đông.



Mục tiêu của từng khối kinh doanh được đề ra như sau:

Dịch Vụ Chứng Khoán

- Đẩy mạnh tăng trưởng thị phần môi giới - tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về thị phần môi giới toàn thị trường
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ - đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách cũng như giúp cho khách hàng nâng cao hiệu quả đầu tư. Tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm giao dịch trực tuyến
- Mở rộng mạng lưới phân phối bán lẻ
- Mở rộng mạng lưới kết nối với các đối tác quốc tế
- Phối hợp chặt chẽ với công ty Quản lý quỹ để cung cấp các giải pháp tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng

Dịch Vụ Ngân Hàng Đầu Tư

Nỗ lực duy trì vị trí hàng đầu trên thị trường thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng
- Mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước cũng như ngoài nước
- Mở rộng hợp tác với tổ chức tài chính hàng đầu thế giới

Nguồn Vốn và Kinh doanh Tài chính

- Nâng cao chất lượng quản lý nguồn vốn
- Đa dạng hóa sản phẩm để giảm thiểu rủi ro đồng thời tăng trưởng tài sản của công ty
- Tăng cường tham gia và tìm kiếm cơ hội đầu tư trên thị trường trái phiếu
- Phát triển sản phẩm phái sinh

Hoạt động Đầu Tư

- Tập trung vào các khoản đầu tư tạo ra nhiều giá trị gia tăng
- Hiệu quả đầu tư thông qua việc đa dạng hóa chiến lược đầu tư
- Lợi suất đã điều chỉnh rủi ro lớn

Quản Lý Quỹ

- Tiếp tục nâng tổng tài sản quản lý
- Đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu khác nhau của các nhà đầu tư
- Cung cấp các giải pháp đầu tư tài chính riêng biệt nhằm đáp ứng và nâng cao hiệu quả của các nhà đầu tư



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2017

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán đang tăng trưởng mạnh mẽ, khả năng tiệm cận với thị trường thế giới ngày càng gần nên toàn bộ hệ thống sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách hàng tổ chức và cá nhân phải đạt chuẩn mực khu vực, trên cơ sở con người chuyên nghiệp và hệ thống giao dịch hiện đại. Do đó Khối Dịch vụ Chứng khoán SSI cần tập trung nâng cấp hệ thống giao dịch hiện đại đáp ứng nhu cầu tự giao dịch hay giao dịch theo thuật toán; hệ thống sản phẩm và dịch vụ xây dựng theo từng đối tượng khách hàng; tiếp tục đầu tư và mở rộng mạng lưới, hệ thống các chi nhánh, phòng giao dịch và đội ngũ môi giới khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập, tất yếu phải xây dựng được mạng lưới gắn kết chặt chẽ với các định chế tài chính quốc tế trung gian nhằm mở rộng mạng lưới khách hàng toàn cầu. Việc tiến lên thị trường mới nổi của Việt Nam chỉ còn là vấn đề thời gian, kéo theo sự tham gia mạnh mẽ của các định chế tài chính, quỹ đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Do đó cả hệ thống và con người tại SSI đều cần được chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, thiết lập và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác cùng phát triển với các nhà môi giới quốc tế trong việc tìm kiếm các khách hàng mới, đặc biệt là các quỹ đầu tư theo chỉ số thị trường mới nổi.



Với định hướng phát triển bền vững, cạnh tranh và tối đa hóa lợi nhuận cho khách hàng, khối Dịch vụ Chứng khoán đặt ra kế hoạch hành động như sau:

Tiếp tục tăng trưởng thị phần môi giới

Khối Dịch vụ Chứng khoán SSI sẽ tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về thị phần môi giới trên toàn thị trường song song với việc tập trung hoàn thiện đồng bộ các sản phẩm về tư vấn đầu tư, sản phẩm ký quỹ và sản phẩm giao dịch trực tuyến. Bên cạnh đó, các sản phẩm mới sẽ được phát triển liên tục nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc khách hàng. Khối cũng tiếp tục mở rộng đội ngũ môi giới khách hàng cá nhân có chất lượng, tuyển dụng thêm nhiều môi giới khách hàng tổ chức, mở rộng mạng lưới nhằm thu hút thêm khách hàng mới.

Chú trọng chăm sóc khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng mới

Trong năm 2017, SSI sẽ tiếp tục xây dựng các công cụ hỗ trợ giao dịch để phát triển khách hàng giao dịch trực tuyến; chủ động tiếp cận các doanh nghiệp cổ phần chuẩn bị IPO, niêm yết; củng cố mối quan hệ bền chặt với các tổ chức có uy tín trong và ngoài nước để tiếp cận nguồn khách hàng tiềm năng; phối hợp chặt chẽ với các đối tác có uy tín để tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng.

Xây dựng sản phẩm, dịch vụ đặc thù cho từng nhóm khách hàng mục tiêu

Bên cạnh việc tìm kiếm cơ hội đầu tư vào cổ phiếu, khối Dịch vụ Chứng khoán thực hiện nghiên cứu và cung cấp những sản phẩm mới như Chứng chỉ Quỹ mở, trái phiếu, chỉ số VN30, chỉ số ETF v.v... nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đầu tư của khách hàng. Các sản phẩm chứng khoán phái sinh trong năm 2017 với tính năng và công nghệ vượt trội cũng tiếp tục được triển khai trong năm 2017. Các sản phẩm tư vấn, khuyến nghị đầu tư sẽ được mở rộng và chuyên sâu theo xu hướng thị trường và đặc thù cho từng nhóm khách hàng.



Đẩy mạnh các hoạt động quan hệ doanh nghiệp và quan hệ nhà đầu tư

Ngoài việc tổ chức các cuộc gặp gỡ doanh nghiệp niêm yết theo yêu cầu của các Khách hàng Tổ chức, năm 2017, Bộ phận Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà Đầu tư sẽ chủ động triển khai những hoạt động gặp gỡ các doanh nghiệp niêm yết định kỳ hàng tháng theo những ngành nghề nổi bật trong năm như Tiêu dùng, Bất động sản, Khai khoáng, Dược, Hàng không, Nông nghiệp, Ngân hàng v.v..., song song với việc phối hợp cùng các tổ chức uy tín đưa doanh nghiệp Việt Nam ra gặp gỡ các Khách hàng, Quỹ đầu tư tổ chức ở nước ngoài. Bên cạnh đó, các cuộc hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho Khách hàng Cá nhân tại các Chi nhánh, Phòng Giao dịch trên toàn quốc cũng sẽ được triển khai trong năm 2017.

Tuyển dụng Môi giới Khách hàng Cá nhân và Môi giới Phát triển Khách hàng Tổ chức

SSI tiếp tục mở rộng và tuyển chọn Môi giới Khách hàng Cá nhân có chất lượng từ các nguồn trên thị trường và triển khai các chương trình thực tập, đào tạo các sinh viên có năng lực chuyên môn, đạo đức tốt, có mong muốn trở thành nhân viên môi giới. Bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức sẽ được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc nâng cao chất lượng nhân sự tốt và giảm bớt nhân sự không phù hợp. Đây là bước chuyển quan trọng hướng đến việc tăng cường tự động hóa công việc đặt lệnh bằng hệ thống cũng như hướng tới giao dịch những sản phẩm mới mang tính phức tạp hơn như sản phẩm phái sinh. Bộ phận Phát triển Khách hàng Tổ chức sẽ tuyển thêm nhiều nhân sự có kinh nghiệm, chịu trách nhiệm phát triển ở các thị trường quan trọng như Mỹ và Châu Âu.

Phối hợp với các Khối Kinh doanh

Khối Dịch vụ Chứng khoán SSI chủ động phối hợp với Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư phát triển các khách hàng doanh nghiệp IPO, niêm yết, các giao dịch thoái vốn, thực hiện các giao dịch lô lớn; phối hợp với Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSI AM) bán các sản phẩm chứng chỉ quỹ mở, chứng chỉ ETF, sản phẩm quản lý danh mục đầu tư; phối hợp với Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính thực hiện các giao dịch môi giới trái phiếu và huy động vốn hỗ trợ cho các sản phẩm tài chính.

Tiếp tục xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp

Những chính sách kích thích sự khát khao đam mê, hợp tác, phối hợp, cạnh tranh và cùng nhau phát triển sẽ được xây dựng trong toàn bộ hệ thống các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và các Bộ phận trong Khối Dịch vụ Chứng khoán. Chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các chương trình đào tạo về chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát triển khách hàng mới cho đội ngũ nhân viên Môi giới Khách hàng Cá nhân và Môi giới Khách hàng Tổ chức, đồng thời luôn duy trì môi trường làm việc thân thiện, cạnh tranh và đoàn kết vì một SSI vững mạnh.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Năm 2017 được Khởi Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đánh giá là một năm tương đối nhiều thử thách với hàng loạt các biến số lớn từ kinh tế vĩ mô tới kỳ vọng trong ngành. Khả năng biến động lãi suất trong năm 2017 được cho rằng sẽ cao hơn so với năm 2016. Đối với Thị trường Chứng khoán, việc hàng loạt các Tập đoàn, Công ty lớn của Nhà nước được đưa lên niêm yết sẽ giúp tăng trưởng lớn về quy mô thị trường cũng như cung cấp thêm nhiều sản phẩm tốt, thu hút thêm nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước tham gia vào TTCK. Bên cạnh đó với việc đưa thị trường phái sinh vào hoạt động cũng là thách thức và cơ hội lớn lao đối với thị trường nói chung và SSI nói riêng.

Trong năm 2017 Khởi Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính đặt ra kế hoạch hoạt động như sau:

Đẩy mạnh tăng trưởng tổng tài sản một cách bền vững và ổn định. Nâng cao chất lượng và khai thác tài sản của công ty

Dựa trên các điều kiện vĩ mô dự tính cũng như các đánh giá về thị trường, Khởi Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng tổng tài sản quản lý tối thiểu 10%/ năm thông qua các nghiệp vụ kinh doanh nguồn vốn mở rộng quy mô cũng như các sản phẩm huy động nhằm mang lại lợi ích và hiệu quả sử dụng nguồn vốn cho cả SSI và Khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, Khởi sẽ tiếp tục tăng cường hợp tác và xây dựng mở rộng các quan hệ hợp tác kinh doanh với định chế tài chính hiện tại và các đối tác mới nhằm xây dựng một hệ thống các hạn mức và dịch vụ nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản của công ty cũng như tìm kiếm lợi nhuận cao nhất trên thị trường.

Hoàn thiện và thúc đẩy hoạt động tự doanh trái phiếu

Năm 2017 được dự đoán là năm khó khăn đối với hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ do mặt bằng lãi suất trái phiếu đã ở mức thấp gần như kỷ lục và sự biến động lãi suất mang tính chất chu kỳ đã được dự báo. Để tiếp nối những thành công của giao dịch tự doanh trái phiếu trong năm 2016, áp lực đặt ra cho kế hoạch 2017 tương đối cao và đòi hỏi sự cẩn trọng, theo dõi chặt chẽ biến động của thị trường để có những quyết định phù hợp.

Bên cạnh đó, mảng trái phiếu doanh nghiệp được dự đoán sẽ sôi động trong 2017 do uy tín của doanh nghiệp phát hành và tính minh bạch ngày càng tăng cũng như các điều khoản ngày càng tiệm cận với thông lệ chuẩn quốc tế. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết thông qua hoạt động tự doanh cũng như các giao dịch tài trợ vốn đầu tư là một ưu tiên của Khởi trong 2017.

Tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm cấu trúc, sản phẩm của thị trường chứng khoán phái sinh

Năm 2017, SSI sẽ tập trung vào nhóm sản phẩm cấu trúc liên quan đến lãi suất, tỷ giá, hàng hóa v.v... để cung cấp sản phẩm đa dạng và toàn diện cho khách hàng. Ngoài ra, cùng với sự ra đời của thị trường phái sinh vào năm 2017, Khởi Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính cũng sẽ tiếp tục cùng tham gia xây dựng chính sách và mô hình tự doanh chứng khoán phái sinh đặc biệt là hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ nhằm tìm kiếm lợi nhuận và phòng ngừa rủi ro trong trạng thái đầu tư hiện tại.



QUẢN LÝ QUỸ

Chiến lược phát triển dài hạn của SSIAM là phát triển mạnh mẽ khách hàng cá nhân trong nước. Trong các năm qua, nhà đầu tư cá nhân vẫn có xu hướng tự đầu tư thay vì ủy thác vốn cho các công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp. Tuy nhiên, nhà đầu tư cá nhân có hạn chế về thời gian cũng như khả năng tiếp cận doanh nghiệp và tiếp cận thông tin dẫn đến việc quản lý tài sản nhiều khi không được hiệu quả. Trong khi đó, cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán, công ty quản lý đã nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao năng lực quản lý đầu tư, quản trị rủi ro, và ngày càng chuyên nghiệp hơn trong việc cung cấp dịch vụ. SSI tin rằng sẽ có nhiều nhà đầu tư cá nhân lựa chọn hình thức ủy thác đầu tư. Xu hướng này sẽ tạo ra tiềm năng phát triển rất lớn cho SSIAM trong việc huy động nguồn vốn ủy thác từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước.



Duy trì kết quả đầu tư vượt trội

Năm 2016, các quỹ đầu tư, các danh mục của khách hàng tổ chức và cá nhân do SSIAM quản lý đều có kết quả đầu tư khả quan. Sang năm 2017, SSIAM sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư các quỹ đầu tư cũng như các danh mục ủy thác hiện có để đáp ứng tốt yêu cầu của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng để nâng tổng tài sản của các sản phẩm từ nhà đầu tư mới

Năm 2017, SSIAM sẽ tiếp tục đẩy mạnh phối hợp với nhiều đối tác để phân phối các sản phẩm quỹ và sản phẩm quản lý danh mục đầu tư. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng các dịch vụ đi kèm phục vụ cho nhà đầu tư cũng sẽ được chú trọng, đảm bảo khách hàng có thể giao dịch thuận lợi hơn, và cung cấp thông tin một cách minh bạch và kịp thời cho khách hàng.

Đối với thị trường nước ngoài, TTCK Việt Nam vẫn được đánh giá là một thị trường phát triển nhanh với nhiều cơ hội đầu tư giá trị tại mức định giá thấp so với các thị trường chứng khoán trong khu vực. Với nhận định này, SSIAM sẽ tiếp tục tăng cường huy động vốn cho hai quỹ mở ở Châu Âu mà công ty đang quản lý danh mục đầu tư.

Bổ sung thêm các sản phẩm mới

Trong năm 2017, SSIAM có kế hoạch giới thiệu và chào bán lần đầu Quỹ mở trái phiếu SSI nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Quỹ sẽ hướng tới cả khách hàng cá nhân và tổ chức, những đối tượng có khẩu vị rủi ro thấp.

Cũng trong thời gian này, Công ty sẽ tập trung nghiên cứu khung pháp lý cho Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và hoàn thiện mô hình kinh doanh đối với sản phẩm này. Với sự chuẩn bị này, SSIAM kỳ vọng sẽ sẵn sàng cung cấp sản phẩm tới các khách hàng khi các quy định liên quan có hiệu lực và điều kiện thị trường phù hợp.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tiếp tục theo đuổi sứ mệnh “Kết nối vốn và cơ hội đầu tư”, khẳng định vị trí dẫn đầu và đẩy mạnh sự phát triển hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư, trong năm 2017, SSI sẽ tiếp tục phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp nhằm mang lại nhiều sản phẩm mới và chất lượng cao cho khách hàng.

Nỗ lực duy trì vị trí hàng đầu bằng việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tập trung vào các mảng dịch vụ mang tính chuyên nghiệp và có giá trị gia tăng cao

Định hướng chiến lược của Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI là mang lại các sản phẩm tư vấn sắp xếp giao dịch có chất lượng cao, chứa đựng nhiều sự chuyên nghiệp và chuyên biệt cho khách hàng. SSI đã và đang nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm huy động, bao gồm cả vốn và nợ mới để đa dạng hóa sản phẩm cung cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như những đòi hỏi của thị trường nhằm liên kết các nhà đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước và tận dụng dòng vốn từ thị trường tài chính quốc tế.

Dịch vụ Tư vấn Mua bán Sáp nhập tiếp tục là hướng hoạt động được ưu tiên đẩy mạnh

Trong năm 2017, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI sẽ tiếp tục tập trung vào mảng Tư vấn Mua bán Sáp nhập (M&A). Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến tích cực, cùng với việc loại bỏ giới hạn sở hữu nước ngoài tại các công ty niêm yết có hiệu lực đã giúp Việt Nam trở thành một thị trường vô cùng hấp dẫn cho các thương vụ M&A. Đây thực sự là cơ hội lớn cho Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI với đội ngũ cán bộ gồm các chuyên viên tài chính cao cấp có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn M&A cũng như lợi thế sở hữu mạng lưới đối tác, định chế tài chính và khách hàng lớn từ các thị trường tiềm năng như Thái Lan, Nhật Bản, Hồng Kông v.v...

Tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng, tập trung vào các Tổng Công ty có nhu cầu thoái vốn khỏi các công ty đại chúng và công ty niêm yết

Trong năm 2017, đối tượng khách hàng trọng tâm của Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, ngoài các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn, uy tín, tiềm năng và phát triển bền vững, SSI sẽ tập trung thêm vào đối tượng khách hàng là các Tổng Công ty lớn và các Doanh nghiệp Nhà nước đang có kế hoạch thoái vốn khỏi các doanh nghiệp đại chúng và niêm yết có quy mô lớn. Với kinh nghiệm tư vấn cho thương vụ thoái vốn của SCIC đối với cổ phần của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM - HOSE) vào cuối năm 2016, SSI đã đúc kết được một số kinh nghiệm trong quá trình tư vấn và tự tin có đủ năng lực, kinh nghiệm để tư vấn cho các giao dịch tương tự trong tương lai.

Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới

SSI tăng cường mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới để trao đổi kinh nghiệm và thúc đẩy tìm kiếm các cơ hội đầu tư, từ đó, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong năm 2016, SSI đã hợp tác thành công với Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited (“Daiwa”) trong giao dịch tư vấn chào bán cổ phần riêng lẻ của Novaland theo phương thức dự phòng sổ và Morgan Stanley Asia (Singapore) Pte. trong giao dịch tư vấn thoái vốn cổ phần của SCIC tại Vinamilk, từ đó kỳ vọng sẽ có cơ hội hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế khác trong các giao dịch trong tương lai.

Tái cấu trúc mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư thông qua việc chuẩn hóa quá trình đào tạo và tuyển dụng nhân sự chất lượng cao sẽ là cơ sở để nâng cao chất lượng tư vấn của SSI

Con người là một trong những yếu tố cốt lõi quyết định sự thành công của tổ chức. Nhận thức được điều này, SSI luôn không ngừng tập trung phát triển, đổi mới và hoàn thiện cơ chế tuyển dụng cũng như đào tạo nhân sự nhằm hướng đến việc sở hữu những chuyên gia tư vấn tiêu chuẩn quốc tế, có năng lực chuyên môn cao, hiểu biết sâu sắc về thị trường, cũng như luôn nắm bắt và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Với chính sách tuyển dụng và đào tạo tốt, SSI kỳ vọng trở thành một trong những Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam, tiếp tục cạnh tranh lành mạnh và hướng tới hình ảnh một Ngân hàng đầu tư vững trong chuyên môn, chuyên nghiệp trong phong cách phục vụ và tuân thủ Đạo đức nghề nghiệp.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm 2017, SSI tiếp tục thực hiện **chiến lược đầu tư giá trị và cùng đồng hành với doanh nghiệp**. TTCK được dự đoán là vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, mặc dù P/E của thị trường cũng đã tăng nhiều hơn so với trước nhưng vẫn còn thấp hơn so với các TTCK trong khu vực. SSI tin rằng TTCK Việt Nam vẫn là thị trường hấp dẫn cho các nhà đầu tư giá trị và các đợt điều chỉnh của thị trường chính là cơ hội tìm kiếm lợi nhuận tốt hơn cho Công ty.



05.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị & Ban Kiểm Soát

Hoạt động Quản trị Rủi ro

Thông tin cổ phiếu & Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư

Phân tích Quản trị Công ty dựa trên Thẻ điểm quản trị khu vực ASEAN





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2016, Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) SSI đã duy trì hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị công ty.

HĐQT gồm 06 thành viên. Hai (02) thành viên trong HĐQT, ông Ngô Văn Điểm và ông Bùi Quang Nghiêm là các thành viên độc lập. Cơ cấu HĐQT cân đối tỷ lệ phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, bài bản và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như vai trò của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập). Trong đó, ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT. Quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập, không điều hành được quy định rõ trong Điều lệ của Công ty.

Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Công ty tại ngày 31/12/2016 cụ thể như sau:



ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) kiêm Tổng Giám Đốc SSI

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn.

Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.

ÔNG NGÔ VĂN ĐIỂM

Thành Viên HĐQT

Ông Điểm có bề dày kinh nghiệm hơn 30 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Chánh Văn phòng Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, Vụ trưởng Hội đồng thẩm định nhà nước, Vụ trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam và Phó trưởng ban Ban nghiên cứu của Thủ tướng đặt tại Văn phòng Chính phủ. Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



ÔNG NGUYỄN HỒNG NAM

Thành Viên HĐQT

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.

ÔNG BÙI QUANG NGHIÊM

Thành Viên HĐQT

Ông Nghiêm hiện nay là Giám đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. HCM. Ông Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Halle - CHDC Đức.



ÔNG NGUYỄN DUY KHÁNH

Thành Viên HĐQT

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có đóng góp nhiều vào những thành công của SSI International Corp.



ÔNG HIRONORI OKA

Thành Viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Trong thời gian này, ông đã thu lượm được khối lượng kiến thức sâu sắc, kinh nghiệm và sự hiểu biết trong quản lý cũng như giám sát một số mảng như dịch vụ, sản phẩm, khách hàng, vận hành của tập đoàn Daiwa và các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết - các đơn vị được quản lý tại các quốc gia có liên quan hoặc khu vực nằm trong phạm vi có quyền hạn. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.

Stt	Thành viên	Năm sinh	Tư cách thành viên			Tỷ lệ sở hữu cổ phần	
			Độc lập	Không điều hành	Điều hành	Cổ phần	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Duy Hưng Chủ tịch HĐQT	1962			✓	3.012.400	0,61%
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	1967			✓	900.000	0,18%
3	Ông Ngô Văn Điểm	1951	✓	✓		150.000	0,03%
4	Ông Bùi Quang Nghiêm	1957	✓	✓		273.174	0,06%
5	Ông Hironori Oka	1963		✓		0	0%
6	Ông Nguyễn Duy Khánh	1991		✓		300.000	0,06%

SSI không có sự thay đổi nào về Thành viên HĐQT trong năm 2016. Các thành viên HĐQT vẫn duy trì hoạt động trong nhiệm kỳ của họ và không có sự kiện bất thường dẫn đến thay đổi thành viên trong năm 2016.

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM & HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT luôn xác định vai trò định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động của Công ty (bao gồm công việc kinh doanh), trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng đầu tư.

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành Nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, và bằng các Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Những tài liệu này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được công khai với tất cả các Cổ đông. Các Cổ đông đều có quyền bình đẳng trong việc xem, sao chụp, trích lục những tài liệu này theo quy định.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và Quy chế Quản trị Công ty. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Năm 2016, HĐQT đã duy trì hoạt động theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ của khu vực cũng như trên thế giới. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông.
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho khách hàng, cổ đông và quyền lợi của người lao động, tôn trọng đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty.

- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các Nghị quyết của công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới.
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Giám đốc cũng như các Bộ phận hỗ trợ Ban Giám đốc, bảo đảm sự điều hành của Ban Giám đốc phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

HĐQT đã tiến hành 05 buổi họp bao gồm 02 cuộc họp trực tiếp vào ngày 25/4/2016, 19/9/2016, và 3 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản vào các ngày 14/3/2016, 28/7/2016 và 23/11/2016. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều được 100% thành viên HĐQT tham gia, thảo luận và đưa ra ý kiến biểu quyết về từng vấn đề.

Nội dung các cuộc họp và các Nghị quyết được HĐQT thông qua cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	14/3/2016	Thành lập mới Phòng Giao dịch Nguyễn Chí Thanh và thay đổi tên, đại điểm của Phòng Giao dịch Trần Bình Trọng trực thuộc Chi nhánh Hà Nội
2	02/2016/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	23/3/2016	Thông qua chương trình họp Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2016
3	03/2016/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	28/7/2016	Phát hành trái phiếu SSIBOND012016
4	04/2016/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	19/9/2016	Trả cổ tức 2015 và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định thu hồi cổ phiếu ESOP và mua cổ phiếu SSI lô lẻ
5	05/2016/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	19/9/2016	Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
6	06/2016/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	23/11/2016	Thành lập Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Cừ và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thành lập các Phòng Giao dịch mới trong năm 2017

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị công ty được xây dựng bao gồm các tiểu ban độc lập của HĐQT phụ trách các vấn đề về Quản lý rủi ro, Kiểm toán nội bộ để giúp cho HĐQT thực hiện các chức năng này. Hiện tại, HĐQT đã chỉ định thành viên HĐQT độc lập phụ trách Quản lý rủi ro và Kiểm toán nội bộ.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập phụ trách Quản trị rủi ro:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng Giám đốc và Bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động Quản trị rủi ro của toàn Công ty

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập phụ trách Kiểm toán nội bộ:

- Rà soát, thẩm định trước khi HĐQT phê duyệt, quyết định các vấn đề liên quan tới cơ cấu tổ chức về Kiểm toán nội bộ; dự thảo chiến lược và chính sách Kiểm toán nội bộ;
- Kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ quy trình, chuẩn mực kế toán, nguyên tắc hoạt động của Kiểm toán nội bộ;
- Báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động và hiệu quả hoạt động của công tác Kiểm toán nội bộ đã thực hiện trong năm; đề xuất phương án khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành chiến lược và chính sách Kiểm toán nội bộ.

HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại điều lệ công ty cũng như theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT
- Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT hiện đang kiêm nhiệm vị trí Tổng giám đốc với nhiệm vụ lãnh đạo Ban giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên thực hiện một cách hiệu quả các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động khác. Việc kiêm nhiệm này đều đã được trình ĐHĐCĐ phê chuẩn trong đại hội hàng năm.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ như đã trình bày tại nội dung về hoạt động của các tiểu ban. Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT về kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư, đạt kết quả vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2016 do ĐHĐCĐ thường niên đặt ra, giữ vững vị trí số một về thị phần về môi giới chứng khoán trên cả 2 sàn HOSE và HNX. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền liên quan đến tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo thông lệ quản trị công ty tốt, chủ động và kịp thời để xuất những sáng kiến, biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty. Các báo cáo trình ĐHĐCĐ và HĐQT đều được chuẩn bị kịp thời, bảo đảm chất lượng. Hoạt động công bố thông tin thực hiện đầy đủ, kịp thời và trung thực.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA SSI

Trong bối cảnh lãi suất giảm, chính sách tiền tệ cho đầu tư chứng khoán được quản lý chặt chẽ hơn, Công ty vẫn đảm bảo được hoạt động kinh doanh nguồn vốn, đáp ứng kịp thời nhu cầu giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư. Nguồn vốn SSI không những đảm bảo được thanh khoản mà còn đóng góp tỷ trọng không nhỏ trong lợi nhuận chung cả Công ty.

Với việc quản lý 7.913 tỷ VNĐ từ các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) đã cho thấy vị trí dẫn đầu của mình trong ngành Quản lý quỹ tại Việt Nam, đây cũng là công ty Việt Nam duy nhất huy động thành công Quỹ tại thị trường nước ngoài.

Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư cũng khẳng định tiềm năng phát triển thông qua hàng loạt thương vụ tư vấn thành công, trị giá hàng trăm triệu USD như Tư vấn chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam (VNM – HOSE), Tư vấn bán cổ phần Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE); tư vấn chào bán riêng lẻ theo hình thức dựng sổ cho Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL – HOSE).

SSI có một năm hoạt động thành công trên nhiều phương diện nhờ chiến lược kinh doanh phù hợp trên cơ sở những dự báo chính xác về tình hình kinh tế - xã hội.

Kết thúc năm 2016, Công ty ghi nhận 2.312 tỷ VNĐ doanh thu hợp nhất, tăng 28% so với năm 2015 và đạt 160% kế hoạch kinh doanh về doanh thu. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2016 đạt 1.056,8 tỷ VNĐ, vượt 11,24% kế hoạch năm. Công ty có mức tổng tài sản hợp nhất là 13.228 tỷ VNĐ, trong đó vốn chủ sở hữu là 7.152,6 tỷ VNĐ.

Năm 2016, SSI tiếp tục giữ vị trí số 1 về thị phần môi giới trên cả 2 sàn HSX và HNX với tỷ lệ tương ứng là 13,69% và 11,03%.

Kết thúc năm 2016, SSI có 3 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN - HOSE), Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (VFG - HOSE), Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN - HOSE) với kết quả kinh doanh khá quan, đóng góp vào doanh thu hợp nhất của toàn công ty.

SSI vẫn tiếp tục bảo đảm an toàn về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Cùng với đó, một bộ máy hỗ trợ được phối hợp thông suốt, có chiến lược cụ thể và nghiệp vụ vững vàng, hạ tầng công nghệ được đầu tư tốt cũng đã đóng góp vào những kết quả đạt được của năm 2016.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2017

Năm 2017 tiếp tục có những diễn biến khó lường trên bình diện quốc tế. Kinh tế vĩ mô đối mặt với thách thức về lạm phát, tỷ giá. Thị trường trong nước chưa đủ lớn do sức mua yếu với thu nhập bình quân đầu người chỉ có 2.215 USD, cho dù năm 2017 có tập trung nguồn lực hơn cho thị trường trong nước thì vẫn khó có khả năng tạo bước đột phá.

Năm 2017, Quốc hội đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP với mức 6,7% đi liền với ổn định kinh tế vĩ mô bảo đảm an sinh xã hội. Để thực hiện mục tiêu này, Chính phủ đang chuyển mạnh sang xây dựng Chính phủ kiến tạo. Giới kinh doanh tin tưởng chủ trương xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân, phục vụ doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở Chính phủ mà sẽ là chủ trương xuyên suốt, là kim chỉ nam hành động của các cơ quan ban ngành từ Trung ương đến địa phương, lúc này là hành động, nói đi đôi với làm tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, người dân tham gia kinh doanh hợp pháp, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Cơ hội mở ra cho thu hút đầu tư vào TTCK với việc nâng cao tính minh bạch của thị trường, tính nghiêm ngặt của chuẩn kiểm toán để nhà đầu tư có thể nhìn nhận, so sánh nghiên cứu đầu tư. Nâng hạng thị trường là yếu tố quan trọng để thu hút vốn ngoại trong năm 2017, đáp ứng đầy đủ tiêu chí của thị trường mới nổi: tự do chuyển đổi dòng tiền, nơi lòng tin cậy sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, về thanh khoản và vốn hóa thị trường tối thiểu.

SSI bước vào năm 2017 với bằng những hoạt động sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với cuộc cách mạng khoa học, công nghệ lần thứ 4 và hội nhập quốc tế, thực hiện sứ mệnh “kết nối vốn với cơ hội đầu tư”; coi trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng văn hóa kinh doanh, trước hết và tuân thủ pháp luật và quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt nhất.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN VĂN KHẢI

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm Soát (BKS) SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng BKS qua các nhiệm kỳ.

Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp và hiện là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN, một công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



ÔNG ĐẶNG PHONG LƯU

Ông Lưu trở thành thành viên BKS SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông hiện điều hành doanh nghiệp do mình thành lập là Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Bảo với chức danh Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.



BÀ HỒ THỊ HƯƠNG TRÀ

Bà Trà là thành viên của BKS SSI từ năm 2007. Bà Trà có kinh nghiệm trên 14 năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Bà Trà từng làm ở bộ phận kế toán và nay là nhân viên Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Bà Trà là cử nhân của Trường Đại học Tài chính Kế toán.

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Mức độ độc lập	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	
				Cổ phần	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	70.455	0,01%
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	89.668	0,02%
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	1975	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	30.661	0,01%

HOẠT ĐỘNG CHUNG

Ban Kiểm soát công ty có 3 thành viên với phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng Ban kiểm soát phụ trách chung và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Ông Đặng Phong Lưu, thành viên Ban kiểm soát phụ trách kiểm tra, giám sát về tài chính, lập báo cáo tài chính của Công ty;
- Bà Hồ Thị Hương Trà phụ trách giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giải quyết khiếu nại của cổ đông và các bên liên quan trong thẩm quyền của Ban kiểm soát.

Tóm tắt hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016

- Thực hiện báo cáo cho cổ đông việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2015 và kế hoạch hoạt động cho năm 2016 của BKS.
- Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS, đại diện cho BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm 2016.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, các báo cáo tài chính quý I, quý II, quý III, quý IV năm 2016 và các báo cáo soát xét 6 tháng năm 2016.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016.
- Ngày 31/5/2016, Ban Kiểm soát đã họp thông qua các nội dung:
 - i. Báo cáo tình hình thực hiện kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
 - ii. Thống nhất khuyến nghị HĐQT chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong năm 2016.
- Ngày 15/9/2016, Ban Kiểm soát đã họp thông qua các nội dung:
 - i. Đánh giá hoạt động 9 tháng đầu năm của BKS;
 - ii. Kiến nghị TGD triển khai dự án nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ.
- Ban Kiểm soát làm việc với bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và lưu ý một số hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của công ty trong năm 2016 bao gồm:
 - i. Giám đốc Luật & Kiểm soát Nội bộ có kế hoạch đào tạo, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng của nhân viên kiểm soát nội bộ, đảm bảo phù hợp với thực tế phát triển thị trường, lộ trình đưa các sản phẩm mới ra thị trường của UBCKNN để nhân viên có đủ năng lực kiểm soát;
 - ii. Thực hiện luân chuyển nhân viên kiểm soát nội bộ đến làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ để nhân viên có kinh nghiệm thực tế về nghiệp vụ, phục vụ công tác kiểm soát sau này;
 - iii. Tăng cường công tác đào tạo, tuyên truyền về đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
 - iv. Bộ phận quản trị rủi ro củng cố quy trình làm việc nội bộ, triển khai quy trình quản trị rủi ro bài bản, chuyên nghiệp.
- Ban Kiểm soát lưu ý Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng thực hiện đúng chế độ kê toán cho công ty chứng khoán mới theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành, kịp thời báo cáo cho Tổng Giám đốc các khó khăn phát sinh để kiến nghị Bộ Tài chính và UBCKNN có ý kiến hướng dẫn.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

Hoạt động của Công ty trong năm 2016 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Các cán bộ quản lý, cổ đông nội bộ tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu SSI.

Điều lệ Công ty đã được sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và mẫu điều lệ áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng hàng quý, sáu tháng được công bố đúng thời hạn.

Công ty đã hoàn tất việc phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông vào tháng 12/2016. Cổ tức được thanh toán cho cổ đông trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT & Tổng Giám đốc

Đến nay, Ban Kiểm soát chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty. Các giao dịch với người quản lý, người có liên quan được công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

HĐQT, Tổng Giám đốc cũng đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Ban Kiểm soát nhận được đầy đủ tài liệu, thư mời tham dự các cuộc họp của HĐQT và đã cử người tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Các ý kiến của BKS gửi đến HĐQT, Tổng Giám đốc được phản hồi đầy đủ và kịp thời.

Kết quả giám sát về mặt tài chính

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của UBCKNN. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính năm 2016 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đúng theo quy định hiện hành của UBCKNN và Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2016 đã trình bày trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Việc trích lập các quỹ và chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016. Công tác kê toán, hạch toán sổ sách của Công ty được thực hiện trên cơ sở thận trọng do đó không có thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu hàng quý và 6 tháng so với số liệu báo cáo tài chính năm hoặc so sánh số liệu trước và sau khi kiểm toán.

Kết quả giải quyết các kiến nghị của Cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động cũng như công tác quản trị Công ty.



THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Quý hoạt động của HĐQT và BKS năm 2016 của SSI được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2016 thông qua là 3.000.000.000 VNĐ (3 tỷ VNĐ) theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2016 của ĐHĐCĐ 2016.

Tại thời điểm 31/12/2016 SSI có 06 thành viên HĐQT trong đó Kiểm điều hành 02 người; Không điều hành 04 người. BKS có 03 thành viên, tất cả đều không điều hành.

Stt	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Kiểm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi
Hội Đồng Quản Trị								
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch		✓	✓		✓	✓
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên		✓	✓		✓	✓
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	✓		✓		✓	✓
4	Ông Bùi Quang Nghiêm	Thành viên	✓			✓		
5	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	✓			✓		✓
6	Ông Hironori Oka	Thành viên	✓			✓		
Ban Kiểm Soát								
1	Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	✓					✓
2	Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	✓					✓
3	Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	✓					✓

Về chế độ tiền thưởng và phúc lợi theo kỳ của thành viên HĐQT và BKS

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty và thành viên Ban Kiểm soát cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của quỹ phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT và BKS

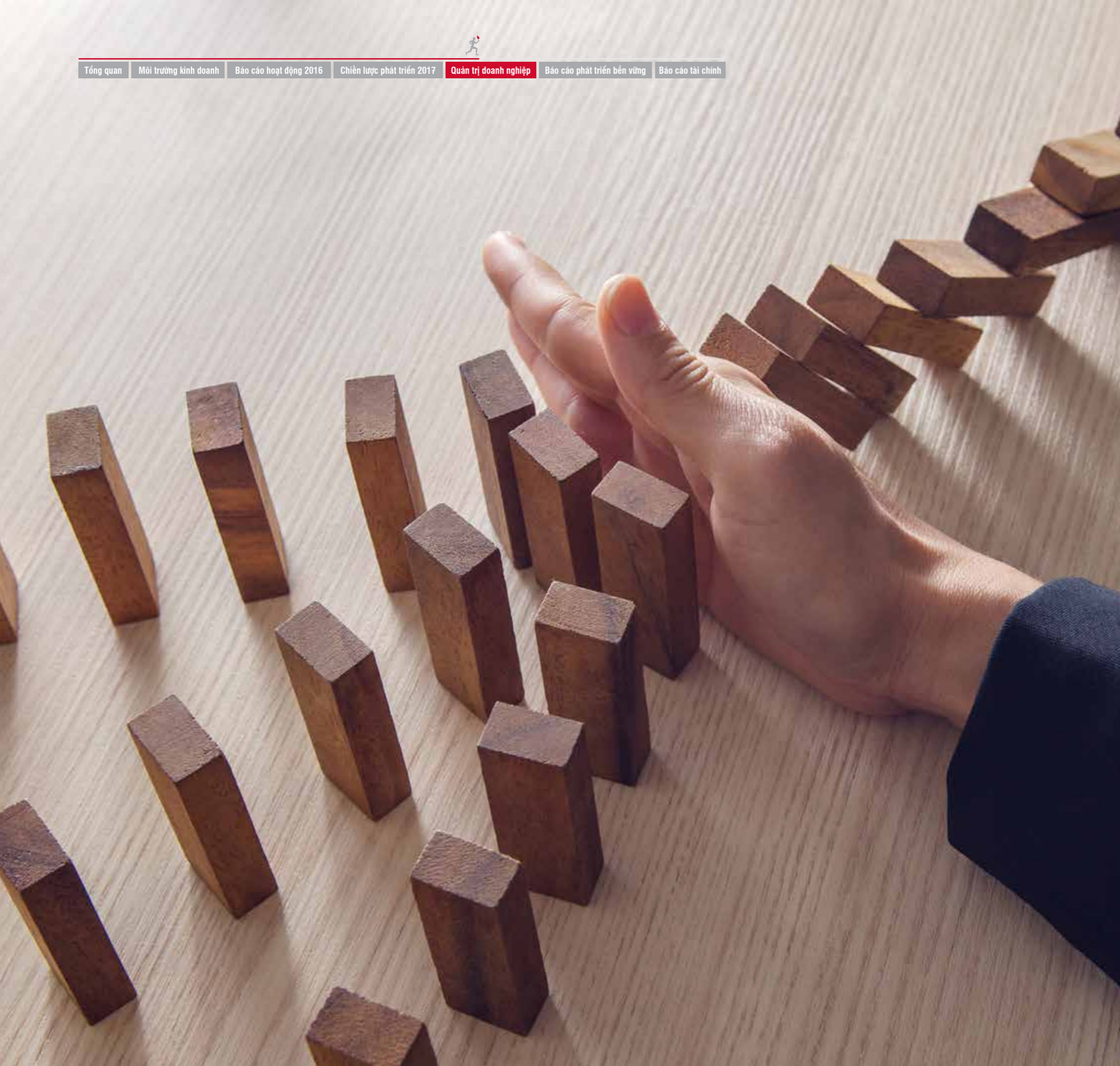
Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác; chế độ khám sức khỏe định kỳ, v.v...) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT tham gia vào các công việc của Công ty. Các thành viên HĐQT và BKS còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Năm 2016, SSI thực hiện chương trình Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy những CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lượng ESOP như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1.223.000
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD/ Người được ủy quyền CBTT	600.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	100.000
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	30.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	30.000
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000
8	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	15.000

Tổng thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc trong năm là 12.097.800.000 VNĐ.



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2016 được đánh dấu với nhiều sự kiện kinh tế - chính trị lớn cả ở trong nước và quốc tế đã phần nào ảnh hưởng đến TTCK thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Bên cạnh đó, một loạt những sự kiện liên quan đến các doanh nghiệp niêm yết, tiêu biểu như doanh nghiệp thiếu trung thực trong việc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư, cổ phiếu tăng giá phi mã dẫn việc sau đó nhiều cổ phiếu giảm giá sàn liên tục, mất thanh khoản, làm gia tăng rủi ro thị trường cũng như sới mòn lòng tin của nhà đầu tư. Tuy nhiên, với chiến lược phát triển và kế hoạch hành động hợp lý, rõ ràng, cùng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, SSI đã tiếp tục giữ vững thị phần lớn nhất trên cả hai Sàn Giao dịch Chứng khoán, tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ về nhân sự, mạng lưới, khách hàng v.v... trong khi rủi ro vẫn được hạn chế ở mức thấp nhất và nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT công ty phê duyệt.

SSI đã hoàn tất triển khai xây dựng Hệ thống Quản trị Rủi ro (QTRR) hoàn chỉnh theo yêu cầu của Thông tư số 210/2012/TT-BTC, và hướng dẫn về thiết lập và vận hành hệ thống QTRR cho công ty chứng khoán theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của UBCKNN. Hệ thống QTRR được triển khai đảm bảo phù hợp về chức năng và nhân sự như yêu cầu.



Nhận thấy được những rủi ro tiềm ẩn Công ty phải đổi mới do sự tăng trưởng mạnh về số lượng nhân sự, số lượng chi nhánh, số lượng khách hàng, quy mô vốn, đồng thời nhằm chuẩn bị cho sự tăng trưởng của công ty trong các năm tiếp theo, HĐQT công ty đã đưa ra kế hoạch nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR bằng việc thành lập dự án tăng cường năng lực quản trị rủi ro vào tháng 8/2015. Trong năm 2016, dự án đã hoàn thành với việc hoàn thiện bộ máy QTRR với mức độ chuyên môn hóa cao hơn, hoạt động QTRR được thực hiện chi tiết hơn theo từng loại rủi ro, với sự bổ sung đội ngũ nhân sự mới giàu kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

Bên cạnh đó trong năm 2016 Công ty đã tiến hành bổ sung, rà soát và cập nhật các chính sách, quy trình QTRR nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và cảnh báo rủi ro, cũng như cập nhật để phù hợp với các hoạt động vận hành thực tế. Hoạt động này sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2017. Hơn nữa, để chuẩn bị cho sự ra đời của sản phẩm chứng khoán phái sinh, trong năm 2016, Công ty đã chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực cũng như xây dựng hệ thống chính sách và quy trình quản trị rủi ro cho sản phẩm này.

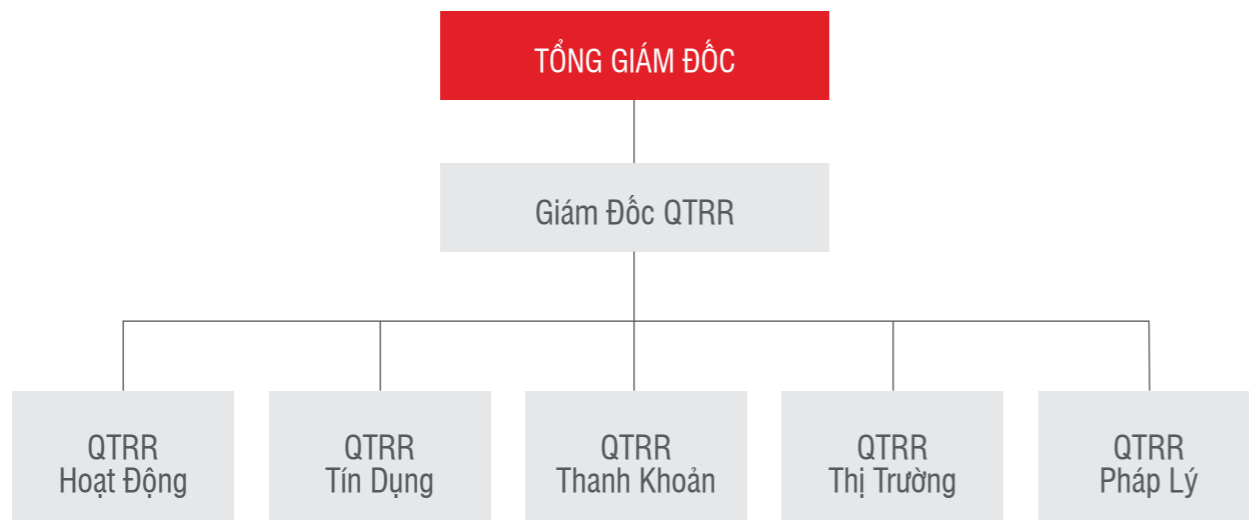
Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT của Công ty với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng Bộ phận Nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa quản trị rủi ro đến từng nhân viên theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động quản trị rủi ro;
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và rõ ràng nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Công ty sử dụng mô hình 3 tuyến phòng thủ trong hoạt động quản trị rủi ro cụ thể như sau:



Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao:



Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước như sau:

Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- i. Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động Kiểm Soát Nội Bộ (KSNB), Kiểm Toán Nội Bộ (KTNB), và Kiểm Toán Độc Lập. Dựa trên các dữ liệu này, công ty có thể đánh giá dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/ khả năng xảy ra trong tương lai;
- ii. Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ;
- iii. Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh;
- iv. Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ Quan Quản Lý Nhà Nước, Kiểm Toán Độc Lập, Kiểm Toán Nội Bộ, Kiểm Soát Nội Bộ;
- v. Những thay đổi trong môi trường kinh doanh, chính sách pháp luật.

Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính;
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, hoặc chỉ số được sử dụng cho giao dịch phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước;
- Mô hình “stress testing” được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần;
- Mô hình chấm điểm định tính, định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu;
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng.



Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất Công ty có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, Công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro và hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của hội đồng quản trị;
- Tình hình thực tế vận hành của các bộ phận kinh doanh, bộ phận nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tổng Giám đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro và hạn mức rủi ro của từng bộ phận kinh doanh nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, và một số dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước hoặc cả hai.

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các Bộ phận Nghiệp vụ, các Bộ phận Kinh doanh nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, sau đó là sự giám sát của các Bộ phận độc lập như Quản trị Rủi ro, Kiểm soát Nội bộ và cuối cùng là Kiểm toán Nội bộ.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro thì Bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các Bộ phận Nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó là phối hợp với Bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét, đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro v.v... Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

i. Chấp nhận rủi ro: khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể gây ra do rủi ro xảy ra thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro này;

ii. Tránh rủi ro: Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của công ty;

iii. Giảm thiểu rủi ro: Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai;

iv. Chia sẻ rủi ro: Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiền hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh;

v. Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo rủi ro để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.

Quy trình xử lý rủi ro tổng quát:

i. Tìm hiểu nguyên nhân làm tăng trạng thái rủi ro, nguyên nhân gây ra sự kiện rủi ro;

ii. Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó xác định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả mong muốn, hoạch định và xem xét nguồn lực cũng như thủ tục thực hiện;

iii. Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn;

iv. Xem xét cập nhật những chính sách, quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự;

v. Điều chỉnh những hạn mức liên quan nếu cần để phù hợp với thực tế.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG



Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, và sản phẩm chứng khoán phái sinh sẽ được chính thức đưa vào giao dịch trong năm 2017.

Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, chỉ số phái sinh, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu, lợi nhuận của công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu và tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ phận liên quan với Bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, chiến lược phân tán rủi ro, cảnh báo và quy trình xử lý.

Nghiệp vụ Đầu tư Tiền gửi/ Kỳ phiếu/ Trái phiếu/ Cho vay Ký quỹ

Trong nhiều năm qua, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tích cực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, quản lý trạng thái tiền mặt thường xuyên ở quy mô lớn, năm 2016 còn ở mức cao hơn những năm trước với vốn chủ sở hữu hơn 7.152 tỷ VNĐ, tổng tài sản lên tới trên 13.227 tỷ VNĐ, trạng thái tiền mặt trung bình 5.000 tỷ VNĐ, bao gồm hơn 1.200 tỷ VNĐ của nhà đầu tư. Ngoài ra, hoạt động đầu tư kinh doanh Trái phiếu Chính phủ cũng được đặc biệt chú trọng trong năm 2016 với quy mô bình quân 2.000 tỷ VNĐ. Dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời hạn nào. Điều đó dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn ngắn – dài hạn và lãi suất ở các kỳ hạn tương ứng sao cho tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Biến động lãi suất trong năm 2016 không lớn nhưng Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI vẫn tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các vấn đề địa chính trị có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Nghiệp vụ Đầu tư Cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế, các biến động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của công ty chứng khoán. Tuy nhiên, năm 2016, SSI đã tận dụng tốt các cơ hội của thị trường để thanh toán và đầu tư vào những công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, ít chịu ảnh hưởng bởi những biến động của thị trường, có tiềm năng phát triển ổn định. SSI vẫn kiên định đi theo chiến lược chủ yếu đầu tư dài hạn, tránh những rủi ro của hoạt động đầu cơ ngắn hạn, trong đó tăng cường hoạt động đồng hành cùng các công ty liên kết, hỗ trợ các công ty huy động vốn tối đa để tạo tiềm lực tài chính vững chắc cho mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao giá trị cốt lõi của cổ phiếu, duy trì mức giá cổ phiếu trên đà tăng trưởng tốt.

Nghiệp vụ Chứng khoán Phái sinh

Để chuẩn bị cho sự ra đời của TTCK Phái sinh, SSI đã tham gia tích cực vào quá trình cùng các cơ quan chức năng hoàn thiện khung pháp lý cho sản phẩm. Đồng thời, SSI cũng thành lập đội dự án chuyên trách về sản phẩm phái sinh để tiến hành nghiên cứu sản phẩm, xây dựng hệ thống giao dịch và hệ thống QTRR của công ty.

SSI đã triển khai hoạt động đào tạo nội bộ liên tục cho Nhân viên. Bên cạnh đó Công ty cũng tổ chức cho Nhân viên tham gia các lớp học của UBCK về Chứng khoán Phái sinh để Nhân viên có thể hiểu rõ sản phẩm cũng như rủi ro của sản phẩm nhằm giúp họ có thể tư vấn tốt nhất cho Khách hàng cũng như giảm thiểu rủi ro cho Khách hàng và cho cả Công ty.

Bộ phận QTRR đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng quy trình QTRR cho sản phẩm phái sinh để chủ động trong việc xác định, đo lường, đánh giá, phòng ngừa và xử lý rủi ro khi thị trường phái sinh chính thức đi vào hoạt động.

RỦI RO TÍN DỤNG



Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

Hoạt động đầu tư tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các Ngân hàng dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của Ngân hàng, cũng như việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi Ngân hàng Thương mại sẽ được áp dụng hạn mức tiền gửi khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều Ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 17 năm hoạt động, SSI cũng không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng rất cao tại SSI.

Cho Vay Giao Dịch Ký Quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCKNN chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của Khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục hỗ trợ thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu.
- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu.
- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
 - Tổng hạn mức cho vay ký quỹ,
 - Hạn mức tối đa trên 1 khách hàng,
 - Hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu,
 - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn,
 - Tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ, v.v...

- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch, v.v...
- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của Môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay, v.v...
- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

Trong năm 2016, với sự tăng trưởng chung của toàn thị trường, bên cạnh đó là chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, thì dư nợ margin của công ty có sự tăng trưởng mạnh từ mức trung bình hơn 3.000 tỷ VNĐ năm 2015 lên mức trung bình hơn 3.890 tỷ VNĐ trong năm 2016, với mức cao nhất lên tới hơn 4.351 tỷ VNĐ; tuy nhiên, rủi ro vẫn được quản lý trong hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt.

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. Tuy nhiên, trong bối cảnh lãi suất Trái phiếu Chính phủ duy trì ở mức thấp trong năm 2016 và rủi ro Cục dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất, SSI chủ yếu đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, SSI thẩm định rất kỹ càng, chỉ đầu tư trái phiếu của các doanh nghiệp được xếp hạng uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.

RỦI RO THANH KHOẢN

Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2016

Tháng

1	679%
2	659%
3	641%
4	635%
5	651%
6	678%
7	606%
8	556%
9	621%
10	572%
11	493%
12	544%

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của Nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ, và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản duy trì tại SSI. Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, tổng số lên tới trên 100 nghìn tài khoản năm 2016, rải rác tại các chi nhánh của SSI tại các thành phố khác nhau đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ Khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi nhà đầu tư bình quân hơn 1.200 tỷ VNĐ trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2016, dịch vụ cho vay ký quỹ của SSI tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định, số dư nợ cuối năm duy trì ở mức hơn 3.600 tỷ VNĐ đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn nhất thị trường, do đó việc quản lý các khoản đầu tư thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2016 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn duy trì ở mức cao từ 490% đến 679%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ theo quy định là 180%.

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và phối hợp chặt giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

	Báo cáo	Tần suất
Kế toán	Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng	Hàng ngày
	Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền dự chi/dự thu	Hàng ngày
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	Báo cáo dòng tiền đầu ngày	Hàng ngày
	Báo cáo kế hoạch dòng tiền	Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/Hàng ngày
Dịch vụ Chứng khoán	Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách	Hàng ngày;
	Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ	Hàng ngày và khi có phát sinh;
	Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ	Hàng ngày
	Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua	Khi có phát sinh
Quản trị rủi ro	Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng	Hàng tháng
	Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản	Hàng tháng
	Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền, ...)	Hàng tháng

Năm 2016, để tiếp tục tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ, SSI đã huy động thêm nguồn vốn kinh doanh từ vay ngân hàng và phát hành trái phiếu, việc quản trị dòng tiền hiệu quả và an toàn càng phức tạp hơn. Tuy nhiên, SSI luôn duy trì một tỷ lệ hợp lý và cân đối giữa tài sản và nợ, áp dụng nguyên tắc cơ bản của QTRR thanh khoản là đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản.

RỦI RO HỆ THỐNG & AN TOÀN THÔNG TIN

Việc đáp ứng ở mức độ cao đối với tự động hóa trong kinh doanh tập trung vào 2 vấn đề chính: rủi ro về lỗi hệ thống, và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin. Hai vấn đề này luôn là trọng tâm quyết định trong quá trình cải tiến hệ thống tự động hoá trong kinh doanh. Năm 2016, SSI tiếp tục quyết tâm thực hiện phương án nâng cao sự ổn định của hệ thống và an toàn bảo mật thông tin, và đã thực hiện những hạng mục với kết quả như sau:

Về an toàn bảo mật thông tin:

- Phát hiện, ngăn chặn các cuộc tấn công mạng
- Nâng cao giải pháp phòng chống virus
- 3 lớp tường bảo vệ mạng lưới dữ liệu
- Thực hiện chống thất thoát dữ liệu (DLP) ngăn chặn rò rỉ thông tin
- Chủ động dò quét định kỳ những điểm yếu, lỗ hổng của hệ thống ứng dụng
- Tăng cường dò quét định kỳ những điểm yếu, lỗ hổng của hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ
- Các chính sách và quy trình phù hợp để đảm bảo hiệu quả của kiểm soát nội bộ, tránh lỗi nội bộ

Về công tác phòng chống thảm họa:

- Đánh giá tính phù hợp của Kế hoạch phục hồi sau thảm họa (DCP) hàng quý

- Bổ sung thêm 10% vào 48 kịch bản bảo vệ cho thảm họa, đạt 90% yêu cầu tự động hóa. 10% còn lại dành cho 2 hệ thống core giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh, dự kiến giới thiệu trong nửa đầu 2017

- Thực hiện các buổi diễn tập bảo vệ phục hồi thảm họa vào tháng 11/2016

Về việc bảo vệ và cải thiện tính ổn định của hệ thống:

- Tất cả dịch vụ đang chạy trên môi trường thật được đảm bảo cơ chế dự phòng và chống sự cố làm ngừng hệ thống
- Các hạ tầng phần cứng được bổ sung phù hợp nhưng không vượt quá giới hạn để có thể ngăn chặn trường hợp phát sinh quá tải
- Tất cả đường truyền kết nối đều được bảo vệ bởi cơ chế dự phòng trên nhiều vị trí địa lý và nhà cung cấp khác nhau
- Trung tâm dữ liệu được thiết kế dựa theo tiêu chuẩn Tier 3 với hệ thống điện dự phòng UPS, mạng dữ liệu kép, máy phát điện kép, hệ thống điều hòa kép cho trung tâm dữ liệu
- Đảm bảo việc sao lưu/phục hồi dữ liệu, cơ sở hạ tầng công nghệ hoạt động theo quy định trong phạm vi cam kết dịch vụ SLA và không xảy ra trường hợp mất dữ liệu

RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp công ty, nhân viên của công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ công ty, vi phạm các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, quy chế, kể cả các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của Công ty. Một số biện pháp được Công ty thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

- Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận. Tại Công ty, các quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình. Trong suốt thời gian làm việc tại SSI, nhân viên được đào tạo định kỳ để nắm rõ quy trình làm việc và nâng cao ý thức tuân thủ
- Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Năm 2016, Bộ phận Kiểm soát Nội bộ của Công ty đã thực hiện 40 đợt kiểm soát tại các Bộ phận để kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Kết quả kiểm soát được báo cáo cho Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối phụ trách và bộ phận Pháp chế của Công ty để kịp thời xử lý vi phạm, cập nhật, chỉnh sửa quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu suất công việc.

Tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật về thuế cũng được Công ty chú trọng. Công ty đã thực hiện 33 cuộc kiểm toán trong năm 2016 liên quan đến chứng từ kế toán và lập báo cáo tài chính, kiểm toán thuế. Hoạt động kiểm toán nội bộ đã kịp thời phát hiện các sai sót và đề xuất thực hiện các biện pháp tuân thủ cho Tổng Giám đốc. Các hoạt động kiểm toán nội bộ đã làm tăng hiệu quả QTRR tuân thủ cho Công ty. Các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và báo cáo vốn khả dụng của Công ty công bố đều đảm bảo thông tin trung thực, khách quan, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật.

Công ty duy trì hàng năm tổ chức đào tạo trực tiếp cho toàn bộ nhân viên Công ty về đạo đức nghề nghiệp, kiểm soát nội bộ và phòng, chống rửa tiền. Các Bộ phận Tài chính Kế toán cũng được đào tạo cập nhật kiến thức pháp luật kế toán, pháp luật thuế, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo do các cơ quan quản lý tổ chức.

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế hỗ trợ nhân viên nâng cao kiến thức chuyên môn. Quy định này đã khuyến khích nhiều nhân viên chủ động tham gia các khóa học cập nhật kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu hoặc các khóa học dài hạn nâng cao kiến thức chuyên ngành. Các vị trí công tác yêu cầu nhân sự có chứng chỉ hành nghề Công ty đều đáp ứng đầy đủ.

Nhờ tăng cường đào tạo nâng cao ý thức tuân thủ, tăng tần suất kiểm soát và kịp thời cập nhật, hoàn thiện quy trình nên trong năm 2016 số lượng vi phạm, sai sót được kiểm soát chặt chẽ và không phát sinh sai sót trọng yếu.

Một số rủi ro tuân thủ phát sinh đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2017 (bảng 1)



STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Nhân viên môi giới vi phạm đạo đức nghề nghiệp, lạm dụng tài khoản của khách hàng.	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Phân quyền truy cập thông tin khách hàng; Thiết kế quy trình quản lý tài khoản có sự kiểm tra chéo; Khuyến khích khách hàng giao dịch qua internet; Thông báo kịp thời thay đổi số dư tài khoản cho khách hàng qua tin nhắn, email; Kiểm soát nghiệp vụ từ trung tâm; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp.
2	Nhân viên môi giới vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tham gia làm giá chứng khoán.	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Giám sát tài khoản giao dịch của nhân viên và người thân; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp; Kiểm tra lịch sử làm việc của nhân viên khi tuyển dụng.
3	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa khách hàng và nhân viên môi giới.	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Giám sát tài khoản giao dịch của nhân viên và người thân.
4	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tự doanh.	Phân tách về nghiệp vụ, chỗ ngồi, hệ thống dữ liệu, con người giữa các bộ phận; Ủy thác dài hạn hoạt động tự doanh cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).
5	Vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền, đặc biệt là nhận biết khách hàng.	Ban hành quy định về phòng chống rửa tiền, lồng ghép các quy định về phòng chống rửa tiền vào các quy trình nghiệp vụ; Hàng năm đào tạo cho nhân viên nâng cao nhận thức về phòng, chống rửa tiền; Từ chối khách hàng không cung cấp thông tin nhận biết theo quy định của pháp luật; Chủ động phân loại độ rủi ro của khách hàng trong phòng, chống rửa tiền.
6	Vi phạm nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của công ty chứng khoán, công ty niêm yết.	Ban hành quy trình báo cáo và công bố thông tin chi tiết, phân định trách nhiệm cụ thể của các phòng ban, cá nhân. Bổ trí chuyên viên chuyên trách về báo cáo và công bố thông tin có chuyên môn ngành Luật. Kiểm soát từ Giám đốc Luật và KSNB.

Bảng 1: Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Là công ty hoạt động trong ngành Tài chính – Chứng khoán, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu để nhận biết và định vị sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp đó mà đã trở thành một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty.

Nhận thức rõ những nguy cơ có thể xảy ra, SSI đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu một cách hiệu quả. Thương hiệu không chỉ đến từ các hình ảnh, thông tin của SSI trên các kênh truyền thông bên ngoài cũng như nội bộ, mà chính là các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSI và khách hàng. Vì thế “đại sứ thương hiệu” được nhìn một cách rộng hơn – mỗi cá nhân trong tập thể SSI đều là một đại sứ để truyền thông điệp về thương hiệu SSI không chỉ đến khách hàng mà còn ra đại chúng. SSI luôn cố gắng để những thông điệp này đều thống nhất và theo đúng chiến lược của công ty - Tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công” với định hướng luôn xây dựng SSI là Định chế tài chính minh bạch.

Trong thời buổi bão thông tin, SSI tuân theo một tôn chỉ duy nhất về truyền thông để giảm thiểu tối đa rủi ro thương hiệu, đó là tính minh bạch. Để có được niềm tin của Cổ đông và Nhà đầu tư, minh bạch là điểm mấu chốt: thông tin tích cực hay tiêu cực đều được SSI xử lý thông nhất, để đưa đến cho Nhà đầu tư và Cổ đông những cái nhìn trung thực nhất. Khi có thông tin không chính xác về SSI được đưa ra công luận, SSI cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp cùng công luận, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông,

SSI nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Khi mà những tác động của mạng xã hội đến thương hiệu đang ngày càng mạnh mẽ, thay bằng việc thụ động ứng phó với các luồng thông tin, SSI cũng đã kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của nhà đầu tư, của khách hàng, không những chỉ về thương hiệu SSI, mà còn chung về TTCK. Các thông tin này không chỉ giúp SSI luôn chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch, đây còn là nguồn thông tin quý giá để SSI nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro cho thương hiệu, SSI đã và đang xây dựng quy trình và kế hoạch truyền thông một cách có hệ thống và chuyên nghiệp. Hàng năm, SSI đều hoạch định các kế hoạch truyền thông rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao. SSI đã ban hành và thực hiện nhiều quy định, quy chế khác nhau về báo cáo và công bố thông tin với quy định cụ thể về trả lời phỏng vấn với các phương tiện thông tin đại chúng, việc đưa thông tin và bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của SSI. Đặc biệt, SSI đã có quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSI trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSI đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng

RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC



Cùng với những chuyển biến tích cực của nền kinh tế vĩ mô và của TTCK, quản trị nhân sự tại SSI tiếp tục đối mặt với những thách thức và cơ hội mới do thị trường mang lại. Luôn ý thức được nguồn nhân lực là tài sản quý nhất, là nhân tố tạo ra giá trị khác biệt của Công ty, SSI tiếp tục chú trọng việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện.

Năm 2016, TTCK tiếp tục có nhu cầu rất lớn về nhân lực để các công ty vận hành và tiếp tục mở rộng. Trong khi thị trường nguồn nhân lực cung không đáp ứng đủ cầu, buộc các công ty phải tuyển nhân viên từ những đối thủ hoạt động cùng ngành. Một bên cần người, một bên giữ người nên cạnh tranh về mặt lương thưởng tăng cao và tỷ lệ nghỉ việc, nhảy việc cao là điều có thể hiểu được.

Đứng trước những thách thức trong việc quản trị nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ, công tác QTRR trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. Không chỉ dừng lại ở những công tác tuyển dụng sàng lọc chặt chẽ, mở rộng các hình thức tuyển dụng, tăng cường đào tạo đội ngũ, nghiêm túc thực hiện đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chính sách đãi ngộ để đảm bảo hạn chế rủi ro thiếu hụt và mất nguồn lực; SSI còn chú trọng lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý.

Hoạt động Quản trị Nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Lương thưởng và chế độ phúc lợi	Ảnh hưởng tài chính	Người có thẩm quyền ký các quyết định liên quan đến lương thưởng và chế độ phúc lợi Các cấp phê duyệt trong quy trình duyệt chính sách liên quan Kiểm soát ngân sách để đảm bảo chính sách được duyệt không vượt quá ngân sách đã định
Tuyển dụng	Phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng Tuyển chọn sai đối tượng	Quy trình sàng lọc xét chọn hồ sơ và tuyển dụng cần được tuân thủ áp dụng với tất cả các ứng viên tiềm năng Áp dụng thời gian thử việc và đánh giá sau thử việc Thực hiện đúng những điều kiện/ cam kết đã trao đổi với ứng viên trong quá trình tuyển dụng
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Môi trường làm việc Sức khỏe người lao động	Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, lành mạnh và chuyên nghiệp Định kỳ tổ chức khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động, có kế hoạch dự phòng nhân sự khi cần thiết

Hoạt động Quản trị Nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Quản lý nhân viên	Thiếu thông tin và không được hướng dẫn/ đào tạo cần thiết để thực hiện công việc	Tất cả các nhân viên trong Công ty đều được đào tạo định hướng nhằm cung cấp các thông tin đầu vào sơ bộ hỗ trợ nhân viên khi bắt đầu làm việc. Trong suốt quá trình làm việc các nhân viên cần được bồi dưỡng, đào tạo (on the job training) và giám sát bởi cấp quản lý để đảm bảo các kiến thức, kỹ năng của mỗi nhân viên đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty
	Nhân viên không được đánh giá hiệu quả công việc	Tất cả vị trí trong công ty đều được đánh giá hiệu quả công việc thông qua Chương trình Đánh giá Hiệu quả Công việc cuối năm, được thực hiện trên hệ thống PMS và lưu trữ thông tin các kỳ đánh giá để tham chiếu. Đối với các đối tượng đặc thù như nhân viên Môi giới được đánh giá phân bậc 2 kỳ trong năm
	Dự phòng nhân sự	Các vị trí trong Công ty cần được xây dựng bản mô tả công việc rõ ràng, đảm bảo khi thiếu hụt nhân sự có thể kịp thời tuyển dụng thay thế để đảm bảo thực hiện đúng chức năng công việc của vị trí đó. Mỗi bộ phận phòng ban đều có kế hoạch dự phòng nhân sự để đảm bảo hoạt động của phòng khi có nhân viên nghỉ đột xuất hoặc nghỉ dài hạn. Các vị trí chủ chốt trong Công ty có kế hoạch đào tạo nhân sự kế thừa hoặc thay thế tạm thời trong trường hợp vắng mặt
	Vi phạm quy tắc đạo đức	Đẩy mạnh giám sát chéo thông qua các quy trình nghiệp vụ chặt chẽ. Tổ chức đào tạo và cập nhật về Đạo đức nghề nghiệp và các trường hợp vi phạm để nhân viên ý thức và tránh vi phạm
	Bảo mật thông tin cá nhân	Các thông tin cá nhân của nhân viên cần được bảo mật, chỉ cung cấp khi có yêu cầu cụ thể từ các cấp có thẩm quyền
Thất thoát tài sản của Công ty	Thất thoát tài sản của Công ty	Tuân thủ đúng quy trình bàn giao tài sản và bàn giao công việc để tránh rủi ro thất thoát tài sản cả về vật chất và phi vật chất (thông tin)
	Danh tiếng Công ty	Tiền hành phòng vãn khi nghỉ việc để nắm được nguyên nhân nghỉ việc của nhân viên, tránh các rủi ro ảnh hưởng tới danh tiếng của Công ty



Cùng với công tác tuyển dụng và tuyển chọn, công tác đào tạo cũng được quan tâm nghiêm túc để đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, cũng như tiếp thêm cảm hứng và động lực cho nhân viên. Những chương trình đào tạo được thiết kế riêng cho từng phân khúc đối tượng, giúp tăng hiệu quả công việc, giảm rủi ro về nghiệp vụ và nâng cao tính gắn kết trong tổ chức. Trước những thay đổi về hành lang pháp lý, yêu cầu thị trường ngày một khắt khe, đội ngũ SSI lại càng cần trau dồi và phát triển để mang lại những giá trị cạnh tranh hơn nữa cho khách hàng.

Chính sách đãi ngộ và chương trình đánh giá hiệu quả công việc luôn là bộ đôi song hành để đảm bảo sự hài lòng của nhân viên, tính công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

Tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng, thích ứng với yêu cầu của thị trường; thu hút và giữ chân nhân tài đặc biệt là nhân sự cấp cao luôn là thách thức cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực. Chúng tôi đề cao việc quản trị bộ máy bằng hệ thống và các quy trình để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, phát triển bền vững và khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Đối với công tác quản trị nhân sự, tính chính xác và bảo mật của thông tin nhân sự luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Các báo cáo định kỳ cho thấy xu hướng nhân sự trong Công ty được thực hiện thông qua hệ thống quản lý thông tin giúp Ban Lãnh đạo quản lý và dự đoán tốt hơn tình hình nhân sự, cũng như có các phương án đào tạo, tuyển dụng, xây dựng chính sách phù hợp với tình hình thực tế. Với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ, các công tác nhân sự cũng đã được giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả khi tác nghiệp.

Bên cạnh đó, SSI tiếp tục duy trì kênh truyền thông nội bộ để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần SSI. Những chia sẻ này cũng là yếu tố động viên tinh thần làm việc, cung cấp thông tin và tránh những căng thẳng không đáng có. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo thông tin xuyên suốt và mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể để tiếp tục đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của Công ty. Với sự chia sẻ và minh bạch cao trong tổ chức, bộ máy sẽ vận hành được trơn tru hơn, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới nhân sự.

Cùng với những cơ hội và thách thức mới, công tác quản trị nhân sự tại SSI nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban Lãnh đạo để tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ, đậm tinh thần SSI. SSI tiếp tục đóng vai trò là một cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài. Tại đây, chúng tôi tiếp sức cho những hoài bão và sẵn sàng trao cơ hội thử sức và phát triển cho nhân viên. Bằng cách quản trị bằng hệ thống và quy trình kiểm soát chéo, chúng tôi có thể mạnh dạn tạo điều kiện thử nghiệm, thử sức cho đội ngũ nhân viên nhưng vẫn đảm bảo hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo, v.v... từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. HĐQT công ty đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro nào do việc cố tình vi phạm các quy định pháp lý gây ra.

Năm 2017 sẽ là một năm có nhiều thay đổi quan trọng về khung pháp lý cho doanh nghiệp nói chung và cho TTCK nói riêng, trong đó có việc áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi Luật Chứng khoán, sửa đổi quy định về quản trị công ty đại chúng và hoạt động của công ty chứng khoán v.v..., các sản phẩm mới được giao dịch như chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm, v.v...

Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức bộ phận Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết. Bộ phận Luật và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Bộ phận có liên quan;

nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Bên cạnh đó, bộ phận này cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty trước khi được ban hành đều phải được kiểm tra bởi Bộ phận Luật cũng như thường xuyên được rà soát để chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

Đa số thành viên HĐQT, thành viên BKS và cán bộ quản lý của Công ty đã tham gia lớp đào tạo về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được toàn thể Ban Lãnh đạo, Nhân viên Công ty cam kết thực hiện.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, không sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường đối với Công ty là không đáng kể.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 2017

Nằm trong kế hoạch nâng cao năng lực QTRR tại công ty, năm 2016 là năm bản lề với sự hoàn thiện về hệ thống QTRR, tăng trưởng về nhân sự QTRR, cũng như bước đầu cập nhật các chính sách và quy trình khung. Mục tiêu chính của năm 2017 là hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các rủi ro cụ thể cho từng loại rủi ro, bên cạnh đó là triển khai các chính sách và quy trình mới vào thực tế.

Với việc tăng trưởng mạnh về quy mô nhân sự cũng như hệ thống mạng lưới chi nhánh, khách hàng, thì công ty phải đối mặt nhiều hơn với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động. Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2017 là nâng cao hiệu quả của QTRR hoạt động với việc tiến hành các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR. Song song đó, Bộ phận QTRR sẽ phối hợp với các Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ để xây dựng danh mục rủi ro, giải pháp phòng chống và hạn chế rủi ro cho từng Bộ phận đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động liên tục cho từng bộ phận cũng như trên phạm vi toàn Công ty.

Ngoài ra, các hoạt động QTRR tín dụng, thanh khoản, thị trường đã thực hiện rất tốt vẫn sẽ được chú trọng thực hiện hàng ngày cũng như nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động QTRR cho các rủi ro này, vì nó liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Năm 2017, sản phẩm phái sinh sẽ được đưa vào giao dịch nên hoạt động QTRR cho sản phẩm phái sinh cũng sẽ được chú trọng hoàn thiện.

Khó khăn khi thực hiện hoạt động Quản trị Rủi ro

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro bên cạnh đó là nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR cũng như ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI trong hoạt động QTRR.

Do quản trị rủi ro là một lĩnh vực mới tại Việt Nam cũng như là một lĩnh vực đang phát triển trên thế giới, nên cũng còn những vấn đề có nhiều cách định nghĩa khác nhau, hay thay đổi, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn nhiều hạn chế cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động quản trị rủi ro của đa số người lao động còn thấp. Vì vậy, hoạt động quản trị rủi ro sẽ gặp một số khó khăn như sau:



- Khi đo lường các rủi ro bằng phương pháp định lượng cần sử dụng các dữ liệu quá khứ. Tuy nhiên hiện nay nguồn dữ liệu còn rất hạn chế hoặc không có nên hoạt động đo lường rủi ro bằng phương pháp định lượng gặp nhiều khó khăn, thiếu chính xác hoặc có thể không thực hiện được. Bên cạnh đó, các mô hình đo lường rủi ro định lượng bản thân nó cũng có những hạn chế và có nhiều cách thức đo lường khác nhau. Ví dụ như: phương pháp VaR (Value-at Risk) có thể giúp đo lường giá trị thiệt hại tối đa theo một độ tin cậy nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể, tuy nhiên, khi rủi ro xảy nằm ngoài độ tin cậy đó thì giá trị này không xác định được và thường rất lớn. Ngoài ra, VaR cũng có nhiều cách đo lường khác nhau tùy vào điều kiện cụ thể nên đòi hỏi người sử dụng phải có kinh nghiệm để áp dụng phương pháp đo lường thích hợp.
- Do nhận thức của nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR còn hạn chế nên hiệu quả đóng góp cho hoạt động QTRR từ toàn bộ nhân viên chưa được như mong muốn, và hoạt động QTRR chủ yếu thực hiện bởi bộ phận QTRR và một phần từ các bộ phận kinh doanh trực tiếp phát sinh rủi ro.
- Các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro hiện nay đều đòi hỏi chi phí đầu tư rất cao, chỉ các ngân hàng hoặc tập đoàn tài chính lớn trên thế giới mới có đủ quy mô và chi phí để sử dụng một cách hiệu quả nên vẫn tồn tại một số tính toán bán thủ công.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2016

Mã chứng khoán niêm yết	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2016)	490.063.684 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2016)	489.825.250 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2016)	238.434 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2016)	19.600 VNĐ/ cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt	10%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	11/10/2016
Ngày chốt danh sách cổ đông	12/10/2016
Ngày thực hiện thanh toán	21/10/2016
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu ESOP năm 2016	100.000.000.000 VNĐ
Ngày phát hành	15/12/2016
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/ cổ phiếu
Giá phát hành	10.000 VNĐ/ cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 100% trong năm đầu tiên và 50% trong năm thứ hai kể từ ngày phát hành
Tạm ứng cổ tức năm 2016	Không có tạm ứng cổ tức năm 2016

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Nguồn: SSI

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	48.194.727	9,83%
2	Daiwa Securities Group Incorporation	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	85.606.601	17,47%
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	236/43/2 Điện Biên Phủ, P17, Q.Bình Thạnh, HCM	29.554.063	6,03%

(Số liệu ngày 20/03/2017)

Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2016

Năm 2016, SSI tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư theo mục tiêu “tối đa hóa lợi ích cổ đông”. Thông qua nhiều hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông cũng như chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư, Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ các cổ đông hiện hữu, tiếp cận thêm nhiều nhà đầu tư tiềm năng, góp phần tạo nên thương hiệu SSI tại các thị trường Việt nam và trong khu vực.

MINH BẠCH HÓA THÔNG TIN

Để đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin tới nhà đầu tư, SSI đã xây dựng một quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư - tuân thủ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Năm 2016, SSI tiếp tục chủ động cập nhật thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tới nhà đầu tư, trong đó có giải thích rõ những yếu tố tạo nên biến động doanh thu/ lợi nhuận trong kỳ, hoạt động cũng như thành tựu của từng bộ phận kinh doanh v.v..., giúp Nhà Đầu tư có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những thông tin này cũng được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất. Bên cạnh đó, bộ phận Quan hệ Nhà Đầu tư luôn tích cực tiếp nhận và phản hồi kịp thời các thắc mắc, yêu cầu của cổ đông qua các kênh: điện thoại, email, hay sắp xếp gặp mặt trực tiếp.

Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ www.ssi.com.vn là một kênh truyền thông tin hiệu quả, được cập nhật đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động của Công ty, trong đó Nhà đầu tư sẽ tìm thấy các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp và những văn bản quan trọng như Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, các báo cáo v.v... từ khi thành lập công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo Thường niên được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững. Báo cáo của SSI liên tục lọt top những Báo cáo thường niên tốt nhất trong cuộc bình chọn Báo cáo thường niên do HOSE tổ chức.

BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỔ ĐÔNG

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo Thường niên v.v... Đặc biệt trong năm 2016, SSI là một trong số những công ty niêm yết đầu tiên tham gia cam kết với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố thông tin bằng tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông trong và ngoài nước.

Đối với quyền được tham gia, bỏ phiếu tại Đại hội Cổ đông, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT: cổ đông SSI luôn được thông báo rõ ràng về quy chế họp và quy trình biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên. Hơn nữa, các tài liệu họp đều đã được công bố trước thời gian họp để cổ đông có thời gian nghiên cứu kỹ các vấn đề để ra quyết định đúng. Ngoài ra, chính sách biểu quyết vắng mặt cũng được áp dụng.

Điều lệ & Quy chế Quản trị Công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Trong những năm vừa qua SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho cổ đông.

CHỦ ĐỘNG THAM GIA KẾT NỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐẦU TƯ

Không chỉ tích cực trong các hoạt động minh bạch hóa thông tin & bảo vệ lợi ích cổ đông, trong năm vừa qua, SSI đã tích cực tham gia vào nhiều hoạt động kết nối với cộng đồng nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư tổ chức.

Năm 2016, Công ty tiếp tục đón tiếp nhiều chuyên gia phân tích, chuyên gia quản lý danh mục đầu tư từ một số quỹ đầu tư nước ngoài có trụ sở tại Nhật Bản, Mỹ, Hong Kong, Singapore v.v..., đến tham quan, gặp gỡ đại diện ban lãnh đạo và trao đổi, tìm hiểu về chiến lược phát triển, các nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động đầu tư cũng như những thông tin kinh tế - tài chính chuyên sâu khác.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo công ty cũng chủ động tham dự một số hội thảo gặp gỡ nhà đầu tư trong và ngoài nước như: Hội nghị Công ty chứng khoán các nước ASEAN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức tại Hà Nội vào tháng 10.2016; Diễn đàn đầu tư do Daiwa tổ chức tại Hongkong vào tháng 11.2016.

Năm 2017, ngoài việc tiếp tục các hoạt động tăng cường tính minh bạch trong việc công bố thông tin, bảo vệ quyền lợi cổ đông, SSI sẽ chú trọng tới những hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư khác như sau:

- Cải tiến các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu Công ty nhằm truyền tải một cách chuyên nghiệp nhất những hình ảnh, câu chuyện về SSI tới Cổ đông và Nhà đầu tư tiềm năng;
- Tích cực tham gia các hội thảo về đầu tư, tổ chức gặp gỡ Nhà Đầu tư (roadshow) tại nước ngoài để giới thiệu về cổ phiếu SSI;
- Tìm kiếm và đẩy mạnh các cơ hội kết nối với Nhà đầu tư Tổ chức tại một số thị trường tài chính trọng tâm như: Anh, Mỹ, Singapore, Hong Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc.
- Chủ động phối hợp và cung cấp thông tin tới các chuyên viên phân tích thị trường nhằm tăng số lượng các báo cáo phân tích viết về SSI trong năm 2017.



PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN



A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
A.1. Quyền cơ bản của cổ đông				
A.1.1	Công ty có trả cổ tức một cách bình đẳng và kịp thời trong vòng 30 ngày sau khi được công bố (đối với cổ tức giữa kỳ) hoặc sau khi được Cổ đông thông qua tại các Đại hội Cổ đông với cổ tức cuối năm?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ.	SSI đã thực hiện trả cổ tức một cách bình đẳng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên, tuy nhiên thời gian thực hiện nhiều hơn 30 ngày.
A.2. Quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của Công ty				
A.2.1	Cổ đông có quyền tham gia sửa đổi quy chế công ty?	Có	Thực hiện tốt	
A.2.2	Cổ đông có quyền tham gia cho phép phát hành thêm cổ phiếu?	Có	Thực hiện tốt	
A.2.3	Cổ đông có quyền tham gia vào việc chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của Công ty, dẫn đến việc bán Công ty?	Có		Trường hợp bán phần lớn tài sản, bán công ty chưa xảy ra tại SSI. Tuy nhiên, Điều lệ công ty có quy định bán tài sản trị giá 35% tổng tài sản hoặc hợp nhất, sáp nhập công ty phải thông qua ĐHĐCĐ với tỉ lệ phiếu biểu quyết 65%, những người có liên quan không được biểu quyết.
A.3. Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định hợp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết				
A.3.1	Cổ đông có cơ hội thông qua thù lao, hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ ủy viên HĐQT không điều hành?	Có	Thực hiện tốt	Tổng thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm.
A.3.2	Công ty có cho phép Cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ ủy viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiên hành?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ. Thủ tục đề cử, biểu quyết được công bố khi mời họp và tại đại hội khi khai mạc.
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi hoặc kiến nghị các vấn đề?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ lần gần nhất có ghi nhận chương trình thảo luận với Cổ đông, đồng thời ghi nhận tất cả các câu hỏi của Cổ đông & câu trả lời của Chủ tọa cũng như ý kiến của Cổ đông tham dự cuộc họp.
A.3.6	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận các câu hỏi và câu trả lời?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ lần gần nhất có ghi nhận chương trình thảo luận với Cổ đông, đồng thời ghi nhận tất cả các câu hỏi của Cổ đông & câu trả lời của Chủ tọa cũng như ý kiến của Cổ đông tham dự cuộc họp.
A.3.7	Việc công bố kết quả của ĐHĐCĐ mới nhất có bao gồm các nghị quyết đại hội?	Có	Thực hiện tốt	Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin cùng với Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định.
A.3.8	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trắng cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ có ghi nhận đầy đủ, chi tiết kết quả bầu chọn bao gồm số cổ đông tham dự, tỷ lệ biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) đối với từng vấn đề đã trình bày và thảo luận.
A.3.9	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Lãnh đạo SSI đều tham dự ĐHĐCĐ đầy đủ trong nhiều năm trở lại đây. Biên bản họp ĐHĐCĐ có ghi tên từng người tham dự.
A.3.10	Chủ tịch HĐQT có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.11	Tổng Giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	



Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
A.3.12	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm toán có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Mô hình quản trị công ty tại SSI được xây dựng bao gồm các tiểu ban độc lập phụ trách về Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro, phân công thành viên HĐQT phụ trách các tiểu ban này. Thành viên HĐQT phụ trách Kiểm toán nội bộ có tham dự tại ĐHĐCĐ gần nhất.
A.3.13	Công ty có tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất ở địa điểm dễ tới?	Có	Thực hiện tốt	Trong nhiều năm trở lại đây, SSI tổ chức ĐHĐCĐ thường niên tại Hội trường Thống Nhất – 135 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam. Đây là địa điểm dễ tìm kiếm tại trung tâm Quận 1, TP Hồ Chí Minh với Hội trường lớn đảm bảo các Cổ đông có thể đến tham dự đầy đủ và dễ dàng.
A.3.14	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	Không		Luật Doanh nghiệp không cho phép biểu quyết vắng mặt.
A.3.15	Công ty biểu quyết theo số phiếu cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	Có	Thực hiện tốt	Các vấn đề được trình bày, thảo luận và xin ý kiến cổ đông đều đưa ra biểu quyết đều theo số phiếu cổ đông (không phải bằng cách giơ tay). Vấn đề này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ. Cách thức bỏ phiếu trong cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố đầy đủ trong tài liệu họp bằng cả ngôn ngữ tiếng Anh – tiếng Việt, đảm bảo các cổ đông được tiếp nhận thông tin một cách bình đẳng.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
A.3.16	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (người kiểm tra phiếu bầu/ thanh tra) để đếm và/ hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện tốt	Công ty có thành lập và công bố trước Đại hội về Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Vấn đề này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.3.17	Công ty công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin trong vòng 24h sau cuộc họp.
A.3.18	Công ty có thông báo trước tối thiểu 21 ngày đối với tất cả nghị quyết?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.19	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu họp ĐHĐCĐ/ Dự thảo và/ hoặc các báo cáo đính kèm?	Có	Thực hiện tốt	Mỗi vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ đều có tờ trình trình bày lý do, cơ sở cho Nghị quyết.

A.4. Thị trường giao dịch thầu tóm Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch

A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/ hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên HĐQT của Công ty có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?			Trường hợp này chưa xảy ra tại SSI.
-------	--	--	--	-------------------------------------

A.5. Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức

A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/ thực hành nhằm khuyến khích cổ đông, bao gồm cổ đông tổ chức, tham dự đại hội cổ đông hoặc tham gia và đóng góp cho hoạt động của Công ty?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Công ty tích cực tham gia các hoạt động trao đổi thông tin với các Cổ đông tổ chức, Nhà đầu tư nước ngoài; cùng với nỗ lực công bố thông tin song song tiếng Anh – tiếng Việt, tạo điều kiện khuyến khích cổ đông tham gia và đóng góp cho hoạt động Công ty.
-------	---	----	--------------------------------	---

B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
B.1. Cổ phiếu và Quyền biểu quyết				
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết?	Có	Thực hiện tốt	
B.1.2	Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, Công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu?	Có	Thực hiện tốt	SSI chỉ có 1 loại cổ phiếu. Tuy nhiên, Điều lệ có quy định về các loại cổ phiếu có thể phát hành và quyền biểu quyết của từng loại.
B.2. Thông báo của Đại hội đồng Cổ đông				
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	Không	Chưa thực hiện	SSI sẽ khắc phục điểm này trong những năm tiếp theo.
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh nhưng chưa được công bố cùng ngày với tài liệu tiếng Việt.
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của ứng cử viên cho HĐQT hoặc các thành viên hết nhiệm kỳ cần bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm và nhiệm kỳ thành viên HĐQT trong các công ty niêm yết khác)?	Có	Thực hiện tốt	Tiểu sử của các ứng cử viên HĐQT, các thành viên hết nhiệm kỳ cần bầu chọn lại được đưa vào tài liệu ĐHĐCĐ công bố, cũng như gửi tới toàn thể Cổ đông (qua email và đường bưu điện).
B.2.4	Tài liệu họp có nêu danh sách Công ty Kiểm toán để lựa chọn?	Có	Thực hiện tốt	Tài liệu họp có bao gồm Tờ trình về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán, trong đó có cung cấp danh sách và thông tin các Công ty Kiểm toán.
B.2.5	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có giải thích về chính sách cổ tức không?	Không	Chưa thực hiện	Giải thích cơ sở mức chia cổ tức được xác định như thế nào chưa được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
B.2.6	Khoản phải trả cho cổ tức cuối cùng có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Công bố thông tin theo quy định.
B.2.7	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	Có	Thực hiện tốt	Thư mời họp có kèm theo Giấy Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ, mẫu này cũng được đăng trên website Công ty.
B.3. Cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân				
B.3.1	Công ty có chính sách và/ hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty.
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	Có	Thực hiện tốt	SSI thực hiện tốt nội dung này theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC và Thông tư 155/2015/TT-BTC.
B.4. Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao				
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trọng các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty.
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu lập một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và Cổ đông không?	Không	Chưa thực hiện	
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty.
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
B.5. Bảo vệ Cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng				
B.5.1	Công ty có giao dịch bên liên quan nào có tính chất hỗ trợ tài chính cho các đơn vị không phải là công ty con trực thuộc không?	Không		
B.5.2	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Có	Thực hiện tốt	Các giao dịch với bên liên quan được Công bố thông tin đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định.

C. VAI TRÒ CỦA BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
C.1. Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng				
C.1.1	Công ty có ban hành các quy định và thực thi nỗ lực bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) SSI.
C.1.2	Công ty có giải thích quy trình và hoạt động lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu?	Không	Chưa thực hiện	SSI có văn bản nội bộ quy định quy trình và hoạt động lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu, tuy nhiên nội dung này chưa được công bố trong các báo cáo của SSI.
C.1.3	Công ty có công bố chính sách nhằm đảm bảo chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI.
C.1.4	Công ty có mô tả nỗ lực trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
C.1.5	Công ty có mô tả chương trình và quy trình phòng chống tham nhũng của Công ty?	Không	Chưa thực hiện	SSI có văn bản nội bộ quy định về quy trình phòng chống tham nhũng, tuy nhiên nội dung này chưa được công bố trong các báo cáo của SSI.
C.1.6	Công ty có mô tả cách bảo vệ quyền lợi chủ nợ?	Không	Chưa thực hiện	SSI chưa thực hiện nội dung này.

Công ty có công bố các hoạt động mà công ty đã thực hiện để triển khai các chính sách nói trên?

C.1.7	Công ty có hành động cụ thể nhằm bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung về bảo vệ quyền lợi khách hàng được công bố trong BCPTBV SSI.
C.1.8	Công ty có lựa chọn và tiêu chí đối với nhà cung cấp/ nhà thầu?	Có	Thực hiện tốt	SSI có văn bản nội bộ quy định về quy trình và hoạt động lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu.
C.1.9	Công ty nêu cụ thể về việc thực hiện chuỗi giá trị thân thiện với môi trường, hướng đến phát triển bền vững?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI.
C.1.10	Công ty có nêu các hoạt động tương tác với cộng đồng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI.
C.1.11	Công ty có chương trình và quy trình phòng chống tham nhũng?	Có	Thực hiện tốt	Công ty có quy chế quy định về việc phòng chống tham nhũng, rửa tiền.
C.1.12	Công ty có quy định về việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	Không	Chưa thực hiện	
C.1.13	Công ty có mục/ báo cáo riêng về trách nhiệm công ty hay mục/ báo cáo bền vững?	Có	Thực hiện tốt	Năm nay là năm thứ 3 Công ty lập BCPTBV theo tiêu chuẩn công bố thông tin dựa trên Hướng dẫn lập BCPTBV, phiên bản G4 dành cho ngành Tài chính của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu Global Reporting Initiative (GRI).

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
----	------------------	---------	--	---------

C.2. Khi lợi ích của các bên liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm

C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (VD. Khách hàng, Nhà cung cấp...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/ hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Có	Thực hiện tốt	Đầu mỗi liên hệ được cung cấp trên website và trong BCTN của Công ty.
-------	--	----	---------------	---

C3. Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng

C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách về sức khỏe, an toàn và bảo vệ cho nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	Các thông tin liên quan đến chương trình sức khỏe, an toàn và bảo vệ nhân viên không những được công bố rõ ràng trong BCTN và BCPTBV SSI; mà còn được truyền tải kịp thời đến từng nhân viên thông qua các kênh truyền thông nội bộ (diễn đàn, bảng tin, email v.v...).
C.3.2	Công ty có công bố thông tin liên quan đến các chương trình sức khỏe, an toàn và bảo vệ nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	Thông tin về chương trình đào tạo và phát triển nhân viên được trình bày trong Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững; cũng như được công bố tới từng nhân viên thông qua các kênh truyền thông nội bộ.
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	Thông tin về chương trình đào tạo và phát triển nhân viên được trình bày trong Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững; cũng như được công bố tới từng nhân viên thông qua các kênh truyền thông nội bộ.
C.3.4	Công ty có công bố thông tin liên quan đến chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	Thông tin về chương trình đào tạo và phát triển nhân viên được trình bày trong Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững; cũng như được công bố tới từng nhân viên thông qua các kênh truyền thông nội bộ.

C.4. Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ

C.4.1	Công ty có quy trình khiếu nại dành cho nhân viên về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp của SSI.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/ cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức?	Không	Chưa thực hiện	

D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
----	------------------	---------	--	---------

D.1. Cấu trúc sở hữu minh bạch

D.1.1	Công ty có công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, Báo cáo thường niên (BCTN).
D.1.2	Công ty có công bố thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, BCTN.
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, BCTN.
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, BCTN.
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/ công ty có mục đích đặc biệt?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ tại các BCTN và Báo cáo Tài chính Hợp nhất.

D.2. Chất lượng của Báo cáo Thường niên

D.2.1	Công ty có công bố rủi ro chính?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung về các rủi ro trong hoạt động, cách thức phòng chống/ xử lý rủi ro và kế hoạch hoạt động trong những năm tiếp theo được trình bày chi tiết tại BCTN.
D.2.2	Công ty có công bố mục tiêu của Công ty?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.2.3	Công ty có công bố chỉ số hiệu quả tài chính?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.2.4	Công ty có công bố chỉ số hiệu quả phi tài chính?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
D.2.5	Công ty có công bố về chính sách cổ tức?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Công ty có công bố tới cổ đông các thông tin liên quan tới tỷ lệ cổ tức nhưng chưa có giải thích về chính sách cổ tức.
D.2.6	Công ty có công bố chi tiết về chính sách tổ giá?	Không	Chưa thực hiện	
D.2.7	Công ty có công bố chi tiết tiểu sử, bao gồm tuổi, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và các vị trí trong HĐQT mà thành viên đó nắm giữ ở các công ty niêm yết khác?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.2.8	Công ty có công bố về đào tạo và/ hoặc chương trình đào tạo liên tục mà mỗi thành viên HĐQT tham gia?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.2.9	Công ty có công bố về số cuộc họp thành viên HĐQT đã tham gia trong năm?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.2.10	Công ty có công bố chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT liên quan đến các cuộc họp đã thực hiện?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.2.11	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của mỗi thành viên HĐQT?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI đã công bố thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và BKS bao gồm Tổng thu nhập, các chế độ về tiền thưởng, phúc lợi theo kỳ, các chế độ khác, phân bổ Cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) trong BCTN, tuy nhiên không công bố chi tiết về con số mỗi thành viên HĐQT nhận trong năm.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
D.2.12	Báo cáo Thường niên có phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của Công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định và giải thích lý do cho mỗi vấn đề?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.3. Công bố Giao dịch bên liên quan				
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Không	Chưa thực hiện	
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan và mối quan hệ cho mỗi giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.3.3	Công ty có công bố bản chất và giá trị của mỗi giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN.
D.4. Thành viên HĐQT giao dịch cổ phiếu Công ty				
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của Công ty do người trong Công ty thực hiện?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN và các Báo cáo Quản trị theo quy định.
D.5. Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán				
D.5.1	Phí kiểm toán có được công bố công khai?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Công ty có công bố về việc ký kết hợp đồng với Công ty Kiểm toán, tuy nhiên không công bố mức phí.
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán được công bố công khai?			Công ty không có phí phi kiểm toán.
D.5.3	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?			Công ty không có phí phi kiểm toán.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
D.6. Phương tiện truyền thông				
D.6.1	Công ty có công bố Báo cáo Tài chính Quý?	Có	Thực hiện tốt	Các báo cáo tài chính quý được công bố đầy đủ. Đặc biệt từ Quý 3.2016, các báo cáo tài chính quý đều được dịch đầy đủ và công bố bản tiếng Anh.
D.6.2	Các thông tin có được công bố lên website Công ty?	Có	Thực hiện tốt	Các thông báo, thông tin công bố, báo cáo v.v... đều được đăng tải lên website bằng cả 2 ngôn ngữ Tiếng Việt - tiếng Anh.
D.6.3	Công ty có tổ chức các buổi trao đổi trực tiếp với các chuyên gia tài chính?	Có	Thực hiện tốt	SSI có tổ chức rất nhiều buổi gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với các chuyên gia tài chính, đại diện các Quỹ đầu tư đến từ nhiều quốc gia như Mỹ, Hongkong, Nhật Bản v.v...
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/ hợp báo?	Có	Thực hiện tốt	Các thông tin liên quan đến doanh nghiệp, kết quả kinh doanh quý, và các sự kiện nổi bật đều được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.
D.7. Nộp/ công bố Báo cáo Thường niên/ Báo cáo Tài chính đúng hạn				
D.7.1	Báo cáo tài chính có được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính?	Có	Thực hiện tốt	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính?	Có	Thực hiện tốt	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/ hoặc ban điều hành công ty khẳng định?	Có	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
D.8. Website của Công ty				
D.8.1	Website Công ty có công bố về hoạt động kinh doanh?	Có	Thực hiện tốt	
D.8.2	Website Công ty có công bố về báo cáo tài chính (năm hiện tại và các năm trước đó)?	Có	Thực hiện tốt	Báo cáo tài chính các năm được cập nhật đầy đủ trên website Công ty.
D.8.3	Website Công ty có công bố tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Các thông cáo báo chí gửi cơ quan truyền thông đã được cập nhật trên website.
D.8.4	Website Công ty có công bố về cấu trúc sở hữu trên website?	Có	Thực hiện tốt	
D.8.5	Website Công ty có công bố về cơ cấu tổ chức công ty?	Có	Thực hiện tốt	
D.8.6	Website Công ty có Báo cáo Thường niên có thể được tải về?	Có	Thực hiện tốt	
D.8.7	Website Công ty có thông báo ĐHCĐ và/ hoặc ĐHCĐ bất thường?	Có	Thực hiện tốt	
D.8.8	Website Công ty có công bố biên bản họp ĐHCĐ và/ hoặc ĐHCĐ bất thường?	Có	Thực hiện tốt	
D.8.9	Website Công ty có công bố Điều lệ Công ty?	Có	Thực hiện tốt	
D.9. Quan hệ Nhà Đầu tư				
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ như số điện thoại, fax và email của lãnh đạo/ bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung đã được công bố trên website và BCTN.

E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
E.1.				
Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng				
E.1.1	Công ty có công bố chính sách quản trị công ty/ điều lệ hoạt động của HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty và được đăng tải trên website Công ty.
E.1.2	Các loại quyết định có phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty và được đăng tải trên website Công ty.
Tầm nhìn/ Sứ mệnh Công ty				
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ trong Báo cáo Thường niên và trên website Công ty.
E.1.5	HĐQT có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/ chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	SSI có tổ chức các cuộc họp rà soát chiến lược hoạt động hàng năm & lên kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo, kế hoạch này cũng được đưa ra họp bàn và thông nhất trong cuộc họp HĐQT. Kế hoạch kinh doanh cũng được đưa ra xin ý kiến tại ĐHĐCĐ.
E.1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/ theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty?	Có	Thực hiện tốt	HĐQT giám sát việc thực hiện và rà soát định kỳ chiến lược kinh doanh tại các cuộc họp HĐQT. Kết quả giám sát có được trình bày tại BCTN.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
E.2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị				
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử				
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có Bộ Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp trong đó quy định rõ các nguyên tắc, nội dung và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, và được phổ biến rộng rãi tới toàn thể thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên Công ty, tuy nhiên trong thời gian vừa qua chưa được công bố trên website.
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	Không	Chưa thực hiện	SSI chưa đáp ứng nội dung này.
E.2.5	Thành viên HĐQT độc lập có độc lập với ban lãnh đạo và cổ đông lớn không?	Có	Thực hiện tốt	Thành viên HĐQT độc lập tại HĐQT của SSI đảm bảo yêu cầu này.
E.2.6	Công ty có quy định giới hạn nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập?	Không	Chưa thực hiện	
E.2.7	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được quy định tại Điều lệ Công ty.
E.2.8	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào hoạt động ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	Không	Thực hiện tốt	SSI không có trường hợp này.
E.2.9	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các Công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	Không	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
Tiểu ban Nhân sự				
E.2.10	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	Không	Chưa thực hiện	SSI hiện chưa có nhưng đang trong lộ trình thành lập Tiểu ban Nhân sự.
E.2.11	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.12	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.13	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?			
E.2.14	Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm?			
E.2.15	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban nhân sự có được công bố công khai?			
Tiểu ban Thù lao				
E.2.16	Công ty có Tiểu ban Thù lao hay không?	Không	Chưa thực hiện	SSI hiện chưa có nhưng đang trong lộ trình thành lập Tiểu ban Thù lao.
E.2.17	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.18	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.19	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thù lao?			
E.2.20	Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần một năm?			
E.2.21	Sự tham gia của các thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai?			

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
Tiểu ban Kiểm toán				
E.2.22	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Mô hình quản trị công ty tại SSI được xây dựng bao gồm các tiểu ban độc lập phụ trách về Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro, tuy nhiên hoạt động của các Tiểu ban chưa thực sự đạt chuẩn mực.
E.2.23	Tiểu ban kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ ủy viên HĐQT độc lập?	Không		
E.2.24	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Có		
E.2.25	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	Không		
E.2.26	Báo cáo thường niên có công bố tiểu sử hay trình độ chuyên môn của thành viên Tiểu ban Kiểm toán?	Không		
E.2.27	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm về kế toán không?	Có		
E.2.28	Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần một năm?	Không		
E.2.29	Sự tham dự của thành viên Tiểu ban Kiểm toán trong các cuộc họp có được công bố công khai?	Không		
E.2.30	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	Không		

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
E.3. Quy trình Hội đồng Quản trị				
Hợp và tham dự HĐQT				
E.3.1	Hợp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI đã thực hiện việc lập kế hoạch hợp HĐQT trước khi bắt đầu năm tài chính, tuy nhiên không công bố thông tin này.
E.3.2	HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Năm 2016, HĐQT SSI đã tiến hành 5 cuộc họp.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	Có	Thực hiện tốt	Năm 2016, các cuộc họp HĐQT đều được 100% thành viên HĐQT tham gia.
E.3.4	Công ty có yêu cầu cần có 2/3 thành viên HĐQT tham dự họp trong các cuộc họp có thông qua Nghị quyết HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Điều lệ SSI quy định HĐQT cuộc họp phải có 3/4 số thành viên tham dự.
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	Có	Thực hiện tốt	Thành viên HĐQT không điều hành có tiến hành cuộc họp thường niên (không có mặt thành viên điều hành).
Tiếp cận thông tin				
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước cuộc họp?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty.
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty.
E.3.8	Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty?	Có	Thực hiện tốt	Thư ký Công ty là Luật sư và đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT				
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty.
E.3.10	Công ty có công bố quy trình được áp dụng để bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty.
E.3.11	Tất cả thành viên HĐQT phải được bầu tối thiểu ba năm/ lần?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Thành viên HĐQT SSI được bầu lại 5 năm/ lần.
Các vấn đề về thù lao				
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/ thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách và biện pháp khuyến khích hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI.
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI.
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/ hoặc lãnh đạo cấp cao?	Có	Thực hiện tốt	Thù lao cho HĐQT được trình xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên.
E.3.15	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành có được nhận quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng?	Có		

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
Kiểm toán nội bộ				
E.3.16	Công ty có chức năng kiểm toán nội bộ riêng?	Có	Thực hiện tốt	Công ty có Bộ phận Kiểm toán Nội bộ và HĐQT có tiểu ban phụ trách về Kiểm toán Nội bộ.
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nêu được thuê ngoài, tên của công ty bên ngoài có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Trưởng Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được công bố trong danh sách nhân sự chủ chốt tại BCTN SSI.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm của kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	Không	Chưa thực hiện	
Giám sát rủi ro				
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/ hệ thống quản lý rủi ro mà công ty đang thực hiện?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI.
E.3.20	Báo cáo thường niên có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống QTRR?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI.
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro chủ yếu?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.22	Báo cáo thường niên có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/ hệ thống quản lý rủi ro của Công ty?	Không	Chưa thực hiện	SSI chưa có nội dung này trong BCTN.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
E.4. Nhân sự trong Hội đồng Quản trị				
Chủ tịch Hội đồng Quản trị				
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD?	Không	Chưa thực hiện	Hiện nay, Chủ tịch HĐQT SSI đồng thời giữ chức vụ Tổng Giám đốc tuy nhiên việc này đều được đưa ra trình lấy ý kiến ĐHĐCĐ thường niên.
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Không	Chưa thực hiện	
E.4.3	Chủ tịch có phải là TGD của công ty trong ba năm qua?	Có	Chưa thực hiện	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI.
Kỹ năng và năng lực				
E.4.5	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động	Có	Thực hiện tốt	
E.4.6	Công ty có công bố chính sách đa dạng về thành viên HĐQT?	Không	Chưa thực hiện	
E.5. Hiệu quả Hội đồng Quản trị				
Phát triển thành viên Hội đồng Quản trị				
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
----	------------------	---------	--	---------

Bổ nhiệm và hiệu quả của Tổng Giám đốc/ Ban Điều hành

E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/ GD Điều hành/ Chủ tịch và nhân sự chủ chốt?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/ Giám đốc Điều hành/ Chủ tịch?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	

Đánh giá Hội đồng Quản trị

E.5.5	Đánh giá hiệu quả hàng năm có được thực hiện cho HĐQT?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
E.5.6	Công ty có công bố quy trình để tiến hành đánh giá HĐQT?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
E.5.7	Công ty có công bố tiêu chí dùng để đánh giá HĐQT?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	

Đánh giá thành viên Hội đồng Quản trị

E.5.8	Đánh giá hiệu quả hàng năm có được thực hiện cho từng thành viên HĐQT?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
E.5.9	Công ty có công bố quy trình để tiến hành đánh giá thành viên HĐQT?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
E.5.10	Công ty có công bố các tiêu chí dùng trong đánh giá thành viên HĐQT?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	

Đánh giá Tiểu Ban

E.5.11	Đánh giá hiệu quả hàng năm có được thực hiện cho các tiểu ban HĐQT?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
--------	---	----	--------------------------------	--

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
----	------------------	---------	--	---------

A.1.1 (B)	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại ĐHCĐ?	Không	Chưa thực hiện	
B.1.1 (B)	Công ty có ra thông báo về ĐHCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	Không	Chưa thực hiện	
C.1.1 (B)	Công ty có thực hiện các nguyên tắc viết báo cáo tích hợp khi soạn thảo báo cáo thường niên hay không?	Không	Chưa thực hiện	
D.1.1 (B)	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	Không	Chưa thực hiện	
D.1.2 (B)	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD?	Không	Chưa thực hiện	
E.1.1 (B)	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập là nữ?	Không	Chưa thực hiện	
E.2.1 (B)	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn thành viên HĐQT độc lập		Chưa thực hiện	Công ty chưa có Tiểu ban Nhân sự
E.2.2 (B)	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xác định chất lượng thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty?		Chưa thực hiện	Công ty chưa có Tiểu ban Nhân sự
E.3.1 (B)	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập khác (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT?	Không	Chưa thực hiện	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
E.4.1 (B)	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT?	Không	Chưa thực hiện	
E.5.1 (B)	Công ty có Tiểu ban quản lý rủi ro riêng biệt?	Có	Thực hiện tốt	Tiểu ban Quản trị Rủi ro trực thuộc HĐQT

CÁC CÂU HỎI PHẠT

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
A.1.1 (P)	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	Không		
A.2.1 (P)	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	Không		
A.3.1 (P)	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ ĐHĐCĐ bất thường?	Không		
A.4.1 (P)	Thỏa thuận cổ đông	Không		
A.4.2 (P)	Giới hạn biểu quyết?	Không		
A.4.3 (P)	Cổ phiếu có nhiều quyền biểu quyết?	Không		

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
A.5.1 (P)	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/ hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không?	Không		
B.1.1 (P)	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên Công ty trong ba năm qua?	Không		
B.2.1 (P)	Có trường hợp nào khoogn tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm qua?	Không		
C.1.1 (P)	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/ việc làm/ người tiêu dùng/ phá sản/ thương mại/ cạnh tranh hay môi trường?	Không		
C.2.1 (P)	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý liên quan đến các vấn đề về lao động/ nhân sự/ khách hàng/ nợ nần/ thương mại/ cạnh tranh hay các vấn đề về môi trường không?	Không		
D.1.1 (P)	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	Không		
D.1.2 (P)	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	Không		
D.1.3 (P)	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	Không		

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2016	Ghi chú
D.1.4 (P)	Công ty có sửa đổi Báo cáo tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với thay đổi trong chính sách kế toán?	Không		
E.1.1 (P)	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?	Không		
E.1.2 (P)	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	Không		
E.2.1 (P)	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ trong hơn chín năm nay hay hai nhiệm kỳ (thậm chí còn cao hơn) với cùng chức trách?	Có		
E.2.2 (P)	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?	Không		
E.3.1 (P)	Trong hai năm qua, có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	Không		
E.4.1 (P)	Có thành viên HĐQT nào nguyên là TGD của công ty trong 2 năm qua?	Có		



06.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản trị về Phát triển Bền vững

Định hướng Phát triển Bền vững

Tổng quan về Báo cáo

Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu Phát triển Bền vững

Xác định lĩnh vực trọng yếu

Hoạt động Phát triển Bền vững năm 2016

Tham chiếu chỉ số GRI





THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kính gửi Quý Cổ đông,

Hiện nay, những biến đổi theo chiều hướng tiêu cực của môi trường trong quá trình phát triển kinh tế đã và đang tạo ra mối lo ngại cho nhiều quốc gia và đe dọa về sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế toàn cầu. Mặt trái của nền kinh tế phát triển là các vấn đề về thay đổi khí hậu toàn cầu, môi trường bị thoái hóa, cạn kiệt nguồn tài nguyên. Trong bối cảnh đó, phát triển bền vững trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu của các quốc gia, hướng đến một nền kinh tế xanh – đảm bảo sự phát triển lâu dài cho thế hệ tương lai

Trong xu hướng chung của thế giới, Việt Nam cũng đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020, chú trọng đến việc cân bằng các yếu tố xã hội, kinh tế, môi trường. Trong đó, Doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng và tích cực trong việc hiện thực hóa các mục tiêu quốc gia, đóng góp vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng bền vững. Việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững trong chiến lược kinh doanh của Doanh nghiệp được đặc biệt quan tâm và chú trọng, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Lớn lên cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán trở thành định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, hơn ai hết SSI hiểu được tầm quan trọng của việc lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. SSI không chỉ chú trọng tới các mục tiêu tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận mà còn kết hợp thực hiện các mục tiêu môi trường, xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Việc thực hiện tốt các hoạt động phát triển bền vững giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh trên thị trường, thu hút sự quan tâm của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước, gắn kết đội ngũ và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, từ đó đóng góp hiệu quả cho thị trường, cộng đồng và xã hội.

Năm 2016, SSI tiếp tục tích cực đầu tư cho các hoạt động phát triển bền vững. Kết quả kinh doanh tốt trong nhiều năm trở lại đây đã trực tiếp đóng góp cho Ngân sách Nhà nước thông qua việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp. Cùng với đó là những đóng góp gián tiếp tới sự phát triển của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, bao gồm:

- Tư vấn Doanh nghiệp huy động vốn, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế, khơi dậy và huy động nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển
- Quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch; hỗ trợ nhà đầu tư tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả
- Đóng góp cho sự phát triển của Thị trường Chứng khoán thông qua các hoạt động xây dựng thị trường, tham gia phát triển sản phẩm mới
- Thực hiện chiến lược đầu tư trách nhiệm, đồng hành cùng phát triển với các Công ty Liên kết
- Tăng cường tình minh bạch và hiệu quả quản trị doanh nghiệp; bảo vệ quyền lợi của cổ đông
- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động

SSI đã không thể phát triển bền vững nếu không có được sự ủng hộ từ Khách hàng. Vì vậy, SSI luôn nỗ lực trong mọi hoạt động nhằm mang đến sự hài lòng cho Khách hàng; đồng thời đẩy mạnh trao đổi, chia sẻ với khách hàng để có thể hiểu nhiều hơn về họ và giúp xây dựng một chiến lược đồng hành cùng phát triển lâu dài.

Nhân sự luôn là một mấu chốt cho sự phát triển bền vững và trong 16 năm qua, SSI đã không ngừng tập trung xây dựng một tổ chức mà trong đó mỗi thành viên đều cảm thấy hài lòng trong công việc, bằng cách tạo điều kiện và thúc đẩy sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống; đẩy mạnh đào tạo và phát triển con người; đề cao tính tuân thủ để đạt được những mục tiêu phát triển bền vững thay vì những lợi ích trong ngắn hạn.

Ngoài ra, với cam kết “Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng”, trong suốt chặng đường phát triển, SSI đã chủ động đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giao dịch và thể chất cho thế hệ trẻ, cũng như chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

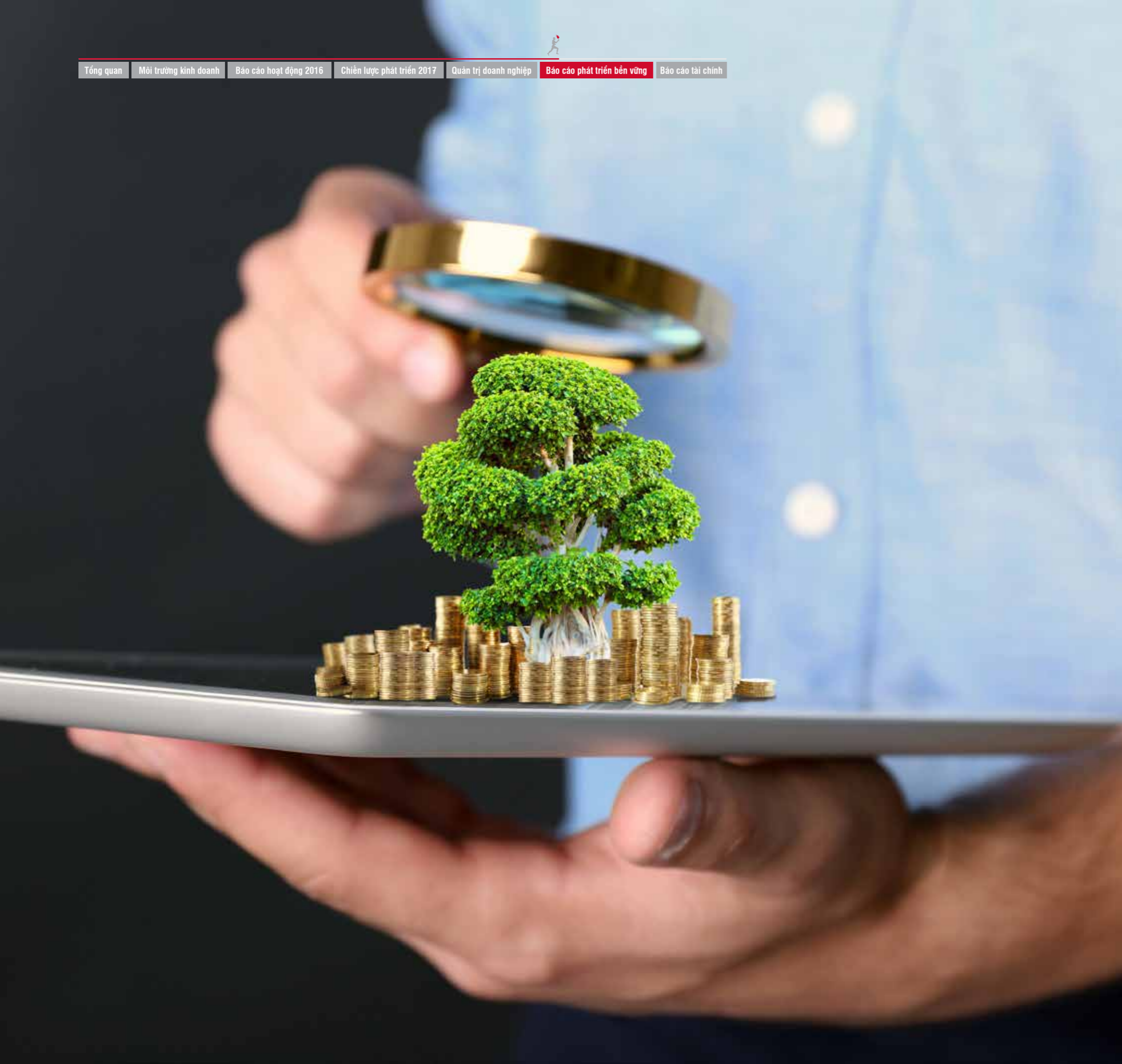
Bước sang năm thứ 17 của hành trình kết nối, SSI sẽ tiếp tục thực hiện sứ mệnh đã lựa chọn và cam kết mang lại những bước phát triển bền vững cho chính SSI, cho Cổ đông, Khách Hàng, Nhân viên, Đối tác và Cộng đồng. Xin cảm ơn sự ủng hộ và đồng hành của toàn thể quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể Nhân viên Công ty trong suốt thời gian qua.

Xin kính chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2017



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc
Nguyễn Duy Hưng**



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SSI hoạt động với tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”. Đối với SSI, thành công của Công ty chính là đem lại hiệu quả tối ưu, lợi ích tốt nhất cho Khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng.

Chúng tôi nhận thức được rằng một doanh nghiệp không thể tồn tại nếu chỉ tập trung vào những mục tiêu phát triển đơn lẻ, ngắn hạn mà không quan tâm tới sự tăng trưởng dài hạn đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Vì vậy, định hướng chiến lược trong dài hạn của Công ty chính là đảm bảo sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp song hành cùng sự phát triển bền vững của Thị trường Tài chính Việt Nam, và làm sao đóng góp một cách hiệu quả và thiết thực nhất cho Xã hội.

TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TRONG DOANH NGHIỆP



- Tăng trưởng ổn định
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động
- Chăm lo đời sống cho người lao động
- Phát triển đội ngũ; tìm kiếm & nuôi dưỡng tài năng trong đội ngũ
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ
- Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động

TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI XÃ HỘI



- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước
- Chiến lược “đầu tư xanh”
- Bảo vệ môi trường
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ với Cộng đồng

TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI THỊ TRƯỜNG



- Duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định cho Cổ đông
- Cung cấp những sản phẩm/ dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khách hàng
- Kết nối vốn và cơ hội đầu tư
- Tham gia xây dựng đóng góp phát triển thị trường, là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế
- Hỗ trợ doanh nghiệp có nhu cầu về những tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính; trực tiếp tham gia hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng & cải thiện quản trị công ty theo thông lệ tốt

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HĐQT chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của SSI. Tổng Giám Đốc và Ban Lãnh Đạo chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo các vấn đề phát triển bền vững được hiểu và thống nhất thực hiện trong toàn Công ty, từ các Khối và Bộ phận nghiệp vụ cho tới từng nhân viên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chỉ đạo chung về chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp
- Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động

TỔNG GIÁM ĐỐC & BAN LÃNH ĐẠO

- Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững của SSI
- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn công ty
- Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra

CÁC KHỐI & BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

- Triển khai và hiện thực hóa các kế hoạch phát triển bền vững theo đúng định hướng của Tổng Giám đốc và Ban Lãnh Đạo

NHÂN VIÊN

- Thực hiện các công việc cụ thể hằng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của SSI



NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CƠ BẢN CỦA SSI

Với sự mệnh Kết nối vốn và cơ hội đầu tư, SSI đóng góp vào sự phát triển của toàn thị trường và cộng đồng xã hội thông qua hoạt động kinh doanh, bao gồm đa dạng hóa cơ hội đầu tư cho Khách hàng, quản lý hiệu quả tài sản của Nhà đầu tư, tập trung vào những mảng dịch vụ mang tính chuyên nghiệp và có giá trị gia tăng cao. Không chỉ vậy, SSI hỗ trợ những doanh nghiệp có nhu cầu về những tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính cũng như trực tiếp tham gia hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác quản trị.

Với tầm nhìn xuyên suốt “Chúng ta cùng thành công”, việc SSI chia sẻ những cơ hội tiềm năng với khách hàng, cộng sự, đối tác và cho cộng đồng chính là một yếu tố quan trọng để có thể hoàn thành được sứ mệnh mà SSI đã chọn, cũng như mang lại sự phát triển bền vững cho SSI và các bên liên quan.



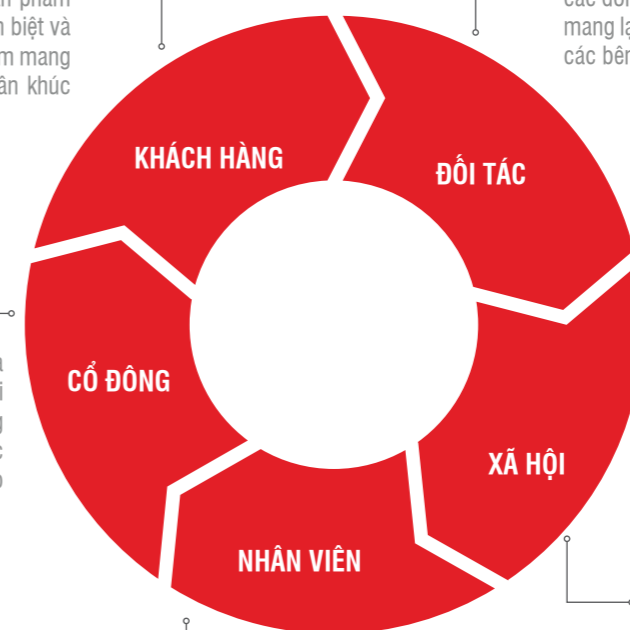
SSI cam kết luôn nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng những sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu chuyên biệt và những giải pháp ưu việt nhất nhằm mang lại hiệu quả tối ưu cho từng phân khúc khách hàng.

SSI giữ gìn và xây dựng mối quan hệ với các đối tác và cộng sự để cùng phối hợp mang lại hiệu quả tối ưu và bền vững cho các bên.

Để nhận được sự tin tưởng của cổ đông, SSI cam kết mang lại sự minh bạch tuyệt đối trong hoạt động và thông tin, tiếp tục nỗ lực tìm tòi và phát triển để tạo nên nhiều giá trị hơn nữa.

SSI nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. Chúng tôi tập trung vào việc phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ để đào tạo nên những tài năng tương lai cho đất nước. Chúng tôi chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

Chúng tôi nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mà nhân viên SSI – những người tạo ra những giá trị gia tăng cho cổ đông – được khuyến khích, dẫn dắt và hỗ trợ nhằm đạt được sự hài lòng cao nhất trong công việc và cuộc sống. Đội ngũ chính là nguồn tài sản quý giá nhất của SSI.





TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển Bền vững được xây dựng nhằm tổng hợp công bố, xem xét và đánh giá lại các mục tiêu và hoạt động phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) theo Định hướng về chiến lược đối với các vấn đề phát triển bền vững. Nội dung của báo cáo thể hiện cách tiếp cận của Công ty đối với các vấn đề phát triển bền vững. Đây là năm thứ 5 SSI thực hiện báo cáo này, và cũng là năm thứ 3 Báo cáo được lập theo các tiêu chuẩn công bố thông tin dựa trên Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững, phiên bản G4 dành cho ngành Tài chính của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu Global Reporting Initiative (GRI)

NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2016 nêu lên định hướng về chiến lược đối với những vấn đề phát triển bền vững của Công ty trong những năm sắp tới, đồng thời phản ánh các kết quả hoạt động phát triển bền vững quan trọng trong năm 2016. Báo cáo sẽ giúp Nhà đầu tư có cái nhìn một cách đầy đủ và toàn diện hơn về Tầm nhìn, Chiến lược cũng như các kết quả của các Hoạt động phát triển bền vững cụ thể của Công ty trong các lĩnh vực Kinh tế, Xã hội và Trách nhiệm sản phẩm.

Báo cáo bao gồm những nội dung chính như sau:

- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT về Phát triển bền vững
- Định hướng phát triển bền vững
- Tổng quan về Báo cáo
- Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững
- Xác định các lĩnh vực trọng yếu
- Báo cáo về hoạt động phát triển bền vững năm 2016

PHẠM VI & RANH GIỚI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển bền vững 2016 là một tài liệu tích hợp, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo Thường niên và Báo cáo Tài chính 2016 của Công ty. Báo cáo được phát hành trực tuyến tại địa chỉ www.ar.ssi.com.vn

Báo cáo được lập định kỳ hàng năm theo niên độ kế toán, kết thúc vào ngày 31/12/2016. Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của SSI, tại Hội sở và các Chi nhánh/ Phòng giao dịch của Công ty trên toàn quốc, từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2016, và đề cập đến định hướng và mục tiêu của SSI trong những năm tới về vấn đề phát triển bền vững.

Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm làm Báo cáo phát triển bền vững – Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, bao gồm các thành viên đến từ một số Bộ phận chịu trách nhiệm về các thông tin được đưa ra trong Báo cáo như Bộ phận Quan hệ Nhà Đầu tư, Truyền thông, Tài chính – Kế toán, Thư ký HĐQT.



CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Cách tiếp cận với các vấn đề bền vững của SSI xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty, kết hợp với mục tiêu phát triển môi trường kinh doanh và xã hội, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Nội dung Phát triển Bền vững được SSI trao đổi với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này được SSI tiếp tục đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2016.

LIÊN HỆ

Các ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan xin vui lòng liên hệ:

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư

Email: investorrelation@ssi.com.vn

Điện thoại: (+84-4) 3936 6321

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”, SSI đã tiếp tục xây dựng và phát triển mối quan hệ bền vững với các bên liên quan trong các hoạt động kinh doanh, trong các quá trình ra quyết định, cũng như hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty. Sự tham gia của các bên liên quan là một tiền đề quan trọng giúp Công ty xác định được các vấn đề liên quan tới phát triển bền vững đang được quan tâm và kỳ vọng, từ đó xác định các yếu tố trọng yếu để có thể hoạch định và thực thi các hoạt động cần thiết để đáp ứng các kỳ vọng đó.

Các bên liên quan của SSI được xác định bao gồm: Khách hàng, Cổ đông, Cơ quan quản lý, Nhân viên, Nhà cung cấp, Cơ quan Truyền thông, và Cộng đồng.

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

SSI sử dụng những cách thức giao tiếp riêng biệt, phù hợp với từng bên liên quan, tạo điều kiện để các bên có thể chia sẻ một cách đầy đủ, chân thực nhất các vấn đề họ quan tâm, kỳ vọng. Dưới đây phương pháp giao tiếp của Công ty với các bên liên quan và khái quát một số vấn đề được quan tâm:



Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất đối thoại
Khách hàng	Chi nhánh/ Phòng giao dịch	Hàng ngày
	Website	Liên tục
	Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng	Nhiều lần/1 năm
	Khảo sát mức độ hài lòng	Hàng tháng/hàng quý hàng năm và đột xuất
Cổ đông	Đại hội Cổ đông Thường niên	Một lần/ 1 năm
	Hội nghị/ hội thảo gặp gỡ nhà đầu tư	Nhiều lần/ 1 năm
	Các cuộc họp tại công ty	Nhiều lần/ 1 năm
	Sàn giao dịch và các xuất bản báo chí	Liên tục
	Các kênh liên lạc khác (website, email, điện thoại)	Liên tục
Cơ quan quản lý	Các buổi họp	Nhiều lần/ năm
	Báo cáo Thường niên	Một lần/ 1 năm
	Báo cáo hàng tháng/ hàng quý theo quy định	Nhiều lần/ năm
	Các kênh liên lạc khác (website, email, điện thoại)	Liên tục
Nhân viên	Truyền thông nội bộ	Liên tục
	Sự kiện định kỳ của công ty	Hàng quý/ Hàng năm
	Các cuộc họp nội bộ	Liên tục
	Kênh liên lạc khác (website, diễn đàn nội bộ, mạng xã hội)	Liên tục
Nhà cung cấp	Các cuộc họp định kỳ	Liên tục
	Các kênh liên lạc khác (email, điện thoại)	Liên tục
Cơ quan truyền thông	Hợp báo	Một lần/ 1 năm hoặc tùy sự kiện
	Trả lời phỏng vấn	Liên tục
	Các kênh liên lạc khác (website, điện thoại, email)	Liên tục
Cộng đồng	Website	Liên tục
	Các ấn phẩm của công ty	Liên tục
	Thông tin trên phương tiện truyền thông	Liên tục

ỨNG XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Qua những lần tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trao đổi với các bên liên quan, SSI đã xác định được các vấn đề được quan tâm cùng giải pháp và hành động thích hợp nhằm xây dựng và phát triển các mối quan hệ bền vững, dựa trên sự tin tưởng, minh bạch trong trao đổi thông tin và nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.

Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của SSI
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng sản phẩm/ dịch vụ, khả năng đáp ứng các nhu cầu riêng biệt Ứng dụng công nghệ cao vào các sản phẩm/ dịch vụ cung cấp Đổi xử bình đẳng với các đối tượng khách hàng khác nhau Trình độ đội ngũ nhân lực phục vụ khách hàng, sự chuyên nghiệp khi cung cấp dịch vụ 	<ul style="list-style-type: none"> SSI luôn nỗ lực đưa ra những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhất, đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu riêng biệt của từng nhóm khách hàng Luôn đi đầu trong việc cung cấp các dịch vụ, sản phẩm mới Hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp, cải tiến đảm bảo việc giao dịch của khách hàng diễn ra an toàn, nhanh chóng Công ty cũng đảm bảo việc tương tác, tiếp nhận các ý kiến từ phía khách hàng một cách thường xuyên thông qua các kênh thông tin liên lạc
Cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả hoạt động của công ty Tính minh bạch trong các hoạt động của công ty, các thông tin đưa đến cổ đông một cách đầy đủ, minh bạch, trung thực. Quyền lợi của cổ đông 	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì chính sách chi trả cổ tức đều đặn Các báo cáo, công bố thông tin của Công ty được trình bày và công bố minh bạch, công khai và trung thực. Công ty cam đoan việc các cổ đông được dễ dàng tiếp cận, tương tác với các nguồn thông tin về hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty Đảm bảo sự bình đẳng trong mọi hoạt động giữa Cổ đông trong nước và nước ngoài, Cổ đông cá nhân và tổ chức

Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của SSI
Cơ quan quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng Tính thuế và nộp thuế giá trị gia tăng đúng và đủ Quản trị doanh nghiệp, phòng tránh rủi ro Đóng góp ý kiến xây dựng phát triển thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> SSI tuân thủ nghiêm chỉnh tất cả các Điều Luật và Quy định của Nhà nước và Cơ quan chủ quản trong mọi hoạt động của Công ty Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn theo quy định Công ty tích cực tham gia các Hiệp hội ngành, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng thị trường, phát triển sản phẩm mới
Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Sự ổn định trong công việc, cơ hội phát triển, môi trường làm việc Mức lương thưởng, các chế độ phúc lợi, chế độ bảo vệ sức khỏe cho người lao động Chính sách đào tạo & phát triển Công tác tuyển dụng 	<ul style="list-style-type: none"> SSI xây dựng một môi trường làm việc năng động, hiện đại, và công bằng cho tất cả mọi nhân viên. Hệ thống đánh giá được thiết lập chi tiết, hiệu quả, đánh giá một cách xứng đáng những đóng góp của người lao động đối với sự phát triển của Công ty Bên cạnh quy trình tuyển dụng được nghiêm túc tuân thủ, đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong công tác tuyển dụng nhân sự phù hợp; SSI luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phục vụ công việc thông qua chương trình đào tạo được thiết kế riêng cho từng cấp nhân viên

Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của SSI
Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình lựa chọn nhà cung cấp, quy trình thanh toán với nhà cung cấp Minh bạch thông tin, đảm bảo sự công bằng giữa các nhà cung cấp 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty có xây dựng các quy trình để chuẩn hóa quá trình lựa chọn, làm việc và ứng xử nhà cung cấp cùng quy trình thanh toán Thường xuyên đánh giá lại khả năng của đối tác trong việc phối hợp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu Công ty
Cơ quan truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin về các hoạt động của công ty, kết quả kinh doanh, số liệu tài chính Chia sẻ thông tin về thị trường, ý kiến đại diện lãnh đạo/ chuyên gia về tình hình thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> SSI chủ động cung cấp thông tin thường xuyên tới các cơ quan báo chí, truyền thông Hỗ trợ và giải đáp câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng Cử chuyên gia tham gia trả lời nhiều bài phỏng vấn chuyên sâu
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Chính sách đầu tư vào lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, các lĩnh vực phát triển bền vững Các hoạt động từ thiện, nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai đều đặn các chương trình từ thiện, tình nguyện, các hoạt động vì cộng đồng Chiến lược đầu tư gắn với các yếu tố ESG (môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp)

Các bên liên quan ưu tiên được các định dựa vào mức độ ảnh hưởng và mức độ phụ thuộc của họ với Công ty theo mô hình đánh giá như dưới đây:





XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Quy trình thực hiện đánh giá lĩnh vực trọng yếu để xác định nội dung báo cáo bao gồm các bước sau:

- 01

Xem xét bối cảnh nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng; cùng chiến lược phát triển bền vững dài hạn và các mục tiêu, nguyên tắc phát triển bền vững của SSI
- 02

Xác định các bên liên quan & các vấn đề được quan tâm, phân tích mức độ quan tâm và đánh giá của các bên liên quan đối với các vấn đề này
- 03

Xác định các lĩnh vực trọng yếu đối với SSI, trong mối quan hệ giữa tầm quan trọng đối với hoạt động của Công ty và mức độ liên quan tới các bên
- 04

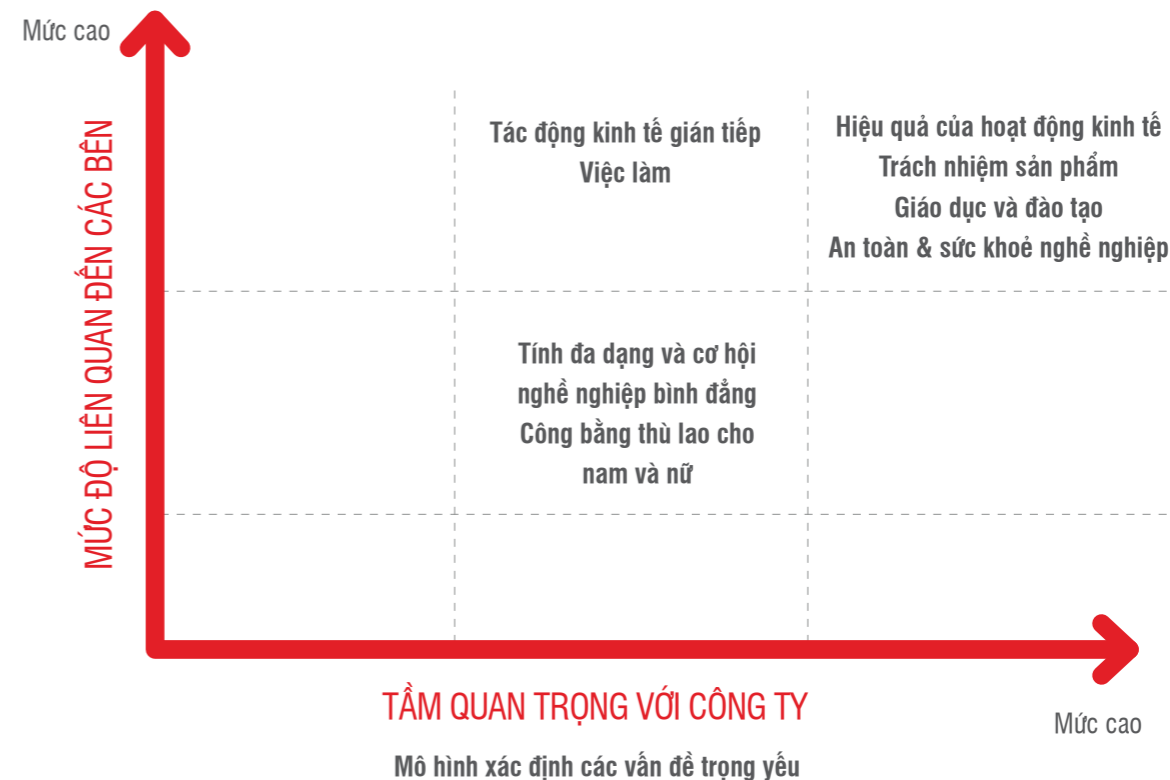
Tham vấn Ban lãnh đạo Công ty cùng các bên liên quan ưu tiên nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và trung thực của các Lĩnh vực này
- 05

Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu để báo cáo

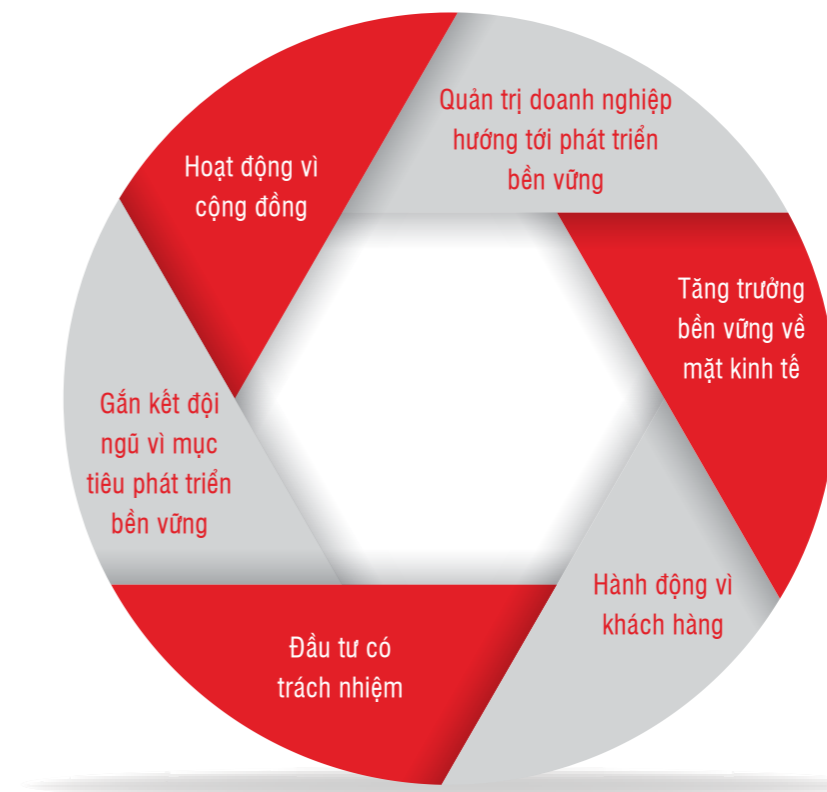
SSI đã áp dụng song song nhiều phương pháp tham vấn để đạt được kết quả toàn diện và đầy đủ nhất. Đầu tiên, SSI đã sử dụng phương thức khảo sát trên mạng để lấy ý kiến số đông từ phía Nhân viên, Khách hàng, Nhà đầu tư. Thông tin về cuộc khảo sát này đã được đăng tải rộng khắp trên các kênh truyền thông như mạng xã hội, bản tin nội bộ, diễn đàn nội bộ và thu thập được trên 100 ý kiến phản hồi.

Một số cuộc phỏng vấn nhóm tiếp tục được thực hiện với đại diện Nhà đầu tư, Khách hàng, Nhân viên, Cán bộ quản lý sau khi có thu thập kết quả khảo sát, để đạt được sự hiểu biết sâu sắc hơn nữa về vấn đề các bên quan tâm.

Sau quá trình tham vấn Ban lãnh đạo Công ty cùng các bên liên quan ưu tiên, các lĩnh vực trọng yếu đã được xác định cụ thể như sau:



Từ đó, các lĩnh vực trọng yếu được hệ thống lại thành các nội dung báo cáo các hoạt động phát triển bền vững của SSI năm 2016:





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2016

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SSI luôn xác định rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, giúp mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích của nhà đầu tư, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của toàn thị trường, của cộng đồng và xã hội. Công tác quản trị của SSI được xây dựng và từng bước hoàn thiện dựa trên những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới, như thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật Việt Nam về quản trị công ty đại chúng. Theo đó, các hoạt động về Kiểm soát Tuân thủ, Quản trị Rủi ro và việc bảo vệ Quyền lợi Cổ đông là trọng tâm thực hiện.

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

Công tác kiểm soát tuân thủ tại SSI được thực hiện thông qua sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc & Ban Lãnh đạo; của HĐQT đối với Ban điều hành. Trong hoạt động hàng ngày, Ban Lãnh đạo có Bộ phận Kiểm soát Nội bộ, Kiểm soát Tuân thủ để thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ trong Công ty.

Điều lệ Công ty phân định rạch ròi quyền sở hữu của cổ đông và quyền quản lý doanh nghiệp, đồng thời giao quyền hạn cho các bộ phận trong bộ máy quản lý doanh nghiệp kèm theo các nghĩa vụ và biện pháp kiểm soát các bộ phận này một cách hữu hiệu. Bên cạnh đó, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra.

Bộ phận Kiểm soát Nội bộ được tổ chức tại Hội sở, thực hiện chức năng kiểm soát các bộ phận trong Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của nhân viên và bộ phận tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế và quy trình nghiệp vụ. Các nội dung kiểm soát cụ thể hàng ngày chủ yếu bao gồm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quyết định của ĐHCĐ, Quyết định của HĐQT, các Quy chế, Quy trình Nghiệp vụ, Quy trình QTRR của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty; giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty,

đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền. Năm 2016, có 40 đợt kiểm soát đã được thực hiện tại các bộ phận trên toàn hệ thống SSI. Báo cáo kết quả kiểm soát được gửi cho trưởng bộ phận để ghi nhận ý kiến của bộ phận được kiểm soát, sau đó, Báo cáo kiểm soát được gửi cho Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc không có liên quan và trưởng bộ phận được kiểm soát. Ngoài ra, giao dịch của Công ty với người có liên quan cũng được kiểm soát chặt chẽ. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty, tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty hoặc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả. Số liệu về các giao dịch với người có liên quan được công bố trong Báo cáo Tài chính của Công ty.

Bộ phận Luật thực hiện chức năng tư vấn pháp luật và kiểm tra, giám sát việc ban hành các sản phẩm, quy trình, quy chế nội bộ cũng như các giao dịch của Công ty đối với bên thứ ba đúng pháp luật và hạn chế rủi ro pháp lý cho Công ty. Bộ phận Luật cũng có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Lãnh đạo và các bộ phận có liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

SSI xây dựng Hệ thống Quản trị Rủi ro (QTRR) hoàn chỉnh bao gồm nhân sự, quy trình QTRR và các công cụ hỗ trợ QTRR nhằm hướng đến mục tiêu giảm bớt một số dạng biến động không ổn định về dòng tiền và lợi nhuận của công ty được tạo ra do bất ổn của lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và giá chứng khoán hoặc các bất ổn khác trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhận thấy việc Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn từ sự tăng trưởng mạnh về số lượng nhân sự, số lượng chi nhánh, số lượng khách hàng, quy mô vốn, đồng thời chuẩn bị cho sự tăng trưởng tiếp tục ở những năm tiếp theo, HĐQT SSI đã đưa ra kế hoạch nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR bằng việc thành lập dự án tăng cường năng lực quản trị rủi ro vào tháng 8/2015. Dự án này đã được hoàn thành vào năm 2016 với bộ máy QTRR có mức độ chuyên môn hóa cao hơn, hoạt động QTRR được thực hiện chi tiết hơn theo từng loại rủi ro, và bổ sung đội ngũ nhân sự mới, giàu kinh nghiệm thực tế. Hơn nữa, để chuẩn bị cho sự ra đời của sản phẩm chứng khoán phái sinh vào năm 2017, trong năm vừa qua SSI đã chuẩn bị đầy đủ nguồn lực và hệ thống chính sách, quy trình quản trị rủi ro cho sản phẩm này.

Công ty sử dụng mô hình 3 tuyến phòng thủ trong hoạt động QTRR như sau:



Quy chế QTRR phân định trách nhiệm của các bộ phận trong hệ thống QTRR của Công ty từ HĐQT, Tiểu ban QTRR trực thuộc HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Lãnh đạo, Bộ phận QTRR và các cá nhân, bộ phận khác trong cơ cấu tổ chức. Hệ thống QTRR xác định cách thức xử lý đối với các rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tuân thủ và rủi ro giao dịch với người có liên quan, rủi ro về quản trị nguồn nhân lực, rủi ro về công nghệ thông tin, và rủi ro thương hiệu. Chi tiết về các loại rủi ro này cùng cách thức phòng ngừa/ xử lý rủi ro đã được trình bày tại Nội dung về Quản trị Rủi ro của BCTN.

Chính sách QTRR được xây dựng bằng văn bản, đảm bảo mọi nhân viên và bộ phận trong Công ty được tiếp cận, nắm vững, hiểu rõ trách nhiệm của mình trong công tác quản trị rủi ro của công ty. Với chính sách QTRR thận trọng, trong năm 2016, Công ty không gặp phải thiệt hại đáng kể nào do rủi ro phát sinh.

BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỔ ĐÔNG

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được chú trọng hàng đầu.

Những quyền cơ bản của Cổ đông như quyền được chi trả cổ tức, quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của Công ty v.v... được quy định rõ trong Điều lệ Công ty, và thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây. Việc đối xử bình đẳng với các Cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng nào cũng được đảm bảo, các quyết định do ĐHĐCĐ đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Trong những năm vừa qua, Công ty đã nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website công ty, hệ thống email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v..., tạo điều kiện cho Cổ đông/ Nhà Đầu tư tiếp nhận thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, tránh ảnh hưởng tiêu cực tới các quyết định đầu tư. Hơn nữa, việc công bố thông tin song song bằng cả hai ngôn ngữ Anh – Việt đã được cải thiện rõ rệt trong năm 2016, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông/ Nhà Đầu tư trong và ngoài nước khi SSI chính thức cam kết công bố thông tin đồng thời bằng cả hai ngôn ngữ Anh – Việt từ tháng 10/2016. Tháng 9/2015, SSI là công ty đại chúng đầu tiên trên thị trường chứng khoán thực hiện việc bỏ giới hạn tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty, gỡ bỏ rào cản pháp lý cuối cùng trong đối xử bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

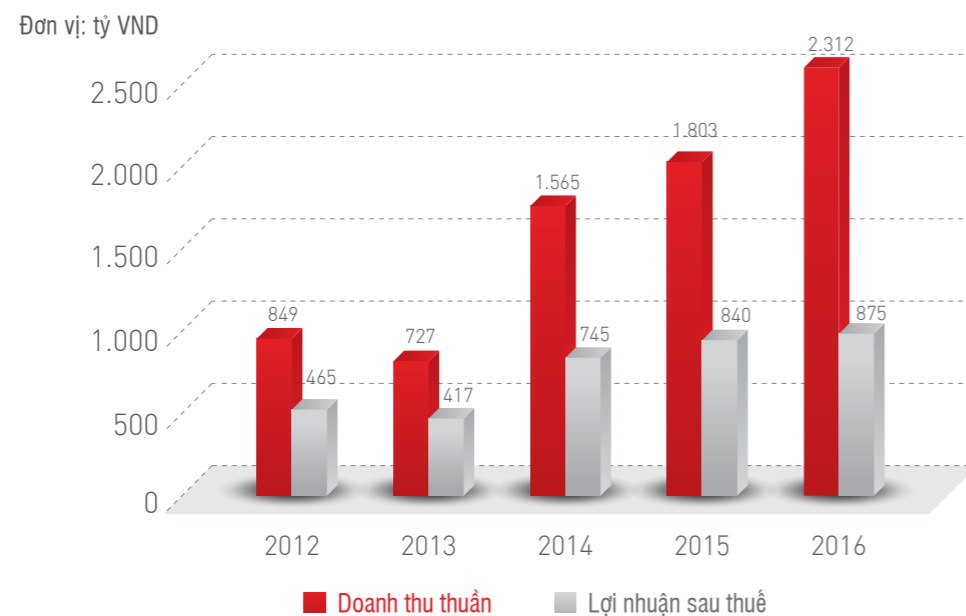
SSI duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm theo hướng cân bằng về lợi ích, đáp ứng một phần nhu cầu sinh lợi từ nguồn vốn đầu tư của Cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty về lâu dài. Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%.

TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG VỀ MẶT KINH TẾ

SSI hiểu rằng chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn của Công ty chỉ có thể được hiện thực hóa nếu Công ty có một nền tảng tài chính vững chắc và sự tăng trưởng ổn định về mặt kinh tế. Từ đó, Công ty có thể gia tăng các đóng góp cho cộng đồng, xã hội thông qua việc đóng góp cho ngân sách nhà nước, kết nối vốn và cơ hội đầu tư, quản lý tài sản cho Nhà Đầu tư một cách an toàn & minh bạch, tham gia tích cực các hoạt động xây dựng Thị trường Chứng khoán nói riêng và Thị trường Tài chính nói chung.

KINH DOANH HIỆU QUẢ, ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Trải qua 17 năm hoạt động, SSI đã luôn nỗ lực để đạt kết quả kinh doanh tích cực, hoàn thành kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thông qua. Tính trong 4 năm trở lại đây, doanh thu và lợi nhuận của SSI đều đạt ở mức cao, thị giá cổ phiếu giữ ổn định trong khoảng thời gian dài ở mức hơn 2 lần so với mệnh giá. Cụ thể, doanh thu hợp nhất năm 2016 vượt 60% kế hoạch kinh doanh về doanh thu, đạt 2.312 tỷ VNĐ – tăng trưởng 28% so với cùng kỳ, và lợi nhuận trước thuế là 1.056,8 tỷ VNĐ – vượt 11,24% kế hoạch năm. Trong đó, các lĩnh vực kinh doanh đều ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực.

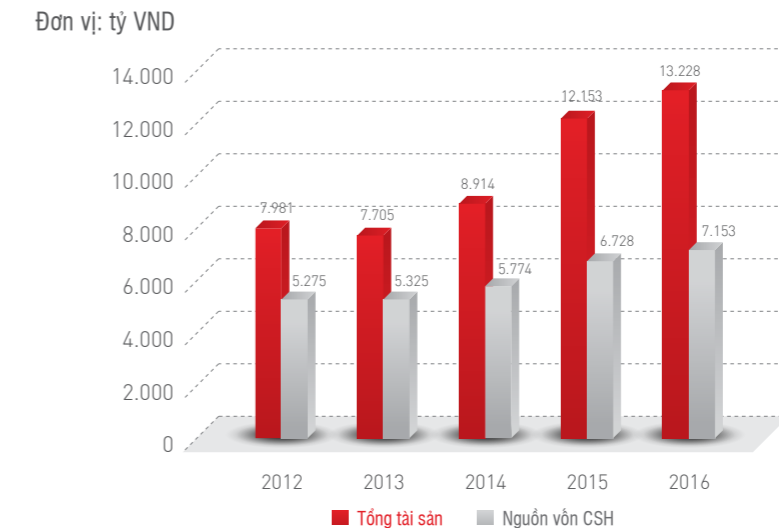


Kết quả Kinh doanh giai đoạn 2012 – 2016

Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất SSI

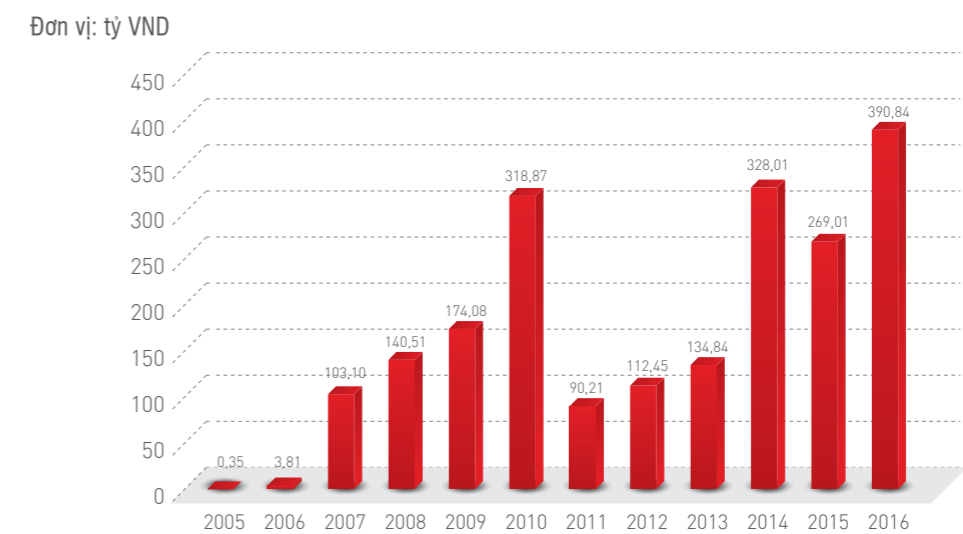
Năm 2016, tổng tài sản hợp nhất của SSI đạt xấp xỉ 13.228 tỷ VNĐ, tăng 9% so với năm ngoái, và mức vốn chủ sở hữu đạt 7.152,6 tỷ VNĐ.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng tăng dần qua các năm. Năm 2005, SSI đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước với mức đóng 347 triệu VNĐ. Năm 2006, mức này đạt 3,8 tỷ VNĐ. Năm 2007 và năm 2008 – là hai năm SSI nhận được sự ưu đãi thuế khi tham gia niêm yết cổ phiếu trên TTCK Việt Nam, nhưng mức đóng thuế của SSI vẫn đạt lần lượt 103 tỷ VNĐ và 140 tỷ VNĐ. Từ năm 2009 đến nay, mặc dù nền kinh tế toàn cầu rơi vào khủng hoảng, kinh tế Việt Nam đặc biệt là TTCK bị ảnh hưởng khá nặng nề, SSI vẫn tiếp tục quản lý tốt nguồn vốn của Công ty và của các Nhà đầu tư, đảm bảo an toàn và sinh lãi cao, đóng góp đều đặn cho Ngân sách Nhà nước. Năm 2016, mức thuế SSI đóng góp đạt 390,8 tỷ VNĐ, tăng xấp xỉ 45% so với năm 2015. Trong nhiều năm trở lại đây, SSI đều thuộc Top 100 Doanh nghiệp nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.



Tài sản hợp nhất và Nguồn vốn Chủ sở hữu giai đoạn 2012 - 2016

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI



Mức thuế SSI đóng góp cho Ngân sách nhà nước

Nguồn: SSI

THÀNH CÔNG TRONG VIỆC KẾT NỐI VỐN VỚI CƠ HỘI ĐẦU TƯ

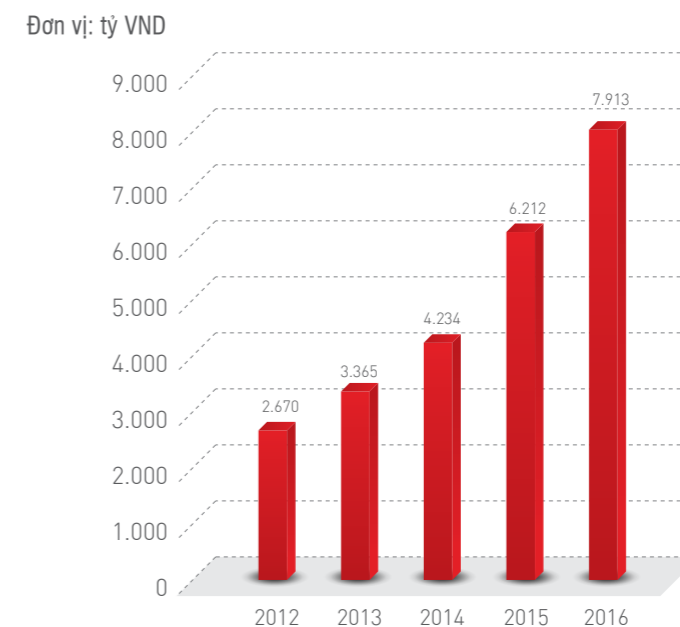
Hoạt động của SSI chú trọng vào việc giúp các Doanh nghiệp huy động vốn qua TTCK, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế; góp phần khơi dậy và huy động nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển; góp phần làm cho nền kinh tế tiến nhanh hơn đến sự minh bạch, công khai, công bằng và linh hoạt hơn.

Năm 2016, SSI tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư thông qua các hoạt động tư vấn thành công nhiều giao dịch có quy mô lớn, trị giá hàng triệu USD. Một trong những thương vụ nổi bật có thể kể đến là việc SSI đã tham gia tư vấn chào bán thành công 78,38 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE), đây là thương vụ có giá trị giao dịch cao nhất toàn Đông Nam Á trong năm 2016. Ngoài ra, SSI cũng tư vấn cho một số Doanh nghiệp niêm yết lớn trong nước như tư vấn thoái vốn cho các Cổ đông tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE), tư vấn huy động vốn thông qua chào bán riêng lẻ theo hình thức dựng sổ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL – HOSE), tư vấn chào bán toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) tại 2 công ty con hoạt động trong mảng vệ sinh, tư vấn nắm quyền chi phối cho Cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (DMC – HOSE). SSI cũng tư vấn và làm đại lý phát hành trái phiếu cho nhiều tổ chức tín dụng và doanh nghiệp, như Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân, Công ty Tài chính TNHH HD Saison, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (KDC – HOSE), Công ty Cổ phần Transimex (TMS – HOSE), v.v...

QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ AN TOÀN, MINH BẠCH

Mặc dù sự cạnh tranh của các công ty chứng khoán khá gay gắt trong thời gian vừa qua, SSI vẫn luôn kiên định với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, tuân thủ pháp luật, để không chỉ kinh doanh có lãi mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không bị thất thoát tài sản, xây dựng thị trường chứng khoán minh bạch. Trong các năm qua, SSI đã quản lý tài sản cho Nhà đầu tư trong nước và quốc tế hiệu quả, góp phần giữ trọn niềm tin của các nhà đầu tư vào TTCK Việt Nam, xây dựng một nền kinh tế ổn định. Tính đến cuối năm nay, SSI đang quản lý trên 100 nghìn tài khoản của khách hàng một cách an toàn và bảo mật.

Đôi với mảng quản lý tài sản, SSIAM đã và đang nỗ lực không ngừng trong việc huy động từ các khách hàng mới cũng như quản lý hiệu quả tài sản của các khách hàng hiện tại. Tính đến cuối năm 2016, tổng tài sản SSIAM quản lý là 7.913 tỷ VNĐ – tăng 27,4% so với năm 2015. Đặc biệt, SSIAM là Công ty Việt Nam duy nhất huy động thành công Quý tại thị trường nước ngoài, mở ra một hướng đi mới, hiệu quả trong việc huy động vốn cho nền kinh tế.



Biểu đồ tổng tài sản do SSIAM quản lý

Nguồn: SSIAM

SSI không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng quản lý tài sản do khách hàng ủy thác. Quy trình đầu tư, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được vận hành bài bản và chuyên nghiệp, không chỉ tuân thủ quy định của pháp luật mà còn đảm bảo giảm thiểu tối đa xung đột lợi ích, ảnh hưởng tới quyền lợi Nhà Đầu tư. Với phương châm phát triển bền vững, SSI luôn hướng tới mục tiêu xây dựng niềm tin, sự minh bạch và tăng trưởng giá trị tài sản lâu dài cho Nhà Đầu tư.





CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC THAM GIA XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về chứng khoán và các quy định khác có liên quan, SSI luôn chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của cơ quan nhà nước; tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường.

Trong năm 2016, SSI tiếp tục tham gia đóng góp ý kiến cho nhiều dự thảo của các Nghị định, Thông tư nhằm đưa ra các quy định & hướng dẫn thực hiện rõ ràng hơn đối với các hoạt động trên Thị trường Chứng khoán như: dự thảo Nghị định 86/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán; dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính Phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp; dự thảo Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kê toán áp dụng đối với công ty chứng khoán; dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính; dự thảo Thông tư 10/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn Nghị định 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính Phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; dự thảo Quy chế hướng dẫn báo cáo về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài của UBCKNN; dự thảo Nghị định về kiểm toán nội bộ; dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế giao dịch ký quỹ chứng khoán của UBCKNN; dự thảo Quy chế niêm yết chứng khoán, Quy chế giao dịch chứng khoán, Quy chế công bố thông tin tại SGDCK TP.HCM; dự thảo Nghị định quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định này.

Để chuẩn bị cho sự ra đời của TTCK Phái sinh tại Việt Nam năm 2017, ngoài việc tham gia nhóm công tác xây dựng sản phẩm chứng quyền có đảm bảo của HOSE, SSI cũng tích cực đóng góp ý kiến tới các cơ quan quản lý hoàn thiện khung pháp lý, quy trình, quy chế như dự thảo Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm và các dự thảo Quy chế niêm yết, Quy chế giao dịch bổ sung, Quy chế hoạt động tạo lập thị trường, Quy chế công bố thông tin và quản lý hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền có đảm bảo.

SSI cũng cử đại diện tham gia là thành viên, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp định kỳ của Ủy ban Hội đồng chỉ số, Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam (VBMA), và Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán (VASB).

Ngoài ra, trong khuôn khổ các hoạt động cùng với UBCK và 2 Sở HOSE, HNX kỷ niệm 20 năm thành lập TTCK Việt Nam, SSI đã tài trợ cho việc tổ chức “Hội thảo Phát triển thị trường vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp”, và cùng với báo NDH tổ chức talkshow “20 năm TTCK và bước chuyển của dòng vốn ngoại” – sự kiện do ông Nguyễn Duy Hưng (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) là người chủ trì, cùng trao đổi với đại diện các Cơ quan quản lý, Doanh nghiệp về quá trình xây dựng TTCK trong 20 năm qua, câu chuyện thu hút dòng vốn ngoại & triển vọng trong tương lai.

HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG

Sự tin tưởng và tín nhiệm từ phía Khách hàng là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của SSI. Nhận thức rõ điều này, SSI luôn tập trung tìm cách mang đến sự hài lòng cho Khách hàng bằng sự chuyên nghiệp, tận tâm trong việc thiết kế những sản phẩm/ dịch vụ phục vụ nhu cầu riêng biệt của từng đối tượng khách hàng; song song với đó là việc không ngừng tìm cách đổi mới, cải tiến và nâng cao chất lượng của sản phẩm/ dịch vụ và áp dụng cơ chế chăm sóc khách hàng linh hoạt, năng động.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI & KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI, CẢI TIẾN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HIỆN TẠI

Một trong những sự kiện được đón chờ nhất trên Thị trường Tài chính năm 2017 là việc TTCK Phái sinh được đưa vào vận hành song song cùng TTCK cơ sở. Là Công ty Chứng khoán đứng đầu trên thị trường, luôn tiên phong trong việc đưa ra các sản phẩm mới, SSI đã dành nhiều tâm sức trong việc xây dựng hệ thống, phát triển sản phẩm, phối hợp cùng các cơ quan quản lý, góp sức đưa sản phẩm chứng khoán phái sinh đến gần khách hàng, nhà đầu tư.

Nhóm Dự án TTCK Phái sinh của Công ty đã được thành lập từ cuối năm 2015, chủ động trang bị kiến thức nghiệp vụ bằng cách tự nghiên cứu, song song với việc tham gia các chương trình đào tạo và khảo sát thực tiễn tại một số TTCK khu vực như Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Hong Kong, Malaysia – nơi TTCK Phái sinh đã phát triển và có tính chất về nhà đầu tư khá tương đồng với Thị trường Việt Nam (giao dịch từ Nhà Đầu tư cá nhân chiếm tỷ lệ lớn). Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư khá nhiều thời gian và công sức để tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp và chính thức bắt tay xây dựng hệ thống hạ tầng chứng khoán phái sinh trong năm 2016. Nhà thầu với trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp hệ thống chứng khoán phái sinh, và cũng là nhà cung cấp hệ thống giao dịch hàng đầu tại Hồng Kông, có khả năng đồng thời thực hiện 2 mục tiêu, đó là đáp ứng được hệ thống giao dịch và quản lý ký quỹ phù hợp với các quy định pháp lý tại Việt Nam, và đủ sức phục vụ cho tầm nhìn dài hạn của SSI khi thị trường có thêm các sản phẩm phái sinh nâng cao. Cho đến nay, hệ thống giao dịch và quản lý ký quỹ của SSI đã gần như hoàn toàn tương thích khi kết nối với hệ thống giao dịch của HNX và hệ thống bù trừ, thanh toán của VSD. Việc chủ động trang bị kiến thức nghiệp vụ, lựa chọn đối tác cung cấp giải pháp hệ thống có kinh nghiệm, và tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý trong việc triển khai thị trường, SSI đã sẵn sàng cho Nhà đầu tư giao dịch các sản phẩm chứng khoán phái sinh trong năm 2017.

Năm 2016, sản phẩm giao dịch trực tuyến tiếp tục được cải tiến thêm nhiều tính năng, gia tăng tiện ích cho khách hàng như chuyển chứng khoán trực tuyến giúp khách hàng giao dịch và quản lý danh mục dễ dàng hơn, xác nhận lệnh trực tuyến giúp khách hàng chủ động kiểm tra và quản lý các lệnh đặt trên tài khoản của mình mà không cần ký phiếu lệnh trực tiếp. Cùng với đó, dịch vụ Direct Market Access (DMA) – cung cấp công cụ đặt lệnh trực tiếp cho các Khách hàng Tổ chức cũng đã được triển khai thành công trong năm nay.

Sản phẩm tư vấn và khuyến nghị đầu tư cho Khách hàng Cá nhân luôn bám sát thị trường, kết hợp giữa phân tích cơ bản và phân tích kĩ thuật để đưa ra khuyến nghị phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Năm 2016, SSI đã cho ra mắt 2 sản phẩm mới có tính đột phá, là Báo cáo Ví mô hàng tháng “Vietnam Chartbook” và Báo cáo Chiến lược Bán niên “Câu chuyện 2016”. Bên cạnh đó, báo cáo tiếng Nhật cũng được phát triển thành một mảng chuyên biệt với 3 loại báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin và khuyến nghị đầu tư tới đối tượng khách hàng Nhật Bản. Các sản phẩm tư vấn và khuyến nghị đầu tư dành cho Khách hàng Tổ chức vẫn luôn là thế mạnh của SSI nhiều năm gần đây, nhận được đánh giá cao về mức độ tin cậy của khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại SSI đang cung cấp báo cáo với những góc nhìn chuyên sâu cho 29 ngành và hơn 70 công ty niêm yết, chiếm đến 90% tổng giá trị vốn hóa thị trường.

CƠ CHẾ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG LINH HOẠT VÀ NĂNG ĐỘNG

SSI luôn tách bạch việc xây dựng đội ngũ chăm sóc Khách hàng hiện hữu và Khách hàng tiềm năng, Khách hàng tổ chức và Khách hàng cá nhân, Khách hàng trong nước và Khách hàng nước ngoài, trong đó Khách hàng cá nhân nước ngoài được chia theo ngôn ngữ, Khách hàng tổ chức nước ngoài được chia theo phân vùng địa điểm, để có thể phục vụ được tốt nhất nhu cầu của từng đối tượng.

Nhóm khách hàng cá nhân tại SSI được chăm sóc tận tình, chu đáo cùng thái độ làm việc tích cực, chuyên nghiệp của các nhân viên môi giới. Song song với sự gia tăng về số lượng tài khoản hàng năm, số lượng nhân viên môi giới chăm sóc khách hàng cũng tăng trưởng mạnh mẽ với 353 nhân sự chính thức làm việc tại 11 Chi nhánh và Phòng Giao dịch trên cả nước, tăng gần 30% so với năm 2015. Đi kèm với số lượng thì chất lượng nhân sự luôn được kiểm soát chặt chẽ, kiến thức cũng như các kinh nghiệm trong việc gặp gỡ trao đổi thông tin, tư vấn cho khách hàng luôn được cập nhật, chia sẻ theo sự phát triển lớn mạnh và chuyên sâu của TTCK Việt Nam.

Nhóm khách hàng tổ chức: việc phục vụ khách hàng thể hiện qua 3 mảng chính: công nghệ, con người và sản phẩm dịch vụ luôn đáp ứng tốt nhu cầu. Công nghệ được đầu tư mạnh, đặc biệt là hệ thống đặt lệnh cho khách hàng tổ chức, nhằm đảm bảo sự ổn định trong điều kiện đặt lệnh với quy mô lớn, cũng như đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về hệ thống giao dịch cho riêng đối tượng khách hàng tổ chức.

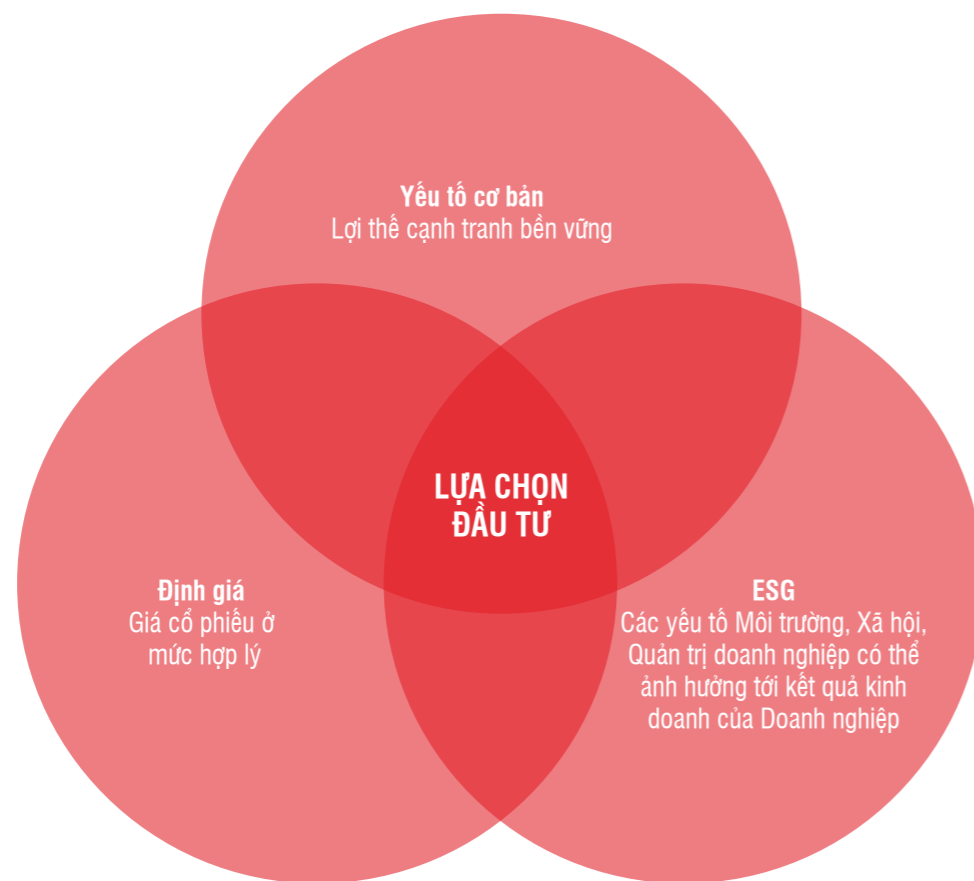
Đối với các Quỹ đại chúng (quỹ mở, quỹ ETF) đang được quản lý bởi SSIAM, khách hàng liên tục được cập nhật về thông tin NAV cũng như Báo cáo hoạt động của Quỹ. Đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, Công ty tiến hành gặp khách hàng định kỳ và cùng khách hàng thảo luận về kết quả đầu tư cũng như dịch vụ cung cấp để kịp thời điều chỉnh dịch vụ cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng. SSI cũng thường xuyên tổ chức các hội thảo ở quy mô nhỏ để giúp các nhà đầu tư hiểu thêm về chiến lược phân bổ tài sản cũng như chiến lược đầu tư lâu dài. Những hội thảo này đã giúp thêm cho các nhà đầu tư có được một bức tranh tổng thể hơn về thị trường cũng như định hướng lâu dài trong việc nâng cao hiệu quả đầu tư.

“Luôn luôn lắng nghe” chính là khẩu hiệu của mỗi nhân viên trên tổng đài dịch vụ khách hàng của SSI qua 2 đầu số 1900545471 và 1900545418. Việc triển khai 2 tổng đài này cho thấy thiện chí của Công ty trong nỗ lực mang tới cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất. Mọi giao dịch của khách hàng qua tổng đài đều được thực hiện nhanh chóng, tiết kiệm 80% thời gian thao tác so với thông thường.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÓ TRÁCH NHIỆM

SSI tin rằng, yếu tố Môi trường, Xã hội và Quản trị Doanh nghiệp (ESG) luôn là một trong những nguyên tắc lựa chọn đầu tư bên cạnh phân tích cơ bản doanh nghiệp và định giá cổ phiếu. SSI nhận thấy sự tăng trưởng trong dài hạn của Doanh nghiệp, cũng như với giá trị của cổ phiếu, có mối liên hệ mật thiết với những tác động lên môi trường, xã hội của Doanh nghiệp cũng như chất lượng các hoạt động quản trị doanh nghiệp.



SSI áp dụng các chuẩn mực về ESG của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) trong các khoản đầu tư với mục tiêu cuối cùng là phát triển bền vững. Cụ thể, trong quy trình đầu tư, SSI dành nhiều thời gian để tìm hiểu về Ban Lãnh đạo Doanh nghiệp tầm nhìn của họ, về tính minh bạch và các hoạt động quản trị doanh nghiệp. SSI cũng xem xét các yếu tố khác như môi trường làm việc và xác định đó có phải là môi trường làm việc vì lợi ích tốt nhất của người lao động hay không; cùng với việc đánh giá những tác động lên môi trường, xã hội trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Việc đánh giá về ESG là yếu tố trọng yếu trong quá trình ra quyết định đầu tư của SSI. Đã có một số trường hợp SSI phải cân nhắc lại quyết định đầu tư khi không thể làm việc được với Ban Lãnh đạo Công ty về các yếu tố ESG.

Sau khi đã ra quyết định đầu tư, SSI tiếp tục làm việc sâu sát với Công ty đầu tư và nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc khuyến khích và tư vấn cho họ cải thiện yếu tố ESG trong hoạt động. Đội ngũ đầu tư của SSI trực tiếp cử người tham gia vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Doanh nghiệp để hỗ trợ họ cải thiện các hoạt động quản trị doanh nghiệp, và khuyến khích tính minh bạch trong quá trình ra quyết định. Ngoài ra, SSI cũng giới thiệu các thành viên HĐQT độc lập cho doanh nghiệp để tăng cường tính minh bạch và giảm xung đột lợi ích trong doanh nghiệp đó.

Cụ thể, trong các khoản đầu tư ở lĩnh vực nông nghiệp, SSI hoạt động tích cực trong việc tạo nên chuỗi giá trị ngành, trong đó sản phẩm cung cấp ra thị trường có thể truy suất được nguồn gốc. Công ty là đơn vị đưa sản phẩm tới người tiêu dùng cuối cùng, giảm thiểu quan ngại, lo lắng trong việc tìm đầu ra và vấn đề giá cả của người nông dân, từ đó tạo nên vòng đời sản phẩm bền vững hơn. Khi làm việc với một Công ty đầu tư trong ngành giống cây trồng, thông qua việc khuyến khích Công ty đó làm việc sâu sát hơn với người nông dân trong công tác chuyển giao công nghệ cũng như bao tiêu sản phẩm, SSI đã góp phần giúp người nông dân tăng gấp đôi thu nhập của họ.

Đối với một khoản đầu tư khác, SSI khuyến khích Ban Lãnh đạo Công ty minh bạch hơn trong quá trình ra quyết định. SSI tư vấn doanh nghiệp sửa điều lệ để phòng tránh rủi ro có doanh nghiệp khác thôn tính với thái độ thù địch (hostile takeover), và hỗ trợ doanh nghiệp rà soát lại chi phí hoạt động, tuyển dụng nhân sự cao cấp điều hành những Bộ phận còn yếu v.v...

Thực hiện chiến lược đầu tư đồng hành cùng doanh nghiệp trong nhiều năm qua, không chỉ giúp doanh nghiệp cải thiện các yếu tố ESG hướng tới phát triển bền vững, SSI cũng đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững của mình trong hoạt động đầu tư, đóng góp lớn vào tỷ trọng doanh thu của SSI. Cụ thể, năm 2016, doanh thu từ hoạt động đầu tư đóng góp tới 40,4% trong cơ cấu doanh thu hợp nhất. Tính đến cuối năm 2016, SSI có 3 Công ty liên kết – đều là những Công ty dẫn đầu ngành, có doanh thu, lợi nhuận ổn định, mức chi trả cổ tức cao, và có sản phẩm chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Cả 3 Công ty liên kết của SSI nằm trong chuỗi giá trị Nông nghiệp - Thực phẩm, Vận tải và Kho bãi.

Tóm tắt thông tin về các Công ty Liên kết của SSI

Tên Doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu của SSI (*)	Số lượng thành viên của SSI trong HĐQT/ BKS	Kết quả kinh doanh 2016
CTCP Tập đoàn PAN (PAN – HOSE)	20,10%	2 thành viên HĐQT 1 thành viên BKS	Trong hoàn cảnh các đơn vị thành viên chủ chốt của PAN đều bị ảnh hưởng bởi hậu quả của biến đổi khí hậu, năm 2016, các công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và tăng trưởng. Doanh thu đạt 2.752 tỷ VNĐ, tương đương 83% kế hoạch và tăng 103% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ VNĐ, tăng 119% so với kết quả năm 2015.
CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG - HOSE)	20,01%	1 thành viên HĐQT 1 thành viên BKS	Mặc dù thị trường thuốc bảo vệ thực vật đã trải qua một năm đầy khó khăn do thời tiết khắc nghiệt khiến cho mức tiêu thụ thực tế đã có sự suy giảm so với năm 2015, VFG tiếp tục gạt hái thành quả từ những nỗ lực tái cấu trúc, tăng cường năng lực quản trị và hệ thống bán hàng trong thời gian trước đó. Doanh thu đạt 2.283 tỷ VNĐ, đạt 98% kế hoạch và tăng 13% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 146 tỷ VNĐ, bằng 100% kế hoạch và tăng 5% so với năm 2015.
CTCP Cảng Đồng Nai (PDN - HOSE)	20,01%	1 thành viên HĐQT 1 thành viên BKS	Doanh thu đạt 422 tỷ VNĐ, tương đương 120% kế hoạch, tăng trưởng 131% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 66 tỷ VNĐ, tương đương 132% kế hoạch, tăng 29% so với năm 2015.

(*) Số liệu tính theo tỷ lệ biểu quyết

GẮN KẾT ĐỘI NGŨ VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

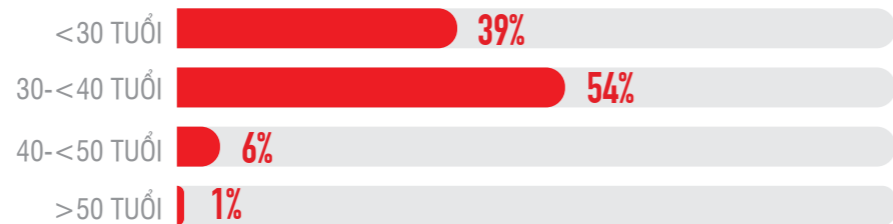
SSI tin rằng bằng cách gia tăng động lực của mỗi nhân viên, chúng ta có thể nâng cao sự hài lòng của khách hàng, và từ đó tăng cường những giá trị chúng ta có thể mang lại cho các cổ đông và đối tác. SSI đã triển khai nhiều biện pháp nhằm đảm bảo mỗi thành viên cảm thấy hài lòng trong công việc, cũng như có thể có một cuộc sống cân bằng giữa gia đình và công việc. Bằng cách giữ sự cân bằng này, bản thân gia đình và bạn bè của mỗi người SSI đều cảm thấy tự hào bởi mình vô hình chung cũng đã trở thành một phần của SSI. Điều này cải thiện sự gắn kết giữa mỗi thành viên với tập thể để tiếp tục cùng cố một môi quan hệ bền chặt, hướng tới một sự phát triển lâu dài của SSI.

Văn hóa doanh nghiệp cũng là khía cạnh mà SSI luôn dành sự quan tâm đặc biệt để phát triển dựa trên những giá trị cốt lõi của mình. Những nét văn hóa này thể hiện bản sắc, triết lý cơ bản và ảnh hưởng đến chiến lược, đường lối của Công ty từ khi thành lập đến nay. Nó xác định tinh thần của SSI nói chung và của mỗi người SSI nói riêng. Với tinh thần SSI được bồi đắp thường xuyên, mỗi thành viên sẽ ngày một nâng cao ý thức, đoàn kết và cùng hướng tới sự tăng trưởng chung của cả tập thể.

Tính đến ngày 31/12/2016, tổng số nhân sự SSI là 720 nhân sự. Trong số đó, nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ rất cao (trên 96%). Xét về độ tuổi, lực lượng lao động của Công ty ngày càng được trẻ hóa, được đào tạo bài bản và sẵn sàng cọ xát với thực tế để tích lũy thêm kinh nghiệm. Đội ngũ SSI không ngừng cập nhật các kiến thức mới, tiên tiến để tạo nền tảng vững chắc giúp SSI không ngừng mang lại những giá trị gia tăng hiệu quả cho khách hàng.

CƠ CẤU NHÂN SỰ





Thông kê nhân sự theo độ tuổi



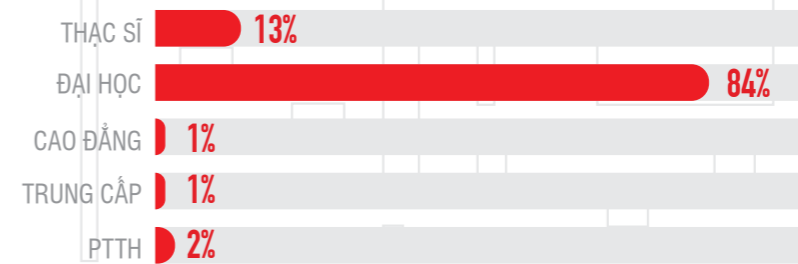
Thông kê nhân sự theo địa lý



THÔNG KÊ NHÂN SỰ CƠ BẢN



Thông kê nhân sự theo giới tính



Thông kê nhân sự theo trình độ học vấn

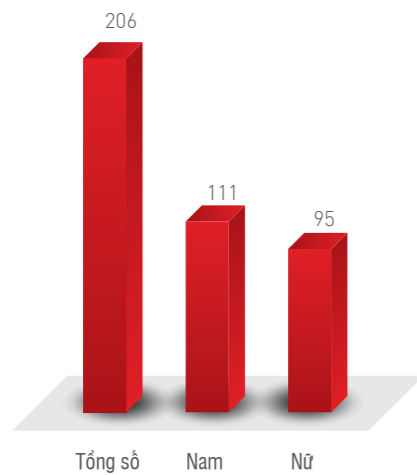


Thông kê nhân sự theo Khối nghiệp vụ

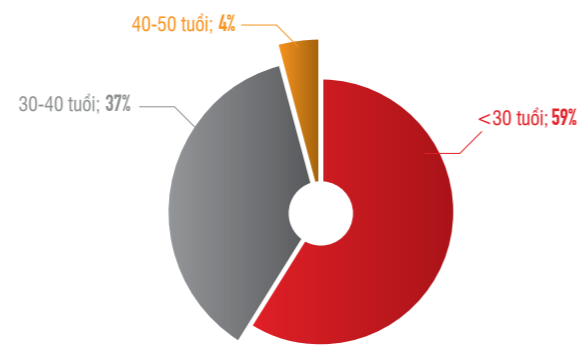
Nguồn: SSI

HƯỚNG TIẾP CẬN CỦA CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG

Tại SSI, chúng tôi xác định mình như một “cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài”. Cơ hội tuyển dụng tại SSI được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng, từ sinh viên mới ra trường tới những người đã có nhiều kinh nghiệm trong thị trường tài chính. Chúng tôi sẵn sàng đào tạo, tạo điều kiện thử sức và khuyến khích sự nỗ lực của mỗi cá nhân trong mỗi cơ hội thử sức đó. Năm 2016, SSI đã đón chào 206 thành viên mới trên toàn hệ thống để tăng cường lực lượng cũng như thay thế nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty, với sự phân bổ tương đối hợp lý giữa các độ tuổi cũng như giới tính của ứng viên.



Số lượng nhân sự tuyển dụng mới
Nguồn: SSI



Thông kê độ tuổi nhân sự mới tuyển dụng năm 2016
Nguồn: SSI

Cách tiếp cận của chúng tôi đơn giản là cung cấp một môi trường mà ở đó, các cá nhân đa dạng có thể khai thác và thể hiện mọi tiềm năng mà họ có. Nhằm giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam và vươn ra khu vực Châu Á, SSI cũng rất quan tâm tới việc thu hút những cá nhân xuất sắc, đạt tiêu chuẩn quốc tế để có thể tiếp tục phát triển cùng SSI trên con đường đã chọn.

Chúng tôi cũng đã xây dựng và phát triển những bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng để đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên và tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Tại SSI, chúng tôi:

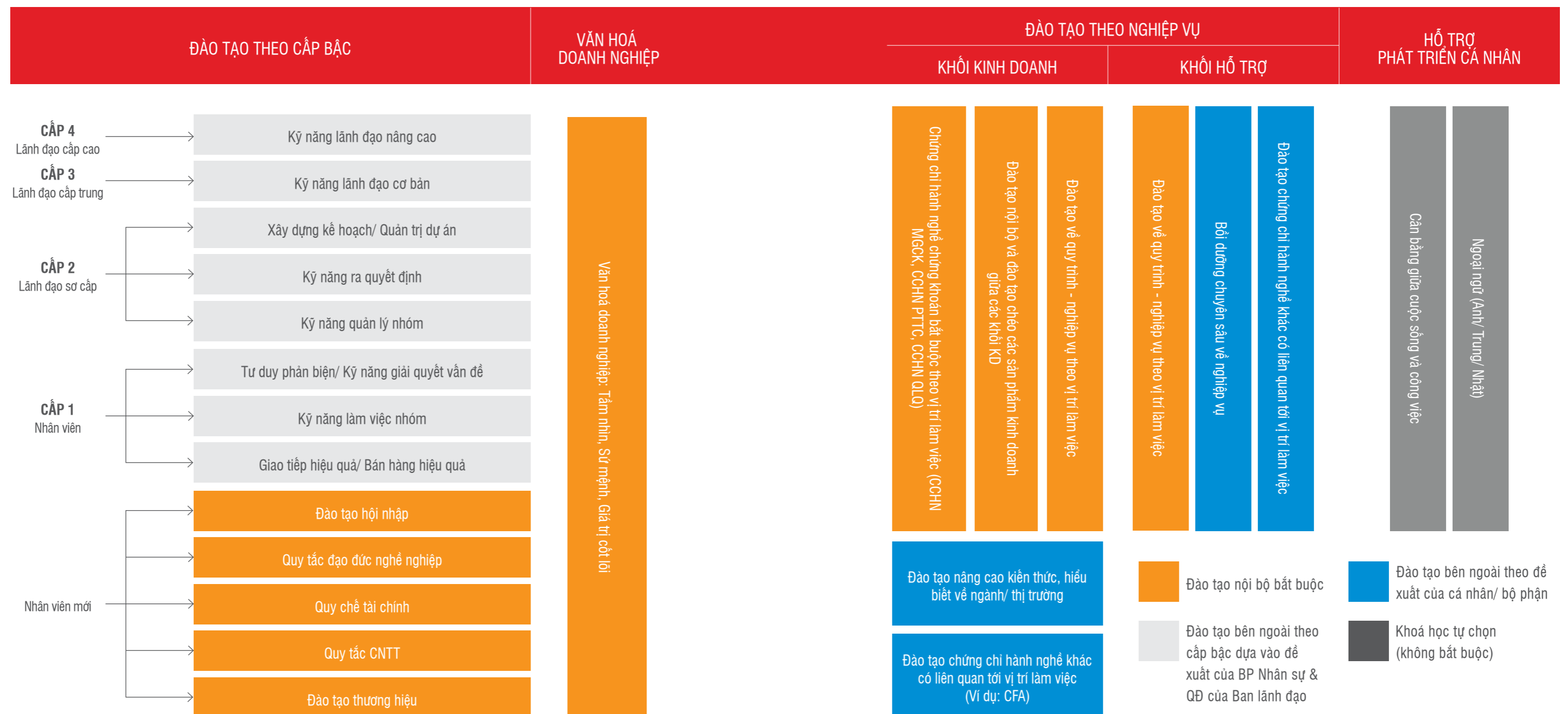
- Tôn trọng tối đa những quyền lợi của ứng viên tuyển dụng (về việc tiếp cận thông tin, yêu cầu, mô tả công việc, trao đổi và đàm phán)
- Chọn lựa những ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng
- Các quyết định tuyển dụng đều dựa trên sự đánh giá cẩn trọng, công tâm và rõ ràng về khả năng, thái độ trong công việc và những động lực của ứng viên.



PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CẢ VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VÀ CÁC KỸ NĂNG CẦN THIẾT

Nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh cho SSI. Với mục tiêu giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu ở thị trường Việt Nam và nỗ lực vươn ra thị trường quốc tế, SSI tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường.

SSI cung cấp những khóa đào tạo cho nhân viên kể từ khi mới gia nhập, bởi chúng tôi hiểu rằng thời điểm khởi đầu hành trình tại SSI chính là thời điểm nhân viên cần sự đào tạo, hướng dẫn sát sao nhất cả về chuyên môn lẫn những hiểu biết về Công ty. Công ty cũng tổ chức những khóa đào tạo cho nhiều phân khúc đối tượng riêng rẽ, không chỉ nhằm trang bị những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết mà còn truyền cảm hứng để nhân viên tiếp thêm động lực nâng cao hiệu quả công việc. Các chứng chỉ hành nghề bắt buộc theo quy định của UBCKNN, hoặc các chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA cũng được công ty tạo điều kiện để nhân viên đạt được.

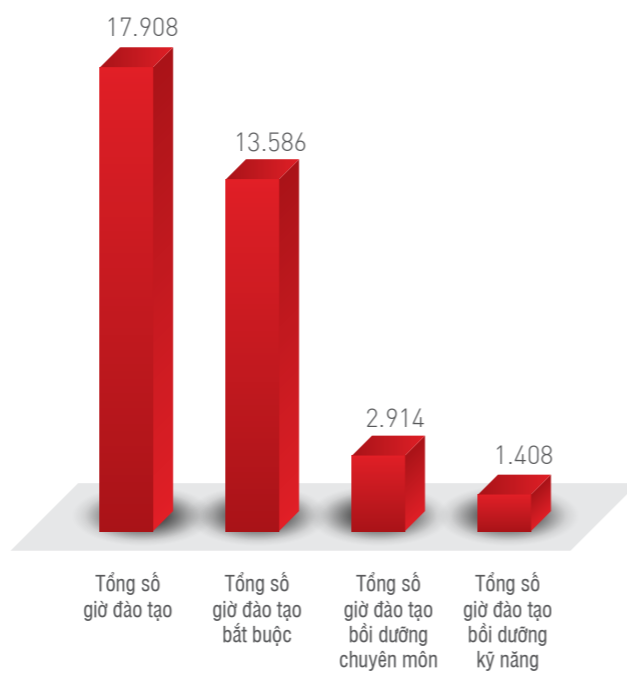


SSI cũng tin rằng mỗi nhân viên đều phải thấm nhuần quy tắc đạo đức và tuân thủ chặt chẽ các quy định của công ty, đây là điều tối quan trọng nhằm đảm bảo một sự phát triển bền vững của SSI nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung. Chính vì vậy, các chương trình đào tạo và hội thảo về Quy tắc đạo đức cũng như cập nhật về hành lang pháp lý được chú trọng tổ chức định kỳ, thu hút được sự quan tâm đông đảo của các thành viên.

Trong năm 2016, việc đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng cho đội ngũ Môi giới tiếp tục được đẩy mạnh bằng các khóa đào tạo bên ngoài và đào tạo nội bộ. Tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng cho từng phân khúc đối tượng nhân viên chuyên biệt, những khóa đào tạo về Kỹ năng Lãnh Đạo, Kỹ năng Trình bày tạo ảnh hưởng cao hay Kỹ năng Bán Hàng Bùng Nổ tiếp tục góp phần truyền cảm hứng, tăng động lực, cung cấp thêm công cụ để nâng cao hiệu quả công việc. Thêm vào đó, việc tham gia các lớp đào tạo này cũng gắn kết đội ngũ và tăng cường chia sẻ những trải nghiệm thực tế trong công việc để từng thành viên hiểu nhau hơn.

Không chỉ chú trọng đến các hình thức đào tạo truyền thống, các chương trình đào tạo nội bộ như Chương trình Đào tạo Văn hóa Doanh nghiệp (Gala 2016), Chương trình Tổng kết của các Khối Kinh doanh, và một số hoạt động nội bộ khác cũng là những hình thức nhằm tăng cường cập nhật thông tin, nhấn mạnh văn hóa doanh nghiệp, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc tốt, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của công ty cũng như sự phát triển bản thân.

Tất cả các yếu tố đó, từ chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm, quy tắc đạo đức hay văn hóa doanh nghiệp sẽ tập hợp lại và được phản ánh đầy đủ qua suy nghĩ và hành vi của nhân viên. Đó cũng chính là thành tố tạo nên thương hiệu nhân sự SSI - một hình ảnh SSI năng động, vững chuyên môn, thấm nhuần văn hóa công ty, không ngừng phát triển và tuân thủ chuẩn mực. SSI không ngừng trau dồi đội ngũ để gìn giữ và ngày một phát triển thương hiệu nhân sự một cách tích cực hơn và chuyên nghiệp hơn.



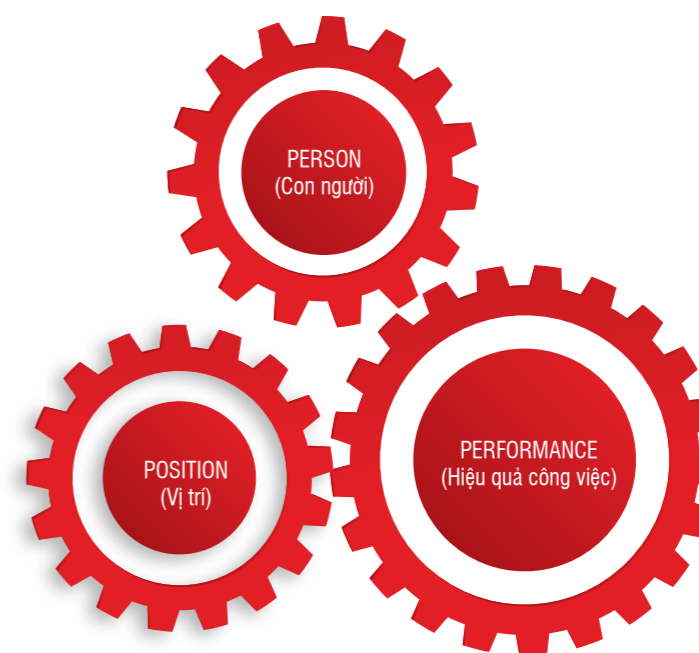
Thời lượng đào tạo 2016
Nguồn: SSI

CHẾ ĐỘ LƯƠNG THƯỜNG SONG HÀNH CÙNG HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC; CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI TOÀN DIỆN

Đây là chính sách quan trọng để việc gắn kết đội ngũ. Với chính sách công bằng, và cạnh tranh chúng tôi thu hút và đãi ngộ công bằng đối với những đóng góp của nhân viên. Ban lãnh đạo SSI cam kết và đảm bảo chế độ chi trả lương thưởng hợp lý cân bằng quyền lợi của nhân viên, cổ đông.

SSI rất chú trọng đến việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Position – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc). Phương pháp chi trả lương 3P khắc phục được các nhược điểm của phương pháp trả lương truyền thống như quá chú trọng đến bằng cấp hoặc thâm niên, không phân biệt được năng lực thực hiện công việc và đóng góp của cá nhân vào hiện thực hóa mục tiêu doanh nghiệp. Với phương pháp này SSI có thể:

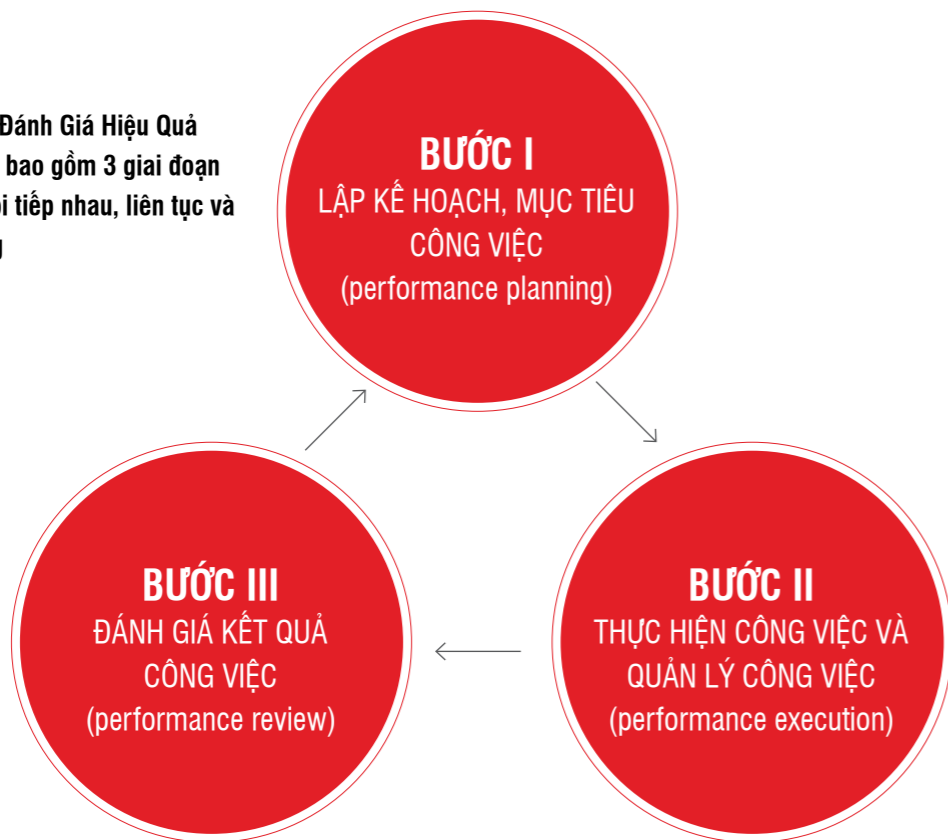
- Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đối với doanh nghiệp, tạo tính cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng
- Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp



Chương trình đánh giá hiệu quả công việc được tiên hành với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin (PMS), đảm bảo sự minh bạch và tiện ích, cũng như bảo mật thông tin của mỗi cá nhân. Thông qua kết quả đánh giá, chúng tôi động viên và ghi nhận những giá trị, kết quả lao động của nhân viên bằng chính sách thưởng phù hợp và linh hoạt.

Các cơ hội thăng tiến và phát triển cũng được căn cứ trên những quan sát và ghi nhận về hiệu quả công việc và sự tiến bộ về nhiều khía cạnh của các cá nhân trong suốt quá trình công tác. Điều này khiến cho mỗi nhân viên rõ ràng hơn về con đường phát triển của mình tại SSI.

Chu trình Đánh Giá Hiệu Quả Công việc bao gồm 3 giai đoạn diễn ra nối tiếp nhau, liên tục và quay vòng



Mục đích của Chương trình Đánh giá Hiệu Quả Công việc

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ

- Xác định những vị trí được thăng tiến
- Xác định chế độ đãi ngộ
- Khuyến khích nhân viên có kết quả công việc xuất sắc

PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC

- Hướng dẫn nhân viên có kết quả công việc chưa tốt
- Xác định mục tiêu và kết quả hoàn thành mục tiêu đề ra
- Xác định nhu cầu đào tạo của nhân viên và của Công ty
- Nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty

Trong năm 2016, SSI đã chi gần 260 tỷ đồng chi trả lương, các khoản bảo hiểm và phúc lợi khác, thưởng hiệu quả công việc sau đánh giá cuối năm; trong đó khoản thưởng hiệu quả công việc chiếm tỷ lệ tương đối cao.

Tổng chi phí trực tiếp cho nhân sự năm 2016	259.657.568.619 VNĐ
Lương	125.779.387.024 VNĐ
Bảo hiểm xã hội – Bảo hiểm y tế - Bảo hiểm thất nghiệp	14.323.694.755 VNĐ
Phúc lợi khác	34.378.492.099 VNĐ
Thưởng Đánh giá Hiệu Quả Công việc - Hoa hồng doanh số	85.175.994.741 VNĐ

NỖ LỰC XÂY DỰNG MỘT MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC LÝ TƯỞNG

Đối với SSI, một môi trường làm việc lý tưởng là môi trường mà ở đó chấp cánh cho những sáng tạo và nỗ lực của nhân viên, nhưng cũng đồng thời phải đảm bảo sự cân bằng giữa cuộc sống và công việc. Điều này đặc biệt được chú trọng với những cán bộ lãnh đạo cấp cao. Nhân viên tại SSI được khuyến khích làm việc hiệu quả, nghỉ ngơi hợp lý và tham gia các hoạt động thể dục thể thao, các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể để cân bằng giữa công việc và cuộc sống tạo niềm vui và yêu thích trong công việc và nâng cao tinh thần gắn bó đoàn kết trong đội ngũ. Các câu lạc bộ nhiếp ảnh, yoga, zumba, bóng đá, phong trào văn hóa văn nghệ tại SSI luôn hoạt động rất sôi nổi. 3 năm liên tiếp, SSI đã tổ chức Ngày Hội Gia Đình SSI, nơi gia đình của nhân viên có thể đến chung vui, chia sẻ và kết nối. Đây đã trở thành sự kiện thường niên được mong đợi của cả gia đình SSI bao gồm những thành viên SSI mở rộng – những hậu phương vững chắc cho mỗi người SSI yên tâm công tác. Những sự kiện như vậy giúp tăng cường tình cảm gia đình của nhân viên, và cũng để mỗi liên kết giữa gia đình và Công ty bền chặt hơn nữa.

“Charity begins at home” – tinh thần đùm bọc và sự sẵn sàng chia sẻ của SSI đã thể hiện rõ nhất khi cả tập thể cùng Công ty chung tay giúp đỡ những trường hợp không may mắc bệnh hiểm nghèo cả về vật chất và tinh thần. Những tình cảm và hành động này của tập thể không chỉ san sẻ phần nào gánh nặng về tài chính, mà còn là nguồn động viên rất lớn để anh chị em chiến đấu với bệnh tật. Ngay cả trong những hoàn cảnh đau buồn nhất khi chúng tôi mất đi một người đồng nghiệp, thì cả tập thể vẫn tiếp tục cùng hỗ trợ gia đình hết sức có thể để gia đình sớm vượt qua giai đoạn khó khăn.

Thông qua các hoạt động từ thiện hướng tới trẻ em vùng cao và bà con nông dân các huyện miền núi, các địa phương không may gặp thiên tai, các vùng kinh tế khó khăn, SSI tiếp tục xây dựng một đội ngũ gắn kết, sẵn sàng chia sẻ và hỗ trợ để đóng góp vào sự phát triển chung của cả xã hội. Trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, của cả tổ chức luôn được đề cao và khuyến khích bởi Ban Lãnh Đạo.

Bên cạnh đó, giờ làm việc linh hoạt tạo điều kiện tối đa cho các nhân viên nữ đang chăm con nhỏ cũng là một trong những chính sách nhân văn tại SSI để nhân viên yên tâm công tác và gắn bó với công ty.

QUAN TÂM THEO DÕI VÀ CHĂM SÓC TÌNH HÌNH SỨC KHỎE CỦA NHÂN VIÊN

Công ty tiếp tục dành nhiều sự quan tâm đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Theo truyền thống, hàng năm công ty đều cung cấp gói bảo hiểm sức khỏe bổ sung với các quyền lợi chăm sóc sức khỏe vượt trội cho nhân viên. Đồng thời công ty cũng tạo điều kiện để người lao động có thể lựa chọn mua cho người thân của mình các gói bảo hiểm sức khỏe linh hoạt để mỗi nhân viên được an tâm công tác, không phải lo lắng đến sức khỏe của người thân. Công ty cũng triển khai chuỗi chương trình hội thảo theo chuyên đề giúp nhân viên nâng cao kiến thức phòng tránh các bệnh thường gặp để nâng cao sức khỏe với sự tham gia của các giáo sư bác sĩ đầu ngành, ví dụ như các buổi hội thảo về chủ đề Bệnh ung thư; Các cách Sơ cứu khẩn cấp; Các bệnh về gan và cách phòng tránh; Các chọn thực phẩm và chế độ ăn lành mạnh trong gia đình... Ngoài việc nâng cao nhận thức về y tế cho nhân viên, các diễn giả cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc thực tế, hoặc có thể tư vấn thêm cho nhân viên nếu gặp vấn đề về sức khỏe liên quan đến chủ đề hội thảo. Việc cung cấp thông tin y tế một cách tích cực và tập trung theo từng chủ đề có thể giúp nhân viên bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình.

Các chương trình khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc, với sự lựa chọn kỹ càng các cơ sở y tế uy tín và chất lượng nhằm theo dõi sức khỏe của cán bộ nhân viên và phát hiện kịp thời các vấn đề về sức khỏe để sớm có phương án xử lý. Thông tin khám sức khỏe được theo dõi qua các năm và sử dụng như dữ liệu đầu vào để thiết kế chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung một cách hiệu quả, giúp nhân viên yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được khuyến khích thông qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc bộ như lớp học Yoga, câu lạc bộ zumba, giải thi đấu bóng đá siêu cúp hàng năm, các giải giao hữu bóng đá theo từng khu vực.

Chúng tôi tin tưởng rằng một cơ chế trao đổi thông tin thông suốt từ Ban Lãnh Đạo tới nhân viên Công ty sẽ càng làm mạnh mẽ hơn sự gắn kết giữa lãnh đạo và nhân viên. Những chiến lược kinh doanh, kế hoạch hay mục tiêu kinh doanh đều được chia sẻ trong nội bộ thông qua những thông điệp từ Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc, giúp nhân viên hiểu rõ và thống nhất quan điểm hoạt động của Công ty. Đối với những thành tựu cho dù là của cá nhân hay bộ phận nào đạt được, những thông điệp chúc mừng từ nội bộ đều góp phần làm tăng niềm tự hào, sự chia sẻ thành công giữa những thành viên SSI, và từ đó cũng khuyến khích những nỗ lực tiếp theo để toàn thể nhân viên hay bộ phận đều hướng tới những thành tích cao hơn nữa.

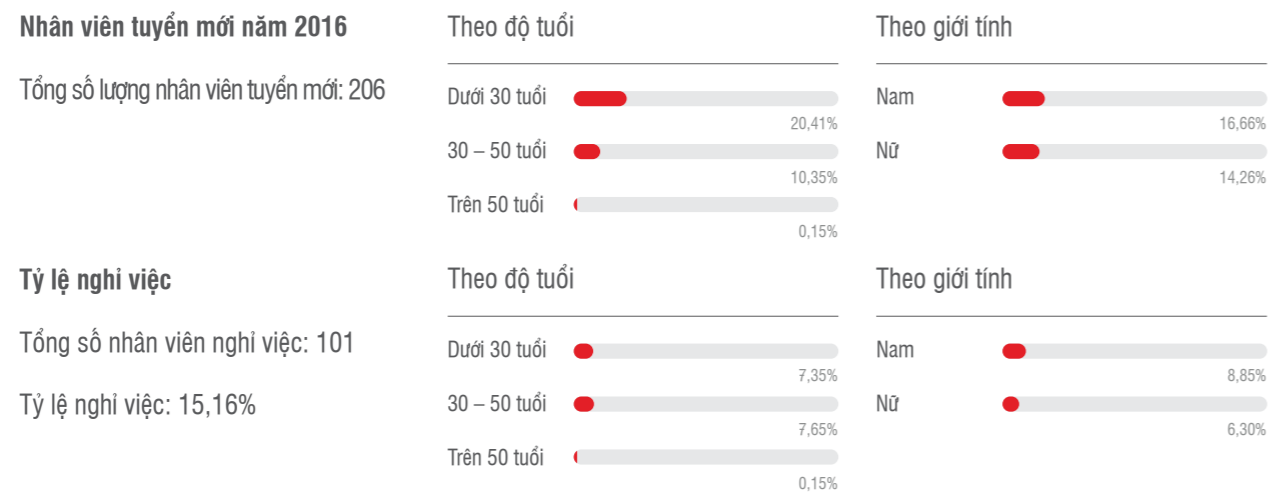
SSI cũng quan tâm đến việc thường xuyên trao đổi giữa cán bộ lãnh đạo và nhân viên để đảm bảo rằng những mất xích trong bộ máy công ty đều chuyển động nhịp nhàng theo cùng một định hướng. Kết quả đánh giá công việc cũng được trao đổi thẳng thắn giữa người đánh giá và người được đánh giá để các bên hiểu rõ nhau hơn, cho những gì đã đạt được và những gì đang hướng tới.



MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ NHÂN SỰ THEO TIÊU CHUẨN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA GRI

Số lượng nhân viên trung bình năm 2016 **666,42**

G4-LA1: Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính



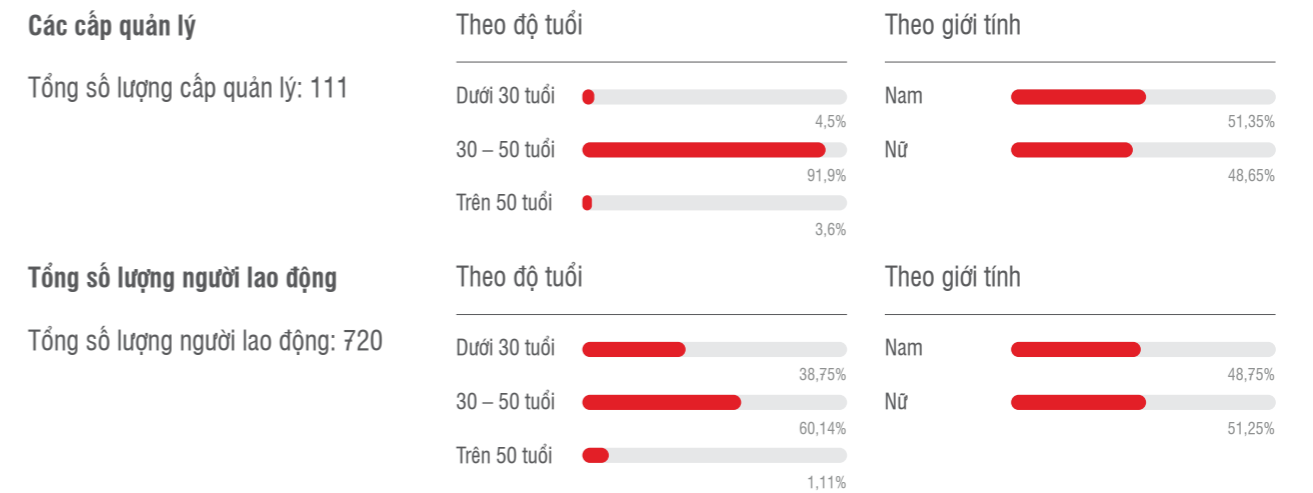
G4-LA2: Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian theo địa điểm hoạt động

Địa điểm	Phúc lợi bằng tiền	Cổ phiếu ESOP
Miền Nam	22.918.425.028 VNĐ	3.584.000 cổ phiếu
Miền Bắc	25.783.761.826 VNĐ	5.981.000 cổ phiếu

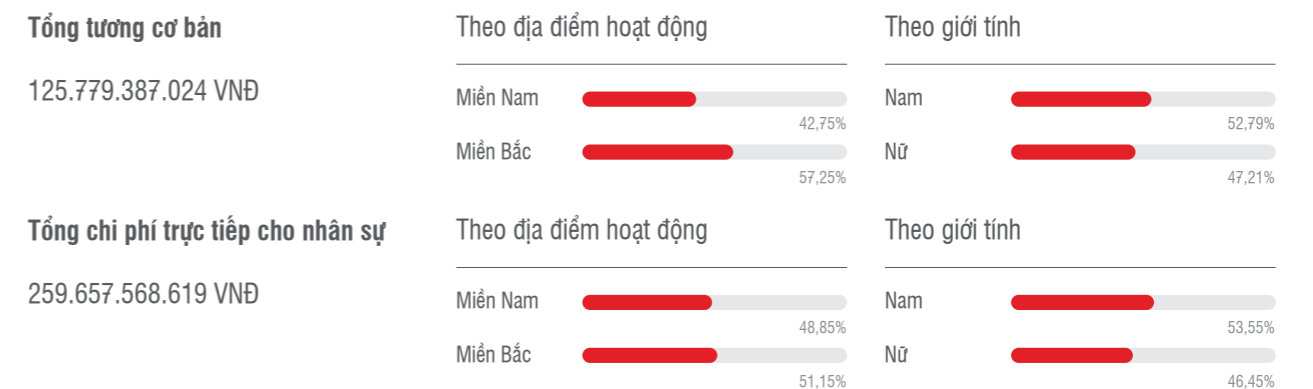
G4-LA11: Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động



G4-LA12: Thành phần các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi (tính đến cuối tháng 12/2016)



G4-L13: Ti lệ lương và thù lao cơ bản (năm 2016)



PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

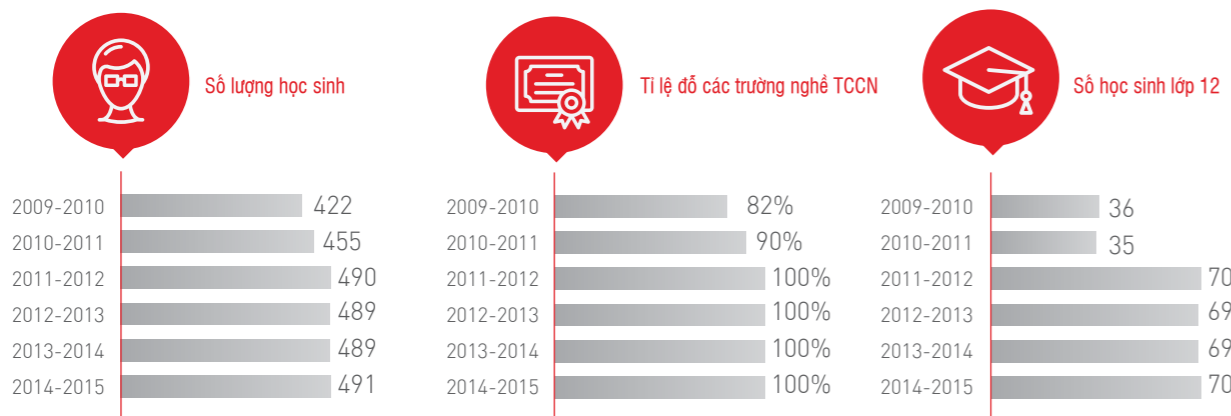
Với tôn chỉ hoạt động “Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng”, sự phát triển của SSI trong suốt 17 năm qua là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Cổ đông, Khách hàng, Xã hội và Cộng đồng. SSI đã chủ động đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục và thể chất cho thế hệ trẻ, cũng như chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

CÁC DỰ ÁN XÂY TRƯỜNG

Tính từ năm 2007 tới nay, SSI đã xây được 10 trường học tại khu vực phía Bắc để giúp phát triển giáo dục tại các vùng này. Các địa điểm xây trường của SSI đều là những điểm trọng yếu của khu vực, nơi học sinh cần có nhiều hỗ trợ để đến trường thêm thuận tiện.

Hàng năm SSI đều thăm hỏi và có những tài trợ kịp thời cho các trường để tiếp tục mở rộng, tiếp tục sẽ là những mái trường mang đến nhiều tương lai cho đất nước.

Tính riêng về Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà, sau khi đưa vào khánh thành từ năm 2010, số học sinh tại trường đã tăng và giữ ở mức ổn định, tiếp tục đóng góp vào việc phát triển giáo dục.



DỰ ÁN TÀI TRỢ HỌC BỔNG THÔNG QUA QUỸ HỌC BỔNG NDH

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt thúc đẩy sự thành công, sự phát triển của một quốc gia. Luôn nhận thức rõ quốc sách hàng đầu này, trong suốt quá trình phát triển của mình, SSI đã có sự đầu tư hệ thống, xuyên suốt với nhiều dự án tài trợ cho thế hệ trẻ - học sinh, sinh viên trên toàn Việt Nam. SSI đã mang sự giúp đỡ, hỗ trợ đến với không chỉ các em nhỏ ở những vùng xa xôi, khó khăn, không có điều kiện học tập, các em sinh viên đang tìm kiếm định hướng phát triển cho tương lai, và còn cả thế hệ nhân sự đang tìm đến sự phát triển chuyên nghiệp trong thị trường tài chính.

Với nhận thức xã hội phát triển là xã hội dựa trên nền tảng của tri thức và lòng bác ái, SSI tiếp tục kết hợp cùng Quỹ học bổng NDH trao học bổng cho các sinh viên nghèo và học giỏi đã được lựa chọn từ năm học 2015. 30 sinh viên được lựa chọn của các Trường Đại học Ngoại thương – Học viện Ngân hàng – Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Y Hà Nội – Đại học Luật Hà Nội – Học viện Tài chính tiếp tục được tài trợ học bổng để các em có thể yên tâm tiếp tục phát triển định hướng nghề nghiệp của mình, sẽ có thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng tri thức của mình, cũng như tiếp tục hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn như mình trong tương lai để tinh thần bác ái được lan tỏa rộng rãi cho thế hệ mai sau.

PHÁT TRIỂN THU HÚT NHÂN TÀI

Trong năm 2016, tiếp tục các chương trình đã thực hiện trong các năm trước, SSI cũng đã tài trợ nhiều chương trình của du học sinh tại Mỹ để hỗ trợ các em tiếp tục phát triển và là nguồn lực trẻ cho Việt Nam trong tương lai. Không chỉ tài trợ chi phí để hội du học sinh tại Mỹ có thể tổ chức các chương trình giao lưu, gắn kết trong cộng đồng, SSI cũng tài trợ và có các anh chị lãnh đạo cao cấp của SSI tham gia các buổi nói chuyện về định hướng nghề nghiệp để thế hệ nhân sự tương lai này có cái nhìn đúng đắn về các lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Hòa chung với phong trào khởi nghiệp đang khá rầm rộ thời gian này, SSI cũng đã tham gia làm Giám khảo cho các chương trình thi ý tưởng để có thể mang một phần kinh nghiệm của Công ty

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÀI TRỢ GIÁO DỤC CHO CÁC KHU VỰC KHÓ KHĂN

- SSI đã phối hợp cùng Chương trình “Cặp lá yêu thương” - dự án thiện nguyện do Trung tâm Tin tức VTV24 khởi xướng, phối hợp cùng Văn phòng Bộ - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội, tài trợ cho 34 em bé có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Cao Bằng. Các em sẽ được tài trợ chi phí học và sinh hoạt đến khi trưởng thành để tiếp tục sẽ là những công dân có trách nhiệm cho xã hội
- Chương trình tài trợ cho Quỹ Khuyến học trường PTCS xã Thụy Dân

XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, CHUNG TAY KHẮC PHỤC CÁC KHÓ KHĂN

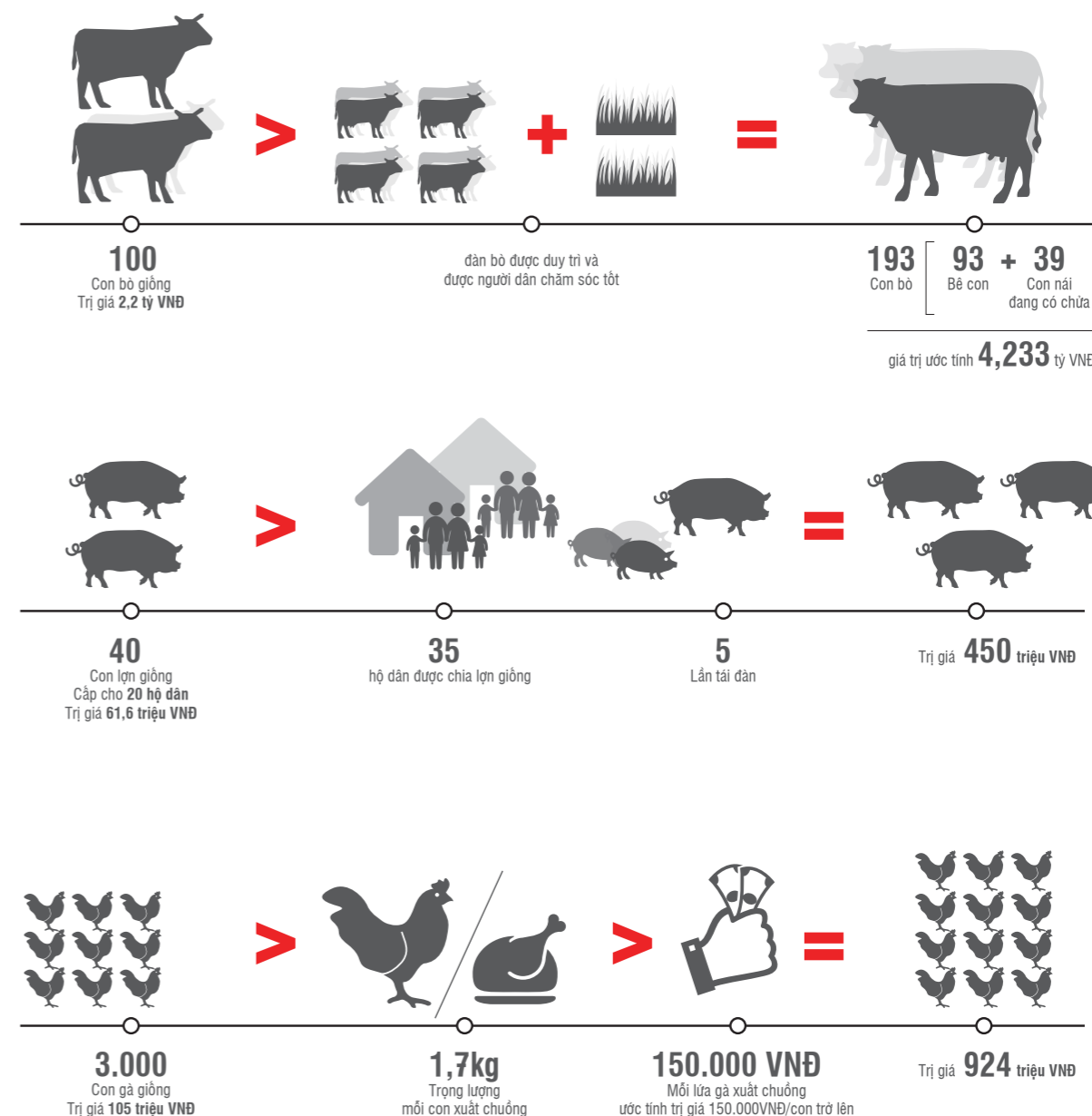
Góp phần đưa Việt Nam thực hiện thành công mục tiêu thiên niên kỉ mà Liên Hợp Quốc đề ra, đi cùng với chiến dịch xóa đói giảm nghèo của Chính phủ, SSI đã có một quá trình đóng góp lâu dài và bền vững theo định hướng này. SSI tiếp tục dành nhiều nguồn lực đầu tư cả hỗ trợ vật chất và tinh thần cho các hoạt động nhằm giúp đỡ, hỗ trợ được phần nào các khu vực còn nhiều khó khăn của đất nước, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Với số lượng 100 con bò, 40 con lợn, 3.000 con gà giống ban đầu do SSI tài trợ cho xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đến nay, sau khi được bàn tay những người nông dân nuôi nấng và chăm sóc thì số lượng bò, lợn gà đã tăng lên gấp nhiều lần, đem lại giá trị cao và thu nhập đáng kể cho các hộ chăn nuôi.

Ngoài chăn nuôi, SSI còn đầu tư xây dựng trạm y tế xã góp phần phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Được khánh thành và bàn giao sử dụng từ năm 2015 gồm nhiều hạng mục và trang thiết bị y tế hiện đại, phục vụ tốt cho việc khám chữa bệnh cho người dân, trạm trong năm nay chữa bệnh cho trên 5.000 lượt người hàng năm. Trong đó: người cao tuổi: 358 lượt, người khuyết tật: 55 lượt, học sinh 496. Điều trị nội trú trung bình hàng năm cho trên 80 lượt người, giới thiệu chuyển tuyến trung bình hàng năm 230 người. Trạm cũng đã tổ chức tốt ngày vi chất dinh dưỡng, các đợt tiêm chủng mở rộng, thực hiện khám chữa bệnh cho phụ nữ toàn xã theo đề án 52, tổ chức truyền thông lồng ghép vận động thực hiện KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe vị thành niên, sàng lọc trước sinh và sơ sinh....

Nhờ vậy mà chất lượng cuộc sống của nhân dân Vĩnh Thạch ngày càng được nâng cao, góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành một trong các tiêu chí về đảm bảo an sinh xã hội trong Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

SSI thực hiện trách nhiệm cộng đồng qua các hoạt động từ thiện vượt lên trên cả ý nghĩa nhường cơm, sẻ áo thông thường cho nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề và những thiệt hại do thiên tai mà còn hướng đến đích góp phần thực hiện một số chủ trương, đường lối chính sách quan trọng như xây dựng nông thôn mới, nghĩa tình biên giới, hải đảo, bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh trên biển cũng như trên đất liền, tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của Xã hội, Cộng đồng.





THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
CÁC NỘI DUNG TỔNG QUAN			
Chiến lược & Phân tích			
G4-1	Tuyên bố của lãnh đạo cao cấp của doanh nghiệp	Tham khảo nội dung “Thông điệp của Chủ tịch HĐQT về Phát triển bền vững”	Trang 222
G4-2	Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính	Tham khảo nội dung “Định hướng phát triển bền vững” & “Quản trị doanh nghiệp hướng tới PTBV”	Trang 224 & 248
Hồ sơ tổ chức			
G4-3	Báo cáo tên tổ chức	Tham khảo nội dung “Tổng quan về Báo cáo”	Trang 230
G4-4	Sản phẩm – Dịch vụ chính	Tham khảo nội dung “Ngành nghề Kinh doanh – Báo cáo thường niên”	Trang 20
G4-5	Trụ sở chính	Tham khảo nội dung “Thông tin doanh nghiệp – Báo cáo thường niên”	Trang 15
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý của tổ chức	Tham khảo nội dung “Thông tin doanh nghiệp – Báo cáo thường niên”	Trang 15
G4-8	Thị trường phục vụ	Tham khảo nội dung “Thông tin doanh nghiệp – Báo cáo thường niên”	Trang 15
G4-9	Quy mô của Doanh nghiệp báo cáo	Tham khảo nội dung “Thông tin doanh nghiệp – Báo cáo thường niên”	Trang 15
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	Tham khảo nội dung “Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững”	Trang 263
G4-16	Hội viên các Hiệp hội (như là các hiệp hội ngành nghề)	SSI tham gia là hội viên của Hội đồng chỉ số, Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam (VBMA), và Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán (VASB)	
Xác định các Ranh giới và Lĩnh vực trọng yếu			
G4-18	Giải thích quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo. Nêu rõ doanh nghiệp đã áp dụng các quy tắc báo cáo để xây dựng nội dung báo cáo như thế nào	Tham khảo nội dung “Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững” và “Xác định các Lĩnh vực trọng yếu”	Trang 234 & 242

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
G4-19	Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	Tham khảo nội dung “Xác định các Lĩnh vực trọng yếu”	Trang 242
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó.	Báo cáo không có việc trình bày lại thông tin nào gây ảnh hưởng	
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô và các Ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn trước đây	Báo cáo không có thay đổi gì lớn so với nội dung yêu cầu	
Sự tham vấn của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với Doanh nghiệp	Tham khảo nội dung “Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững”	Trang 234
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan		
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan		
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của các bên liên quan, doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)		
Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	Tham khảo nội dung “Tổng quan về báo cáo”	Trang 230
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	Năm 2016 (thực hiện báo cáo cho năm 2015)	
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
G4-31	Địa chỉ liên hệ	Tham khảo nội dung “Tổng quan về báo cáo”	Trang 230
Quản trị			
G4-34	Báo cáo cơ cấu quản trị của tổ chức	Tham khảo nội dung “Tóm lược về Công ty & Bộ máy tổ chức – Báo cáo Thường niên”	Trang 24

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
G4-37	Báo cáo các quy trình tham vấn các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Tham khảo nội dung “Ứng xử với các bên liên quan”	Trang 238
Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc thiết lập mục đích, giá trị và chiến lược			
G4-45	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội	Tham khảo nội dung “Hoạt động quản trị rủi ro – Báo cáo Thường niên” và “Quản trị Doanh nghiệp hướng tới PTBV”	Trang 156 & 248
Thù lao và các khoản lợi ích			
G4-51	Báo cáo cơ chế thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao	Tham khảo nội dung “Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT & BKS – Báo cáo Thường niên”	Trang 152
CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ			
MỤC TIÊU KINH TẾ			
Hiệu quả kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Tham khảo nội dung “Tăng trưởng bền vững về mặt kinh tế”	Trang 252
Các ảnh hưởng kinh tế gián tiếp			
G4-EC8	Những tác động gián tiếp về kinh tế	Tham khảo nội dung “Tăng trưởng bền vững về kinh tế” và “Hoạt động Đầu tư có trách nhiệm”	Trang 252 & 260
MỤC TIÊU XÃ HỘI			
CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG			
Việc làm			
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ thôi việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực	Tham khảo nội dung “Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững”	Trang 263
G4-LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu		

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
Giáo dục và Đào tạo			
G4-LA9	Giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi người lao động	Tham khảo nội dung “Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững” Năm 2016, một nhân viên trong công ty có số giờ đào tạo trung bình là khoảng 24,9 giờ (tăng 13,2% so với năm 2015)	Trang 263
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và danh mục người lao động	Tham khảo nội dung “Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững” 100% nhân viên Công ty được đánh giá hiệu quả công việc hàng năm thông qua hệ thống đánh giá PMS	Trang 263
Tính đa dạng và cơ hội nghề nghiệp bình đẳng			
G4-LA12	Thành phần của các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	Tham khảo nội dung “Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững”	Trang 263
Công bằng thù lao cho Nữ và Nam			
G4-LA13	Tỷ lệ lương và thù lao cơ bản của phụ nữ so với nam giới theo danh mục người lao động, và theo địa điểm hoạt động quan trọng	Tham khảo nội dung “Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững”	Trang 263
Cộng đồng Địa phương			
G4-SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	Tham khảo nội dung “Phát triển cộng đồng”	Trang 278
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM			
G4-PR5	Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng	Tham khảo nội dung “Hành động vì khách hàng”	Trang 257

07.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016





THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng vốn điều lệ của Công ty là 4.900.636.840.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 1 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu và Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 1 công ty con sở hữu gián tiếp và 3 công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 20 tháng 4 năm 2012
Ông Bùi Quang Nghiê	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Được bầu lại ngày 20 tháng 4 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho từng năm tài chính và các công ty con phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 95, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Trần Mai Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2466-2013-004-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B01-CTCK/HN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
100	A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	11.884.989.070.539	10.974.951.947.412
110	I	Tài sản tài chính	11.786.485.397.072	10.733.304.674.029
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	5 308.564.964.314	746.360.295.275
111.1	1.1.	Tiền	201.151.935.146	511.360.295.275
111.2	1.2.	Các khoản tương đương tiền	107.413.029.168	235.000.000.000
112	2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	7.1 1.425.667.503.090	1.088.372.380.148
113	3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3 5.243.743.725.184	4.431.399.641.147
114	4.	Các khoản cho vay	7.4 3.779.178.042.796	3.634.072.568.580
115	5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.2 959.826.110.723	803.351.191.599
116	6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8 (28.431.004.933)	-
117	7.	Các khoản phải thu	9 53.619.347.570	7.701.827.470
117.1	7.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	53.486.347.570	2.531.847.570
117.2	7.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	133.000.000	5.169.979.900
117.3	7.2.1.	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	133.000.000	133.000.000
117.4	7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	5.036.979.900
118	8.	Trả trước cho người bán	9 21.135.273.595	11.301.258.947
119	9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9 36.101.403.942	9.353.388.977
122	10.	Các khoản phải thu khác	9 3.002.523.445	4.823.233.846
129	11.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9 (15.922.492.654)	(3.431.111.960)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
130	II.	Tài sản ngắn hạn khác	10 98.503.673.467	241.647.273.383
131	1.	Tạm ứng	9.231.952.863	3.278.848.232
133	2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	7.665.228.021	8.548.603.317
134	3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	893.430.260	851.648.005
137	4	Tài sản ngắn hạn khác	80.713.062.323	228.968.173.829



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
200	B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.342.980.181.165	1.178.479.650.116
210	I	Tài sản tài chính dài hạn	750.343.966.349	687.417.114.391
212	1.	Các khoản đầu tư	750.343.966.349	687.417.114.391
212.1	1.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	41.007.379.429	50.000.000.000
212.3	1.2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	709.336.586.920	637.417.114.391
220	II	Tài sản cố định	131.416.882.683	131.682.063.084
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	12.569.448.484	14.797.817.761
222	1.1.	Nguyên giá	89.953.237.422	87.250.084.078
223a	1.2.	Giá trị khấu hao lũy kế	(77.383.788.938)	(72.452.266.317)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	118.847.434.199	116.884.245.323
228	2.1.	Nguyên giá	173.208.004.861	167.521.245.561
229a	2.2.	Giá trị hao mòn lũy kế	(54.360.570.662)	(50.637.000.238)
230	III.	Bất động sản đầu tư	261.341.171.964	268.409.921.032
231	1.	Nguyên giá	314.275.801.824	311.647.615.101
232a	2.	Giá trị khấu hao lũy kế	(52.934.629.860)	(43.237.694.069)
240	IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	46.777.509.012	298.340.000
250	V.	Tài sản dài hạn khác	153.100.651.157	90.672.211.609
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	19.105.729.716	17.287.240.210
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	25.895.763.102	2.405.087.368
253	3.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	88.099.158.339	50.979.884.031
254	4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
260	VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	13.227.969.251.704	12.153.431.597.528

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ	6.075.402.095.022	5.425.822.583.238
310	I.	Nợ phải trả ngắn hạn	5.841.951.456.398	4.702.545.475.813
311	1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	4.819.340.678.085	3.913.847.967.537
312	1.1.	Vay ngắn hạn	4.819.340.678.085	3.913.847.967.537
316	2.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	376.000.000.000	-
318	3.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	39.617.787.653	308.942.165.126
320	4.	Phải trả người bán ngắn hạn	9.261.510.278	4.847.340.451
321	5.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.141.733.170	4.893.483.331
322	6.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	73.816.803.238	91.848.160.110
323	7.	Phải trả người lao động	4.726.744.169	3.908.502.405
324	8.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	168.596.552	6.742.952
325	9.	Chi phí phải trả ngắn hạn	62.998.576.869	63.406.571.076
327	10.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	244.986.666	-
329	11.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	300.115.900.807	194.911.136.262
331	12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	151.518.138.911	115.933.406.563
340	II.	Nợ phải trả dài hạn	233.450.638.624	723.277.107.425
346	1.	Trái phiếu phát hành dài hạn	199.651.666.665	687.500.000.000
351	2.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	33.511.108.968	33.511.108.968
352	3.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	230.577.141	453.246.599
356	4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	57.285.850	1.812.751.858
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	7.152.567.156.682	6.727.609.014.290
410	I.	Vốn chủ sở hữu	7.152.567.156.682	6.727.609.014.290
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.927.409.917.200	4.825.142.703.161
411.1	1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	4.900.636.840.000	4.800.636.840.000
411.1a	a.	Cổ phiếu phổ thông	4.900.636.840.000	4.800.636.840.000
411.2	1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	29.265.860.000	29.285.860.000
411.4	1.3.	Vốn khác của chủ sở hữu	-	(4.609.514.439)
411.5	1.4.	Cổ phiếu quỹ	(2.492.782.800)	(170.482.400)
412	2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	(2.689.490.143)	(3.123.757.542)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		34.056.420.954	31.013.180.718
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		311.560.605.893	268.076.952.217
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		227.053.011.209	183.569.357.533
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối		1.576.075.507.357	1.341.790.215.838
417.1	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	28.1	1.727.170.255.230	1.528.039.483.892
417.2	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	28.1	(151.094.747.873)	(186.249.268.054)
418	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		79.101.184.212	81.140.362.365
420	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.227.969.251.704	12.153.431.597.528

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	Ngoại tệ các loại			
	USD	29.1	5.028.241,29	4.994.977,50
	EUR	29.1	57.765,13	-
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	28.4	489.825.250	480.057.365
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	28.4	238.434	6.319
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	29.2	959.988.530.000	854.638.390.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	29.3	10.552.040.000	24.690.050.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	29.4	4.660.000	1.587.550.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	29.5	461.520.310.000	72.162.610.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		2.430.000	1.760.000

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	29.6	26.872.935.050.000	22.222.371.140.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		22.283.452.350.000	18.135.210.430.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		682.966.010.000	748.571.050.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		3.600.644.250.000	2.759.764.320.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		15.664.600.000	-
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		290.207.840.000	578.825.340.000
022.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	29.7	1.652.187.760.000	1.031.478.320.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.447.750.000.000	527.060.230.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		102.298.110.000	139.726.810.000
022.3	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, cầm cố		102.139.650.000	346.691.280.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	29.8	277.151.500.000	512.019.620.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	29.9	40.192.750.000	22.912.500.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	29.10	49.722.960.000	21.859.170.000
026	Tiền gửi của khách hàng		1.630.987.771.952	1.244.049.806.891
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.11	1.616.354.145.533	1.239.463.316.338
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	29.11	5.034.657.285	2.192.903.193

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	29.12	9.598.969.134	2.393.587.360
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.13	1.616.354.145.533	1.239.463.316.338
031.1	<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		1.509.185.425.722	1.136.419.483.706
031.2	<i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		107.168.719.811	103.043.832.632
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	29.14	8.894.522.160	81.800.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	29.15	704.446.974	2.311.787.360



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

B02-CTCK/HN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
I	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		722.296.311.579	603.499.177.813
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	528.554.451.781	204.039.816.705
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	152.456.070.613	360.098.887.258
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	30.3	41.285.789.185	39.360.473.850
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30.3	344.890.502.306	194.038.113.177
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	30.3	429.400.211.341	297.393.256.685
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	30.3	75.010.273.478	40.681.868.509
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		381.169.657.999	287.588.703.038
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		11.238.000.000	12.390.049.452
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		33.282.441.007	13.652.830.477
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		9.582.231.035	7.363.367.773
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		95.374.902.451	31.051.206.125
11	10. Thu nhập hoạt động khác	32	114.524.308.025	59.860.140.340
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.216.768.839.221	1.547.518.713.389



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
II	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		226.194.728.553	172.948.769.284
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	107.924.651.851	44.709.454.119
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	117.301.550.432	128.239.315.165
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		968.526.270	-
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		1.233.535.166	-
24	3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	31	177.853.152.433	506.369.514
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		3.031.991.259	273.979.827
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	33	302.635.295.291	223.408.493.002
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	33	-	30.000.000
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	33	14.205.710.814	11.522.471.372
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	33	14.217.781.607	11.074.672.752
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	33	26.015.542.418	15.192.643.403
32	10. Chi phí hoạt động khác	33, 34	82.252.708.235	60.051.852.813
40	Cộng chi phí hoạt động		847.640.445.776	495.009.251.967
III	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		146.819.024	6.002.789
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		21.595.000.566	37.618.596.063
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh		-	107.833.951.553

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
44	4. Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi trong công ty liên kết)	11	73.457.661.737	109.964.025.810
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	35	95.199.481.327	255.422.576.215
IV.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		188.578.824	49.913.132
52	2. Chi phí lãi vay		269.221.826.624	125.206.111.513
60	Cộng chi phí tài chính	36	269.410.405.448	125.256.024.645
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	37	140.593.608.205	133.916.451.407
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.054.323.861.119	1.048.759.561.585
VIII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		2.628.448.016	5.207.458.436
72	Chi phí khác		126.449.020	169.378.964
80	Cộng kết quả hoạt động khác	38	2.501.998.996	5.038.079.472
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.056.825.860.115	1.053.797.641.057
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.021.671.339.934	821.938.068.964
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		35.154.520.181	231.859.572.093
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	39	181.829.180.212	213.937.559.932
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.1	220.703.920.528	201.803.574.229
100.2	(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	39.2	(38.874.740.316)	12.133.985.703
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		874.996.679.903	839.860.081.125
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		877.035.858.056	841.566.556.381
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		61.392.510.064	59.633.400.252
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(2.039.178.153)	(1.706.475.256)



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
300	XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	40	434.267.399	10.339.161.500
400	Tổng thu nhập toàn diện		434.267.399	10.339.161.500
401	Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		429.360.879	10.344.068.020
402	Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không kiểm soát		4.906.520	(4.906.520)
500	XIII. THU NHẬP THUẢN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		815.643.347.992	781.933.156.129
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43	1.698	1.658

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03b-CTCK/HN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		1.056.825.860.115	1.053.797.641.057
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(547.985.279.914)	(519.939.678.558)
03	Khấu hao TSCĐ		18.206.356.391	21.129.376.800
04	Các khoản dự phòng		12.491.380.694	465.333.883
06	Chi phí lãi vay		269.313.493.289	125.206.111.513
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(303.523.403.257)	(295.210.251.165)
08	Dự thu tiền lãi		(545.379.920.119)	(377.435.600.771)
09	Các khoản điều chỉnh khác		906.813.088	5.905.351.182
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		146.966.090.531	128.239.315.165
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		117.301.550.432	128.239.315.165
13	Lỗi suy giảm giá trị các khoản cho vay		28.431.004.933	-
14	Lỗi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		1.233.535.166	-
18	Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(152.456.070.613)	(360.098.887.258)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(152.456.070.613)	(360.098.887.258)



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		503.350.600.119	301.998.390.406
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(303.374.137.930)	(153.194.917.051)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		699.738.982.082	(54.108.722.078)
33	Tăng các khoản cho vay		(145.105.474.216)	(1.532.839.464.605)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(167.207.209.943)	(119.759.468.681)
35	Tăng phải thu bán các tài sản tài chính		(50.954.500.000)	(260.170.000)
37	(Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(26.918.424.600)	466.038.239
39	Giảm các khoản phải thu khác		6.678.953.786	91.055.556.910
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		147.298.363.103	(1.543.077.252)
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		14.475.876.517	126.092.661
42	Tăng chi phí trả trước		(27.603.968.238)	(4.464.770.160)
43	Thuế TNDN đã nộp		(244.437.916.359)	(150.005.958.158)
44	Lãi vay đã trả		(284.596.104.749)	(76.983.956.945)
45	Tăng phải trả cho người bán		4.420.863.801	1.140.247.222
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.990.600	(27.106.993)
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		5.702.846.752	(9.064.127.691)
48	Tăng phải trả người lao động		818.241.764	246.640.131
50	Giảm phải trả, phải nộp khác		(171.623.597.740)	(82.605.034.370)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		575.402.759.035	379.245.169.732
	<i>Tiền lãi đã thu</i>		<i>561.567.025.235</i>	<i>379.241.944.732</i>
	<i>Tiền thu khác</i>		<i>13.835.733.800</i>	<i>3.225.000</i>
52	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(39.743.402.871)	(41.077.202.125)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		496.325.740.913	(1.451.655.840.808)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(63.666.232.151)	(6.101.959.114)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		3.545.455	12.136.004
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(3.944.187.436.000)	(2.675.258.783.950)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		2.421.100.000.000	479.451.087.904
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		239.913.927.673	144.899.477.072
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.346.836.195.023)	(2.056.998.042.084)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		99.980.000.000	152.453.860.000
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(2.322.300.400)	(170.427.500)
73	Tiền vay gốc		32.403.034.307.330	19.821.505.132.020
73.2	<i>Tiền vay khác</i>		<i>32.403.034.307.330</i>	<i>19.821.505.132.020</i>
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(31.609.041.596.782)	(16.726.284.631.360)
74.3	<i>Tiền chi trả gốc vay khác</i>		<i>(31.609.041.596.782)</i>	<i>(16.726.284.631.360)</i>
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(478.935.287.000)	(138.324.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		412.715.123.148	3.247.365.609.160
90	GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(437.795.330.962)	(261.288.273.732)



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	746.360.295.275	1.007.648.569.007
101.1	Tiền		505.442.808.091	632.648.569.007
101.2	Các khoản tương đương tiền		235.000.000.000	375.000.000.000
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.917.487.184	-
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	308.564.964.314	746.360.295.275
103.1	Tiền		200.205.959.020	505.442.808.091
103.2	Các khoản tương đương tiền		107.413.029.168	235.000.000.000
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		945.976.126	5.917.487.184

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
I.	Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		76.974.085.890.096	54.774.857.771.475
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(82.179.697.180.977)	(58.413.755.103.364)	
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		7.335.183.804.235	4.828.197.619.154
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(9.562.903.693)	(17.999.254.643)	
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		177.843.005.200	789.476.803.616
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	(1.910.914.649.800)	(1.661.731.345.344)	
20	Tăng tiền thuần trong năm		386.937.965.061	299.046.490.894

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.244.049.806.891	945.003.315.997
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.244.049.806.891	945.003.315.997
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.239.463.316.338	943.333.972.189
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		2.192.903.193	810.026.688
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.393.587.360	859.317.120
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		1.630.987.771.952	1.244.049.806.891
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.630.987.771.952	1.244.049.806.891
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.11	1.616.354.145.533	1.239.463.316.338
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	29.11	5.034.657.285	2.192.903.193
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	29.12	9.598.969.134	2.393.587.360

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

B04-CTCK/HN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01/01/2015 VND	Ngày 01/01/2016 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2015 VND	Ngày 31/12/2016 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.875.960.835.783	4.825.142.703.161	1.291.940.352.500	(342.758.485.122)	106.289.284.881	(4.022.070.842)	4.825.142.703.161	4.927.409.917.200
1.1 Cổ phiếu phổ thông	28.2	3.537.949.420.000	4.800.636.840.000	1.262.687.420.000	-	100.000.000.000	-	4.800.636.840.000	4.900.636.840.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		342.196.810.218	29.285.860.000	29.423.360.000	(342.334.310.218)	-	(20.000.000)	29.285.860.000	29.265.860.000
1.3 Vốn khác của chủ sở hữu		(4.185.339.535)	(4.609.514.439)	-	(424.174.904)	8.611.585.281	(4.002.070.842)	(4.609.514.439)	-
1.4 Cổ phiếu quỹ		(54.900)	(170.482.400)	(170.427.500)	-	(2.322.300.400)	-	(170.482.400)	(2.492.782.800)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		228.753.241.307	268.076.952.217	39.323.710.910	-	43.483.653.676	-	268.076.952.217	311.560.605.893
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		144.245.646.623	183.569.357.533	39.323.710.910	-	43.483.653.676	-	183.569.357.533	227.053.011.209
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(13.462.919.042)	(3.123.757.542)	16.932.658.299	(6.593.496.799)	2.596.845.764	(2.162.578.365)	(3.123.757.542)	(2.689.490.143)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	31.013.180.718	31.013.180.718	-	3.043.240.236	-	31.013.180.718	34.056.420.954
6. Lợi nhuận chưa phân phối		1.455.453.294.270	1.341.790.215.838	970.121.976.062	(1.083.785.054.494)	994.337.408.488	(760.052.116.969)	1.341.790.215.838	1.576.075.507.357
6.1 Lợi nhuận đã thực hiện	28.1	1.923.556.624.130	1.528.039.483.892	560.028.599.095	(955.545.739.333)	841.881.337.875	(642.750.566.537)	1.528.039.483.892	1.727.170.255.230
6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	28.1	(468.103.329.860)	(186.249.268.054)	410.093.376.967	(128.239.315.161)	152.456.070.613	(117.301.550.432)	(186.249.268.054)	(151.094.747.873)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		82.855.645.584	81.140.362.365	-	(1.715.283.219)	-	(2.039.178.153)	81.140.362.365	79.101.184.212
TỔNG CỘNG		5.773.805.744.525	6.727.609.014.290	2.388.655.589.399	(1.434.852.319.634)	1.193.234.086.721	(768.275.944.329)	6.727.609.014.290	7.152.567.156.682
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	40	(13.462.919.042)	(3.123.757.542)	16.932.658.299	(6.593.496.799)	2.596.845.764	(2.162.578.365)	(3.123.757.542)	(2.689.490.143)
TỔNG CỘNG		(13.462.919.042)	(3.123.757.542)	16.932.658.299	(6.593.496.799)	2.596.845.764	(2.162.578.365)	(3.123.757.542)	(2.689.490.143)

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B05-CTCK/HN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng vốn điều lệ của Công ty là 4.900.636.840.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 1 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu và Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 720 người (31 tháng 12 năm 2015: 616 người).

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng vốn điều lệ của Công ty là 4.900.636.840.000 VND, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 7.152.567.156.682 VND, tổng tài sản là 13.227.969.251.704 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	390 tỷ VND	80%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Quốc tế SSI, sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.



CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có ba (03) công ty liên kết sở hữu gián tiếp được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 23 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 13). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	1.023.724.970.000
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử trùng Việt Nam - trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 3 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 11 tháng 9 năm 2015. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng; Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác; Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng; Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh); Bán buôn phân bón; Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan; Dịch vụ chống mối mọt; Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng; Cho thuê văn phòng, kho bãi; Giám định hàng hoá; Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp; Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác.	182.854.360.000

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Tiền thân là doanh nghiệp nhà nước Cảng Đồng Nai trực thuộc sở Giao Thông Vận Tải Đồng Nai, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3004 ngày 24 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000301 cấp ngày 4 tháng 1 năm 2006 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi số 3600334112 ngày 27 tháng 10 năm 2009, ngày 27 tháng 12 năm 2010 và 19 tháng 3 năm 2016 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Kinh doanh khai thác cầu cảng kho bãi; Xếp dỡ và vận tải hàng hóa trong và ngoài cảng; Dịch vụ sửa chữa phương tiện xếp dỡ và vận tải; Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải; Cung cấp nhiên liệu cho tàu xe; Mua bán vật liệu xây dựng; Tổ chức dịch vụ giải trí cho thuyền viên; Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất.	123.479.870.000

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);



- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.3 HÌNH THỨC SỐ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức số kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.5 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 210”). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 334”).

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và ủy thác của khách hàng được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.



Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính, theo đó tất cả các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu như sau:

- Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp ghi nhận theo giá trị thị trường phải tuân thủ quy định của Luật Kế toán hiện hành. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.

Do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

- Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 44.7.

4.2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.4 TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính. Số chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính không được ghi nhận trong báo cáo tài chính do Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý. Số dư chênh lệch giảm do đánh giá lại được tính bằng chênh lệch giữa giá thị trường xác định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC và giá gốc của tài sản tài chính FVTPL.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tăng thêm so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL giảm đi so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.5 TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.6 CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.7 TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính AFS do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý. Theo đó, số chênh lệch giảm do đánh giá lại được tính bằng chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản tài chính và giá gốc của tài sản đó tại thời điểm đánh giá.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.



- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.8 GIÁ TRỊ HỢP LÝ/GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính, giá trị hợp lý là giá trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4.9 NGỪNG GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:

- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.10 PHÂN LOẠI LẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động – “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.



4.11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục “Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/lỗ) trong công ty liên kết” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ khấu hao lũy kế;
- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận chưa phân phối” thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ ĐEM ĐI THẺ CHẤP

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thẻ chấp/cầm cổ để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thẻ chấp/cầm cổ, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thẻ chấp/cầm cổ để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thẻ chấp/cầm cổ sẽ được sử dụng tài sản thẻ chấp/cầm cổ để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thẻ chấp/cầm cổ kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thẻ chấp/cầm cổ được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.13 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm giá trị tài sản tài chính và chi phí đi vay các khoản cho vay” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%



4.14 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.15 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.16 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm

4.17 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4.18 THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.19 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.20 CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.



4.21 CÁC KHOẢN VAY VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.22 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.23 LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

4.23.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

4.23.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Bộ Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Bộ Luật Lao động.

4.23.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.24 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.25 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.26 CHUYỂN ĐỔI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CON SANG ĐỒNG TIỀN BÁO CÁO CỦA CÔNG TY MẸ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân.

- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế tại chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

4.27 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.28 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4.29 PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ VỐN CHỨNG KHOÁN TỰ DOANH BÁN RA

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

4.30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kê toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kê toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.



Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.31 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

4.32 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.33 CÁC KHOẢN MỤC KHÔNG CÓ SỐ DƯ

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Tiền	201.151.935.146	511.360.295.275
Tiền mặt tại quỹ	286.126.343	619.978.961
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	200.865.808.803	510.740.316.314
Các khoản tương đương tiền	107.413.029.168	235.000.000.000
Tổng cộng	308.564.964.314	746.360.295.275



6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	238.987.725	23.316.081.714.980
Cổ phiếu	29.331.525	1.201.362.008.810
Trái phiếu	209.656.000	21.914.719.706.170
Chứng khoán khác	200	200.000.000.000
b. Của nhà đầu tư	9.789.410.769	199.410.268.231.020
Cổ phiếu	9.761.357.391	196.569.205.108.840
Trái phiếu	26.113.038	2.821.293.313.880
Chứng khoán khác	1.940.340	19.769.808.300
Tổng cộng	10.028.398.494	222.726.349.946.000

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC như được trình bày tại Thuyết minh 4.8.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá gốc trừ chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết (1)	1.192.233.668.924	1.091.451.521.096	1.182.661.089.550	1.029.158.400.620
HPG	62.389.734.766	62.389.734.766	274.847.301.025	233.618.162.400
SSC	165.218.161.649	116.265.149.512	163.767.030.476	169.888.443.000
FPT	183.082.847.113	183.082.847.113	20.227.325	23.087.400
PVS	77.970.999.907	63.439.530.184	91.905.033.734	40.320.697.100
DBC	251.288.227.278	251.288.227.278	184.957.167.636	183.833.265.400
ELC	206.857.447.945	206.857.447.945	101.933.671.357	90.776.354.520
PET	45.060.789.684	31.306.898.943	45.059.171.784	40.421.865.400
LAS	41.063.264.511	40.888.080.914	90.741.504.757	94.259.034.000
VAF	67.766.775.917	45.253.072.700	67.766.743.877	49.532.076.000
Cổ phiếu niêm yết khác	91.535.420.154	90.680.531.741	124.744.288.063	126.485.415.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	82.191.081.939	31.878.481.894	128.879.508.164	95.165.322.548
CTCP Kinh Viglacera Đập Cầu	15.200.000.000	-	15.200.000.000	624.800.000
CTCP Đường Mặt Trời	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	34.761.408.826
CTCP Xây dựng Công nghiệp Descon	17.456.571.492	9.337.620.500	17.456.571.492	8.970.233.914
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	34.534.510.447	7.540.861.394	81.222.936.672	50.808.879.808
Trái phiếu chưa niêm yết	302.337.500.100	302.337.500.100	-	-
Trái phiếu BHS BOND 2016	302.337.500.100	302.337.500.100	-	-
Tổng cộng	1.576.762.250.963	1.425.667.503.090	1.274.621.648.198	1.124.323.723.168

(1) Trong số cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán và Sàn giao dịch UpCoM thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, có 10.300.000 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 103.000.000.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành đợt 1 năm 2016, và 2.781.088 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 27.810.880.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Giá trị hợp lý chi được tính toán cho mục đích trình bày theo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2014/TT-BTC mà không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất.



7.2 TÀI SẢN TÀI CHÍNH AFS

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết (1)	814.610.060.866	811.920.570.723	601.526.137.510	598.402.379.976
VSC	175.885.933.796	175.885.933.796	130.725.685.748	130.725.685.748
TMS	113.028.048.762	113.028.048.762	99.845.361.724	99.845.361.724
OPC	113.218.396.107	113.218.396.107	113.076.487.266	113.076.487.266
GIL	7.690.629.840	7.624.907.598	81.968.204.098	81.943.671.500
SGN	204.116.454.286	204.116.454.286	109.073.594.000	109.073.594.000
CTD	107.474.155.061	107.474.155.061	941.861	941.861
Cổ phiếu niêm yết khác	93.196.443.014	90.572.675.113	66.835.862.813	63.736.637.877
Có phiếu chưa niêm yết	147.905.540.000	147.905.540.000	-	-
TCT Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam	142.900.000.000	142.900.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	5.005.540.000	5.005.540.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	-	-	204.948.811.623	204.948.811.623
Trái phiếu BID_106	-	-	204.948.811.623	204.948.811.623
Tổng cộng	962.515.600.866	959.826.110.723	806.474.949.133	803.351.191.599

(1) Trong số cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán và Sàn giao dịch UpCom thuộc nhóm tài sản tài chính AFS tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, có 7.989.600 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 79.896.000.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành đợt 2 năm 2015 và đợt 1 năm 2016, và 1.859.818 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 18.598.180.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Giá trị hợp lý chỉ được trình bày theo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư 210/2014/TT-BTC mà không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất.

7.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Trái phiếu chưa niêm yết	11.603.575.929	23.206.856.721
<i>Trái phiếu chuyển đổi TMS</i>	<i>11.603.575.929</i>	<i>23.206.856.721</i>
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng tới 1 năm (1)	5.232.140.149.255	4.408.192.784.426
Tổng cộng	5.243.743.725.184	4.431.399.641.147

Trong số tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng tới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, có 1.602 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 3.566 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.4 CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (3) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (3) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	3.564.875.010.978	3.536.444.006.045	3.256.363.621.210	3.256.363.621.210
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	214.303.031.818	214.303.031.818	93.457.735.870	93.457.735.870
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán theo hợp đồng môi giới chứng khoán (2)	-	-	284.251.211.500	284.251.211.500
Tổng cộng	3.779.178.042.796	3.750.747.037.863	3.634.072.568.580	3.634.072.568.580

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, giá trị mệnh giá của chứng khoán là tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 5.207.197.455.000 VND và 5.221.587.690.000 VND.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng môi giới bán trái phiếu được nắm giữ bởi khách hàng, theo đó Công ty ứng trước tiền bán trái phiếu cho khách hàng trong thời gian chờ bán trái phiếu. Khoản phải này đã được tất toán trong năm 2016.

(3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.



7.5 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm			Số đầu năm (trình bày lại)		
	Giá mua/ Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá	Giá mua/ Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá
FVTPL	1.576.762.250.963	123.378.771.971	(151.094.747.873)	1.549.046.275.061	35.951.343.020	(186.249.268.050)
Cổ phiếu niêm yết	1.192.233.668.924	91.209.568.454	(100.782.147.828)	1.182.661.089.550	15.090.098.226	(131.673.837.640)
Cổ phiếu chưa niêm yết	82.191.081.939	32.169.203.517	(50.312.600.045)	64.047.685.411	20.861.244.794	(54.575.430.410)
Trái phiếu chưa niêm yết	302.337.500.100	-	-	302.337.500.100	-	-
AFS	962.515.600.866	655.482.365.517	(2.689.490.143)	806.474.949.133	649.686.671.219	(3.123.757.534)
Cổ phiếu niêm yết	814.610.060.866	638.382.365.517	(2.689.490.143)	601.526.137.510	623.468.924.624	(3.123.757.534)
Cổ phiếu chưa niêm yết	147.905.540.000	17.100.000.000	-	165.005.540.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	204.948.811.623	26.217.746.595	-
Tổng cộng	2.539.277.851.829	778.861.137.488	(153.784.238.016)	3.164.354.751.301	685.638.014.239	(189.373.025.584)
						2.577.361.585.986

Giá trị đánh giá lại là giá trị hợp lý của chứng khoán được thể hiện cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định mà không được phản ánh trong sổ sách kế toán của Công ty

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(28.431.004.933)	-

Đây là khoản dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	53.486.347.570	2.531.847.570
<i>Trong đó các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư không có khả năng thu hồi</i>	2.531.847.570	2.531.847.570
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133.000.000	5.169.979.900
<i>Trong đó các khoản phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	133.000.000	133.000.000
3. Trả trước cho người bán	21.135.273.595	11.301.258.947
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	36.101.403.942	9.353.388.977
<i>Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp</i>	12.971.609.076	1.206.000.000
5. Phải thu khác	3.002.523.445	4.823.233.846
<i>Trong đó phải thu khác khó đòi</i>	388.517.477	388.517.477
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(15.922.492.654)	(3.431.111.960)
Tổng cộng	97.936.055.898	29.748.597.280



Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	2.531.847.570	1.772.293.299	759.554.271	-	2.531.847.570	2.531.847.570
Khách hàng Đặng Văn Sỹ	2.531.847.570	1.772.293.299	759.554.271	-	2.531.847.570	2.531.847.570
Dự phòng phải thu cổ tức, tiền lãi đến hạn khó đòi	133.000.000	133.000.000	-	-	133.000.000	133.000.000
Phải thu cổ tức CTCP Công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	133.000.000	133.000.000	-	-	133.000.000	133.000.000
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	12.971.609.076	1.161.000.000	11.708.127.607	-	12.869.127.607	1.206.000.000
CTCP Công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	525.000.000	525.000.000	-	-	525.000.000	525.000.000
CTCP Thái Hòa	80.000.000	80.000.000	-	-	80.000.000	80.000.000
Công ty Liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	80.000.000	80.000.000	-	-	80.000.000	80.000.000
CTCP Hàng hải Sài Gòn	270.000.000	270.000.000	-	-	270.000.000	270.000.000
CTCP VIGLACERA Đông Triều	101.000.000	101.000.000	-	-	101.000.000	101.000.000
Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (Vneco)	150.000.000	105.000.000	45.000.000	-	150.000.000	150.000.000
CTCP Thủy điện Quê Phong	142.994.095	-	42.898.229	-	42.898.229	-
Phải thu quá hạn giao dịch kỳ quỹ quá hạn - khách hàng cá nhân	11.622.614.981	-	11.620.229.378	-	11.620.229.378	-
Phải thu khác khó đòi	388.517.477	364.818.661	23.698.816	-	388.517.477	388.517.477
Tiền bán tài sản	309.521.422	309.521.422	-	-	309.521.422	309.521.422
Phải thu khác	78.996.055	55.297.239	23.698.816	-	78.996.055	78.996.055
Tổng cộng	16.024.974.123	3.431.111.960	12.491.380.694	-	15.922.492.654	4.259.365.047

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	9.231.952.863	3.278.848.232
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.665.228.021	8.548.603.317
Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng	1.694.143.977	765.059.698
Chi phí trả trước dịch vụ	5.971.084.044	7.783.543.619
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	893.430.260	851.648.005
Tài sản ngắn hạn khác	80.713.062.323	228.968.173.829
Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ (*)	80.305.580.600	228.968.173.829
Khác	407.481.723	-
Tổng cộng	98.503.673.467	241.647.273.383

(*) Đây là giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ ngắn hạn liên quan đến hợp đồng bán cổ phiếu giữa Công ty và khách hàng về việc bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai, tên cũ là Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Gia Lai. Theo đó, khách hàng sẽ thực hiện thanh toán cho Công ty theo tiền độ quy định tại hợp đồng mua bán cổ phiếu. Quyền kiểm soát cổ phiếu sẽ được chuyển giao từ bên bán sang bên mua theo tiền độ thanh toán quy định tại hợp đồng. Cổ phiếu sau khi được chuyển nhượng sẽ được phong tỏa làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán theo tiền độ của khách hàng, quy định tại hợp đồng mua bán cổ phiếu. Giá trị của khoản đầu tư nhận hoàn vốn được xác định bằng hiệu số giữa giá trị gốc của khoản đầu tư đã bán, chờ hoàn vốn và khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản đảm bảo tính theo giá thị trường của tài sản đảm bảo tại thời điểm báo cáo.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			41.007.379.429	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (1)			41.007.379.429	50.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)			709.336.586.920	637.417.114.391
Công ty Cổ phần tập đoàn PAN (PAN)	20,10%	20,02%	478.275.257.353	428.152.498.940
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	20,01%	20,00%	74.703.544.923	67.007.510.494
Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (VFG)	20,01%	20,00%	156.357.784.644	142.257.104.957
Tổng cộng			750.343.966.349	687.417.114.391

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm, có 41 tỷ VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.



(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 11.906.666 cổ phiếu với giá trị mệnh giá 119.066.660.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành đợt 2 năm 2015 và 6.607.271 cổ phiếu với giá trị mệnh giá 66.072.710.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	637.417.114.391	1.043.972.898.151
Mua trong năm	25.087.436.000	203.940.333.949
Thanh lý công ty liên kết trong năm	-	(624.521.422.920)
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	(3.891.899.609)	(27.099.286.669)
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	(7.811.526.899)	-
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm	73.457.661.737	109.964.025.810
<i>Lợi thế thương mại đã phân bổ trong năm</i>	-	(24.362.534.318)
<i>Phần chia sẻ lãi trong năm</i>	73.457.661.737	93.789.245.209
<i>Lãi thanh lý công ty liên kết</i>	-	40.537.314.919
Cổ tức thực nhận	(14.922.198.700)	(65.100.941.300)
Vốn khác	-	(3.738.492.630)
Số dư cuối năm	709.336.586.920	637.417.114.391

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.609.391.520	68.941.847.513	14.504.261.403	1.194.583.642	87.250.084.078
Tăng trong năm	-	2.980.095.344	-	98.970.000	3.079.065.344
<i>Mua trong năm</i>	-	2.980.095.344	-	98.970.000	3.079.065.344
Giảm trong năm	-	(375.912.000)	-	-	(375.912.000)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(375.912.000)	-	-	(375.912.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.609.391.520	71.546.030.857	14.504.261.403	1.293.553.642	89.953.237.422
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.609.391.520	59.092.396.347	9.643.207.476	1.107.270.974	72.452.266.317
Tăng trong năm	-	4.154.827.333	1.085.531.955	67.075.333	5.307.434.621
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	4.154.827.333	1.085.531.955	67.075.333	5.307.434.621
Giảm trong năm	-	(375.912.000)	-	-	(375.912.000)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(375.912.000)	-	-	(375.912.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.609.391.520	62.871.311.680	10.728.739.431	1.174.346.307	77.383.788.938
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	-	9.849.451.166	4.861.053.927	87.312.668	14.797.817.761
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	8.674.719.177	3.775.521.972	119.207.335	12.569.448.484
Tổng cộng	-	8.674.719.177	3.775.521.972	119.207.335	12.569.448.484

CÁC THÔNG TIN KHÁC VỀ TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	69.947.047.965	54.690.998.354



13. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	51.200.471.719	109.671.558.000	6.649.215.842	167.521.245.561
Tăng trong năm	5.686.759.300	-	-	5.686.759.300
Mua mới	5.686.759.300	-	-	5.686.759.300
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	56.887.231.019	109.671.558.000	6.649.215.842	173.208.004.861
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	47.524.070.891	-	3.112.929.347	50.637.000.238
Tăng trong năm	2.664.333.201	-	1.059.237.223	3.723.570.424
Hao mòn trong năm	2.664.333.201	-	1.059.237.223	3.723.570.424
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	50.188.404.092	-	4.172.166.570	54.360.570.662
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.676.400.828	109.671.558.000	3.536.286.495	116.884.245.323
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.698.826.927	109.671.558.000	2.477.049.272	118.847.434.199
Tổng cộng	6.698.826.927	109.671.558.000	2.477.049.272	118.847.434.199

CÁC THÔNG TIN KHÁC VỀ TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp cho trái phiếu Công ty phát hành	109.671.558.000	109.671.558.000
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.118.076.411	39.197.774.566
Tổng cộng	157.789.634.411	148.869.332.566

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	311.647.615.101
Tăng trong năm	2.628.186.723
<i>Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con</i>	2.628.186.723
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	314.275.801.824
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	43.237.694.069
Tăng trong năm (khấu hao)	9.175.351.346
Tăng trong năm	521.584.445
<i>Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con</i>	521.584.445
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	52.934.629.860
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	268.409.921.032
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	261.341.171.964
Tổng cộng	261.341.171.964

Bất động sản đầu tư bao gồm 6 (sáu) tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của các tòa nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIC sang đồng theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi quỹ mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIC từ USD sang VND được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.951.324.457 đồng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phát triển phần mềm	20.770.698.684	-
Chi phí xây dựng cơ bản khác	26.006.810.328	298.340.000
Tổng cộng	46.777.509.012	298.340.000



16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước dịch vụ dài hạn	25.895.763.102	2.405.087.368

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động trong thời gian tối đa 36 tháng.

17. TÀI SẢN THUÊ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUÊ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuê TNDN hoãn lại và thuê TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ thuế của các khoản mục sau đây:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		
Dự phòng chứng khoán không niêm yết trong năm tạm thời không được khấu trừ thuế	7.567.907.481	8.191.398.681
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ tạm thời không được khấu trừ thuế	39.731.416.589	9.998.897.943
Dự phòng giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	8.010.246.862	-
Doanh thu tạm thời chịu thuế phát sinh năm 2015	27.131.335.840	27.131.335.840
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	5.658.251.567	5.658.251.567
Tổng cộng	88.099.158.339	50.979.884.031
Thuê thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuê hoãn lãi phải trả từ thu nhập của công ty con	57.285.850	1.812.751.858
	57.285.850	1.812.751.858

18. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ trong năm	6.039.464.938	6.039.464.938
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

19. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập Báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Tài sản	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	ĐƠN VỊ: VND Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	135.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tài sản tài chính FVTPL (tính theo mệnh giá)	130.810.880.000	10.100.000.000	Trái phiếu do Công ty phát hành và vay ngắn hạn
Tài sản tài chính AFS (tính theo mệnh giá)	98.494.180.000	36.660.000.000	Trái phiếu do Công ty phát hành và vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tới 1 năm	5.168.100.000.000	4.356.100.000.000	Vay thấu chi và vay ngắn hạn
Dài hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	41.000.000.000	-	Vay ngắn hạn
Đầu tư vào công ty liên kết (tính theo mệnh giá)	185.139.370.000	159.146.660.000	Trái phiếu do Công ty phát hành và vay ngắn hạn
Tài sản cố định vô hình	109.671.558.000	109.671.558.000	Trái phiếu do Công ty phát hành
Tổng cộng	5.733.215.988.000	4.806.678.218.000	



20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn		3.913.847.967.537	32.203.034.307.330	31.297.541.596.782	4.819.340.678.085
Vay thấu chi	0,8 - 6,57	1.706.347.967.537	23.400.034.307.330	23.852.041.596.782	1.254.340.678.085
Vay ngắn hạn	5,0 - 7,0	2.207.500.000.000	8.803.000.000.000	7.445.500.000.000	3.565.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>		<i>2.007.500.000.000</i>	<i>7.859.000.000.000</i>	<i>6.895.500.000.000</i>	<i>2.971.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>		<i>200.000.000.000</i>	<i>247.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>247.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petro-limex</i>		-	<i>697.000.000.000</i>	<i>350.000.000.000</i>	<i>347.000.000.000</i>
Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		-	-	-	-
Tổng cộng		3.913.847.967.537	32.203.034.307.330	31.297.541.596.782	4.819.340.678.085

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	376.000.000.000	-
Trái phiếu SSIBOND012015	76.000.000.000	-
Trái phiếu SSIBOND022015	300.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	199.651.666.665	687.500.000.000
Trái phiếu SSIBOND012015	-	387.500.000.000
Trái phiếu SSIBOND022015	-	300.000.000.000
Trái phiếu SSIBOND012016	200.000.000.000	-
Phí thu xếp phát hành trái phiếu SSIBOND012016	(348.333.335)	-
Tổng cộng	575.651.666.665	687.500.000.000

Trái phiếu SSIBOND012015 là trái phiếu thường phát hành đợt 1 vào tháng 1 năm 2015 theo Nghị Quyết số 02/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 12 năm 2014 với số lượng 1.000 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu. Đây là trái phiếu không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn 2 năm và có cam kết mua lại 6 tháng một lần với lãi suất trái phiếu năm đầu tiên là 8,2%/năm và được điều chỉnh lại trong năm tiếp theo. Vào tháng 7 năm 2015, Công ty đã mua lại 225 trái phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 112.500.000.000 đồng. Trong năm 2016 Công ty đã mua lại 623 trái phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 311.500.000.000 đồng.

Trái phiếu SSIBOND022015 là trái phiếu thường phát hành đợt 2 vào tháng 4 năm 2015 theo Nghị Quyết số 02/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 12 năm 2014 với số lượng 600 trái phiếu và mệnh giá 500 triệu đồng/trái phiếu. Đây là trái phiếu có tài sản đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và các bất động sản thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng mua bán trái phiếu, có kỳ hạn 2 năm với lãi suất tính bằng tổng của tối đa 1,5%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại các Ngân hàng của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội).

Trái phiếu SSIBOND012016 là trái phiếu thường phát hành đợt 1 vào tháng 8 năm 2016 theo Nghị quyết số 03/2016/NQ/HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2016 với số lượng 200 trái phiếu có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu có tài sản đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết sở hữu của Công ty theo hợp đồng mua bán trái phiếu, kỳ hạn 2 năm với lãi suất bằng tổng của 1,2%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau được công bố tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội).

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (Phải trả về mua các tài sản tài chính)	39.617.787.653	104.212.959.126
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	-	204.729.206.000
Tổng cộng	39.617.787.653	308.942.165.126

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	9.261.510.278	4.847.340.451
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Đội Ngũ Việt	-	1.051.014.470
Công ty TNHH Production Thanh Việt	-	1.498.002.687
Các khoản phải trả phí dịch vụ	2.261.250.000	-
CTCP Xây dựng và Thương mại TTT	2.418.020.814	-
Phải trả người bán khác	4.582.239.464	2.298.323.294
Dài hạn	-	-
Tổng cộng	9.261.510.278	4.847.340.451



24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	5.482.965.448	903.522.406
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.481.407.842	75.215.403.673
Thuế thu nhập cá nhân	14.280.175.092	13.320.356.345
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu)	2.572.254.856	2.408.877.686
Tổng cộng	73.816.803.238	91.848.160.110

STT	Chi tiêu	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
I	Thuế	91.848.160.110	372.809.682.209	(390.841.039.081)	73.816.803.238
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	903.522.406	12.026.647.595	(7.447.204.553)	5.482.965.448
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 39.1)	75.215.403.673	220.703.920.528	(244.437.916.359)	51.481.407.842
3	Các loại thuế khác	15.729.234.031	140.079.114.086	(138.955.918.169)	16.852.429.948
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>4.188.166.183</i>	<i>28.096.961.406</i>	<i>(27.831.274.854)</i>	<i>4.453.852.735</i>
	<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>9.132.190.162</i>	<i>87.092.800.053</i>	<i>(86.398.667.858)</i>	<i>9.826.322.357</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>15.000.000</i>	<i>(15.000.000)</i>	-
	<i>Thuế khác</i>	<i>2.408.877.686</i>	<i>24.874.352.627</i>	<i>(24.710.975.457)</i>	<i>2.572.254.856</i>
II	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	91.848.160.110	372.809.682.209	(390.841.039.081)	73.816.803.238

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Ngắn hạn	62.998.576.869	63.406.571.076
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	6.468.105.688	5.802.236.553
Chi phí lãi trái phiếu	28.295.676.827	45.617.847.224
Chi phí lãi vay phải trả	5.667.044.384	3.265.485.311
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	981.350.992	3.068.427.838
Phí dịch vụ	630.000.000	690.000.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	2.212.907.642	4.619.539.121
Các khoản khác	18.743.491.336	343.035.029
Dài hạn	-	-
Tổng cộng	62.998.576.869	63.406.571.076

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán	-	176.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư để mua chứng khoán	262.800.421.276	8.750.000.000
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu	-	2.386.784.100
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	5.490.560.750	4.588.929.750
Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty	701.639.024	715.305.824
Phải trả tiền mua/bán cổ phiếu cho khách hàng	28.354.700.000	-
Phải trả khác	2.768.579.757	2.470.116.588
Tổng cộng	300.115.900.807	194.911.136.262

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán và đặt mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.



27. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu chưa thực hiện:		
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết	4.491.927.766	4.491.927.766
Tổng cộng	33.511.108.968	33.511.108.968

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu.

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	1.727.170.255.230	1.528.039.483.892
Lợi nhuận chưa thực hiện	(151.094.747.873)	(186.249.268.054)
Tổng cộng	1.576.075.507.357	1.341.790.215.838





28.2 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.800.636.840.000	29.285.860.000	(170.482.400)	(4.609.514.439)	(3.123.757.542)	31.013.180.718	268.076.952.217	183.569.357.533	1.341.790.215.838	81.140.362.365	6.727.609.014.290
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	874.996.679.907	-	874.996.679.907
Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu tăng vốn	-	(20.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(20.000.000)
Chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền (tỷ lệ 10%)	-	-	-	-	-	-	-	-	(479.836.918.000)	-	(479.836.918.000)
Đánh giá lại TSTC AFS	-	-	-	-	434.267.399	-	-	-	-	-	434.267.399
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.322.300.400)	-	-	-	-	-	-	-	(2.322.300.400)
Trích quỹ dự trữ điều lệ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	43.483.653.676	-	(43.483.653.676)	-	-
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo Nghị Quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	-	43.483.653.676	(43.483.653.676)	-	-
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng theo Nghị Quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	(59.633.400.253)	-	(59.633.400.253)
Vốn khác phát sinh do công ty liên kết phát hành cổ phiếu	-	-	-	4.609.514.439	-	-	-	-	(12.421.041.327)	-	(7.811.526.888)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	3.043.240.236	-	-	-	-	3.043.240.236
Chênh lệch phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.891.899.609)	-	(3.891.899.609)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	2.039.178.153	(2.039.178.153)	-
Số dư cuối năm	4.900.636.840.000	29.265.860.000	(2.492.782.800)	-	(2.689.490.143)	34.056.420.954	311.560.605.893	227.053.011.209	1.576.075.507.357	79.101.184.212	7.152.567.156.682



28.3 TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2016 và 1/1/2015)	1.528.039.483.892	1.923.556.624.130
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2016 và 31/12/2015)	(151.094.747.873)	(186.249.268.054)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	841.881.337.875	609.706.984.288
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	2.218.826.073.894	2.347.014.340.364
5. Số trích từ lợi nhuận	(162.913.648.537)	(527.920.784.816)
<i>Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	(43.483.653.676)	(39.323.710.910)
<i>Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</i>	(43.483.653.676)	(39.323.710.910)
<i>Phát hành cổ phiếu để tăng vốn</i>	-	(370.013.759.782)
<i>Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng</i>	(59.633.400.253)	(52.096.910.169)
<i>Các khoản điều chỉnh khi hợp nhất</i>	(16.312.940.932)	(27.099.286.666)
<i>Các khoản khác</i>	-	(63.406.379)
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(479.836.918.000)	(427.308.850.000)
7. Phân loại lại lợi nhuận thực hiện/chưa thực hiện	-	(49.994.489.710)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	1.576.075.507.357	1.341.790.215.838

28.4 CỔ PHIẾU

Đơn vị: số lượng chứng khoán

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	490.063.684	480.063.684
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	490.063.684	480.063.684
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	490.063.684	480.063.684
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	490.063.684	480.063.684
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(238.434)	(6.319)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(238.434)	(6.319)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(238.434)	(6.319)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	489.825.250	480.057.365
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	489.825.250	480.057.365
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

29.1. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
USD	5.028.241,29	4.994.977,50
EUR	57.765,13	-

29.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN (“VSD”) CỦA CTCK

Tài sản tài chính	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	495.544.100.000	671.181.730.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	414.444.430.000	183.426.660.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	50.000.000.000	30.000.000
Tổng cộng	959.988.530.000	854.638.390.000

29.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

Tài sản tài chính	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.552.040.000	23.690.050.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	10.552.040.000	24.690.050.000

29.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	4.660.000	1.587.550.000



29.5. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Cổ phiếu	143.199.470.000	42.946.670.000
Trái phiếu	310.895.100.000	21.790.200.000
Chứng chỉ quỹ	7.425.740.000	7.425.740.000
Tổng cộng	461.520.310.000	72.162.610.000

29.6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	22.283.452.350.000	18.135.210.430.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	682.966.010.000	748.571.050.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.600.644.250.000	2.759.764.320.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	15.664.600.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	290.207.840.000	578.825.340.000
Tài sản tài chính chờ cho vay	-	-
Tổng cộng	26.872.935.050.000	22.222.371.140.000

29.7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.447.750.000.000	527.060.230.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	102.298.110.000	139.726.810.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	102.139.650.000	346.691.280.000
Tổng cộng	1.652.187.760.000	1.013.478.320.000

29.8. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	277.151.500.000	512.019.620.000

29.9. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	40.192.750.000	22.912.500.000

29.10. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	49.722.960.000	21.859.170.000

29.11. TIỀN GỬI NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.616.354.145.533	1.239.463.316.338
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	1.509.185.425.722	1.136.419.483.706
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	107.168.719.811	103.043.832.632
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	5.034.657.285	2.192.903.193
Tổng cộng	1.621.388.802.818	1.241.656.219.531

29.12. TIỀN GỬI CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	8.894.522.160	81.800.000
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	704.446.974	2.311.787.360
Tổng cộng	9.598.969.134	2.393.587.360



29.13. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Loại phải trả		
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.616.354.145.533	1.239.463.316.338
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	1.509.185.425.722	1.136.419.483.706
<i>Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	107.168.719.811	103.043.832.632
Tổng cộng	1.616.354.145.533	1.239.463.316.338

29.14. PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	8.894.522.160	81.800.000

29.15. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	704.446.974	2.311.787.360

30. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

30.1. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước (trình bày lại) VND
I	LÃI BÁN							
1	Cổ phiếu niêm yết	56.028.341			2.067.820.089.028	1.608.201.601.330	459.618.487.698	64.023.476.597
	DBC	12.213.479		34.546	421.932.235.811	315.836.741.093	106.095.494.718	4.387.014.089
	HPG	11.182.590		40.956	457.990.127.707	404.444.928.396	53.545.199.311	-
	TMS	1.994.593		64.459	128.569.628.500	37.073.538.862	91.496.089.638	-
	GIL	4.316.966		57.207	246.961.698.000	167.136.594.251	79.825.103.749	-
	SGN	400.000		112.150	44.860.000.000	12.714.285.715	32.145.714.285	-
	VHL	1.805.800		42.492	76.732.870.000	32.134.996.714	44.597.873.286	387.879.714
	Cổ phiếu niêm yết khác	24.114.913			690.773.529.010	638.860.516.299	51.913.012.711	59.248.562.794
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	460.000			23.057.500.000	23.000.000.000	57.500.000	133.872.665.854
3	Trái phiếu	77.578.000			8.148.754.311.668	8.080.224.798.885	68.529.512.783	6.143.674.254
	TP_BVDB15206	18.558.000		104.721	1.943.416.146.233	1.922.882.058.667	20.534.087.566	304.000.000
	TP_TD1518357	17.500.000		104.612	1.830.716.000.000	1.812.889.286.886	17.826.713.114	-
	Trái phiếu niêm yết khác	41.520.000			4.374.622.165.435	4.344.453.453.332	30.168.712.103	5.839.674.254
4	Trái phiếu chưa niêm yết	8.990			1.169.348.951.300	1.169.000.000.000	348.951.300	-
	Tổng cộng	134.075.331			11,408,980,851,996	10,880,426,400,215	528,554,451,781	204,039,816,705



30.1. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL (TIẾP THEO)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước (trình bày lại) VND
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	13.864.500		302.180.627.000	363.170.885.494	(60.990.258.494)	(2.129.074.006)
	LAS	9.311.900	23.533	219.145.180.000	246.133.221.272	(26.988.041.272)	-
	PVS	3.000.000	18.000	54.000.000.000	87.035.519.290	(33.035.519.290)	(144.206.327)
	Cổ phiếu niêm yết khác	1.552.600	-	29.035.447.000	30.002.144.932	(966.697.932)	(1.984.867.679)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	(21.125.056.902)
3	Trái phiếu	19.750.100		2.130.809.006.642	2.177.743.399.999	(46.934.393.357)	(21.455.323.211)
	TP_BVDB15206	2.750.000	104.312	286.858.536.604	289.869.733.333	(3.011.196.729)	-
	TP_BVDB15207	3.250.000	102.958	334.612.876.470	339.664.833.333	(5.051.956.863)	-
	TP_TD1020065	750.000	125.200	93.900.170.824	94.631.500.000	(731.329.176)	-
	TP_TD1518355	500.000	103.023	51.511.500.000	51.604.000.000	(92.500.000)	-
	TP_TD1518356	3.000.000	103.731	311.193.627.850	312.419.833.333	(1.226.205.483)	-
	TP_TD1518357	7.500.000	103.034	772.753.794.894	776.171.000.000	(3.417.205.106)	-
	TP_TD1520269	2.000.000	104.989	209.978.500.000	213.382.500.000	(3.404.000.000)	-
	Trái phiếu khác	100		70.000.000.000	100.000.000.000	(30.000.000.000)	(21.455.323.211)
	Tổng cộng	33.614.600		2.432.989.633.642	2.540.914.285.493	(107.924.651.851)	(44.709.454.119)

30.2. CHÉNH LỆCH VỀ ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị ghi số VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (trình bày lại) VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
I	Loại FVTPL	1.576.762.250.963	1.425.667.503.090	(151.094.747.873)	(186.249.268.054)	35.154.520.181	152.456.070.613	(117.301.550.432)
1	Cổ phiếu niêm yết	1.192.233.668.924	1.091.451.521.096	(100.782.147.828)	(131.673.837.644)	30.891.689.816	134.100.352.333	(103.208.662.517)
	HPG	62.389.734.766	62.389.734.766	-	(41.233.202.580)	41.233.202.580	41.233.202.580	-
	ELC	206.857.447.945	206.857.447.945	-	(12.599.747.697)	12.599.747.697	17.485.732.637	(4.885.984.940)
	SSC	165.218.161.649	116.265.149.512	(48.953.012.137)	-	(48.953.012.137)	8.339.940.000	(57.292.952.137)
	PVS	77.970.999.907	63.439.530.184	(14.531.469.723)	(51.581.432.350)	37.049.962.627	38.486.729.906	(1.436.767.279)
	LAS	41.063.264.511	40.888.080.914	(175.183.597)	-	(175.183.597)	20.568.944.734	(20.744.128.331)
	ABC	41.839.250.000	41.839.250.000	-	-	-	544.712.620	(544.712.620)
	Cổ phiếu khác	596.894.810.146	559.772.327.775	(37.122.482.371)	(26.259.455.017)	(10.863.027.354)	7.441.089.856	(18.304.117.210)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	82.191.081.939	31.878.481.894	(50.312.600.045)	(54.575.430.410)	4.262.830.365	18.355.718.280	(14.092.887.915)
	DCC	17.456.571.492	9.337.620.500	(8.118.950.992)	(8.486.337.577)	367.386.585	9.337.620.500	(8.970.233.915)
	ABC	-	-	-	(8.240.110.000)	8.240.110.000	8.240.110.000	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	64.734.510.447	22.540.861.394	(42.193.649.053)	(37.848.982.833)	(4.344.666.220)	777.987.780	(5.122.654.000)
3	Trái phiếu	302.337.500.100	302.337.500.100	-	-	-	-	-
II	Loại AFS	962.515.600.866	959.826.110.723	(2.689.490.143)	(3.123.757.542)	434.267.399	2.596.845.764	(2.162.578.365)
1	Cổ phiếu niêm yết	814.610.060.866	811.920.570.723	(2.689.490.143)	(3.123.757.542)	434.267.399	2.596.845.764	(2.162.578.365)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	147.905.540.000	147.905.540.000	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	2.539.277.851.829	2.385.493.613.813	(153.784.238.016)	(189.373.025.596)	35.588.787.580	155.052.916.377	(119.464.128.797)



30.3. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL, HTM, AFS, CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	41.285.789.185	39.360.473.850
Từ tài sản tài chính HTM	344.890.502.306	194.038.113.177
Từ các khoản cho vay và phải thu	429.400.211.341	297.393.256.685
Từ AFS	75.010.273.478	40.681.868.509
Tổng cộng	890.586.776.310	571.473.712.221

31. CHI PHÍ DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	28.431.004.933	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiên độ (Thuyết minh số 10)	148.662.593.229	-
Dự phòng phải thu bán tài sản tài chính	759.554.271	506.369.514
Tổng cộng	177.853.152.433	506.369.514

32. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

Thu nhập hoạt động khác	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Doanh thu cho thuê tài sản	5.669.726.960	7.234.566.832
Doanh thu các dịch vụ tài chính khác	17.705.387.252	31.145.928.537
Doanh thu lãi trả chậm của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiên độ	62.426.057.476	3.715.003.910
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	21.039.162.204	10.373.104.735
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục ủy thác	5.083.293.581	3.357.817.736
Doanh thu khác	2.600.680.552	4.033.718.590
Tổng cộng	114.524.308.025	59.860.140.340

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	302.635.295.291	223.408.493.002
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	30.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	26.015.542.418	15.192.643.403
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	14.205.710.814	11.522.471.372
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	14.217.781.607	11.074.672.752
Chi phí dịch vụ khác (Thuyết minh số 34)	82.252.708.235	60.051.852.813
Tổng cộng	439.327.038.365	321.280.133.342

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Chi phí hoạt động khác	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ	7.241.357.682	7.337.750.253
Chi phí hoạt động quản lý danh mục	655.340.414	99.462.382
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư	16.834.510.565	2.824.407.493
Chi phí lãi hợp đồng bán cam kết mua lại chứng khoán	3.257.372.332	6.847.181.684
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	21.435.676.924	21.099.879.520
Chi phí cho thuê văn phòng	16.232.449.138	16.148.996.800
Dự phòng phải thu khó đòi khác	11.731.826.423	143.099.211
<i>Dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp</i>	11.708.127.607	127.300.000
<i>Dự phòng phải thu khác</i>	23.698.816	15.799.211
Chi phí khác	4.864.174.757	5.551.075.470
Tổng cộng	82.252.788.235	60.051.852.813

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	146.819.024	6.002.789
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	21.595.000.566	37.618.596.063
Phần lãi nhận chia sẻ từ công ty liên kết	73.457.661.737	109.964.025.810
Lãi thanh lý công ty liên kết	-	107.833.951.553
Tổng cộng	95.199.481.327	255.422.576.215



36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	188.578.824	49.913.132
Chi phí lãi trái phiếu	48.299.852.509	50.282.023.335
Chi phí lãi vay ngắn hạn	220.921.974.115	74.924.088.178
Tổng cộng	269.410.405.448	125.256.024.645

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lương và các khoản phúc lợi	67.534.013.496	64.312.946.239
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.871.949.939	3.434.952.600
Chi phí văn phòng phẩm	947.538.632	1.040.030.423
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.943.753.742	1.630.131.660
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.404.422.834	7.105.165.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.098.854.494	45.403.573.229
Chi phí khác	9.793.075.068	10.989.652.073
Tổng cộng	140.593.608.205	133.916.451.407

38. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.136.364	48.822.920
Thu nhập từ lãi phạt/bò cọc thực hiện hợp đồng	-	2.008.086.000
Thu nhập khác	2.620.311.652	3.150.549.516
	2.628.448.016	5.207.458.436
Chi phí khác	(126.449.020)	(169.378.964)
Tổng cộng	2.501.998.996	5.038.079.472

39. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

39.1 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2015: 22%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.056.825.860.115	1.053.797.641.057
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(31.527.632.391)	(192.240.296.954)
Các khoản điều chỉnh tăng	277.787.220.802	426.844.249.827
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán không niêm yết cuối năm</i>	<i>37.839.537.400</i>	<i>40.956.993.400</i>
<i>Dự phòng giá trị đầu tư nhận hoàn vốn cuối năm</i>	<i>198.657.082.945</i>	<i>49.994.489.716</i>
<i>Chênh lệch tạm thời tính thuế năm 2015</i>	<i>-</i>	<i>135.656.679.197</i>
<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS</i>	<i>333.533.023</i>	<i>10.339.161.500</i>
<i>Chi phí dự phòng các khoản cho vay</i>	<i>40.051.234.311</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu chưa thực hiện trên phần sở hữu của Công ty tại công ty liên kết trên báo cáo hợp nhất</i>	<i>-</i>	<i>28.291.257.837</i>
<i>Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết cho mục đích hợp nhất</i>	<i>-</i>	<i>109.759.654.941</i>
<i>Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên báo cáo hợp nhất</i>	<i>-</i>	<i>51.403.634.636</i>
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>905.833.123</i>	<i>442.378.600</i>



	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Các khoản điều chỉnh giảm	(309.314.853.193)	(619.084.546.781)
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức</i>	<i>(77.276.999.500)</i>	<i>(58.882.634.250)</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế từ công ty con</i>	<i>(67.074.882.903)</i>	<i>(47.233.988.764)</i>
<i>Lãi từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>(73.457.661.737)</i>	<i>(109.964.025.808)</i>
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết đầu năm</i>	<i>(40.956.993.400)</i>	<i>(402.058.826.278)</i>
<i>Hoàn nhập dự phòng giá trị đầu tư nhận hoàn vốn đầu năm</i>	<i>(49.994.489.716)</i>	-
<i>Chênh lệch tạm thời chịu thuế năm trước chuyển sang</i>	<i>(553.825.937)</i>	<i>(945.071.681)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.025.298.227.724	861.557.344.103
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	205.059.645.545	189.542.615.702
Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con	15.462.957.711	12.260.958.527
Thuế TNDN phải trả đầu năm	75.215.403.673	23.038.276.709
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	181.317.272	379.510.893
Thuế TNDN đã trả trong năm	(244.437.916.359)	(150.005.958.158)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	51.481.407.842	75.215.403.673

39.2. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	50.979.884.031	88.452.941.782
Tăng/(giảm) chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(623.491.200)	(80.261.543.101)
Trích lập dự phòng suy giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiên độ không được khấu trừ thuế trong năm	29.732.518.646	9.998.897.943
Doanh thu tạm thời chịu thuế năm 2015	-	27.131.335.840
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay không được khấu trừ thuế trong năm	8.010.246.862	-
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	-	5.658.251.567
Số dư cuối năm	88.099.158.339	50.979.884.031
Phải trả thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	1.812.751.858	27.359.739.675
Lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(1.755.466.008)	(1.404.966.074)
Hoàn nhập dự phòng của công ty liên kết trong năm	-	(24.142.021.743)
Số dư cuối năm	57.285.850	1.812.751.858

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại		
Giảm chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	623.491.200	80.261.543.101
Trích lập dự phòng giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiên độ	(29.732.518.646)	(9.998.897.943)
Doanh thu phát sinh tạm thời chịu thuế năm 2015 đã nộp thuế	-	(27.131.335.840)
Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(8.010.246.862)	-
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	-	(5.658.251.567)
Lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(1.755.466.008)	(1.404.966.074)
Thuế TNDN hoãn lại từ hoàn nhập dự phòng của công ty liên kết trong năm	-	(24.142.021.743)
Thuế TNDN hoãn lại điều chỉnh theo quyết toán thuế	-	207.915.769
(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(38.874.740.316)	12.133.985.703



40. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chi tiêu	Số đầu năm (trình bày lại)	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số dư cuối năm
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(3.123.757.542)	434.267.399	-	(2.689.490.143)

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	434.267.399	10.339.161.500
<i>Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS</i>	<i>434.267.399</i>	<i>10.339.161.500</i>
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(16.312.940.936)	(27.099.286.669)
<i>Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành</i>	<i>(12.421.041.327)</i>	-
<i>Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con</i>	<i>(3.891.899.609)</i>	<i>(27.099.286.669)</i>
Tổng cộng	(15.878.673.537)	(16.760.125.169)

42. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do CTCK nắm giữ nhưng không được sử dụng

STT	Các giao dịch và các khoản tiền	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
1	Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho khoản vay ngắn hạn của Công ty	-	135.000.000.000

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2015. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	815.643.347.992	781.933.156.129
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	480.436.945	471.713.404
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	1.698	1.658

44. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

44.1 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và thành viên HĐQT là em trai của Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Công ty CP tập đoàn PAN	Công ty liên kết
CTCP Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết
CTCP Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch SSI

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:



Công ty liên quan	Giao dịch	Số đầu năm		Tăng trong năm		Phải thu/(phải trả)		Số cuối năm		Doanh thu/ (chi phí) VND
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Công ty	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-	-	-	-	-	15.000.000.000	-	-
CP Đầu tư Đường Mặt Trời	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	2.287.264.060	-	(2.287.264.060)	-	-	-	-	2.287.264.060
	Tiền thuê mặt bằng	-	(12.067.451.000)	-	12.067.451.000	-	-	-	-	(15.729.757.998)
	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000	-	-	-	-	-	10.800.702.000	-	-
	Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	1.098.071.372	-	(1.098.071.372)	-	-	-	-	1.098.071.372
	Phải thu ký quỹ	103.705.068.842	1.757.861.451.705	-	(1.725.277.756.535)	-	-	136.288.764.012	-	10.407.357.927
	Ứng trước hợp đồng môi giới trái phiếu	142.446.211.500	-	-	(142.446.211.500)	-	-	-	-	-
	Giao dịch mua bán chứng khoán tự doanh và danh mục ủy thác	-	995.436.430.000	-	(995.436.430.000)	-	-	-	-	-
	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.488.808.138	-	(1.852.872.290)	-	-	635.935.848	-	2.488.808.138
	Cổ tức SSI	-	(2.598.502.000)	-	2.598.502.000	-	-	-	-	-
	Mua trái phiếu	(150.000.000.000)	-	-	150.000.000.000	-	-	-	-	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(11.821.666.667)	(6.962.291.666)	-	18.783.958.333	-	-	-	-	(6.962.291.666)
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán, phí dịch vụ	-	513.666.694	-	(513.666.694)	-	-	-	-	513.666.694
	Giao dịch mua bán chứng khoán	-	763.386.130.000	-	(763.386.130.000)	-	-	-	-	-
	Cổ tức SSI	-	(42.304.080.000)	-	42.304.080.000	-	-	-	-	-
	Phí quản lý danh mục	-	20.856.415	-	(12.513.849)	-	-	8.342.566	-	20.856.415
	Phí tư vấn	-	719.495.000	-	-	-	-	719.495.000	-	654.086.364
DAIWA SECURITIES GROUP INC	Phí giao dịch chứng khoán	-	1.389.497.385	-	(1.389.497.385)	-	-	-	-	1.389.497.385
	Cổ tức SSI	-	(74.606.601.000)	-	74.606.601.000	-	-	-	-	-
	Phí quản lý quỹ	1.301.309.536	3.731.448.548	-	(1.301.613.341)	-	-	3.731.144.743	-	3.683.606.074

Công ty liên quan	Giao dịch	Số đầu năm		Tăng trong năm		Phải thu/(phải trả)		Số cuối kỳ		Doanh thu/ (chi phí) VND
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
CTCP Tập đoàn PAN và công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	574.411.312	-	(574.411.312)	-	-	-	-	574.411.312
	Phải thu ký quỹ	44.623.697.526	39.442.130.180	-	(84.065.827.706)	-	-	-	-	376.247.509
	Phí hợp đồng tư vấn	80.000.000	10.531.402.864	-	(10.529.402.864)	-	-	82.000.000	-	9.595.820.786
	Ứng trước hợp đồng tư vấn	(100.000.000)	-	-	100.000.000	-	-	-	-	-
	Phải trả tiền bán chứng khoán	(697.325)	(7.408.615.364)	-	7.409.312.689	-	-	-	-	-
	Bán chứng khoán	-	70.000.000.000	-	(70.000.000.000)	-	-	-	-	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	(46.395.370)	(1.172.564.708)	-	1.198.072.154	-	-	(20.887.924)	-	(1.172.564.708)
	Đặt cọc thuê văn phòng	78.262.800	41.741.700	-	(78.262.800)	-	-	41.741.700	-	-
	Nhận cọc môi giới chứng khoán	-	(2.714.340.200.549)	-	2.458.289.779.273	-	-	(256.050.421.276)	-	-
	Lãi nhận cọc phải trả	-	(20.339.938.253)	-	19.358.587.261	-	-	(981.350.992)	-	(20.339.938.253)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(2.188.650.000)	-	2.188.650.000	-	-	-	-	(2.188.650.000)
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	422.732.107.418	57.824.114.078	-	(15.652.786.862)	-	-	464.903.434.634	-	41.122.291.544
CTCP Khử trùng Việt Nam	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	142.257.104.959	28.845.509.065	-	(18.126.572.115)	-	-	152.976.041.909	-	20.439.909.064
Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	67.007.510.494	11.895.461.128	-	(4.199.426.700)	-	-	74.703.544.922	-	11.895.461.129
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Phí giao dịch, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	501.082.508	-	(501.082.508)	-	-	-	-	501.082.508
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	17.618.730.327	-	(17.618.730.327)	-	-	-	-	23.075.065
	Cổ tức SSI	-	(208.002.000)	-	208.002.000	-	-	-	-	-



Công ty liên quan	Giao dịch	Số đầu năm		Tăng trong năm		Phải thu/(phải trả)		Số cuối kỳ	(chí phí)
		VND	VND	VND	VND	Giảm trong năm	VND		
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch	-	232.622.022	(232.622.022)	-	-	232.622.022	-	-
	Cổ tức SSI	-	(29.127.343.000)	29.127.343.000	-	-	-	-	-
Đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)	-	(12.500.000.000)	-	(12.500.000.000)	-
	Lãi trái phiếu phải trả	-	(1.942.494.097)	956.097.222	(986.396.875)	(1.036.166.319)	-	(1.036.166.319)	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng	12.097.800.000	12.805.380.000
Phúc lợi khi chấm dứt làm việc	-	-
Các phúc lợi khác	-	-
TỔNG CỘNG	12.097.800.000	12.805.380.000

44.2 THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay	Môi giới và dịch vụ khách hàng		Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn		Quản lý danh mục		Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	867.914.980.474	933.981.475.118	365.972.768.048	32.534.869.998	111.564.226.908	2.311.968.320.546				
2. Các chi phí trực tiếp	398.225.719.619	419.270.121.646	250.253.064.916	6.182.802.166	43.119.142.872	1.117.050.851.219				
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	80.093.133.340	19.678.054.313	11.047.328.737	6.559.351.438	20.713.741.384	138.091.609.212				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	389.596.127.515	495.033.299.159	104.672.374.395	19.792.716.394	47.731.342.652	1.056.825.860.115				
Số dư cuối năm										
1. Tài sản bộ phận	3.770.780.023.466	3.547.596.293.979	5.380.560.552.579	29.465.173.739	5.418.301.922	12.733.820.345.685				
2. Tài sản phân bổ	139.089.596.422	34.172.874.983	19.184.771.920	11.390.958.328	35.971.447.351	239.809.649.004				
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	254.339.257.015				
Tổng tài sản	3.909.869.619.888	3.581.769.168.962	5.399.745.324.499	40.856.132.067	41.389.749.273	13.227.969.251.704				
1. Nợ phải trả bộ phận	357.562.927.034	382.044.476.764	5.082.741.133.761	1.783.491.661	5.666.797.792	5.829.798.827.012				
2. Nợ phân bổ	91.024.989.362	22.363.898.248	12.555.170.946	7.454.632.749	23.540.945.525	156.939.636.830				
3. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	88.663.631.180				
Tổng công nợ	448.587.916.396	404.408.375.012	5.095.296.304.707	9.238.124.410	29.207.743.317	6.075.402.095.022				



Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI (“SSIIC”) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

44.3 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Đến 1 năm	37.582.831.346	31.297.190.825
Trên 1 - 5 năm	93.343.925.550	54.035.694.786
Trên 5 năm	-	988.202.160
Tổng cộng	130.926.756.896	86.321.087.771

44.4 CAM KẾT THEO HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	456.914.659.106	113.910.667.241
Hà Nội	301.433.357.447	69.731.029.762
Hải Phòng	19.025.748.969	5.431.335.427
Nguyễn Công Trứ	131.219.566.031	38.607.675.482
Nha Trang	12.224.989.162	4.012.330.310
Vũng Tàu	7.587.362.729	3.027.785.117
Mỹ Đình	45.096.690.596	8.915.555.451
Tổng cộng	973.502.374.040	243.636.378.790

44.5 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.



Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 2.632.964.025.790 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn. Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5, số 7.3 và số 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Đơn vị tính: VND		
			Quá hạn nhưng không bị suy giảm < 80 ngày	81-180 ngày	>180 ngày
Số cuối năm	3.779.178.042.796	3.770.764.073.993	6.699.128.102	1.714.840.701	-
Số đầu năm	3.349.821.357.080	3.336.640.152.102	13.176.220.438	2.509.267	2.475.273

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

ĐƠN VỊ: VND	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2016						
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Đầu tư kỳ hạn cố định	8.413.968.803	214.303.031.818	9.102.542.267.459	41.007.379.429	-	9.366.266.647.509
Giữ đến ngày đáo hạn – Chứng khoán Nợ và tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.243.743.725.184	41.007.379.429	-	5.284.751.104.613
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ – Chứng khoán Nợ	-	-	302.337.500.100	-	-	302.337.500.100
Các khoản cho vay	8.413.968.803	214.303.031.818	3.556.461.042.175	-	-	3.779.178.042.796
Tài sản tài chính khác	16.024.974.123	96.697.460.810	-	-	-	112.722.434.933
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	2.100.000	-	-	-	2.100.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	19.999.159.976	-	-	-	19.999.159.976
Phải thu khác	16.024.974.123	76.696.200.834	-	-	-	92.721.174.957
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	308.564.964.315	-	-	-	308.564.964.315
Tổng cộng	24.438.942.926	619.565.456.943	9.102.542.267.459	41.007.379.429	-	9.787.554.046.757
NỢ TÀI CHÍNH						
<i>Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>						
Vay và nợ ngắn hạn	-	1.254.340.678.085	3.565.000.000.000	-	-	4.819.340.678.085
Trái phiếu phát hành	-	-	376.000.000.000	199.651.666.665	-	575.651.666.665
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	39.617.787.653	-	-	-	39.617.787.653
Chi phí phải trả	-	62.998.576.869	-	-	-	62.998.576.869
Phải trả, phải nộp khác	-	300.115.900.807	-	-	-	300.115.900.807
Tổng cộng	-	1.657.072.943.414	3.941.000.000.000	199.651.666.665	-	5.797.724.610.079
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	24.438.942.926	(1.037.507.486.471)	5.161.542.267.459	(158.644.287.236)	-	3.989.829.436.678

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được đảm bảo cho các khoản vay thấu chi là 1.602.000.000.000 đồng, tổng số dư các khoản tiền gửi được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 3.607.100.000.000 đồng.

Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, có 11.248.177 cổ phiếu với mệnh giá 112.481.770.000 đồng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng; và 30.196.266 cổ phiếu với mệnh giá 301.962.660.000 đồng là tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành.

Trong các tài sản cố định vô hình, quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá 109.671.558.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành đợt 2 năm 2015.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

44.6 CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CỦA CÔNG TY CON

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	12.312.250.568	35.284.770.097
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	168.155.956.546	46.383.293.717
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	3.389.973.001	236.360.869
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	430.347.017	3.537.758.416



Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá
BFC	189.634	6.363.925.426	(769.722.426)	-	-	-
PNJ	151.560	10.821.503.864	(742.763.864)	-	-	-
HPG	309.859	14.010.580.639	(640.164.789)	-	-	-
DGL	97.700	4.304.253.168	(611.193.168)	-	-	-
VIT	242.100	6.919.661.241	(528.221.241)	-	-	-
NT2	41.140	1.559.152.000	(436.030.000)	-	-	-
ITD	192.900	4.923.112.854	(428.542.854)	-	-	-
VNM	28.807	4.033.008.000	(414.848.800)	-	-	-
ACB	-	-	-	265.900	4.404.706.988	(161.566.988)
PLC	-	-	-	239.000	8.627.900.000	(258.071.811)
CAV	-	-	-	164.270	8.295.635.000	(144.114.842)
MBB	-	-	-	152.261	2.226.280.275	(3.269.675)
Khác	770.683	31.277.459.559	(2.376.507.409)	104.523	3.225.686.331	(84.625.030)
	2.024.383	84.212.656.751	(6.947.994.551)	925.954	26.780.208.594	(651.648.346)

44.7 PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Trích từ Báo cáo kết quả hợp nhất

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày trước đây)		Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (trình bày lại)
			Phân loại lại	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.944.974.283.833	29.977.663.579	10.974.951.947.412
Tiền	[1]	1.755.410.102.161	(1.244.049.806.886)	511.360.295.275
Đầu tư ngắn hạn (**)	[2]	5.061.932.791.680	(5.061.932.791.680)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)	[2]	(42.513.048.144)	42.513.048.144	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[2]	-	1.088.372.380.148	1.088.372.380.148
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[2]	-	4.431.399.641.147	4.431.399.641.147
Các khoản cho vay (*)	[2]	-	3.634.072.568.580	3.634.072.568.580
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (*)	[2]	-	803.351.191.599	803.351.191.599
Phải thu của khách hàng (**)	[3]	3.646.040.547.557	(3.646.040.547.557)	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	[3]	226.779.001	(226.779.001)	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (**)	[3]	(3.431.111.960)	3.431.111.960	-
Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	[3]	-	2.531.847.570	2.531.847.570
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	[3]	-	5.169.979.900	5.169.979.900
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	[3]	-	9.353.388.977	9.353.388.977
Các khoản phải thu khác	[3]	39.359.691.208	(34.536.457.362)	4.823.233.846
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	[3]	-	(3.431.111.960)	(3.431.111.960)
Tạm ứng (*)	[4]	-	3.278.848.232	3.278.848.232
Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	[4]	-	851.648.005	851.648.005
Tài sản ngắn hạn khác	[4]	233.098.670.066	(4.130.496.237)	228.968.173.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.452.507.120.087	(1.274.027.469.971)	1.178.479.650.116
Đầu tư chứng khoán dài hạn (**)	[2]	1.405.887.447.424	(1.405.887.447.424)	-
Đầu tư dài hạn khác (**)	[2]	65.000.000.000	(65.000.000.000)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)	[2]	(146.859.977.453)	146.859.977.453	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	[2]	-	50.000.000.000	50.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.397.481.403.920	(1.244.049.806.392)	12.153.431.597.528

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

[2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

[3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

[4] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334



CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ		6.669.872.389.630	(1.244.049.806.392)	5.425.822.583.238
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	[5]	1.550.598.384.658	(1.241.656.219.532)	308.942.165.126
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên (*)	[5]		6.742.952	6.742.952
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (**)	[5]	10.002.807.034	(10.002.807.034)	-
Phải trả tổ chức phát hành (**)	[5]	689.438.960	(689.438.960)	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	[5]	186.619.220.070	8.291.916.192	194.911.136.262
Vay và nợ dài hạn (**)	[5]	687.500.000.000	(687.500.000.000)	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	[5]	-	687.500.000.000	687.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	[5]		453.246.599	453.246.599
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác (**)	[5]	453.246.599	(453.246.599)	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.727.609.014.290	-	6.727.609.014.290
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý (*)	[6]	-	(3.123.757.542)	(3.123.757.542)
Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định (**)	[6]	451.646.309.750	(451.646.309.750)	-
Quỹ dự trữ điều lệ (*)	[6]	-	268.076.952.217	268.076.952.217
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*)	[6]	-	183.569.357.533	183.569.357.533
Lợi nhuận chưa phân phối	[6]	1.338.666.458.296	3.123.757.542	1.341.790.215.838
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện (*)</i>	[6]	-	(186.249.268.054)	(186.249.268.054)
<i>Lợi nhuận đã thực hiện (*)</i>	[6]	-	1.528.039.483.892	1.528.039.483.892
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.397.481.403.920	(1.244.049.806.392)	12.153.431.597.528

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[5] Phân loại lại các khoản mục vay và nợ theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

[6] Phân loại lại các khoản mục vốn chủ sở hữu theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015 (trình bày lại)	Năm 2015 (số liệu đã trình bày trước đây)	Phân loại lại
Doanh thu thuần (**)	[7]	1.332.878.376.539	(1.332.878.376.539)	-
Doanh thu hoạt động (*)	[7]	-	1.547.518.713.389	1.547.518.713.389
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	[7]	389.744.410.192	(389.744.410.192)	-
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[7]	-	603.499.177.813	603.499.177.813
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[7]	-	194.038.113.177	194.038.113.177
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[7]	-	297.393.256.685	297.393.256.685
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (*)	[7]	-	40.681.868.509	40.681.868.509
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	[7]	287.588.703.038	(25.109.648)	287.613.812.686
Doanh thu hoạt động tư vấn (**)	[7]	44.704.036.602	(44.704.036.602)	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán (*)	[7]	-	13.652.830.477	13.652.830.477
Doanh thu lưu ký chứng khoán	[7]	7.363.367.773	(407.173)	7.363.774.946
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính (*)	[7]	-	31.051.206.125	31.051.206.125
Doanh thu quản lý danh mục đầu tư và quản lý quỹ (**)	[7]	13.730.952.472	(13.730.952.472)	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản (**)	[7]	7.234.566.832	(7.234.566.832)	-
Doanh thu khác (**)	[7]	571.120.435.328	(571.120.435.328)	-
Thu nhập từ hoạt động khác (*)	[7]	-	59.860.140.340	59.860.140.340
Chi phí hoạt động kinh doanh (**)	[8]	315.673.875.950	(315.673.875.950)	-
Chi phí hoạt động (*)	[8]	-	495.009.251.967	495.009.251.967
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán (**)	[8]	612.871.847.693	(612.871.847.693)	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán (**)	[8]	(297.197.971.743)	297.197.971.743	-
Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[8]	-	172.948.769.284	172.948.769.284
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính (*)	[8]	-	506.369.514	506.369.514



CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015		Phân loại lại
		Năm 2015 (trình bày lại)	(số liệu đã trình bày trước đây)	
Chi phí hoạt động tự doanh (*)	[8]	-	273.979.827	273.979.827
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (*)	[8]	-	223.408.493.002	223.408.493.002
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán (*)	[8]	-	30.000.000	30.000.000
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán (*)	[8]	-	11.522.471.372	11.522.471.372
Chi phí lưu ký chứng khoán (*)	[8]	-	11.074.672.752	11.074.672.752
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính (*)	[8]	-	15.192.643.403	15.192.643.403
Chi phí dịch vụ khác (*)	[8]	-	60.051.852.813	60.051.852.813
Doanh thu hoạt động tài chính	[7]	-	255.422.576.215	255.422.576.215
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện (*)	[7]	-	6.002.789	6.002.789
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định (*)	[7]	-	37.618.596.063	37.618.596.063
Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh (*)	[7]	-	107.833.951.553	107.833.951.553
Phần lãi chia sẻ từ công ty liên kết	[7]	54.964.787.658	54.999.238.152	109.964.025.810
Chi phí tài chính	[8]	-	125.256.024.645	125.256.024.645
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện (*)	[8]	-	49.913.132	49.913.132
Chi phí lãi vay (*)	[8]	-	125.206.111.513	125.206.111.513
Chi phí quản lý doanh nghiệp	[8]	13.070.565.157	120.845.886.250	133.916.451.407
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế		1.064.136.802.562	(10.339.161.505)	1.053.797.641.057
Lợi nhuận đã thực hiện (*)		-	821.938.068.964	821.938.068.964
Lợi nhuận chưa thực hiện (*)		-	231.859.572.093	231.859.572.093
Lợi nhuận kê toán sau thuế TNDN		850.199.242.630	(10.339.161.505)	839.860.081.125
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		851.905.717.886	(10.339.161.505)	841.566.556.381
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (*)		-	10.339.161.500	10.339.161.500
Tổng thu nhập toàn diện (*)		-	10.339.161.500	10.339.161.500
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu (*)		-	10.344.068.020	10.344.068.020
Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát (*)		-	(4.906.520)	(4.906.520)

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[7] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

[8] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015		Phân loại lại	Năm 2015 (trình bày lại)
		(số liệu đã trình bày trước đây)			
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM					
		1.952.651.885.005	(945.003.315.998)		1.007.648.569.007
Tiền	[9]	1.577.651.885.005	(945.003.315.998)		632.648.569.007
Các khoản tương đương tiền	[9]	375.000.000.000	-		375.000.000.000
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM					
		1.990.410.102.161	(1.244.049.806.886)		746.360.295.275
Tiền	[9]	1.755.410.102.161	(1.249.967.294.070)		505.442.808.091
Các khoản tương đương tiền	[9]	235.000.000.000	-		235.000.000.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	[9]	-	5.917.487.184		5.917.487.184

[9] Tách tiền gửi nhà đầu tư ra khỏi Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

45. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 19 tháng 1 năm 2017, Công ty đã phát hành riêng lẻ thành công 300 tỷ đồng trái phiếu thường không có tài sản đảm bảo, có tên SSIBOND012017 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc



NHẬN XÉT CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Hoạt động Kiểm toán Nội bộ (KTNB) được xây dựng và hoạt động theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc và trực thuộc khối Quản trị Kiểm soát của Công ty. Bộ phận KTNB với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán, có các chứng chỉ về chứng khoán để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao. KTNB là bộ phận độc lập với các bộ phận khác trong Công ty, là bộ phận hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra hoạt động kế toán tài chính của Công ty. KTNB kiểm tra định kỳ các số liệu của Báo cáo Tài chính, Báo cáo Vốn khả dụng, sổ sách kế toán, tìm ra các sai sót trong hạch toán kế toán, công tác kế toán để phản ánh với Ban Tổng Giám đốc và đưa ra các kiến nghị chỉnh sửa theo đúng các quy định hiện hành.

Các Báo cáo Tài chính hàng quý, Báo cáo Tài chính soát xét bán niên, Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2016, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính 6 tháng và năm 2016 của Công ty được công bố thông tin đúng theo quy định. Các kiến nghị, trao đổi định kỳ của kiểm toán nội bộ được bộ phận kế toán xem xét, phản hồi kịp thời. Kế toán nên hạn chế việc xin gia hạn báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày đầy đủ và chi tiết hơn các thuyết minh trong báo cáo tài chính.



THÔNG TIN KHÁC



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2016

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BKS: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, BKS được trình bày chi tiết tại mục Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS.
- Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
5	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
6	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	50 QTCT 248/QĐ-TTNC	19/9/2013
7	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	18 QTCT 17/QĐ-TTNC	20/01/2010
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám Đốc Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
9	Nguyễn Kim Long	Giám Đốc Luật & KSNB	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
10	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
11	Trần Thị Thúy	Trợ lý TGD	37 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009

Riêng đối với hai thành viên HĐQT là Ông Hironori Oka và Ông Nguyễn Duy Khánh, được ĐHCĐ bầu theo nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 23/4/2015, sẽ thu xếp trong thời gian sắp tới, tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định. Hiện nay cũng chưa có khóa đào tạo về Quản trị Công ty cho người nước ngoài.

Trong năm 2016, HĐQT cũng đã cử đại diện và Thư ký Công ty tham dự, trao đổi và đóng góp ý kiến cho các buổi hội thảo, tọa đàm về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các tổ chức trong ngoài nước phối hợp tổ chức. Đặc biệt, công ty đã tham gia chương trình đào tạo về chuẩn mực của Thẻ điểm Quản trị công ty Đông Nam Á do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) đồng tổ chức.

CÁC DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn được niêm yết vào giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2016, vốn điều lệ của SSI là 4.900.636.840.000 VNĐ được chia thành 490.063.684 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2016 là 238.434 cổ phiếu, tăng 232.115 cổ phiếu so với thời điểm 31/12/2015 do trong năm 2016 Công ty có thực hiện mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của nhà đầu tư có tài khoản giao dịch chứng khoán tại SSI và mua lại cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động do nghỉ việc.

Cơ cấu cổ đông: Chi tiết về cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo Thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2016 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Thông tin khác: Giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan được trình bày tại Phụ lục 01 của bản Báo cáo thường niên

Phụ lục 1: Giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan

Giao dịch cổ phiếu SSI:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.789.400	0,37%	3.012.400	0,61%	Tăng 1.223.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, Phó TGD, Người được uỷ quyền CBTT	726.720	0,15%	900.000	0,18%	Giảm 426.720 cổ phiếu do giao dịch bán cho Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh ngày 10/11/2016 Tăng 600.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	104.000	0,02%	150.000	0,03%	Giảm 54.000 cổ phiếu do giao dịch bán ngày 28/10/2016 và 31/10/2016 Tăng 100.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	243.174	0,05%	273.174	0,06%	Tăng 30.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	100.000	0,02%	300.000	0,06%	Tăng 200.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	95.455	0,02%	70.455	0,01%	Giảm 55.000 cổ phiếu do đã giao dịch bán từ ngày 15/3/2016 đến ngày 23/3/2016. Tăng 30.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	74.668	0,015%	89.668	0,02%	Tăng 15.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
8	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	42.661	0,01%	30.661	0,01%	Giảm 12.000 cổ phiếu do đã giao dịch bán ngày 13/10/2016 Tăng 15.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016 Giảm 15.000 cổ phiếu do đã giao dịch bán ngày 28/12/2016
9	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc tài chính	412.200	0,1%	712.200	0,15%	Tăng 300.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
10	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	60.000	0,01%	120.000	0,02%	Tăng 60.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
12	Daiwa Securities Group Inc.	Người có liên quan của thành viên HĐQT (ông Hironori Oka)	48.106.601	10,03%	85.606.601	17,47%	Tăng 9.164.870 cổ phiếu do đã giao dịch mua từ ngày 25/2/2016 đến ngày 25/3/2016 Tăng 17.335.130 cổ phiếu do đã giao dịch mua từ ngày 6/4/2016 đến ngày 27/4/2016. Tăng 11.000.000 cổ phiếu do đã giao dịch mua từ ngày 02-06/12/2016
13	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Người có liên quan của thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Nguyễn Hồng Nam	29.127.343	6,20%	29.554.063	6,03%	Tăng 426.720 cổ phiếu do giao dịch mua của ông Nguyễn Hồng Nam ngày 10/11/2016
14	Nguyễn Văn Hiến	Người có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Văn Khải	27.000	0,006%	43.000	0,01%	Tăng 16.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016
15	Hoàng Thị Khánh Duyên	Người có liên quan của Kế toán Trưởng Hoàng Thị Minh Thủy	6.000	0,001%	14.000	0,003%	Tăng 8.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 15/12/2016

Các giao dịch khác: (các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quý đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư của SSI và Thành viên Hội đồng quản trị là em trai của Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI
Daiwa Securities Group Inc.	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần Tập Đoàn PAN và công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31/12/2016:

Công ty liên quan	Giao dịch VND	Phải thu/(phải trả)		Giảm trong năm	Số cuối năm	Doanh thu/ (chi phí) VND
		Số đầu năm	Tăng trong năm			
Quý đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000	-
	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch chứng khoán	-	2.287.264.060	(2.287.264.060)	-	2.287.264.060
	Tiền thuê mặt bằng	-	(10.722.536.000)	10.722.536.000	-	(13.936.537.998)
	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000	-	-	10.800.702.000	-
	Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	1.098.071.372	(1.098.071.372)	-	1.098.071.372
	Phải thu ký quỹ	103.705.068.842	1.757.861.451.705	(1.725.277.756.535)	136.288.764.012	10.407.357.927
	Ứng trước hợp đồng môi giới trái phiếu	142.446.211.500	-	(142.446.211.500)	-	-
	Giao dịch mua bán chứng khoán tự doanh và danh mục ủy thác	-	995.436.430.000	(995.436.430.000)	-	-
	Cổ tức SSI	-	(2.598.502.000)	2.598.502.000	-	-
	Mua trái phiếu	(150.000.000.000)	-	150.000.000.000	-	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(1.821.666.667)	(6.962.291.666)	18.783.958.333	-	(6.962.291.666)

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)		Giảm trong năm	Số cuối năm	Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm			
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán, phí dịch vụ	-	513.666.694	(513.666.694)	-	513.666.694
	Giao dịch mua bán chứng khoán	-	763.386.130.000	(763.386.130.000)	-	-
	Cổ tức SSI	(42.304.080.000)		42.304.080.000	-	-
	Phí tư vấn	-	719.495.000	-	719.495.000	654.086.364
Daiwa Securities Group Inc.	Phí giao dịch chứng khoán	-	1.389.497.385	(1.389.497.385)	-	1.389.497.385
	Cổ tức SSI	-	(74.606.601.000)	74.606.601.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn PAN và công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	574.411.312	(574.411.312)	-	574.411.312
	Phí thu ký quỹ	44.623.697.526	39.442.130.180	(84.065.827.706)	-	376.247.509
	Phí hợp đồng tư vấn	-	10.291.402.865	(10.209.402.865)	82.000.000	9.355.820.786
	Ứng trước hợp đồng tư vấn	(100.000.000)	-	100.000.000	-	-
	Phải trả tiền bán chứng khoán	(697.325)	(7.408.615.364)	7.409.312.689	-	-
	Bán chứng khoán	-	70.000.000.000	(70.000.000.000)	-	-
Công ty CP Tập đoàn PAN và công ty con (tiếp theo)	Chi phí thuế kho và dịch vụ	(46.395.370)	(1.172.564.708)	1.198.072.154	(20.887.924)	(1.172.564.708)
	Đặt cọc thuê văn phòng	78.262.800	41.741.700	(78.262.800)	41.741.700	-
	Nhận cọc môi giới chứng khoán	-	(2.714.340.200.549)	2.458.289.779.273	(256.050.421.276)	-
	Lãi nhận cọc phải trả	-	(20.339.938.253)	19.358.587.261	(981.350.992)	(20.339.938.253)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(2.188.650.000)	2.188.650.000	-	(2.188.650.000)
Công ty TNHH Quan lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
	Lợi nhuận được chia	-	41.946.867.580	(41.946.867.580)	-	41.946.867.580
	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và ứng trước tiền bán	-	4.068.573.205	(4.068.573.205)	-	4.068.573.205
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	1.616.344.663.172	1.351.104.341.599	(1.573.083.202.586)	1.394.365.802.185	-
	Các khoản phải trả Quý phúc lợi	-	(3.015.251.900)	3.015.251.900	-	-
	Phí quản lý danh mục	(5.427.686.015)	(43.797.677.943)	41.778.509.350	(7.446.854.608)	(43.797.677.943)
	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	(2.696.581.875)	(37.474.138.434)	36.462.819.888	(3.707.900.421)	(37.474.138.434)

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)		Giảm trong năm	Số cuối năm	Doanh thu/ (chí phí)
		Số đầu năm	Tăng trong năm			
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Phí giao dịch, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	501.082.508	(501.082.508)	-	501.082.508
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	17.618.730.327	(17.618.730.327)	-	23.075.065
	Cổ tức SSI	-	(208.002.000)	208.002.000	-	-
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch	-	232.622.022	(232.622.022)	-	232.622.022
	Cổ tức SSI	-	(29.127.343.000)	29.127.343.000	-	-
	Mua trái phiếu	-	(12.500.000.000)	-	(12.500.000.000)	-
	Lãi trái phiếu phải trả	-	(1.942.494.097)	956.097.222	(986.396.875)	(1.036.166.319)

Phụ lục 2: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của người nội bộ

Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	163.355.391	33,33%	3	3	
	- Trong nước	77.748.790	15,87%	2	2	
	- Nước ngoài	85.606.601	17,47%	1	1	
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	218.434	0,04%	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	326.489.859	66,62%	18.316	212	18.104
	- Trong nước	135.157.335	27,58%	16.498	87	16.411
	- Nước ngoài	191.332.524	39,04%	1.818	125	1.693
	TỔNG CỘNG	490.063.684	100,00%	18.320	216	18.104
	Trong đó: - Trong nước	213.124.559	43,49%	16.501	90	16.411
	- Nước ngoài	276.939.125	56,51%	1.819	126	1.693

Cơ cấu sở hữu theo loại hình

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng (*)	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	3.956.000	87.309.159	91.265.159	18,62%
II. Cổ phiếu quỹ	-	218.434	218.434	0,04%
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	11.044.000	387.536.091	398.580.091	81,33%
1. Trong nước	10.904.000	196.343.567	207.247.567	42,29%
1.1 Cá nhân	10.904.000	108.283.194	119.187.194	24,32%
1.2 Tổ chức	-	88.060.373	88.060.373	17,97%
- Trong đó Nhà nước	-	-	-	-
2. Nước ngoài	140.000	191.192.524	191.332.524	39,04%
2.1 Cá nhân	140.000	12.744.015	12.884.015	2,63%
2.2 Tổ chức	-	178.448.509	178.448.509	36,41%
TỔNG CỘNG	15.000.000	475.063.684	490.063.684	100,00%

(*) Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong đợt phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong công ty vào ngày 23/10/2015 và 15/12/2016. Tổng số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng tại mục này là 15.000.000 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng là:

- Hạn chế chuyển nhượng từ ngày 23/10/2016 đến ngày 22/10/2017: 5.000.000 cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng từ ngày 15/12/2016 đến ngày 14/12/2017: 5.000.000 cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng từ ngày 15/12/2017 đến ngày 14/12/2018: 5.000.000 cổ phiếu

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
A. Cổ đông nhà nước							
Tổng cộng							
B. Cổ đông lớn							
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	30/10/2014	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	48.194.727	9,83%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	220895567	20/06/2009	Số 54 ngõ 61/17 Đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	-	-	-
2	DAIWA SECURITIES GROUP INCORPORATION	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyo-da-ku, Tokyo, Japan	85.606.601	17,47%	-
	Đại diện: Hironori Oka	TH1551742	08/09/2006	Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place 88 Queensway, Hồng Kông	-	-	-
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	0312490624	04/10/2013	236/43/2 Điện Biên Phủ, P17, Q. Bình Thạnh, HCM	29.554.063	6,03%	-
	Đại diện: Hà Thị Thanh Vân	024100737	02/03/2004	Nhà D8, Số 60 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	-	-	-
Tổng cộng					163.355.391	33,33%	-

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
C. Cổ đông chiến lược							
1	Daiwa Securities Group Incorporation – Đại diện: Hironori Oka	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyo- da-ku, Tokyo, Japan	85.606.601	17,47%	-
Tổng cộng					85.606.601	17,47%	-
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)							
Tổng cộng							

Danh sách chi tiết về người nội bộ & người được ủy quyền công bố thông tin

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.956.000	1.056.400	3.012.400	0,61%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ/ Người được ủy quyền CBTT	900.000	-	900.000	0,18%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	150.000	-	150.000	0,03%
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	50.000	223.174	273.174	0,06%
5	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
	Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Incorporation		-	85.606.601	85.606.601	17,47%
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	250.000	50.000	300.000	0,06%
7	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	50.000	20.455	70.455	0,01%
8	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	30.000	59.668	89.668	0,02%
9	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	30.000	661	30.661	0,01%
10	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	450.000	262.200	712.200	0,15%
11	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	90.000	30.000	120.000	0,02%
TỔNG CỘNG			3.956.000	87.309.159	91.265.159	18,62%

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

PHÍA NAM

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38242897 - Fax: (08) 38242997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38218567 - Fax: (08) 38213867

Chi nhánh Vũng Tàu: 4 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3 521 906 - Fax: (064) 3 521 907

Chi Nhánh Nha Trang: Tầng 3, cao ốc Queen, 50 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3816969 - Fax: (058) 3816968

Phòng giao dịch Phạm Ngọc Thạch: Tầng 2, Tòa nhà ITower, 49 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38235079 - Fax: (08) 38245077

PHÍA BẮC

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 39366321 - Fax: (04) 39366311

Chi nhánh Mỹ Đình: Tầng G, Tòa nhà The Manor – Mỹ Đình, Đường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3794 6699 - Fax: (04) 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3569123 - Fax: (031) 3569130

Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo: Tầng 10, Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 39413383 - Fax: +84 4 39413385

Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh: Tầng 08, Tòa Nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 37734999, Fax: +84 4 37714999

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 39366321 - Fax: (04) 39366337





www.ssi.com.vn

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: +84 8 38242897 - Fax: +84 8 38242997